А. С. МАКАРЕНКО

ПЕДАГОГИЧЕСКАЯ ПОЭМА



A.X.Makarenkô

Bài ca Sư phạm



Tác phẩm: Bài ca Sư Phạm

Tác giả: A.X. Makarenkô

Dịch giả: Hướng Minh

Đánh máy: welcom1985, je_ry, sao truc, tmrquan, lemontree123, annie_tuongminh, 4DHN, lolidragon

Sửa lỗi & Tạo prc: lemontree123

Nguồn: tve-4u.org

Ebook: Đào Tiểu Vũ eBook - www.dtv-ebook.com

Nhà xuất bản Văn Hóa – Viện Văn Học - 1962

Nguyên tác: Педагогическая

поэма - А. С. МАКАРЕНКО

*

* *

Là nhà tư phạm lớn nhất của thời đại chúng ta, Makarenkô cũng có quyền được xem là một trong những người sáng lập ra những đại biểu lớn nhất của khoa tư phạm học xô-viết... Đặc biệt là trong BÀI CA SƯ PHẠM, Makarenkô tỏ ra là một nhà nghệ thuật có tài, trên cơ sở những tài liệu cụ thể của cuộc sống đã tái hiện quá trình hình thành con người mới...

S.O. MÈLÍCH NUBARÔP

Chuyên gia Liên-xô, nguyên giáo tư tại trường

Đại học Tổng hợp Việt-nam (1960)

MỤC LỤC

1. MỘT BÌNH SỮA

2. BỐ ÔTSÊNĂC

3. NHỮNG NÉT ĐẶC TRƯNG

4. SÂN KHẤU

5. MỘT NỀN GIÁO DỤC KULẮC

6. NHỮNG MŨI TÊN CỦA QUYPIĐÔNG

7.NHỮNG TRẠI VIÊN MỚI

8. ĐỘI CHÍN VÀ ĐỘI MƯỜI

9. ĐỘI ĐẶC BIỆT BỐN

10. LỄ CƯỚI

11. SẦU CẢM

12. MÙA THU

13. NHỮNG NÉT NHĂN NHÓ CỦA ÁI TÌNH VÀ NÀNG THƠ

14. CẤM KÊU CA!

15. NHỮNG NGƯỜI KHÓ CHỊU

16. XỨ SỞ CỦA NHỮNG NGƯỜI ZAPÔRÔGƠ

17. PHẢI TÍNH NHƯ THẾ NÀO

18. HỎA LỰC THĂM DÒ

PHỤ LỤC

TẬP HAI

1. MỘT BÌNH SỮA

–

Chúng tôi đã dọn sang trại thứ hai vào một ngày đẹp trời và ấm áp, gần như là một ngày mùa hạ. Lá cây chưa kịp có thì giờ khô héo. Những ngày đầu thu làm cho cỏ mát mẻ, trở lại xanh tươi mơn mởn, trong tất cả sức mạnh của tuổi thanh xuân thứ hai. Vào hồi đó trại thứ hai khác nào một người đàn bà đẹp ba mươi tuổi, mà vẻ kiều diễm nở ra như đóa hoa không những cho người khác chiêm ngưỡng, mà còn cho chính mình, vì sung sướng và yên trí tin ở duyên dáng của mình. Sông Kôlômak ôm lấy trại gần khắp bốn bề, chỉ để chừa một lối đi hẹp cho thông

sang làng Gôntsarôpka. Cây cối um tùm của vườn chúng tôi cao vút bên bờ sông. Ở đấy có rất nhiều góc đầy bóng râm và vẻ bí mật mời chào người ta tắm và đùa [1] ghẹo những nữ thủy thần ( ), câu cá hoặc ít nhất cũng thủ thỉ câu tâm sự với một người bạn tri kỷ. Các nhà ở của chúng tôi ở ngay trên bờ sông cao, thành thử bọn trẻ nhỏ mạnh dạn và chẳng biết thẹn thùng là gì cứ việc nhảy thẳng từ các cửa sổ xuống sông, để lại trên thành cửa những quần áo sơ sài của chúng.

Ở chỗ khác, nơi là khu vườn cũ trước kia, lối xuống sống phải đi qua từng cấp bực, mà cấp thấp nhất đã được Sêrê chinh phục đầu tiên. Ở đấy lúc nào cũng được hưởng cảnh khoáng đãng và ánh

nắng. Sông Kôlômak tới chỗ ấy nằm rộng rãi và yên tĩnh, song khoảng đó chẳng thích hợp chút nào với các nữ thủy thần, với việc câu cá, và với các nàng thơ nói chung. Nơi đó những cải bắp và hắc phúc bồn mọc lên xanh tốt. Chỉ có khi nào bị gọi ra đấy vì công tác, các trại viên mới đến khu bờ ấy, tay cầm xẻng hay cuốc nhỏ, và đôi khi còn Milan và con Thổ-phỉ, kéo một cái cày, cũng đi theo chúng một cách vất vả. Ở đấy, chúng tôi cũng làm một cái cầu, ba tấm gỗ bắc xiên trên mặt nước sông Kôlômak, cách bờ ba thước.

Xa hơn nữa, sông Kôlômak lượn vòng về phía đông, hậu hĩnh cung cho chúng tôi nhiều éc-ta đồng cỏ đẹp đẽ phì nhiêu, rải rác những bụi rậm và rừng nhỏ.

Chúng tôi đi thẳng xuống đấy từ khu vườn mới, và cái dốc xanh thoai thoải ấy cũng rất là thích hợp cho một loại công chuyện: vào những giờ nhàn rỗi, người ta ưng ra đấy ngồi trên cỏ, dưới bóng những cây bồ đề ở ria vườn, ngắm không bao giờ chán mắt phong cảnh cánh đồng cỏ, những rừng con, bầu trời và làng Gôntsarôpka, nằm dài như một cánh chim ở chân trời. Kalina Ivanôvich thích chỗ đó và thỉnh thoảng rủ tôi ra đấy vào những buổi trưa ngày chủ nhật.

Tôi lấy làm thú nói chuyện với bác ta về nông dân, về việc tu sửa trại ấp, về những sự bất công ở đời và về tương lai của chúng tôi. Trước mắt chúng tôi là cánh đồng cỏ và trường hợp đó đôi khi làm lạc hướng dòng tư tưởng triết lý của

bác.

- Này anh bạn, anh thấy không, cuộc đời chẳng khác gì một người đàn bà: với cô ta thì anh đừng hòng có công bình. Với gã bảnh trai, anh nghe không, vểnh ria mép anh hùng rơm, thì nó dành cho thằng ấy những thức ăn ngon lành với một chai rượu tốt, còn đối với thằng khố rách áo ôm tội nghiệp, mà lông tơ không thèm mọc lên ở má, chứ chẳng nói gì đến ria mép, thì nó sẽ chẳng buồn thí cho lấy một cốc nước lã, cái con chó đểu ấy. Đây này, như tôi, cái hồi tôi ở trong khinh kỵ binh ... Ê, cái thằng kia, đồ con nhà đĩ rạc, mày quẳng đầu óc mày đi đâu thế? Có phải là mày đã ăn nó với bánh mì rồi, hay mày bỏ quên nó trên xe lửa? Mày cho ngựa của mày ăn cỏ ở chỗ nào,

hở thằng ăn hại? Mày làm sao thế chứ? Ở chỗ này có cải bắp đấy.

Khi bác ta đọc đến phần cuối bài diễn thuyết ấy, thì Kalina Ivanôvich đã đi xa tôi rồi, tay cầm cái tẩu thuốc vung vẩy đại lên.

Cách chỗ chúng tôi ba trăm thước, cái mông của một con ngựa hồng in vết tối sẫm lên nền cỏ, nhưng chẳng làm gì có bóng "con nhà đĩ rạc" nào ở quanh đấy hết. Tuy nhiên Kalina Ivanôvich đã không nhầm địa chỉ. Cánh đồng cỏ này là giang sơn của Bratsenkô; lúc nào nó cũng ở đấy, không ai nhìn thấy nhưng mà có mặt, và bài diễn văn của Kalina Ivanôvich nói thực ra thì là một bài hú hồn nó. Chỉ tụng thêm vài câu ngắn nữa, là Bratsenkô hiện ra bằng xương bằng

thịt, nhưng hoàn toàn phù hợp với sự chiêu hồn ở khung cảnh này, nó lại không xuất hiện ở bên cạnh con ngựa mà ở sau lưng chúng tôi, từ trong vườn nhô ra:

- Bác be be lên thế là nghĩa lý gì vậy, bác Kalina Ivanôvich? Bác lóa mắt, bác nhìn thấy quỷ ở cây lê à? Cải bắp đâu nào, và ngựa đâu nào?

Thế là bắt vào một cuộc tranh luận thuộc một loại đặc biệt, mà kết cục rõ ràng, bày ra trước mắt ngay đến người chẳng hiểu gì về khoa trồng cỏ, là Kalina Ivanôvich đã già lắm rồi và bác ta khó khăn lắm mới nhận ra được địa hình của trại; bác đã thực sự quên khuấy mất cái mẩu đất nhỏ trồng bắp cải nọ không biết ở vào chỗ nào trong đồng cỏ.

Các trại viên cho phép bác ta cứ việc yên ổn mà già. Đã từ lâu rồi việc canh nông thuộc toàn quyền của Sêrê, và chỉ là với danh nghĩa một phán quan hay bẻ hành bẻ tỏi mà Kalina Ivanôvich đôi khi nảy ra ý thọc cái mũi già của mình vào một kẽ hở nào đó của địa hạt ấy thôi. Song Sêrê biết cách nhã nhặn làm cho bác ta cụp mũi lại bằng một câu đùa phớt lạnh, và Kalina Ivanôvich đầu hàng:

- Thì thôi đấy, làm thế nào được? Ngày xưa ở quê chúng tôi người ta cũng giồng lúa chứ. Rồi bây giờ những người khác làm thử: tài thì chẳng thiếu đâu, nhưng mà như vậy có đủ cho nó mọc không?

Song trong đời sống kinh tế của chúng tôi nói chung, cương vị của Kalina

Ivanôvich càng ngày càng giống cương vị của nhà vua nước Anh, trị vì đấy nhưng không cai trị. Chúng tôi vẫn công nhận quyền tối cao của bác ta và kính cẩn nghiêng mình trước những lời phán bảo của bác, trong khi vẫn làm mọi việc theo cách của chúng tôi. Kalina Ivanôvich cũng chẳng buồn lấy thế làm bực tức bởi vì bác ta không có đặc tính tự ái quá quắt, vả chăng bác ta cũng chỉ quan tâm chú ý nhất đến chính những lời truyền phán của bác thôi, y như người bạn đồng nghiệp nước Anh chỉ chú ý đến nghi biểu đế vương hào nhoáng quanh mình.

Theo một truyền thống cũ, Kalina Ivanôvich vẫn ra tỉnh chạy công chạy việc, và các chuyến đi của bác bao giờ

cũng có phần nào long trọng. Xưa nay bác vốn vẫn tán thành cái xa hoa lộng lẫy cổ thời, và bọn trẻ đều biết câu cách ngôn của bác.

- Công hầu đi xe ngựa nhẹ đúng kiểu nhưng ngựa liếng đá, còn chủ trại giỏi đi xe ngựa thường nhưng ngựa chạy như bay [2]
( ).

Các trại viên cho rơm cỏ mới vào sàn chiếc xe tải cũ hình quan tài, phủ lên xe một tấm vải bạt sạch sẽ, thắng vào đấy con ngựa tốt nhất, rồi mới đánh xe tới trước bậc tam cấp phòng Kalina Ivanôvich. Lúc ấy thì ai nấy ở mọi cấp bực trong trại đều đã làm xong phần việc mình: chủ nhiệm phó Đơnit Kutlaty đã có

ở trong túi bản kê các công việc phải chạy ở ngoài tỉnh, thủ kho Aliôsa Yônkôp nhét xuống dưới rơm những hòm, chĩnh, dây buộc với các thứ khác để bọc, Kalina Ivanôvich để cho mọi người chờ ba bốn phút, rồi bước ra bậc tam cấp, mặc một cái áo đi mưa vừa mới giặt và là tinh tươm. Bác châm lửa cái tẩu thuốc đã nhồi từ trước, đưa mắt kiểm tra con ngựa hoặc chiếc xe, và đôi khi lẩm bẩm trong miệng một câu với vẻ quan trọng:

- Đã bao nhiêu lần tôi bảo chú rồi; có ai lại đi ra tỉnh với cái giẻ rách ở trên đầu thế không, Nói cho chúng nó hiểu thực mệt chết được!...

Trong khi Đơnit đổi mũ cát-két với một người bạn thì Kalina Ivanôvich ngồi

lên ghế xe và ra lệnh:

- Nào thôi, lên đường.

Ở tỉnh, phần lớn thì giờ Kalina Ivanôvich ngồi trong phòng giấy của một ông cao cấp nào đấy của sở cung cấp lương thực để bảo vệ, với những dáng điệu hãnh diện, danh dự của cái nước lớn mạnh giàu có nọ là trại Gorki. Vì lẽ đó nên lời nói của bác thường thường xoay quanh những vấn đề chính trị cao:

- Nông dân họ có đủ mọi thứ họ cần. Tôi có thể nói chắc chắn với ông như thế.

Trong khi ấy, Đơnit Kutlaty, đội cái mũ cát-két mượn, đang quay cuồng ở tầng gác dưới trong dòng lũ công việc: phiếu lĩnh thứ này thứ nọ, đấu khẩu với

viên chủ sự và các viên tham biện; hắn chồng chất các hòm với túi lên xe tải, trong khi vẫn tôn trọng cái chỗ ngồi tối bất khả xâm phạm của Kalina Ivanôvich, rồi cho ngựa ăn, và đến gần ba giờ thì đâm bổ vào phòng giấy, người đầy những bột và mạt cưa:

- Bác Kalina Ivanôvich ạ, đi được rồi đấy.

Bộ mặt của Kalina nở tươi hơn hớn trong một nụ cười ngoại giao; bác bắt tay ông giám đốc và hỏi Đơnit bằng một giọng hiểu biết:

- Chú đã chất mọi thứ lên xe đâu vào đấy rồi chứ?

Về đến trại, Kalina Ivanôvich mệt nhọc đi nghỉ, còn Đơnit, sau khi ăn vội

bữa ăn đã nguội, thì mãi cho đến khuya cứ đem bộ mặt Mông-cổ của hắn rong đi khắp nẻo đường quanh co của bộ phận quản trị ở trại, bận tíu tít như một bà già. Kutlaty bẩm sinh vốn không thể nào chịu để cho một vật nhỏ mọn gì bị mất mát; một ít rạ ở xe tải rơi vãi ra, một cái khóa thất lạc, một chiếc bản lề thiếu ở cảnh cửa chuồng bò, đều làm cho hắn khổ sở. Đơnit rất hà tiện nụ cười, nhưng không bao giờ tỏ ra tức giận, và những lời lẽ hắn khiển trách kẻ nào phạm lỗi lãng phí bất cứ cái gì không bao giờ là những câu lèm bèm khó chịu, vì người ta cảm thấy rất rõ trong giọng nói hắn cái sức mạnh thuyết phục của lương tri và cái ý chí được kìm giữ. Hắn biết cách trị bọn trẻ nhỏ khờ khạo mà tâm hồn đơn giản nghĩ

rằng việc xử dụng tinh lực con người một cách hợp lý nhất là trèo cây. Chỉ cau mày lại một cái là Đơnit đủ làm cho chúng tụt ở trên cây xuống và hắn bảo chúng:

- Thế nào, nói cho đúng, thì mày lý luận bằng cái đầu mày hay bằng cái đít mày thế hả? Người ta sắp cho mày lấy vợ đến nơi, thế mà mày lại đi trèo lên cây để làm rách quần cụt của mày. Đi với tao, tao sẽ cho một cái quần khác.

- Quần khác nào? thằng bé hỏi lại, toát mồ hôi lạnh khắp cả người.

- Một cái quần dùng làm quần công tác để cho mày leo trèo. Nào, mày hãy thử nói cho tao nghe xem, mày đã thấy ở đâu có ai mặc quần cụt mới mà trèo lên cây không? Mày đã trông thấy ở đâu như

vậy?

Tính tiết kiệm vốn ăn sâu vào tâm khảm, Đơnit vì lẽ đó không thể nào biết lưu ý đến những sự say mê của con người. Hắn không thể nào hiểu nổi cái sự thực tâm lý giản đơn này: đứa bé đã trèo lên cây chính là vì vui mừng được có cái quần cụt mới. Giữa chiếc quần cụt và cái cây có một quan hệ nhân quả với nhau, thế mà Đơnit lại thấy hình như hai vật ấy không thể nào dung hòa được.

Tuy nhiên chủ trương khe khắt của Đơnit là rất cần, vì cảnh nghèo của chúng tôi bắt buộc phải hết sức chi ly tằn tiện. Vì thế cho nên hội đồng đội trưởng cứ bất di bất dịch ủy nhiệm hắn làm chủ nhiệm phó, và cương quyết bác bỏ những lời than phiền bạc nhược của tụi trẻ nhỏ

chống lại những biện pháp trừng phạt cho là bất công, mà Đơnit đã dùng để bảo vệ nhưng quần cụt của chúng. Karabanôp, Biêlukhin, Vecsơnep, Burun và các trại viên cũ khác rất tán thành sự cương nghị của Kutlaty và phục tùng không do dự, cũng không kêu ca gì hết. Thế rồi sang mùa xuân, giữa cuộc họp toàn trại Đơnit ra lệnh:

- Ngày mai đem nộp tất cả giày vào kho, về mùa hè đi chân không cũng được.

Đơnit hoàn thành một khối lượng công tác lớn vô cùng trong tháng mười năm 1923. Mười đội trại viên ở rất chật chội trong các ngôi nhà đã hoàn toàn khôi phục được. Các phòng ngủ và trường học đặt ở cái biệt trang lãnh chúa cũ, mà chúng tôi gọi là tòa bạch cung; xưởng thợ

mộc chiếm một hàng hiên lớn đã cải biến để sử dụng vào việc đó. Phòng ăn dồn xuống tầng hầm của ngôi nhà thứ hai, các phòng của ngôi nhà đó để cho các giáo viên ở. Phòng ăn không thể chứa được hơn ba mươi người một lúc, và chúng tôi phải ăn làm ba tốp. Xưởng giày, xưởng đóng xe và xưởng khâu may đã phải chui vào những xó xỉnh chẳng giống những phòng làm việc mấy tí. Hết thảy mọi người, từ trại viên đến những người cộng sự, đều ở chật chội. Nhắc nhở thường xuyên cho chúng tôi một khả năng hạnh phúc, có ngôi nhà lầu kiểu "đế chế" ngoảnh bề mặt có một tầng gác ra khu vườn mới.

Hàng hiên trống rộng rãi của nó lấn vào đất vườn, và nó mỉa mai hiến cho trí

tưởng tượng của chúng tôi những gian phòng khang trang của nó, có trần cao trần cao chạy đường xoi. Một khi những sàn ván, cửa sổ, cầu thang, lò sưởi được tu sửa lại đâu vào đấy thì chúng tôi sẽ có ở đấy những phòng ngủ lộng lẫy cho một trăm hai mươi đứa trẻ, như thế sẽ giải phóng được những nhà khác để sử dụng cho mọi nhu cầu sư phạm. Nhưng chúng tôi thiếu sáu nghìn rúp để làm việc ấy, và những lợi tức thông thường của chúng tôi còn phải để dùng vào việc phấn đấu chống những tàn dư dai dẳng của cảnh nghèo khổ cũ mà chúng tôi không thể nào tự để cho mình lại rơi vào đấy được nữa. Cuộc tấn công của chúng tôi trên mặt trận ấy đã thanh toán xong những "áo tổ đỉa", cát-két rách tã, giường thành gấp, chăn

[3]

bông từ đời Rômanôp ( ), và những băng giẻ rách thay cho bít-tất. Bây giờ người thợ cạo đến trại mỗi tháng hai lần, và mặc dầu anh ta lấy mười cô-péc mỗi cái đầu húi trọc và hai mươi cô-péc mỗi đầu húi tỉa, chúng tôi cũng có thể xa xỉ cho cấy trên đầu các trại viên những kiểu tóc theo lối "ba Lan", lối "nhà chính trị" và những kiểu đẹp mắt khác của nền văn minh châu Âu. Đã đành rằng các đồ đạc của chúng tôi chưa được sơn và chúng tôi vẫn ăn bằng thìa gỗ, quần áo cũng toàn là vá víu, song cái đó là do phần lớn lợi tức của chúng, tôi phải dành cho việc mua vật liệu, dụng cụ và nói chung là cho quỹ nông nghiệp.

Chúng tôi không có sáu nghìn rúp, và

chẳng có hy vọng gì có được. Trong các buổi họp toàn trại ở hội đồng đội trưởng và ngay trong câu chuyện của các trại viên cũ, cũng như trong diễn văn của các thanh niên Kômxômôn; và cả đến trong những lời bi bô của bọn trẻ nhỏ nữa, cái số tiền ấy cứ luôn luôn trở lại bên tai, và bao giờ cũng như một số lượng tuyệt đối không thể nào đạt tới.

Hồi đó trại Gorki thuộc quyền ủy ban Giáo dục, mà ngân sách chỉ dành cho nó những số tiền trợ cấp gầy nhom. Những số tiền ấy như thế nào, người ta có thể ước lượng thấy do việc chúng tôi được cấp hai mươi tám rúp mỗi năm cho mỗi trại viên về phí tổn may mặc, Kalina Ivanôvich lấy thế làm công phẫn.

- Cái thằng cha nào mà hà tiện vắt ruột

từng đồng của nó thế vậy? Tôi rất muốn gặp nó, ừ, để xem mặt mũi nó ra làm sao, bởi vì, anh phải biết, tôi đã quá sáu chục tuổi đầu rồi, nhưng đến những thứ người như thế, thì tôi chưa hề thấy có ở trên đời; hừ, những quân ăn hại.

Tôi cũng chưa từng thấy, mặc dầu tôi vẫn đi lại Ủy ban luôn. Con số đó chẳng phải là do sự tính toán của một óc tổ chức, mà là do một cái tính chia đơn giản món tiền quỹ cấp cho các trẻ vô thừa nhận với con số những trẻ ấy.

Ngôi nhà đỏ, theo tên chúng tôi goi bừa tòa lâu "đế chế" của nhà họ Trepkơ, vẫn sẵn sàng như đợi chờ một hội vũ, song cái hội vũ ấy cứ bị lui hoãn mãi không biết đến bao giờ, vì những cặp nhảy đầu tiên, các bác thợ mộc, vẫn chưa

được mời tới.

Nhưng gặp phải trường hợp tệ hại đến thế, mà các trại viên cũng chẳng thấy nản lòng chút nào. Karabanôp lại đem một yếu tố ma quỷ vào trong chuyện này:

- Bọn quỷ sẽ gỡ cho chúng mình ra khỏi thế bí, rồi các cậu xem! Chúng mình [4] đều có phúc tinh chiếu mệnh ( ), như hết thẩy những đứa con hoang... Rồi các cậu xem, nếu không phải bọn quỷ, thì cũng sẽ là một con ma khôn nào đấy, không biết chừng có một mụ phù thủy, hay một cái gì khác. Không thể nào một ngôi nhà như thế lại cứ y nguyên vậy mãi, như một cái nhài quạt ở mắt ấy.

Cho nên khi chúng tôi nhận được một

bức điện tin báo rằng ngày mồng sáu tháng mười sẽ có bà Bôkôva, thanh tra của Ủy ban Nhi đồng Ukren (Ukrpomđiêt) đến thăm trại và nên đem xe ra đón bà ở chuyến xe lửa Khackôp, thì cái tin ấy rất được các giới lãnh đạo của trại chú ý đón mừng, và nó gợi cho nhiều người những lời bàn bạc có liên quan trực tiếp tới việc khôi phục ngôi nhà đỏ.

- Cái bà già khọm ấy rất có thể thả ra sáu nghìn...

- Mày hỏi ở đâu mà biết tuổi bà ta?

- Ở đấy thì chỉ có toàn những bà già.

Kalina Ivanôvich ngờ vực:

- Pomđiêt, thì trông mong gì được đấy.

Cái đó, tôi biết mình xem có thể nhận được cho bà ấy ba gã trai không. Rồi sau nữa, dù sao thì cũng là một người đàn bà: đứng về lý thuyết mà nói, thì là phụ nữ bình quyền đấy, nhưng trên thực tế thì xưa kia họ thế nào, nay họ cũng cứ vậy thôi...

Ngày mồng năm, các thuộc hạ của Antôn Bratsenkô cọ rửa cái xe song mã, và tết bím bờm cho hai con Hung và Mary. Trại ít khi được tiếp đón những khách ở thủ đô, nên Bratsenkô muốn tỏ ý thật trân trọng đối với họ. Sáng hôm mồng sáu, tôi đi ra ga, đích thân Bratsenkô cầm cương ngựa.

Trên sân nhà ga, cũng như từ trên xe, cả hai chúng tôi đang ngắm nhìn cẩn thận tất cả các bà già và nói chung tất cả các

bà phụ nữ kiểu sở Giáo dục, ở trong ga bước ra quảng trường thì bỗng nhiên chúng tôi nghe thấy câu hỏi này, thốt ở miệng một người rất ít phù hợp với sự chờ đợi của chúng tôi.

- Những ngựa này ở đâu đến vậy?

Antôn lẩm bẩm trả lời với một giọng khá cục cằn:

- Đây người ta đi có việc. Xe ngựa thuê ở đằng kia kìa.

- Anh không phải người của trại Gorki à?

Gót giày đập vào nhau đánh cốp một cái, Antôn quay tròn hẳn một vòng trên ghế ngồi Tôi cũng chăm chú để ý ngay.

Một người hết sức bất ngờ đang đứng

trước mặt chúng tôi: dưới chiếc áo choàng nhẹ màu xám kẻ ô, là những bắp chân nhỏ nhắn đi bít-tất tơ đỏm dáng, một gương mặt trau chuốt, tươi mát màu hồng phơn phớt đôi má hữu duyên có núm đồng tiền, cặp mắt long lanh dưới hàng lông mày thanh tú. Dưới viền đăng ten của một chiến khăn choàng đi đường, chúng tôi trông thấy lộ ra những vòng tóc vàng óng ánh. Đi theo bà ta là một người phu vác cầm ở tay một hành lý rất nhẹ: một hộp nhỏ với một cái xắc bằng da tốt.

- Bà là nữ đồng chí Bôkôva ư?

- Thì đấy, ông xem, tôi đã đoán ngay lập tức rằng ông ở trại Gorki tới.

Antôn, mãi đến bây giờ mới tỉnh lại, gật đầu với một vẻ nghiêm chỉnh, chăm

chú gỡ dây cương. Bôkôva nhẹ nhàng nhảy lên xe, và ở trên xe cái không khí nhà ga bao bọc chúng tôi nhường ngay chỗ cho những hương khí khác, thơm dịu và mát mẻ. Tôi lùi một chút vào góc ghế ngồi, rất lúng túng vì sự lân cận không bình thường ấy.

- Ồ! Đồng chí Makarenkô ạ, chúng tôi gặp nhiều khó khăn vô cùng, vô cùng với các trẻ nhỏ ấy! Tôi thương chúng ghê gớm lắm kia, ông ạ, và tôi hết lòng mong muốn làm được việc gì tốt cho chúng. Thế em này là một trẻ nuôi của ông đấy à? Em mới đáng yêu làm sao chứ! Ở đây các vị không buồn chán à?

Đời sống ở các trại nhi đồng buồn chán lắm kia, ông ạ. Chúng tôi được nghe người ta nói nhiều về ông. Có điều

người ta bảo ông không ưa chúng tôi.

- Tôi không ưa ai chứ?

- Chúng tôi, Hội đồng các bà lớn.

- Tôi không hiểu.

- Người ta bảo ông gọi chúng tôi như thế, các bà ở

Ban Giáo dục xã hội là: Hội đồng các bà lớn.

- Thật là chuyện lạ! - tôi nói. Tôi chả gọi ai như thế bao giờ cả... nhưng mà... phải nhận là ... gọi thế khéo đấy.

Tôi bật lên cười thành thực. Bôkôva cũng khoái vì cái tên gọi hay như vậy.

- Vả chăng cũng hơi đúng đấy, ông ạ: Ở Ban Giáo dục xã hội có nhiều bà lắm.

Và tôi là một. Tôi sẽ chẳng nói được gì cho ông nghe về các chuyện ấy đâu, nghĩa là chuyện có tính cách khoa học ấy mà... ông bằng lòng chứ?

Antôn luôn luôn quay mình lại trên ghế ngồi mở đôi mắt to thao láo ra mà nhìn chằm chằm bà khác lạ một cách nghiêm trọng.

- Em ấy cứ nhìn tôi luôn! Bôkôva vừa nói vừa cười. Nhưng có cái gì mà em ấy nhìn tôi thế nhỉ?

Antôn đỏ mặt lên, và vừa lẩm bẩm câu gì không rõ vừa ra roi quất ngựa.

Về đến trại, chúng tôi được bọn trẻ, rất chăm chú, và cả Kalina Ivanôvích cùng ra đón tiếp. Xêmiôn Karabanôp xoa xoa tay lên gáy với một vẻ thẹn

thùng, cử chỉ tỏ ra rằng cu cậu hoàn toàn bối rối. Zađôrôp nháy một bên mắt, và mỉm cười.

Tôi giới thiệu Bôkôva với các trại viên, chúng âu yếm lôi ngay bà ta đi thăm khắp trại. Kalina Ivanôvich kéo ống tay áo tôi, hỏi rằng:

- Thế mời ba ta ăn uống được gì bây giờ?

- Ồ, Trời ơi, nào tôi có biết được các bà ấy, cái của đó ăn uống gì, tôi cũng lựa theo giọng bác ta mà đáp lại.

- Tôi thiết tưởng cho bà ta ăn nhiều sữa thì tốt. Anh nghĩ thế nào, hở anh?

- Không, bác Kalina Ivanôvich, phải có gì chắc dạ hơn mới được.

- Thế thì tôi làm thế nào được đây? Giết một con lợn à? Êđua Nikôlaiêvích chả chịu đâu.

Kalina Ivanôvich đi lo thu xếp bữa ăn cho vị khách quý đó, còn tôi thì vội vã đi theo Bôkôva. Bà ta đã làm quen thân mật với bọn trẻ và bảo chúng:

- Các chú hãy gọi tôi là Maria Kônđratiepna.

- Maria Kônđratiepna ư? Ồ, hay lắm ...! Thế thì bà Maria Kônđratiepna này, bà xem, nhà kính ấm của chúng tôi đây. Chúng tôi đã làm lấy đấy, và tôi đã đào không biết bao nhiêu nhát mai vào đây; bà nhìn xem tay tôi vẫn còn chai.

Karabanôp giơ ra cho Maria Kônđratiepna xem bàn tay của hắn giống

như một cái xẻng.

- Cậu ấy nói dối đấy, bà Maria Kônđratiepna ạ, tay cậu ấy chai là vì chơi thuyền.

Maria Kônđratiepna vui vẻ luôn luôn quay sang bên nọ bên kia cái đầu xinh đẹp tóc vàng óng ánh của bà, đã bỏ khăn choàng ra. Bà rất ít để ý đến các khung kính ấm cũng như đến các thành tựu khác của chúng tôi.

Chúng tôi cũng chỉ cho bà xem ngôi nhà đó.

- Tại sao các chú không làm nốt đi? Bôkôva hỏi.

- Sáu nghìn. Zađôrôp nói.

- Thế các chú không có tiền à? Tội

nghiệp các chú bé!

- Nhưng bà thì bà có tiền chứ? Xêmiôn rống lên. Nào, ta đang nói chuyện gì đây? Chi bằng ta hãy ngồi xuống cỏ này một chút.

Maria Kônđratiepna duyên dáng ngồi xuống cỏ, gần sát ngôi nhà đỏ. Bọn trai trẻ miêu tả rật đậm màu sắc cho bà ta nghe cảnh sống của chúng tôi chật chội như thế nào và sự huy hoàng của cuộc sống tương lai, một khi tu sửa xong ngôi nhà đỏ.

- Bà có hiểu không, chúng tôi bây giờ có tám mươi trại viên và đến khi đó thi sẽ là một trăm hai. Bà có hiểu không?

Từ trong vườn Kalina Ivanôvich đi ra, theo sau là Ôlia Vôrônôva, ôm một cái

bình to tướng, hai cái bình đất nhỏ ở nông thôn, với một nửa cái bánh mì tiểu mạch. Maria Kônđratiepna kêu lên:

- Trời ơi, thích quá, cái gì ở đây cũng tuyệt quá! Thế ông cụ cố phúc hậu này cũng ở trại các chú ư? Đó là ông cụ nuôi ong của trại, phải không?

- Không, tôi không chăm nom ong đâu, Kalina Ivanôvich đáp với một nụ cười hớn hở, và tôi chẳng nuôi ong bao giờ cả, nhưng đây là thứ sữa còn ngon hơn bất cứ thứ mật ong nào kia. Chẳng phải là mụ già ba vạ nào thết bà, mà là trại lao động Gorki thết đấy. Bình sinh bà chưa từng được uống thứ sữa như thế này bao giờ đâu: sữa lạnh và thơm.

Maria Kônđratiepna vỗ tay và cúi

xuống nhìn cái bình nhỏ mà Kalina Ivanôvich đang rót sữa vào một cách vô cùng trang nghiêm trịnh trọng. Zađôrôp vội lợi dụng cái lúc rất hay đó.

- Ở trên đó bà có sáu nghìn rúp chả dùng làm gì hết, thế mà chúng tôi thì không sửa chữa được nhà của chúng tôi. Như thế không công bằng, bà ạ.

Nghẹn ngào vì sữa uống mát lạnh, Maria Kônđratiepna nói thì thào với giọng người chịu cực hình:

- Không phải là sữa, mà là một hạnh phúc thật sự... chưa từng thấy bao giờ...

- Thế nào, con số sáu nghìn... Zađôrôp vừa nói vừa phóng vào mặt bà ta một nụ cười trâng tráo.

- Gớm cái cậu này mới duy vật làm sao chứ, Maria Kônđratiepna đáp và khẽ nháy nháy mắt. Các chú cần có sáu nghìn rúp à? Thế ngược trở lại thì tôi được cái gì nào?

Zađôzôp nhìn chung quanh một cách bất lực, và dang hai tay ra, sẵn sàng đề nghị đánh đổi hết thảy tài sản của hắn lấy số tiền đó. Karabanôp chỉ nghĩ một lát rồi đáp:

- Chúng tôi có thể cung cấp cho bà cái hạnh phúc này bao nhiêu cũng được.

- Cái gì, hạnh phúc nào kia? Maria Kônđratiepna hỏi, và gương mặt bà rạng rỡ tất cả những màu sắc của cầu vồng. - Sữa lạnh ấy.

Maria Kônđratiepna cười rũ cười

rượi vật mình xuống cỏ.

- Không, đừng có lừa phỉnh tôi với sữa của các chú. Tôi sẽ cho các chú sáu nghìn, với điều kiện là các chú sẽ nhận cho tôi bốn chục trẻ em ... những đứa trẻ rất dễ thương, mặc dầu hiện thời chúng có phần, các chú ạ ... không được sạch sẽ lắm.

Các trại viên ai nấy nghiêm hẳn nét mặt lại. Ôlia Vôrônôva vừa đung đưa cái bình như một cái máy đánh nhịp, vừa nhìn thẳng vào mắt Maria Kônđratiepna.

- Thì được! cô ta nói, chúng tôi sẽ nhận chúng.

- Đưa tôi đi rửa mặt nào, tôi buồn ngủ... Còn số sáu nghìn của các cô các chú, thì rồi sẽ có.

- Nhưng bà chưa đi thăm cánh đồng của chúng tôi.

- Ngày mai ta sẽ đi. Đồng ý chứ? Maria Kônđratiepna ở trại ba ngày. Ngay buổi tối thứ nhất, bà đã biết họ tên nhiều trại viên và líu lo nói chuyện với họ mãi đến khuya trên một chiếc ghế dài của khu vườn cũ. Họ đưa bà ta đi chơi thuyền, rủ bà ta chơi đu nhảy, đu bay, nhưng bà không có thì giờ đi thăm cánh đồng và khó khăn lắm mới tìm được một lúc để ký với tôi một bản hợp đồng. Theo các điều khoản của bản hợp đồng ấy, Ban Bảo vệ Nhi đồng nhận chuyển cho chúng tôi sáu nghìn rúp để khôi phục ngôi nhà đỏ, và khi nào làm xong việc chúng tôi phải tiếp thủ của cơ quan đó bốn mươi trẻ em vô thừa nhận.

Maria Kônđratiepna rất hài hả đối với trại.

- Ở trại của ông, là thiên đường đấy, bà ta nói. Các trẻ em của ông giỏi vô cùng, thật là... nói thế nào đây...

- Những thiên đồng thật sự chăng?

- Không, không phải những thiên đồng, song là những con người, vậy đó thôi.

Tôi không đi tiễn chân bà ta. Bratsenkô không đánh xe ngựa và các bờm ngựa không tết bím. Karabanòp ngồi trên ghế xà-ích mà Antôn đã nhường cho hắn vì một lý do gì đó. Đôi mắt đen của hắn long lanh; hắn không ngớt ban [5] những nụ cười kiểu Mêphixtophêlet ( ) cho hết thảy mọi người trong sân.

- Hợp đồng ký rồi chứ bác Antôn Xêmiônôvich? hắn hỏi khẽ tôi.

- Ừ

- Tuyệt lắm. Nào, thế cháu đưa bà hoàng đi chơi nhé!

Zađôrôp xiết chặt tay Maria Kônđratiepna.

- Thế nhé, bà sẽ trở lại trại chúng tôi mùa hè này nhé. Đã hứa rồi đấy..

- Ừ, tôi sẽ trở lại. Tôi sẽ thuê một chỗ nào ở gần đây.

- Sao lại thế? Bà đến trại chúng tôi chứ...

Maria Kônđratiepna cúi đầu chào chung quanh khắp lượt, ban cho mỗi chúng tôi một cái nhìn âu yếm và tươi

cười.

Ở nhà ga trở về, Karabanôp có vẻ lo âu trong khi tháo ngựa và Zađôrôp nghe chuyện hắn cũng có vẻ nghĩ ngợi như vậy. Tôi lại gần họ.

- Cháu đã bảo là một mụ phù thủy sẽ giúp chúng ta ra khỏi bước khó khăn, thì quả như rằng.

- Bà ấy mà là một mụ phù thủy à, chú nói gì lạ thế?

- Bác cho rằng các mụ phù thủy bao giờ cũng cưỡi ngựa trên cán chổi cả ư? Và có cái mũi khoằm khoằm như thế này ấy à? Không phải thế đâu, các bà phù thủy chính cống thì đẹp chứ.

- Thì được! cô ta nói, chúng tôi sẽ

nhận chúng.

- Đưa tôi đi rửa mặt nào, tôi buồn ngủ... Còn số sáu nghìn của các cô các chú, thì rồi sẽ có.

- Nhưng bà chưa đi thăm cánh đồng của chúng tôi.

- Ngày mai ta sẽ đi. Đồng ý chứ?

Maria Kônđratiepna ở trại ba ngày. Ngay buổi tối thứ nhất, bà đã biết họ tên nhiều trại viên và líu lo nói chuyện với họ mãi đến khuya trên một chiếc ghế dài của khu vườn cũ. Họ đưa bà ta đi chơi thuyền, rủ bà ta chơi đu nhảy, đu bay, nhưng bà không có thì giờ đi thăm cánh đồng và, khó khăn lắm mới tìm được một lúc để ký với tôi một bản hợp đồng. Theo các điều khoản của bản hợp đồng

ấy, Ban Bảo vệ Nhi đồng nhận chuyển cho chúng tôi sáu nghìn rúp để khôi phục ngôi nhà đó, và khi nào làm xong việc chúng tôi phải tiếp thu của cơ quan đó bốn mươi trẻ em vô thừa nhận.

Maria Kônđratiepna rất hài hả đối với trại.

- Ở trại của ông, là thiên đường đấy, bà ta nói. Các trẻ em của ông giỏi vô cùng, thật là... nói thế nào đây...

- Những thiên đồng thật sự chăng?

- Không, không phải những thiên đồng, song là những con người, vậy đó thôi.

Tôi không đi tiễn chân bà ta. Bratsenkô không đánh xe ngựa và các bờm ngựa không tết bím. Karabanôp

ngồi trên ghế xà-ích mà Antôn đã nhường cho hắn vì một lý do gì đó. Đôi mắt đen của hắn long lanh; hắn không ngớt ban [6]

những nụ cười kiểu Mêphixtôphêlet cho hết thảy mọi người trong sân.

- Hợp đồng ký rồi chứ bác Antôn Xêmiônôvich? hắn hỏi khẽ tôi.

- Ừ

- Tuyệt lắm. Nào, thế cháu đưa bà hoàng đi chơi nhé!

Zađôrôp xiết chặt tay Maria Kônđratiepna.

- Thế nhé, bà sẽ trở lại trại chúng tôi mùa hè này nhé. Đã hứa rồi đấy..

- Ừ, tôi sẽ trở lại. Tôi sẽ thuê một chỗ

nào ở gần đây.

- Sao lại thế? Bà đến trại chúng tôi chứ...

Maria Kôndratiepna cúi đầu chào chung quanh khắp lượt, ban cho mỗi chúng tôi một cái nhìn âu yếm và tươi cười.

Ở nhà ga trở về, Karabanôp có vẻ lo âu trong khi tháo ngựa và Zađôrôp nghe chuyện hắn cũng có vẻ nghĩ ngợi như vậy. Tôi lại gần họ.

- Cháu đã bảo là một mụ phù thủy sẽ giúp chúng ta ra khỏi bước khó khăn, thì quả như rằng.

- Bà ấy mà là một mụ phù thủy à, chú nói gì lạ thế?

- Bác cho rằng các mụ phù thủy bao giờ cũng cưỡi ngựa trên cán chổi cả ư? Và có cái mũi khoằm khoằm như thế này ấy à? Không phải thế đâu, các bà phù thủy chính cống thì đẹp chứ.

2. BỐ ÔTSÊNĂC

Bôkôva giữ lời hứa: một tuần lễ sau chúng tôi nhận được một tấm séc sáu nghìn rúp, và người ta lại nghe thấy Kalina Ivanôvich kêu ca thét lác khỏe hơn bao giờ hết trong đợt sốt sắng mới này để xây dựng trại. Đội bốn cũng vất vả khó nhọc, đội của Taranet, mà nhiệm vụ là phải đem gỗ ướt ra làm thành các cửa và cửa sổ tốt. Không biết Kalina Ivanôvich rủa xả ai với câu này

- Cái đồ ăn hại ấy, khi nào nó chết thì cứ đem mà đóng nó vào những ván áo quan ẩm ướt!

Thế là bắt đầu giai đoạn cuối cùng của

cuộc chiến đấu bốn năm ròng của chúng tôi chống lại sự điêu tàn của trại Trepkơ: từ Kalina Ivanôvich cho đến Sura Jêvêli, ai ai cũng muốn tu sửa ngôi nhà xong sớm ngày nào hay ngày ấy. Phải mau mau thực hiện cái giấc mơ đã nhất quyết theo đuổi bấy lâu. Chúng tôi bắt đầu bực dọc vì những hố vôi, những bụi cỏ rậm rì, những lối đi trong vườn thiếu chăm non săn sóc, những gạch ván và vôi vữa ngổn ngang khắp trong sân. Nhưng chúng tôi chỉ có tám mươi người. Trong các buổi họp ngày chủ nhật, hội đồng đội trưởng nhẫn nại nài ép Sêrê, đòi cho được hai hay ba đội đặc biệt đế chỉnh đốn lại trại ấp. Nhiều khi họ phát khùng.

- Thế này thì quá lắm, thực đấy! Ở bên chú có gì phải làm nữa đâu, mọi cái đều

đã làm sạch trơn rồi.

Sêrê điềm tĩnh rút quyển sổ tay nhàu nát và ôn tồn bắt đầu chứng minh rằng ở bên anh ta, trái lại, mọi cái đều bê trễ, công việc ngập đầu, và sở dĩ anh ta phải để cho hai đội thu dọn sân, đó chỉ là vì anh công nhận sự cần thiết tuyệt đối phải làm việc đó; chứ không thi chả đời nào anh chịu, và sẽ phải các đội đó đi chọn hạt giống hoặc đi sửa chữa các khung kính ấy.

Các đội trưởng làu bàu, vẻ không bằng lòng, thấy khó dung hòa hai tình cảm trái ngược: bực tức vì sự ngoan cố của Sêrê và đồng thời thán phục sự cương quyết của anh.

Hồi đó Sêrê hoàn thành việc tổ chức

cấy luân phiên sáu năm. Tất cả trại chợt đã nhận thấy đà tiến triển của công tác nông nghiệp. Trong các trôi viên đã xuất hiện những người tận tụy với sự nghiệp ấy vì xu hướng tự nhiên; nổi bật lên hàng đầu cả bọn có cô Ôlia Vôrônôva. Nếu như Karabanôp, Vôlôkhôp, Burun, Ôtxatsi yêu ruộng đất, thì có thể nói đó là sự say mê thuộc về mỹ học. Họ thích công tác ấy, song tuyệt nhiên không có ý nghĩ gì tính toán đến lợi ích cá nhân; họ làm mà không nhìn lại đằng sau và không đặt một mối quan hệ nào giữa công tác và tương lai hoặc những sở thích khác của họ. Họ chỉ biết sống thế thôi và hưởng thụ cái đẹp của cuộc sống ấy, họ đánh giá mỗi ngày qua đi trong lao động và nỗ lực, và chờ đợi ngày hôm sau như

một ngày hội. Họ hết sức tin tưởng rằng tất cả những ngày đó sẽ đưa họ tới những thành công phong phú và mới mẻ, song những thành công ấy sẽ như thế nào, thì họ không nghĩ đến. Thực ra, tất cả đều chuẩn bị thi vào trường trung học công nông, nhưng học chẳng để xen lẫn vào đấy một khuynh hướng gì rõ rệt và không biết ngay cả đến mình muốn thi vào trường trung học công nông nào nữa.

Có những trại viên khác cũng yêu nông nghiệp, nhưng họ đứng về một phương diện thực tiễn hơn. Những gã như Ôpriskô và Fêđôrenkô thì không muốn học ở nhà trường; nói chung họ chẳng đòi hỏi một sự gì đặc biệt ở cuộc sống, và chỉ nghĩ một cách rất khiêm tốn và đơn giản rằng không có tương lai nào tốt đẹp

cho con người hơn là lập nghiệp trên ruộng đất, với ngôi nhà đầm ấm, con ngựa và có vợ, mùa hè "ló mặt trời thì làm, lặn mặt trời thì nghỉ", mùa thu gặt hái và cất lúa vào kho cẩn thận, rồi mùa đông vui thú những đêm dài bằng cách thưởng thức bánh nhân thịt ngọt và xúp củ cải, bành nhân kem và thịt lợn ninh, và mỗi tháng đôi lần phè phỡn, ở nhà hoặc sang hàng xóm nhân dịp những chuyện sanh đẻ, cưới xin, hội hè và dạm hỏi.

Ôlia Vôrônôva theo một con đường khác. Cô ta nhìn những cánh đồng của trại và các cánh đồng chung quanh bằng con mắt suy nghĩ, quan tâm nữa, của một nữ thanh niên Kômxômôn; đối với cô thì ở đấy không phải chỉ mọc lên những

bánh sữa đông, mà còn mọc lên cả những vấn đề.

Số sáu mươi nhăm écta ruộng của trại, mà Sêrê ra công khai khẩn, đã không làm cho anh và các môn đệ của anh bỏ cái mộng xây dựng một nông trường lớn với máy kéo chạy mỗi "cuốc" một cây số. Sêrê biết cách nói chuyện với các trại viên về vấn đề ấy, và ở chung quanh anh ta đã hình thành một nhóm thính giả thường xuyên. Ngoài các trại viên, nhóm đó còn gồm có Xpiriđôn, bí thư Kômxômôn làng Gôntsarôpka và Paven Paplôvich, trong số những thành viên luôn luôn có mặt.

Paven Paplôvich Nikôlaienkô hai mươi sáu tuổi mà chưa lấy vợ, cho nên ở trong làng anh ta trở thành một gã độc

thân già. Bố anh ta, ông già Nikôlaienkô, dưới mắt chúng tôi đã biến thành một tay kulắc cự phách, vì ông tá lén lợi dụng những trẻ lưu đãng thuê để làm công, trong khi vẫn cứ giả nghèo giả khổ.

Có lẽ vì thế mà Paven Paplôvich không thích gia đình và ưa lui tới trại hơn. Anh ta xin được Sêrê tuyển dụng cho làm những công việc canh tác tinh tế nhất, và giữ nhiệm vụ như một người chỉ đạo viên đối với các trại viên. Anh đã đọc sách nhiều và thông minh chăm chú nghe những bài giảng của Sêrê.

Paven Paplôvich và Xpiriđôn thường lái câu chuyện sang những vấn đề nông dân: theo quan niệm của họ thì nông trường qui mô lớn cũng giống như nông trang thường của nông dân mà thôi. Ôlia

Vôrônôva nhìn hai người bằng cái nhìn chăm chú của đôi mắt màu hạt dẻ, nó ánh lên một tia thiện cảm đầm ấm khi Paven Paplôvich nói ôn tồn:

- Tôi nghĩ như thế này đây: ở chung quanh ta có biết bao người làm lụng, mà đều là hão cả. Muốn cho công việc làm ăn của họ có lợi, thì phải dạy bảo họ. Nhưng ai dạy bảo họ được? Nông dân ấy à, thôi đi, dạy cho nông dân khó lắm nhé. Đây này, Êđua Nikôlaiêvich, anh ta đã tính toán và nói rõ cho họ nghe mọi chuyện. Có thế thật. Phải làm ăn như vậy đó mới đúng! Song những của khỉ ấy sẽ chẳng làm như anh ta dạy đâu. Họ cứ phải làm mọi cái theo ý muốn của họ kia...

- Thế các trại viên, họ biết làm à?

Xpiriđôn, anh chàng có cái miệng rộng hóm hỉnh, thận trọng hỏi.

- À, các trại viên, Paven Paplôvich đáp với một nụ cười buồn, các trại viên thì lại là chuyện khác hẳn.

- Ôlia cũng mỉm cười, hai tay bắt chéo như để bóp vỡ một quả hồ đào, rồi bất thình lình có vẻ khiêu khích ngước mắt nhìn lên ngọn những cây bạch dương. Những bím tóc óng vàng của cô xõa trên vai rơi xuống, được con mắt xám của Paven Paplôvich chăm chú nhìn theo.

- Các trại viên không chủ tâm sống về nghề nông, nhưng họ làm việc cẩn thận, còn nông dân thì suốt đời gắn liền với ruộng đất, họ có con cái, và đủ mọi thứ...

- Thế thì sao? Xpiriđôn không hiểu.

- Rõ rồi còn gì! Ôlia nói với một giọng ngạc nhiên. Nông dân, hợp thành công xã, còn phải tìm việc tốt hơn nữa.

- Họ phải, là nghĩa thế nào? Paven Paplôvich thân ái hỏi.

Ôlia nhìn thẳng vào mắt anh với một vẻ bực tức: trong giây lát anh quên khuấy mất những bím tóc của cô và chỉ thấy cái nhìn nghiêm khắc nọ, cơ hồ không phải là cái nhìn của một người thiếu nữ.

- Phải như thế! anh có hiểu "họ phải" là nghĩa thế nào không? Chẳng khác gì hai với hai là bốn.

Karabanôp và Burun cũng dự vào cuộc nói chuyện. Bởi với họ thì vấn đề chỉ có một ý nghĩa lý luận, như mọi câu chuyện về những "dân quê" nọ, mà họ đã

vĩnh viễn cắt đứt quan hệ. Nhưng cái khía cạnh gai góc của tình thế làm cho Karabanôp thích thú, khiến hắn không thể nhịn tham gia vào một cuộc khẩu chiến thú vị:

- Ôlia nói đúng đấy: "Họ phải như thế". Nghĩa là phải dùng tay vào và bắt buộc họ...

- Vậy cậu làm thế nào mà bắt buộc họ được? Paven Paplôvich hỏi.

- Bất cứ bằng cách nào! Xêmiôn hăng tiết lên, đáp. Làm thế nào đẽ bắt buộc họ à? Bằng sức mạnh. Bây giờ anh hãy giao cho tôi tất cả bọn dân quê của anh, và chỉ trong một tuần lễ tôi sẽ bắt họ làm việc như những con cừu non cho anh xem, và chỉ trong hai tuần lễ là họ sẽ cảm ơn tôi

thôi.

Paven Paplôvich cau mày.

- Anh nói bằng sức mạnh là ý thế nào: bằng quả đấm nện vào mõm họ à?

Xêmiôn nằm bò ra ghế dài mà cười, trong khi Burun giải thích với một giọng ôn tồn khinh bỉ:

- Những quả đấm vào mõm là nhẹ đấy! Súng lục, đó mới thực là sức mạnh.

Ôlia thong thả quay mặt về phía hắn và nhẫn nại lên lớp cho hắn:

- Sao cậu lại chẳng hiểu gì cả thế vậy: nếu có việc gì họ phải làm, thì rồi họ sẽ không cần đến súng lục của cậu. Họ sẽ tự nguyện mà làm, chỉ có việc nói cho họ nghe tử tế, giải thích cho họ.

Xêmiôn kinh ngạc ngẩng mặt lên khỏi ghế dài, mắt trợn tròn xoe:

- Chà, chà, cô bé Ôlia của tôi ơi, cô nói cái gì thế vậy? Cô đi lầm đường rồi. Giải thích cho họ... Cậu có nghe thấy không, Burun? cô sẽ giải thích cho nó cái gì, một khi nó muốn trở thành một tên kulắc?

- Ai muốn trở thành kulắc chứ? Ôlia nói, giương thật to đôi mắt tức giận.

- Sao lại ai? Tuốt cả bọn, chẳng ai là không. Ừ, cả Xpiriđôn, cả Paven Paplôvich.

Paven mỉm cười. Còn Xpiriđôn, bàng hoàng vì cuộc tấn công bất ngờ ấy, chỉ nói được một câu:

- Thế thì quá lắm!

- Phải rồi, quá lắm! Cậu ta vào đoàn Kômxômôn, chỉ là vì cậu ta không có ruộng đất. Nhưng thử cho hắn hai chục éc-ta xem, với một con bò cái, một con cừu cái nhỏ và một con ngựa tốt, thì là thôi hết cả. Và cô, cô bé Ôlia của tôi ạ, thì hắn sẽ đeo hàm thiếc vào cho cô, và huýt cho cô chạy tế lên!

Burun phá ra cười và lên giọng hách dịch xác nhận:

- Hắn chỉ cần có thế thôi, và cả Paven nữa.

- Cút mẹ các cậu đi, những đồ đểu! Xpiriđôn sau cùng phát cáu, mặt đỏ bừng lên và nắm tay lại nói.

Xêmiôn đi vòng quanh chiếc ghế đài, giơ thật cao hết chân nọ rồi lại chân kia, như thể là hắn tỏ ra khoái ý đến cực độ. Khó mà biết hắn nói đứng đắn hay là hắn chỉ muốn chọc các cậu nông dân.

Lúc ấy Xilanti Xêmiônôvich Ôtsênăc đang ngồi trên cỏ, đối diện với chiếc ghế dài. Bác ta có cái đầu "như một cái nồi nấu rượu bia", mặt đỏ tía, ria mép xén tỉa cẩn thận, không ra màu gì cả, và chẳng có một sợi tóc nào trên đỉnh sọ. Ngày nay ta ít gặp những người như kiểu bác. Nhưng hồi xưa ở khắp nước Nga có nhiều triết gia đi lang thang như thế, họ là những người đại am hiểu cuộc đời cũng như rất sành rượu vôtka độc quyền.

- Xêmiôn nói đúng đấy. Người nông dân không hiểu chuyện đoàn thể đoàn

thiếc gì, như người ta nói đâu. Giả thử hắn ta có một con ngựa, thì hắn muốn có một con nữa cho nó thành hai con, có thế [7] thôi. Cô xem, chuyện trò thế đấy .

Ôtsênăc vung nắm tay, ngón tay cái sần sùi chĩa lên trời, đôi mắt nhỏ có hàng mi bằng bạc khẽ nháy nháy một cách tế nhị.

- Vậy là giống ngựa chỉ huy giống người à? Xpiriđôn tức giận hỏi lại.

- Thì đó, đúng thế thực, giống ngựa làm chủ, tất cả câu chuyện là thế đấy. Giống ngựa, và chú này! cả giống bò cái nữa nhé. Và kẻ nào chẳng có thứ nọ cũng chẳng có thứ kia, thì chỉ đáng cho đi giữ dưa thôi. Chú hiểu chứ? Chú xem,

chuyện trò thế đấy.

Ôtsênăc đã được tất cả mọi người trong công xã chúng tôi yêu mến, và Ôlia Vôrônôva tỏ ra rất có thiện cảm với bác ta. Trong lúc này, cô thân thiện cúi sát người xuống Xilanti, và bác quay lại phía cô, như hướng về mặt trời, bộ mặt nở nang tươi cười của bác.

- Thế nào, cô em xinh đẹp?

- Bác nhìn mọi sự theo lối cũ, bác Xilanti ạ. Như thời xưa ấy! Nhưng mọi cái ở chung quanh bác bây giờ đều mới cả rồi.

Xilanti Xêmiônôvich Ôtsênăc đến với chúng tôi không biết từ nơi nào từ khoảng không vũ trụ, chẳng chịu một chút câu thúc gì đối với bất cứ một khuôn

phép hoặc sự vật nào hết. Bác ta tự dẫn đến vớ cái áo sơ mi vải thô vắt trên vai, cái quần cũ để thô đôi chân đi đất, và không có một thứ gì khác nữa. Ngay đến một chiếc gậy cầm tay cũng không, vẻ độc đáo của cái con người tự do ấy đã làm cho các trại viên yêu mến, họ phấn khởi lôi kéo bác ta vào phòng giấy tôi.

- Bác Antôn Xêmiônôvich, bác hãy xem các cháu đã thu ra được con người như thế nào đây này!

Xilanti vừa mỉm cười với bọn trẻ, vừa thích thú nhìn tôi, như một người quen biết cũ.

Đây là ông giám đốc của các chú, như người ta nói, có phải không?

Và lập tức bác cũng làm cho tôi yêu

mến, cả tôi nữa.

- Bác tìm đến chúng tôi có việc à?

Xilanti chỉnh đốn lại một cái gì đó trên gương mặt, và lập tức gương mặt ấy có một vẻ thực tiễn và gợi lòng tin cẩn.

- Thì đó, anh xem, chuyện trò thế đấy. Tôi đi tìm việc làm, ở đây anh có việc, có thế thôi...

- Thế bác biết làm việc gì?

- À như người ta nói: kẻ nào chỉ có hai bàn tay trắng, thì việc gì cũng làm được.

Thế là bác ta cười một cái cười chân thật và vui vẻ. Bọn trẻ cũng nhìn bác mà cười, và tôi cũng cười. Ai cũng thấy rõ là quả có chuyện đáng cười thực sự.

- Vậy ra bác bác biết làm tất cả mọi việc à?

- Tất cả ừ thì, nói thế cũng được... anh xem, chuyện trò thế đấy, Xilanti nói, có vẻ đã hơi cụt hứng.

- Nhưng biết làm gì, chẳng hạn?

Xilanti bắt đầu gấp ngón tay lại đếm.

- Thế thì, cày và bừa, là một này, trông nom săn sóc ngựa và tất cả các giống vật khác, cái đó nữa này, rồi thì các công việc trong nhà, như người ta nói này; tôi có thể làm thợ mộc, thợ rèn, thợ chữa lò sưởi, cả thợ sơn nữa, và thợ đóng giày. Nếu phải xây nhà, như người ta nói, thì tôi cũng biết, và biết cả giết lợn. Chỉ có đỡ đầu cho con trẻ làm lễ rửa tội là tôi không biết thôi, tôi chưa làm cái đó bao

giờ hết.

Bác ta lại cười phá lên, và chùi nước mắt, vì bác thầy là buồn cười quá.

- Chưa bao giờ, tại sao thế?

- Người ta chả bao giờ nhờ tới cả, anh xem, chuyện trò thế đấy.

Bọn trẻ cười thả sức, cười lăn cười lóc, và Tôxka Xôlôviep vừa kiễng chân lên tới Xilanti vừa hỏi ríu rít:

- Tại sao người ta không nhờ bác thế, tại sao?

Xilanti trở lại nghiêm chỉnh, và có vẻ như một thầy giáo tốt bắt đầu giảng cho Tôxka nghe:

- Thì đó, cháu ạ, cháu xem, chuyện trò thế đấy: cứ mỗi lần làm lễ rửa tội, bác

lại tự bảo, lần này thì người ta sẽ nhờ mình làm cha đỡ đầu đây. Ấy thế rồi, cháu tưởng tượng xem, người ta lại tìm ra nhưng người khác giàu hơn, có thế thôi.

- Bác có các giấy tờ đấy chứ? tôi hỏi bác ta.

- Giấy hộ chiếu, có, trước đây không lâu tôi còn có đấy. Nhưng mà, anh xem, chuyện trò thế đấy; vì tôi không có túi nên nó đã rơi mất, anh hiểu không. Vả chăng anh cần đến giấy tờ làm gì chứ, trong khi tôi đứng sờ sờ ngay trước mặt anh, bằng xương bằng thịt hẳn hoi.

Trước bác đã làm việc ở đâu?

Tôi đã làm ở đâu ấy à? Thì làm ở nhà thiên hạ chứ gì, anh ạ. Ở nhà đủ mọi thứ

người, những người tử tế và những quân đểu giả, có những quân như thế đấy anh xem, chuyện trò thế đấy. Có thế nào tôi nói và anh như thế, chả có gì phải giấu giếm cả; ở nhà đủ mọi thứ người.

- Bác hãy nói thật: bác có lần nào ăn cắp không?

- Thì đó, tôi sẽ nói thẳng với anh: ăn cắp thì không, chưa có lần nào, anh hiểu không. Một khi đã là sự thực, thì chả việc gì mà phải nói trái lại. Anh xem, chuyện trò thế đấy.

Xilanti nhìn tôi có vẻ ngượng ngùng. Hình như bác ta nghĩ rằng một câu trả lời khác có lẽ khiến tôi thích hơn chăng.

Bác ta ở lại trại làm việc. Chúng tôi thử để bác làm người phụ tá cho Sêrê,

trong việc chăn nuôi, nhưng kết quả chẳng ra sao cả. Xilanti không chịu công nhận một giới hạn nào hết cho sự hoạt động của con người: vì lý do gì bác lại chỉ được phép làm việc này thôi, mà không được làm việc khác? Vì thế nên ở trại bác ta làm bất cứ việc gì mà bác cho là nên làm và vào lúc nào bác cho là đáng làm. Bác ta nhìn mọi cấp trên với một nụ cười và các mệnh lệnh thoáng qua tai bác cũng chẳng khác gì một bài diễn văn bằng tiếng nước ngoài. Trong một ngày, bác ta có thì giờ chăm nom săn sóc các việc ở chuồng ngựa, ở ngoài đồng ở chuồng lợn, ở trong sân, ở lò rèn; dự các hội nghị của hội đồng sư phạm và hội đồng đội trưởng. Bác ta có cái tài vô song phát hiện ra, nhờ một thứ giác quan

thứ sáu, cái chỗ nguy hiểm nhất của trại và lập tức xuất hiện ngay tại chỗ đó với cương vị là người có trách nhiệm. Vì không công nhận những mênh lệnh, nên lúc nào bác cũng sẵn sàng chịu trách nhiệm về công việc của bác, sẵn sàng chịu cho người ta la mắng và quở trách túi bụi về những lầm lẫn và thất bại của bác. Gặp trường hợp ấy, bác chỉ gãi gãi cái trán hói và dang hai tay ra:

- Cái này, anh ạ, quả là một chuyện lầm lỗi thật sự, như người ta nói. Anh xem, chuyện trò thế đấy.

Ngay từ hôm đầu, Xilanti Xêmiônôvich Ôlsênác đã được biết tường tận những kế hoạch của đoàn Kômxômôn và không bỏ lỡ dịp nào không phát biểu ý kiến dông dài trong

các hội nghị toàn thể và các phiên họp ban chấp hành của họ. Song cũng có khi bác bị xúc phạm: một lần bác đến buồng giấy tôi, cáu kỉnh thật sự. Khua ngón tay cái lên, bác tức giận:

- Thì đó, anh tưởng tượng xem, tôi phải đi tìm họ mới được...

- Ai chứ?

- Tụi Kômxômôn ấy, trời ạ, thế mà họ không để cho tôi vào chứ: họp kín, như người ta nói, anh xem. Tha hồ cho tôi nói họ ra tuồng: trẻ ranh nhà các chú, lại muốn giữ bí mật với tôi, thì rồi các chú chết vẫn cứ là trẻ ranh, tôi bảo họ thế. Kẻ nào sống đã là lừa chết cũng vẫn cứ là lừa, có thế thôi.

- Rồi sao nữa?

- Anh xem, chuyện trò thế đấy: có lẽ chúng không hiểu chăng, hay là chúng say rượu, như người ta nói? Nhưng mà không phải. Tôi, thì tôi giảng cho họ nghe: các chú cần gì phải giấu giếm tôi? Giả thử là Luka, hay lão Xôfrôn hay lão Mutxi, ừ thì đồng ý. Nhưng tôi kia mà, chú đã không nhận ra tôi, nếu không muốn để cho tôi vào, hay là chú điên rồi đấy? Anh xem, chuyện trò thế đấy: chúng không buồn nghe tôi nói nữa chúng cứ cười: thật là những nhãi ranh, như người ta nói. Chuyện là chuyện đứng đắn - ấy thế mà chúng chỉ có biết chế giễu, có thế thôi.

Xilanti cũng tham gia cùng với đoàn Kômxômôn vào những hoạt động của nhà trường.

Sự can thiệp thường xuyên của đoàn Kômxômôn đã thúc đẩy cho nhà trường tiến lên. Từ trước cho đến bấy giờ nhà trường sống vất vưởng một cách khá thảm hại, không làm thế nào thắng nổi sự ghét học tập của nhiều trại viên.

Và sự đó cũng dễ hiểu. Những ngày đầu tiên ở trại Gorki đối với các trẻ nuôi là những ngày nghỉ ngơi sau những thử thách nặng nề của cuộc đời trẻ con vô thừa nhận. Thần kinh của chúng cứng cát lên, trong khi chúng không mơ tưởng sự gì tốt đẹp hơn là nghề thợ giày hay thợ mộc.

Cuộc diễu hành tráng lệ của trại với điệu kèn đắc thắng trên bờ sông Kôlômak đã nâng cao rất nhiều lòng tự hào của các trại viên đối với bản thân.

Sau đó chúng tôi hầu như đã không phải tốn công mà làm sáng chói được lên trước mặt họ mấy chữ đẹp đẽ và cảm động này:

RABPAK,

khiến những hoài bão nhỏ mọn của ngày hôm qua bị lu mờ hẳn đi.

[8]

Vào hồi đó cái danh từ "rabfak " không bao hàm cùng một ý nghĩa như bây giờ. Ngày nay đó chỉ là danh từ chỉ một trường học thường thôi. Còn hồi bấy giờ đối với thanh niên công nhân thì đó là ngọn cờ giải phóng họ khỏi tối tăm và dốt nát, là một xác nhận vô cùng rực rỡ những quyền lợi, từ trước đến giờ không được biết tới, của con người được học

để hiểu biết, và thực tình, đọc cái danh từ ấy lên, chúng tôi đều cảm thấy lòng như bồi hồi xúc động.

Tất cả những điều đó là vấn đề thực tiễn đối với chúng tôi: mùa thu năm 1923 hầu hết các trại viên đều mong muốn được vào trường trung học công nông. Ý nguyện ấy vô hình trung đã dần dà thâm nhập vào lòng chúng tôi từ cái hồi mà các nữ giáo viên của trại, năm 1921, đã thúc đẩy cái cô Rafa không may nọ đi theo hướng đó. Có nhiều thanh niên công nhân các xưởng xe lửa, học viên của các trường trung học công nông đến thăm chúng tôi. Các trại viên lắng nghe một cách thèm thuồng họ kể chuyện những bước đầu gian khổ phấn đấu của các trường trung học ấy, và tâm trạng đó

khiến họ càng dễ thấm những lời chúng tôi cổ động. Chúng tôi không mệt mỏi động viên họ học tập ở trường, tiếp thu những trí thức, và bảo họ rằng trường trung học công nông là con đường đẹp đẽ nhất mà mỗi người nên chọn lấy. Song trước mắt họ lại sừng sững dựng lên một kỳ thi vào khó vô cùng, mà theo lời những người đã trải qua, chỉ có những thiên tài đặc biệt mới có thể vượt được mà thôi. Chúng tôi khó khăn lắm mới thuyết phục được họ rằng, nhà trường của trại có đủ khả năng chuẩn bị cho họ ứng phó với ky thi ghê gớm ấy. Thực ra, có nhiều trại viên đã sẵn sàng rồi, nhưng bị một nỗi lo sợ vô lý làm tê liệt, họ quyết định ở lại trại thêm một năm nữa để đi thi được chắc hơn. Đó là trường hợp của

Burun, Karabanôp, Vecsơnep và Zađôrôp. Burun khiến chúng tôi ngạc nhiên đặc biệt vì cái nhiệt tình học tập của hắn. Hắn ít khi cần đến người khác khuyến khích. Với một sự ngoan cường trầm lặng, hắn không những khắc phục được cái hiểm hóc của số học và ngữ pháp, mà còn khắc phục được những khả năng của bản thân, tương đối hạn chế. Hắn phải hết sức căng thẳng trí não, phồng má lên, thở hồng hộc, toát mồ hôi, mới giải quyết xong một trở ngại vụn vặt nhất, quy tắc ngữ pháp hay con tính số học, song không bao giờ hắn phát cáu hay ngờ vực sự thành công. Vả chăng, hắn có một ảo tưởng đặc biệt có lợi: hắn tin sâu sắc rằng học vấn vốn dĩ là một chuyện ghê gớm lắm, làm vỡ óc con

người, cho nên trừ phi nỗ lực phi thường thì không còn cách gì khác có thể với tới được. Hắn có cái tài kỳ lạ không thèm để ý thấy rằng cũng là những chuyện bí hiểm ấy mà người khác hiểu dễ như chơi, còn hắn thì tốn bao công phu hì hục khổ sở, rằng Zađôrôp chẳng phí thêm vào việc học một phút nào ngoài thì giờ nhà trường quy định, rằng Karabanôp ngay ở lớp học cũng có khi mơ màng chuyện khác, óc mải nghĩ đến một chuyện vặt nào đó ở trại, chứ không phải đến bài toán hay bài làm. Rồi sau cùng đến cái lúc Burun đứng đầu các bạn, cái lúc mà những tia sáng trí thức nhỏ nhoi mà họ đã thu lượm được dễ dàng hết sức bỗng có vẻ là qua ư ít ỏi so với vốn hiểu biết chắc nịch của Burun. Marutxia

Leptsenkô trái ngược hẳn với hắn. Cô ta đến trại với một tính khí không thể nào chịu được, hay điên giận và kêu ca, đa nghi và động một tí là khóc, làm cho chúng tôi rất mệt với cô. Với một sự vô lo điên dại và tính nóng nảy hết sức, cô ta có thể đập tan trong một phút những cái tốt đẹp nhất: tình bạn, sự thành công, một ngày tươi đẹp, một đêm trong sáng, những mơ mộng kỳ thú nhất và những hy vọng vô cùng rạng rỡ. Nhiều khi chúng tôi thấy hình như không còn có gì đáng làm hơn là lấy hàng thùng lớn nước lạnh mà giội không thương hại vào cái con người không hề chịu đựng nổi ấy, luôn luôn sôi lên sùng sục một cách vô lý và ngu xuẩn.

Những sự chống đối của tập thể, bền

bỉ chẳng dịu dàng tí nào, có khi trái lại còn khá tàn bạo nữa, dạy cho cô ta biết tự kìm giữ mình lại, nhưng rồi, cùng với một sự ngoan cố ốm yếu như thế, Marutxia lại đâm ra tự giày vò và tự hành hạ mình, có một trí nhớ rất tốt, cô ta có tài mẫn tiệp, lại thêm có một sắc đẹp không phải là thường: một màu hồng đậm tôn nước da rám nâu của cô ta, đôi mắt to đen láy lúc nào cũng sinh động những ánh lửa và ánh chớp, dưới một vùng trán trầm tính, thuần khiết, thông minh, vừa bất ngờ vừa có vẻ áp đảo. Song Marutxia cứ nhất quyết cho mình là xấu, đích thị "lai tây đen", và cũng tin rằng mình chẳng hiểu và sẽ chẳng bao giờ hiểu được cái gì hết cả. Cô ta lao mình vào từng bài tập đơn giản nhất với một

sự hằn học điên dại đã lâu ngày dồn chứa lại:

- Chả cần, không ăn thua gì đâu! Họ cứ muốn bắt tôi học! Thì các thầy cứ chăm lo cho những cậu Burun của các thầy ấy. Tôi sẽ đi làm con ở. Tôi đã không làm nổi được trò trống gì thì tại sao lại cứ hành tôi chứ?

Natalia Mackôpna Ôtxipôva là người nhiều tình cảm có đôi mắt và tính khí cũng rất mực dịu hiền như thiên thần, cứ mỗi lần chị phải bắt Marutxia học là y như chị phát khóc thật sự.

- Tôi yêu nó, tôi muốn dạy nó, nhưng nó đuổi tôi cút, bảo rằng tôi cứ đeo đuổi nó như bệnh chốc đầu. Tôi biết làm thế nào được?

Tôi chuyển Marutxia sang nhóm của Êkatêrina Grigônepna, lòng rất áy náy về những hậu quả của biện pháp ấy. Êkatêrina Grigônepna đối với mọi người có những đòi hỏi đơn giản và thẳng thắn.

Ba ngày sau hôm bắt đầu khai giảng. Êkênna Grigônepna dẫn Marutxia vào phòng giấy tôi, đóng cửa lại, đặt cô học trò đang tức tối run người ngồi vào chiếc ghế dựa, và bảo tôi:

- Này bác Antôn Xêmiônôvich! Marutxia đây. Thầy quyết định ngay lập tức nên cho cô ta làm gì. Ở nhà máy xay gió đúng lúc này đang cần đến một cô gái làm công. Marutxia nghĩ rằng cô ta chỉ có khả năng làm được công việc đó thôi. Cho cô ta vào nhà máy xay gió, bác đồng ý không? Nhưng còn một giải pháp

khác: tôi bảo đảm rằng đến mùa thu tới tôi sẽ chuẩn bị xong cho cô ta vào trường trung học công nông; cô ta có khả năng lớn.

- Trường trung học, tất nhiên, tôi đáp.

Marutxia, ngồi trên ghế, nhìn bằng con mắt hờn ghét gương mặt điềm tĩnh của cô giáo.

- Nhưng tôi không thể cho phép cô ta chửi tôi trong giờ học. Tôi đây, tôi cũng là một người lao động, và người ta không được phép đối xử với tôi như thế. Nếu cô ta còn bảo tôi "cút đi" một lần nữa hay gọi tôi là đồ ngu xuẩn, thì tôi sẽ không trông nom đến cô ấy nữa.

Tôi hiểu cái sách lược của Êkatêrina Grigônepna: song người ta đã thử hết

mọi cách với Marutxia rồi và bây giờ chả còn mong đợi được những tia sáng gì hết nữa ở thiên tài sư phạm của tôi. Tôi nhìn Marutxia vẻ mệt mỏi chán ngán và nói không một chút giả dối:

- Chả làm thế nào được cả. Rồi cút đi, rồi đồ ngớ ngẩn, rồi đồ ngu xuẩn, cô ta sẽ tặng cho chị tuốt cả và còn những thứ khác nữa. Marutxia không biết kính trọng mọi người; đó là một tính xấu không chóng qua được đâu...

- Tôi kính trọng mọi người, Marutxia ngắt lời tôi.

- Không, cô chẳng coi ai ra gì cả. Nhưng làm thế nào được? Đó là một trẻ nuôi của chúng ta. Chị Êkatêrina Grigônepna ạ, tôi nghĩ như thế này nhé:

chị là một người lớn, thông minh, từng trải, còn Marutxia chỉ là một đứa con gái nhỏ xấu tính xấu nết. Chúng ta tức giận vì những chuyện dại dột của nó làm gì? Nó sẽ được phép bảo chị là đồ ngu xuẩn và cả đồ dơ dáy nữa - thực đấy, có khi nó nói thế thì chị cũng đừng có giận. Rồi sẽ qua thôi. Đồng ý không?

Êkatêrina tươi cười, nhìn Marutxia và chỉ nói:

- Được rồi, đứng đấy. Đồng ý.

Đôi mắt đen của Marutxia quắc lên nhìn tôi, long lanh những giọt lệ tức giận, rồi bỗng cô ta lấy khăn trùm đầu phủ lên mặt và vừa khóc nức lên vừa chạy trốn.

Một tuần lễ sau, tôi hỏi Êkatêrina Grigônepna:

- Thế nào, Marutxia ra sao?

- Được đấy. Cô ta không mở miệng, và tức bác lắm.

Nhưng hôm sau, đêm đã khuya, Xilanti đến phòng tôi với Marutxia và bảo:

- Tôi dẫn cô ta lại đây gần như là cưỡng bách, như người ta nói đấy. Marutxia, anh xem, giận anh lắm đấy, anh Antôn Xêmiônôvich ạ, thì đó, anh nói với cô ta một tí đi.

Bác ta kín đáo lẩn mặt. Marutxia cúi đầu.

- Tôi chả có gì nói cả? Người ta đã cho tôi là một con điên, thì thôi, tùy.

- Cô giận tôi cái gì?

- Bác đừng tưởng tôi là con gàn dở.

- Tôi chả bao giờ tưởng thế.

- Thế tại sao bác lại nói như vậy với cô Êkatêrina Grigônepna?

- À, đó là lỗi lầm thôi. Tôi cứ nghĩ rằng cô sắp sửa tặng cho cô ta đủ mọi câu chửi rủa có thể nghĩ ra được.

Marutxia bắt đầu mỉm cười:

- Nhưng mà, tôi, tôi có chửi đâu.

- Không chửi thật à? Vậy thì đó là một sự lầm thôi.

Ấy thế mà tôi cứ tưởng là có đấy.

Gương mặt của Marutxia rạng lên một ảnh tươi vui, thận trọng và dịu bớt đi vì cảnh giác:

- Đấy các bác vẫn cứ thế thôi: các bác

cứ chụp mũ người ta...

Xilanti tiến ra, tay cầm cái mũ bonnê vung vẫy lên:

- Này, cô kiếm chuyện gì với bác ta thế? Các cô các chú là cả hàng đống người, như người ta nói, còn bác ta chỉ có mỗi một mình. Thế mà, thì đó, khi bác ta trót lầm, chỉ có mỗi một lần tí tẹo, thì cô đừng có giận bác mới phải chứ.

Marutxia nhanh nhẹn và vui vẻ nhìn thẳng bác rồi nói với một giọng sang sảng:

- Bác Xilanti ạ, bác thì tuy già thật [9] đấy, nhưng bác cũng cứ ngốc như bò ấy.

Và cô ta ù té chạy. Xilanti dang cánh tay cầm mũ và nói:

- Thì đó, anh xem, chuyện trò thế đấy.

Rồi bỗng bác lấy mũ bon-nê đập vào đầu gối mà phá ra cười:

Kể là chuyện, thì đây quả là một chuyện, a ha, cái con ranh!

3. NHỮNG NÉT ĐẶC TRƯNG

Ở ngôi nhà đỏ, các cửa sổ chưa kịp lắp, thì mùa đông chợt đã đến. Song mùa đông năm nay đáng yêu hiền lành trong cái áo bằng tuyết mịn như nhung, không có những trận băng tan độc địa, cũng không lạnh thái quá. Kutlaty đã phân phát quần áo mặc rét trong ba hôm. Hắn cho các trại viên làm mã phu và trông coi chuồng lợn đi giày ủng bằng nỉ, còn các trại viên khác đi giày cao cổ, tuy không đặc biệt mới mẻ và lịch sự lắm, nhưng được cái có nhiều ưu điểm khác: da tốt, đường khâu vá chắc, rộng rãi thênh thang, vì chân đi hai đôi bít-tất Nga lồng vào vẫn cứ dễ dàng. Chúng tôi không

được biết áo choàng là gì, nhưng thay vào đấy chúng tôi đã có một thứ varơ nửa là gilê nửa là áo vét, chăn bông, tay cũng lót bông, di sản của trận chiến tranh đế quốc, mà những quân lính của Nicôla gọi là áo "ku-phai-ka". Trên một vài cái đầu cũng xuất hiện những mũ bonnê gọi nhớ đến bộ quan nhu của sa hoàng, nhưng phần đông trại viên chỉ có mũ cát-két vải bông thay cho mũ mùa rét. Chúng tôi chưa có đủ khả năng cho các trại viên được mặc ấm hơn. Chúng vẫn cứ mặc những quần và áo sơ mi vải bông nhẹ như trong mùa hè. Cho nên, về mùa rét, có thể thấy chúng vẫn cử động nhẹ nhàng hết sức, đến ngay trong những ngày đại hạn chúng cũng cứ đi băng băng từ chỗ nọ sang chỗ kia, nhanh như sao đổi ngôi.

Những buổi tối mùa đông ở trại rất thú vị. Mọi công tác đến năm giờ đã xong, còn ba tiếng đồng hồ nữa mới đến bữa ăn tối. Các ngọn đèn dầu hỏa được thắp lên đây đó, song không phải những ngọn đèn ấy thật sự tạo nên ở đây cái không khí nhộn nhịp và sự tiện nghi thoải mái. Trong các phòng ngủ và các lớp học, những lò sưởi bắt đầu nóng lên: chung quanh mỗi lò sưởi, củi và trại viên đã xếp làm hai đống, cả hai đều không phải vì hơi nóng mà là vì những câu chuyện thân mật trước khi đi ngủ nhiều hơn. Được đôi bàn tay nhanh nhẹn của một đứa trẻ bỏ dần vào lò, những cây củi nổ lẹt đẹt bắt đầu kể chuyện thân thế mình: chuyện rối ren, đầy những biến thiên hấp dẫn mê hồn, đầy những tiếng cười, tiếng

súng, những cuộc rượt đuổi, với dũng khí tuổi xanh và những đắc thắng lẫy lừng. Chuyện rườm rà, khiến các trẻ nhỏ khó lần ra manh mối, vì các tay kể chuyện cứ ngắt lời nhau, và kẻ nào cũng có việc vội phải đi nơi khác, song ý nghĩa của chuyện thì dễ hiểu và khắc sâu vào tâm trí: sống là vui thú. Mãi đến khi nào tiếng củi nổ chỉ còn thoi thóp, và các tay kể chuyện, thiu thiu dần trong sự nghỉ ngơi hừng hực đó, chỉ còn mơ hồ thì thào với giọng mệt mỏi, thì mới đến lượt các trại viên lên tiếng.

Ở một trong các nhóm đó, là Vetkôpxki. Đó là một tay kể chuyện lão luyện của trại, và bao giờ hắn cũng có đông thính giả.

- Ở trên đời này có khối cái đẹp.

Chúng mình không đi đâu khỏi nơi này cho nên không trông thấy gì hết, nhưng mà có những thằng bé chẳng sót một tí gì là không biết. Mới đây tớ có gặp một thằng. Nó đã đến tận bể Caxpiênnơ, và đi khắp xứ Côcadơ. Ở đấy cố một hẻm núi, và một hòn đá chênh vênh gọi là hòn "Lạy-Chúa-cho-qua". Vì không còn đường nào khác, các cậu hiểu không, cho nên đường đi độc nhất phải qua dưới dưới hòn đá ấy. Có người đi qua được, có người không: đá ở trên đỉnh cứ rơi xuống luôn. Phúc cho cậu nếu không bị một tảng vào sọ, còn kẻ nào đã bị rơi trúng thì cứ là lăn thẳng xuống khe và chả còn ai tìm thấy hắn ta đâu nữa.

Zađôrôp, đứng bên cạnh, chăm chú nghe và cũng chăm chú nhìn đôi mắt xanh

của Vetkôpxki.

- Còn cậu, Kôxchia này, giả cậu cũng thử đi đến đấy một tí, xem "Chúa" có cho cậu qua không?

Mấy cái đầu của bọn trẻ, được ánh lửa đỏ rực trong lò chiếu sáng, quay cả về phía Zađôrôp.

Vetkôpxki thở dài, vẻ không bằng lòng:

- Cậu không hiểu chuyện như thế nào đâu, Sura ạ.

Cái gì cũng được thấy, thú lắm chứ. Cái thằng bé ấy đã đi đến nơi đó...

Miệng Zađôrôp lại ngoác ra cười như thường lệ, nụ cười châm biếm khiến ai cũng phải mê, và hắn bảo Kôxchia:

- Đây này, tớ thì tớ sẽ bảo cái thằng nhãi ấy nói chuyện khác cho tớ nghe cơ... Này các chú, đóng ống lò lại được rồi đấy.

- Cậu sẽ hỏi nó cái gì nào? Vetkôpxki nói, vẻ suy nghĩ.

Zađôrôp nhìn một chú bé nhanh nhẹn đã đứng lên và đang đậy những nắp lò kêu xoang xoảng.

Tớ sẽ bảo nó đọc bảng tính nhân cho tớ nghe. Đúng thế, đó là một thằng lưu đãng, đi khắp đó đây, sống nhờ người khác và lớn lên chẳng học hành gì hết; tớ đánh cuộc rằng nó không biết đọc. "Lạy-Chúa-cho-qua" à? Những của ngu ngốc ấy thực đáng đem mà cọp cho vỡ sọ. Hòn đá cậu nói chuyện đó dựng lên cốt

là để dành cho chúng nó đấy!

Bọn trẻ cười, và có đứa khuyên câu này:

- Không, Kôxchia ạ, cậu cứ ngồi đây với chúng mình. Cậu có phải là một của ngu ngốc đâu kia chứ?

Bên một lò sưởi khác, ngồi dạng hai đầu gối, đầu hói bóng, Xilanti đã bắt đầu kể một câu chuyện dài:

-... Chúng tôi nghĩ rằng chuyện gì cứ kết hậu tốt thì là tốt, như người ta nói. Còn nó, cái thằng chó ấy, nó vừa khóc vừa hôn tất cả mọi người, cái thằng đểu, nhưng một khi trở về đến phòng giấy của nó thì nó giở mặt tác quái ngay. Nó đã cho một thằng tay sai của nó đi ra tỉnh. Chú xem, chuyện trò thế đấy. Rồi đến

sáng bửng tưng thì người ta thấy gì: hiến binh cưỡi ngựa ở đâu lù lù đến. Và mọi người bảo rằng họ đến là để đem chúng tôi ra đánh. Nhưng, tôi với anh tôi, chúng tôi chả thích người ta lột đít mình phơi ra ngoài trời, như người ta nói, có thế thôi. Với lại, tôi nghĩ cũng thương hại người con gái, chú xem, chuyện trò thế đấy? Thì đó, tôi mới nghĩ như thế này, chắc là chúng nó không động đến cô gái đâu...

Sau lưng Xilanti, đôi ủng bằng nỉ của Kalina Ivanôvich nằm dài trên mặt sàn, và ở phía trên thì là cái tẩu thuốc khói nghi ngút. Khói bay ngoặt xuống lò sưởi một cách đột ngột, rẽ ra làm hai lăn quay tít bên tai một chú nhỏ đầu tròn, rồi chui tọt ngay vào cái ống hút hơi nóng hơi của lò. Kalina Ivanôvich nháy mắt ra hiệu

với tôi một cái và ngắt lời Xilanti:

- Hề-hề-hề! Hãy nói thật đi, anh Xilanti ạ, những quân ăn hại ấy, chúng nó có vuốt ve cái chỗ hai cẳng chân anh bắt đầu không đấy hả?

Xilanti ngửa đầu ra đằng sau cười đến suýt ngã lăn ra:

- Thì đó, có, chúng có vuốt ve đít tôi, như người ta nói đấy. Bác thật không lầm, Kalina Ivanôvich ạ... Mà tất cả chuyện đó, là vì cô con gái nọ, mẹ nó thế!

Chung quanh các lò sưởi khác, trong lớp học và các căn buồng, những câu chuyện cứ tuôn đều thành những dòng suối chảy róc rách. Vecsơnep và Karabanôp hẳn là chơi buổi tối ở phòng

Liđa, chị ta mời hai cậu uống nước trà và ăn mứt. Nước trà cũng không làm cho Vecsơnep khỏi giận dỗi với Xêmiôn:

Cứ n-n-nói láo toét từ s-s-sáng đến tối, kể thì cũng ha-ha-hay lắm đấy, nhưng d-d-dù sao đ-đôi khi cũng phải n-n-nghĩ ngợi chứ...

- Ơ, thế mày có chuyện gì mà nghĩ nào? Mày có một cô vợ, một đàn bò, thóc trong vừa đầy ăm ắp phải không? Mày tìm ra được cái gì mà nghĩ chứ? Thì mày cứ việc sống đi nào, thế là đủ chán!

- Phải nghĩ đến cuộc đời, đồ q-q-quái vật ạ!

- Thế thì, Kôlia ạ, mày ngu thậm là ngu! Mày cho muốn nghĩ ngợi thì phải ngồi vào một cái ghế bàng, giương to mắt

lên, và tách một cái... thế là người ta nghĩ đấy. Nhưng người nào đã có đầu óc, thì tư tưởng nó cứ tự nhiên đến. Còn những hạng như mày, thì cứ phải nuốt một liều thuốc gì đó, nó mới làm cho mày nghĩ ngợi được kia...

- Thôi, sao chú lại cứ nói ác với cậu ta thế, chị Liđa bé nhỏ can. Khi người ta nghĩ ngợi, thì thế nào cũng nghĩ ra được một cái gì khác chứ.

- Ra cái gì? Thằng Kôlia mà lại có nghĩ ra được cái gì ư? Không đời nào nhé! Kôlia, cô có biết nó là thế nào không? Một đức chúa Giêxu con đấy. Nó đanh "tìm chân lý" đấy. Cô đã thấy một thằng ngốc như thế bao giờ chưa? Nó cần phải có chân lý! Để đánh bóng giày ủng của nó.

Xêmiôn và Kôlia ở phòng Liđa đi ra, thân thiết với nhau như cũ, nhưng Xêmiôn rống lên một bài hát, đến làm tỉnh dậy tất cả những tiếng vang ở trại, còn Vecsơnep thì lúc này âu yếm ôm ngang lưng hắn, đang thuyết phục hắn như sau:

- M-một khi đã có C-c-cách mạng rồi, thì, cậu có hiểu không thì c-cái gì cũng phải trơn tru ổn thỏa hết. Căn phòng nhỏ của tôi cũng có khách quen đến luôn. Bây giờ tôi ở với mẹ tôi, một bà già hiền lành bé nhỏ đã nhiều tuổi lắm, mà những năm cuối cùng trôi êm ả trong sương mù của một hoàng hôn yên tĩnh và thanh thản. Tất cả các trại viên đều gọi mẹ tôi bằng bà. Lúc này Sura Jêvêli đang ở trong phòng mẹ: nó là em của Michia Jêvêli, chẳng

lớn hơn nó là bao, và nó có một cái mũi nhọn ghê gớm. Nó sống ở trại đã lâu lồi, nhưng không lớn lên, mà chỉ có đâm ra những đầu nhọn tứ phía; mũi nhọn, tai nhọn, cằm nhọn, và cái mắt nhìn cũng thế.

Sura lúc nào cũng làm những nghề nhỏ vặt linh tinh ngoại lệ. Ở một xó hẻo lánh nào đó trong vườn, nó đã quày một khoảng đất bằng ván gỗ cho một đôi thỏ sống ở đấy, và dưới tầng *hầm buồng nồi hơi*, nó đã nuôi một con quạ non. Trong các buổi họp toàn thể, anh em Kômxômôn có khi chỉ trích nó làm tất cả những việc ấy với mục đích đầu cơ, và thấy rằng nói chung chúng có tính chất tư doanh. Nhưng Sura kịch liệt tự biện hộ và đòi hỏi bằng một giọng hơi thô lỗ:

- Nào, thế thì cậu đưa bằng chứng ra, tớ đã bán cái gì cho ai? Cậu đã trông thấy tớ làm việc đó à?

- Thế tiền của mày, ở đâu mà ra?

- Tiền nào?

- Tiền mày mua kẹo hôm qua ấy.

- Vậy mà là tiền à! Bà cho người ta mười cô-péc lại!

Đối với bà, thì chả ai nói năng gì được hết, trong các phiên họp toàn thể. Lúc nào bà cũng có vài thằng nhãi quấn lấy váy bà. Đôi khi chúng cũng được bà nhờ những việc vặt sang làng Gôntsarôpka, nhưng chúng thu xếp làm thế nào cho tôi không trông thấy. Và khi nào biết gần như chắc chắn rằng tôi bận

việc không vẽ được sớm thì thường thấy vài ba đứa ngồi ở bàn nhà bà, đang uống nước trà hay thanh toán một món chè [10] quả nào đó, mà bà đã làm cho tôi nhưng tôi không có thì giờ ăn. Với trí nhớ kém cỏi của bà già, bà cũng đã biết được hết tên những bạn nhỏ của bà, nhưng bà phân biệt được Sura với những đứa khác, vì nó ở trại đã lâu, và cũng vì nó là đứa cứng cỏi nhất và ăn nói hoạt bát hơn hết cả.

Hôm nay Sura đến nhà bà vì những lý do đặc biệt và quan trọng lắm.

- Chào bà ạ!

- Chào cháu, Sura. Sao đã lâu lắm không thấy cháu đến chơi thế? Dễ thường

cháu mệt chăng?

Sura ngồi vào một chiếc ghế đẩu và đập đập cái vành chiếc mũ cát-két trước kia màu trắng vào đâu gối quần vá vải mới. Trên đầu nó lởm chởm một mớ tóc trăng trắng và cứng như lông bàn chải, đang đợi chiếc tỏng-đơ. Nghếch mũi lên trời, nó ngắm cái trần nhà thấp.

- Không, cháu không bị đau, mà là con thỏ của cháu ốm đấy.

Bà ngồi trên giường, đang lục lọi trong kho tàng của bà: một cái tráp nhỏ đựng giẻ rách, những sợi chỉ, những cuộn len và nhiều thứ dự trữ khác của các bà cụ.

Con thỏ của cháu ốm à? Tội nghiệp! Thế cháu làm gì cho nó?.

Chả làm gì được cả, Sura nghiêm chỉnh đáp, nháy nháy mắt bên phải, dấu hiệu của một sự bối rối khó lòng cầm nổi.

- Không chữa chạy cho nó được à? Bà vừa hỏi vừa nhìn Sura.

- Cháu chả có gì mà chữa nó nói nho nhỏ.

Có cần đến một thứ thuốc gì không?

Nếu cháu mà kiếm được một ít kê... chỉ một nửa cốc thôi là đủ.

- Cháu có muốn uống trà không Sura? bà hỏi. Này, bình trà kia kìa, trên bếp ấy, còn cốc đây này. Rót cho bà uống với.

Sura đặt mũ cát-két lên ghế đầu cẩn thận và loay hoay vụng về quanh cái bếp

quá cao. Trong khi ấy thì bà cố kiễng chân với lên một tấm ván, lấy một cái túi nhỏ màu hồng, trong đó bà để dành kê.

Đám vui nhất và ầm ĩ nhất tụ họp ở cái xưởng trống nhỏ dùng làm xưởng đóng xe cho bác Kôdia, bác ta cũng ngủ ở đấy. Trong một góc, một cái lò sưởi thấp nhỏ chính tay bác đã làm lấy, ở trên đặt một siêu nước trà. Trong một góc khác, một chiếc giường gấp, chăn vải màu sặc sỡ. Kôdia ngồi trên giường, còn khách đến chơi ngồi trên các súc gỗ, các dụng cụ làm việc, các đống vành bánh xe chồng chất. Tất cả bọn họ đều ra sức tẩy nạo khỏi tâm hồn Kôdia những dự trữ nha phiến tôn giáo mà bác ta đã tích lũy ở đấy để dùng cho đến hết đời bác.

Kôdia nhếch miệng cười buồn bã:

- Như thế không tốt đâu, các chú ạ. Chúa trời từ bi tha thứ cho các chú. Các chú hãy coi chừng đừng có làm làm đức Chúa nổi lôi đình.

Nhưng đức Chúa chưa kịp nổi lôi đình, thì cơn lôi đình của Kalina Ivanôvich đã bùng nổ ra. Từ trong bóng tối lờ mờ của khung cửa, bác ta vụt hiện ra ánh sáng, tay cầm cái tẩu thuốc hoa lên:

- Các chú làm cái gì mà cứ trêu ông già thế? Còn chú này hãy nói tôi nghe thử, chú có việc gì với ông Giêxu Crixitô hử? Nếu tôi mà tóm cổ chú, và quẳng chủ ra ngoài kia một lần cẩn thận, thì chú sẽ cầu nguyện không phải chỉ có ông Crixitô mà còn cầu cả ông thánh lớn

Nicôla cho mà xem! Chính quyền xô-viết đã giải phóng các chú khỏi các chuyện đó, thì được rồi! Các chú hãy lặng lẽ mà vui mừng, chứ đừng có đến đây mà nhạo báng những người cũ.

- Chúa ban phúc cho bác, bác Kalina Ivanôvich ơi, vì bác đã bênh vực một ông già...

- Nếu có chuyện gì, bác cứ việc đến mách tôi. Không có tôi, thì bác không trị nổi cái tụi ăn mày ấy đâu, và bác đừng có quá trông cậy ở các đức Chúa từ bi của bác.

Làm ra bộ sợ hãi Kalina Ivanôvich, tụi trẻ vội vã chuồn khỏi xưởng trống để giải tán vào rất nhiều ngõ ngách nhỏ khác của trại. Trại không còn những phòng ngủ

lớn kiểu trại lính nữa và các trẻ nuôi ngủ từ sáu đến tám người trong các căn buồng nhỏ. Ở đấy các đội của họ có được một sự đoàn kết nội bộ vững chắc hơn; nhưng nét đặc biệt của mỗi tổ cũng vì vậy mà nổi bật rõ hơn, và làm việc với họ cũng trở nên thích thú hơn. Theo yêu cầu khẩn thiết của Gêorghiepxki, đội mười một - đội trẻ nhỏ - được thành lập. Nó vẫn ân cần chăm nom chúng không biết mệt mỏi như cũ: săn sóc chúng, tắm rửa chúng, chơi với chúng và mắng mỏ chúng, nuông chiều chúng, như một bà mẹ, làm cho các trại viên tâm hồn cứng rắn cũng đều phải cảm phục cái nghị lực và tính nhẫn nại của nó. Chỉ có sự hoạt động kinh dị ấy mới có thể làm giảm bớt chút ít cái ấn tượng nặng nề gây nên do

sợ mọi người đều tin rằng Gêorghiepxki là con ống tổng trấn Iêckutxk.

Trại nhận những giáo viên mới. Tôi kiên nhẫn tìm những người có bản lĩnh tốt và may mắn câu được vài người trong cái đội ngũ khá kỳ cục của biên chế ngành giáo dục. Ở vườn rau của trụ sở công đoàn giáo viên, ở ngoại vi thành phố, tôi phát hiện được một trong những người tôi đang cần đến: đó là bác gác vườn Paven Ivanôvich Juôcbin, một người có học, tốt, tư thế đĩnh đạc, chân chính khắc kỷ và tao nhã lịch sự. Tôi ưa bác ta vì cái đức tính chủ yếu của bác: bác là một người ham mê thưởng thức tâm hồn ngươi, nói theo nghĩa thuần túy của chữ đó; bác biết nói với cái giống say sưa của một người sưu tập về những

nét đặc thù phân biệt những tính cách người, về những sắc thái tinh vi của cá tính, về những cái cao đẹp của tinh thần anh dũng và những cái bí ẩn tối tăm của lòng người ti tiện. Bác suy nghĩ rất nhiều về các điều đó và kiên nhẫn quan sát trong quần chúng mong tìm ra được những dấu hiệu của một vài quy luật chung mới mẻ. Tôi thấy rất rõ ràng cái thú ham mê đó thế nào cũng đưa bác ta đi lạc đường, nhưng sự trong sạch và sự chân thực của bản chất bác ta hấp dẫn tôi, và khiến tôi tha thứ cho những ngù vai thượng úy của bác ở trung đoàn bộ binh 35 ở Brianxk. Vả chăng bác cũng đã rứt bỏ những ngù vai ấy trước những ngày tháng Mười; và vì cái tiểu sử của bác đã không bị một chiến công Bạch vệ

nào làm nhơ bẩn, cho nên bác đã được nhận cấp bậc đại đội trưởng trong đội ngũ hậu bị của Hồng quân.

Người thứ hai mà tôi may mắn được là Zinôvi Ivanôvich Butzai. Anh ta hai mươi bảy tuổi, nhưng vừa tốt nghiệp trường Mỹ thuật xong, và được giới thiệu đến trại với danh vị ấy. Chúng tôi cần một nghệ sĩ cho nhà trường, cho ban kịch và cho mọi mặt hoạt động của đoàn Kômxômôn.

Zinôvi Ivanôvich Butzai khiến chúng tôi kinh ngạc vì cả một loạt đức tính đặc biệt đến cực độ. Anh ta gầy phi thường, đen phi thường, và nói với một giọng trầm phi thường khiến cho khó nói chuyện với anh ta: có thể nói là anh ta chỉ phát ra những siêu âm. Butzai khác

người bởi một tính bình tĩnh và thản nhiên vô cùng kỳ dị. Anh ta đến trại vào cuối tháng một và chúng tôi nóng lòng chờ đợi những công trình nghệ thuật mà anh sẽ đem tô điểm cho đời sống của trại. Nhưng trong khi chưa một lần nào sử dụng bút chì vẽ của anh, anh đã làm cho chúng tôi sững sờ vì một khía cạnh khác của bản chất nghệ sĩ của anh.

Ít ngày sau khi anh ta đến trại, các trại viên mách tôi rằng sáng nào anh ta cũng cởi trần trùng trục ở buồng anh đi ra, một chiếc áo choàng vắt vai, để ra sông Kôlômak tắm. Đến cuối tháng một, sông đã đóng băng và không bao lâu đã trở thành sân trượt tuyết của trại. Nhờ có bố Ôtsênăc giúp đỡ, Zinôvi Ivanôvich đào trong lòng sông những hố dùng riêng để

tắm và cứ thế mỗi sáng tiếp tục những cuộc tập dượt ghê rợn của anh ta. Ít lâu sau anh ta phải nằm liệt giường hai tuần lễ vì bệnh sưng màng phổi. Khỏi bệnh một cái, anh ta lại ghim mình xuống những cái thùng tắm giá lạnh ấy. Đến tháng chạp anh bị bệnh viêm cuống phổi, kèm thêm vài biến chứng gì đó nữa. Butzai vắng mặt các buổi lên lớp và làm rối loạn lịch học tập của nhà trường. Sau cùng tôi không nhẫn nại được nữa và yêu cầu anh ta chấm dứt cái trò ngu dại ấy đi.

Zinôvi Ivanôvich trả lời tôi bằng một giọng khàn khàn:

- Tôi có quyền được tắm khi nào tôi thấy là cần. Luật lao động không cấm cái đó. Tôi cũng có quyền được ốm, vậy thì hành vi xử sự của tôi về phương diện

công việc không có gì là đáng trách cả.

- Nhưng anh bạn Zinôvi Ivanôvich ạ, tôi đến nói chuyện với anh không phải là lấy danh nghĩa việc công. Tại sao anh lại tự hành hạ mình như thế? Anh làm cho tôi buồn, có thế thôi.

- Được rồi, nếu vậy thì tôi xin nói bác nghe: sức khỏe của tôi không được tốt. Cơ thể của tôi rất tồi.. Sống với một cái thân thể như vậy bực bội lắm, bác có hiểu không. Cho nên tối mới quyết định hẳn một lần: cái khung xương này, hoặc là tôi luyện cho đến kỳ sống yên được với nó, hoặc là, thôi đấy, được, cho nó chết quách. Năm ngoái, tôi đã bị bốn trận sưng màng phổi; năm nay, bây giờ ta đã sang tháng chạp thế mà tôi chỉ mới bị có một trận. Tôi cho rằng tôi sẽ không mắc

quá hai trận đâu. Tôi chủ tâm đến trại này, để được có con sông ở liền bên cạnh.

Tôi cũng cho gọi Xilanti đến và kỳ kèo bác ta:

- Những trò đùa tai ác ấy là nghĩa thế nào? Anh ta đã mất trí khôn, thế mà bác, bác lại đi đào hố trong băng đá cho anh ta!

Xilanti dang hai cánh tay, vẽ có lỗi:

- Thì đó, anh Antôn Xêmiônôvich ạ, anh đừng giận, không thể làm thế nào khác được, anh có hiểu không? Tôi đã có biết một người như thế đấy. Anh chàng đó, anh ạ, cứ muốn đi sang thế giới bên kia. Hắn ta đã quyết định trầm mình. Người ta vừa mới quay lưng đi một cái,

hắn đã đâm ngay đầu xuống sông, cái thằng khỉ thế. Và tôi vớt hắn ở dưới sông lên, một lần, một lần khác nữa, tôi vất vả chết người, như người ta nói. Nhưng anh hãy tưởng tượng cái cố tật của hắn, thằng cha kỳ cục tai ác ấy: chẳng báo trước gì cả, hắn treo cổ hắn lên. Thì đó, riêng tôi, tôi lại không nghĩ tới điều đó. Anh xem, chuyện trò thế đấy. Còn anh chàng này, tôi để mặc kệ cho hắn làm, có thế thôi.

Zinôvi Ivanôvich tiếp tục tắm nước băng cho đến tháng năm. Các trại viên mới đầu cười giễu những kỳ vọng của anh chàng thích chết ấy, nhưng sau cùng đâm ra yêu mến anh, và kiên trì chăm nom săn sóc anh trong rất nhiều trận anh bị sưng màng phổi, viêm cuống phổi và cảm lạnh thường.

Nhưng có những tuần lễ liền cơ thể của Zinôvi Ivanôvich được đem ra luyện dày dạn mà anh không bị sốt, khiến anh biểu hiện được thiên tài nghệ thuật chân chính của anh. Một nhóm tài tử thành lập chung quanh anh ta: họ được hội đồng đội trưởng cho họ một phòng nhỏ ở tầng sát đất, để họ lập một xưởng họa...

Một buổi tối mùa đông đầy tiếng lao xao, xưởng họa của Butzai sục sôi một cảnh hoạt động nhộn nhịp lạ thường, trong khi các bức tường của tầng lầu nhỏ rung lên vì tiếng cười của các nghệ sĩ và [11] các vị Mạnh thường quân đến thăm.

Dưới một ngọn đèn dầu hỏa lớn, một nhóm đang làm việc vào một tấm phác

họa khổng lồ. Vừa lấy cán bút vẽ gãi gãi cái đầu tóc bù xù đen như than, Zinôvi Ivanôvich vừa rống lên với giọng của một phó giáo chủ còn say rượu:

- Cho lại màu nâu vào Fêđôrenkô đi. Hắn là một dân quê mà các chú lại đi tô cho hắn màu da mặt một bà ở quầy hàng. Vania, lúc nào chú cũng tống màu son vào chỗ đáng cho cũng như chỗ chẳng đáng cho.

Vania Lapô, tóc hung, mặt đầy tàn nhang, mũi sư tử, trả lời bằng một giọng trầm khàn khàn giả tạo, để nhại giọng Zinôvi Ivanôvich:

- Chúng nó đã làm cạn sạch màu nâu vào thằng Lêsi rồi.

Buổi tối đến, cả phòng giấy của tôi

cũng trở thành một trung tâm huyên náo. Có hai nữ sinh viên vừa mới ở Khackôp đến trại, mang giấy giới thiệu như sau:

"Các đồng chí K.Vacxkaia và R.Landxbecg được Học viện sư phạm ở Khackôp phái đến trại Gorki, để tìm hiểu thực tế về sự tổ chức công tác giáo dục".

Với một sự tò mò cao độ, tôi đón tiếp các vị đại biểu của thế hệ sư phạm mới đó. Tuổi trẻ của hai cô K. Vacxkaia và R. Landxbecg rất đáng thèm ước, vì cả hai đều chưa quá hai mươi. Cô thứ nhất là một thiếu nữ rất xinh, tóc vàng óng, mũm mĩm và lanh lẹn: chỉ có thủy họa mới có thể vẽ được màu hồng tươi mơn mởn của nước da cô. Vừa không ngừng chuyển động đôi lông mày thanh tú nét nhỏ biến, vừa cố tình xua đuổi cái nụ

cười lúc nào cũng sẵn sàng nở trên cặp môi, cô ta bắt tôi phải chịu một cuộc thẩm vấn thật sự:

- Bác có một phòng nghiên cứu nhi đồng học không?

- Không, chúng tôi không có.

Thế thì bác làm thế nào mà nghiên cứu được cá tính?

- Cá tính của trẻ em ấy ư? tôi hỏi, vẻ nghiêm chỉnh hết sức.

- Vâng, tất nhiên, cá tính của những trẻ nuôi của bác.

- Thì tại sao phải nghiên cứu nó?

- Sao lại "tại sao"! Như vậy thì bác làm việc thế nào nhỉ? Làm thế nào bác có thể làm việc về một cái gì mà bác

không biết?

K.Vacxkaia nói những câu đó với một giọng lanh lảnh cương quyết, biểu lộ rõ sự ngạc nhiên thành thực của cô ta, vừa nói vừa luôn luôn quay sang nhìn cô bạn R.Lanđxbecg, một cô tóc nâu tết bím óng chuốt rất đẹp. Cô này mắt nhìn xuống, cố nén lòng công phẫn tự nhiên của cô với một vẻ khoan dung nhẫn nại.

- Những nét đặc trưng chủ yếu ở các trẻ nuôi của bác là những gì? K.Vacxkaia hỏi độp tôi một cách nghiêm khắc.

- Nếu ở trại này người ta không nghiên cứu cá tính, thì hỏi đến những nét đặc trưng là thừa, R.Lanđxbecg dịu ngọt nói:

- Có chứ, sao lại là thừa? tôi nghiêm trang nói, về vấn đề ấy tôi có thể nói để

các có biết một vài điều. Những nét đặc trưng thì cũng giống như ở các cô.

- Bác căn cứ vào đâu mà biết như vậy? K.Vacxkaia hỏi với một giọng ác cảm.

- Tôi biết như vậy là vì các cô đang ngồi nói chuyện, trước mặt tôi đây.

- Thế thì sao chứ?

- Thế thì tôi nhìn xuyên qua các cô. Trong khi các cô ngồi đây, tôi nhìn thấy tất cả những cái gì đang diễn biến trong người các cô, tựa hồ các cô là thủy tinh vậy.

K. Vacxkaia bắt đầu đỏ mặt, nhưng vừa lúc ấy Karabanôp, Vecsơnep, Zađôrôp và nhiều trại viên khác nữa ùa

vào phòng giấy tôi.

- Chúng tôi vào được chứ, hay là các vị có chuyện bí mật?

- Cố nhiên vào được! tôi nói. Các anh em hãy làm với các vị khách của chúng ta đi, các nữ sinh viên ở Khackôp.

- Các chị đến thăm chúng tôi à? Ồ, tuyệt lắm! Thế tên các chị là gì?

- Kxênia Rômanôva Vacxkaia.

- Rasen Xêmiônôvich Landđxbecg.

Karabanôp đưa một bàn tay lên má, nói với một giọng ngạc nhiên và quan tâm:,

- Ồ, chết thật, dài thế kia à? Thế nghĩa là chị, gọi vắn tắt chỉ có là Ôxana thôi chứ gì?

- Vâng, thế cũng được, K. Vacxkaia đồng ý.

- Còn chị, là Rasen nhé, được không?

- Được, R. Landđxbecg nói nhỏ.

- Thế được rồi. Bây giờ thì có thể mời các chị đi ăn tối. Các chị là sinh viên à?

- Vâng.

- Được, và các chị đang đói... một cách nói, đói như... như gì được nhỉ? Giá phải là các cậu Vecsơnep với Zađôrôp, thì họ sẽ nói ngay đói như chó đấy. Nhưng, đối với các chị... đáng lẽ nói chó, thì ta bảo là mèo con nhá.

- Ừ nhỉ, thực đấy, chúng tôi đang đói, Ôxana vừa nói vua cười. Ở trại các anh có chỗ rửa mặt mũi được không?

- Nào đi! Chúng tôi đưa các chị đến phòng các nữ sinh: ở đấy các chị muốn làm gì thì làm.

Thế là chúng tôi làm quen với nhau. Mỗi buổi tối, tôi tiếp hai cô ấy, nhưng không đến một phút. Dù sao thì cũng không nói tới chuyện nghiên cứu cá tính nữa: Ôxana va Rasen không có thì giờ nghiên cứu. Bọn trẻ đã lôi kéo hai cô vào cái biển công việc của trại, biển không bờ bến, giàu thú vui và xung đột, và cho các cô biết hàng đống chuyện thật là gay go. Đối với một người linh hoạt thì thật khó lòng tránh khỏi được những cơn lốc và những thác lũ nhỏ phát sinh ra trong lòng tập thể của trại, vì chưa kịp có thì giờ nhận đinh, người ta đã bị cuốn phăng, lôi tuột đi rồi. Và thỉnh thoảng có

khi những dòng nước đó đem mồi đến thẳng phòng giấy tôi, để ném hắn lên bờ.

Việc ấy đã xảy ra, một buổi tối kia, với một nhóm kỳ thủ gồm có Ôxana, Rasen, Xilanti và Bratsenkô.

Ôxana nắm tay áo Xilanti và cười:

- Nào, bác lại đây, đừng có cưỡng.

Xilanti thực sự bị cô lôi đi.

- Bác ta gây ảnh hưởng xấu ở trại, thế mà bác cũng không biết đến nữa.

- Chuyện gì thế, Xilanti?

Xilanti vẻ không bằng lòng, gỡ cánh tay áo ra và vuốt cái trán hói.

- Phải, anh xem, chuyện trò thế đấy: có cái xe trượt tuyết, thì đó, còn để lại ở

trong sân kia. Xêmiôn với các cô này cao hứng nảy ra ý đem ra chơi trượt tuyết. A, có Antôn ở đấy, để hắn kể chuyện cho anh nghe.

Antôn Bratsenkô nói:

- Cháu trông thấy họ quần cái xe trượt tuyết, thế rồi: nào ta chơi trượt tuyết nhỏ! Được lắm, đối với thằng Xêmiôn, thì chẳng phải lâu lai gì, quất cho nó một cái dây đai ngựa, thế là nó cút ngay, nhưng còn hai cái của nợ này, họ không chịu buông xe ra. Làm thế nào với họ được bây giờ? Cháu mà quát, thì họ sẽ khóc, thế là bác Xilanti mới bảo họ rằng...

- Đấy, bác nghe mà xem! Ôxana tức giận bật lên. Bác Xilanti hãy nhắc lại câu bác đã nói đi nào.

- À, thì có chuyện gì đâu! Câu tôi nói, thì đó, là đúng sự thật, có thế thôi. Cô muốn lấy chồng, tôi bảo cô ấy thế, vậy mà cô lại đi chơi làm gẫy xe trượt tuyết như vậy à? Anh xem, chuyện trò thế đấy...

- Chưa hết đâu, chưa hết đâu...

- Còn gì nữa? Thế là hết, như người ta nói.

- Bác ấy đã bảo Antôn chú cứ đem cô ta mà thắng ngay vào xe trượt tuyết và cho cô ấy chạy tế lên đến tận Gôntsarôpka; như thế cô ấy sẽ yên ngay lập tức. Bác có nói thế không?

- Ừ, thì đó, và bây giờ tôi lại nói thế nữa: đây là những cô gái khỏe ra tuồng, mà chả có công việc gì làm cả, trong khi

chúng ta thì thiếu ngựa. Anh xem, chuyện trò thế đấy.

- Ồ! Ôxana kêu lên. Đi đi, đi ra khỏi đây ngay! Đi!

Xilanti phì cười và ra khỏi buồng giấy cùng với Antôn. Ôxana ngồi phịch xuống chiếc đi-văng, mà Rasen đã thiu thiu ngủ ở đó được một lúc lâu rồi.

- Một cá tính hay lắm đấy, bác Xilanti ấy, tôi nói. Đó là một đối tượng nghiên cứu cho cô.

Ôxana nhảy chồm ra ngoài, nhưng đến ngưỡng cửa cô ta dừng lại, nhại giọng người nào đó:

- Tôi nhìn xuyên qua các cô, tựa hồ các cô là thuỷ tinh vậy!

Rồi cô ù té chạy, vừa qua cửa phòng đã rơi ngay vào một nhóm đông thanh niên; tôi chỉ còn nghe thấy giọng nói lanh lảnh của cô ta, rồi một trong những cơn lốc nhỏ quen thuộc của trại lôi cuốn cô đi.

- Rasen, cô đi ngủ đi

- Gì cơ? Bác tưởng tôi buồn ngủ à? Thế còn bác?

- Tôi về phòng tôi đây.

- À, được... nếu thế thì...

Sau khi dụi dụi mắt trái, bằng một cử chỉ thơ ngây, với nắm tay nhỏ nhắn của cô, Rasen bắt tay tôi và bước ra vai đụng phải cái khung cửa.

4. SÂN KHẤU

Những chuyện kể ở chương trên chỉ là một phần rất nhỏ những tiêu khiển của chúng tôi trong các buổi tối mùa đông. Và bây giờ, chúng tôi lại hơi xấu hổ mà thú nhận rằng hầu hết thì giờ rảnh rỗi của chúng tôi đều dồn cho cả sân khấu.

Chiếm lĩnh trại thứ hai, chúng tôi chiếm lĩnh được luôn cả một cái sân khấu. Thật khó lòng tả nỗi niềm phấn khởi của chúng tôi, khi chúng tôi được quyền hoàn toàn sử dụng cái xưởng trống của nhà máy xay.

Nhà sân khấu của chúng tôi có thể chứa được đến sáu trăm người, số khán

giả ở nhiều làng. Vì thế mà tầm quan trọng của tổ kịch của trại và những đòi hỏi đối với nó đã được nâng cao lên rất nhiều.

Sự thực thì cái sân khấu ấy có một vài điều bất tiện Kalina Ivanôvich lại còn cho là bất tiện nghiêm trọng nữa, thậm chí bác ta đề nghị biến sân khấu thành nhà để xe.

- Nếu để một cái xe tải ở đấy, thì lạnh đối với nó cũng chẳng hại gì và sẽ không cần phải đặt cho nó một cái lò sưởi. Nhưng đối với khán giả thì cần phải có.

- Thì được, ta sẽ đặt lò sưởi.

- Lò đặt ở đây khác nào một cái bắt tay đối với một anh nghèo, ăn thua gì. Anh đã thấy là không có trần, độc có một

cái mái tôn, bên dưới chẳng có lớp học gì cả. Đốt một cái lò lên, rút cục chỉ là để sưởi chân cho các thiên thần với các ông thánh ở trên trời, chứ sưởi gì được cho các khán giả. Mà anh định đặt những lò sưởi gì vào đấy? ít nhất cũng phải là lò sưởi gang, nhưng ai sẽ cho phép anh đặt? Như thế sẽ là sẵn sàng gây ra hỏa hoạn: bắt đầu diễn kịch một cái thì lập tức, đem nước ra tưới đi!

Nhưng chúng tôi không đồng ý với Kalina Ivanôvich, nhất là lại được cả đến Xilanti cũng nói:

- Anh xem, chuyện trò thế đấy: một khi mình đã diễn kịch không lấy tiền, thì chẳng việc gì mà phải lo chuyện đốt lò; thì đó, sẽ chẳng một ai bực bội mếch lòng đâu.

Chúng tôi đặt những lò sưởi bằng gang và bằng sắt, chỉ nhóm lên trong những buổi diễn thôi. Những lò ấy chẳng bao giờ làm ấm áp được bầu không khí kịch trường của chúng tôi, vì tất cả hơi nóng của chúng đều tức khắc bay lên cao và thoát ra ngoài, qua cái mái tôn. Vì thế cho nên, mặc dầu các lò lúc nào cũng được đốt cháy đỏ, công chúng cũng vẫn cứ thích co ro quần áo choàng hoặc áo măng-tô hơn, chỉ lo sao cho khỏi cháy phía áo quay về lò sưởi.

Vả chăng hỏa hoạn cũng chỉ xảy ra có một lần ở rạp chúng tôi, mà không phải lỗi của lò sưởi nhưng của một ngọn đèn, rơi trên sân khấu. Một cơn hoảng sợ, thuộc loại đặc biệt, đã diễn ra lúc đó: khán giả vẫn đâu ngồi yên đấy, nhưng tất

cả các trại viên khoái chí thật sự, leo ùa cả lên sân khấu, trong khi Karabanôp mắng chúng:

- Những quân ngu ngốc này, chúng mày chưa trông thấy lửa bao giờ à?

Chúng tôi xây dựng hẳn một cái sân khấu thật sự rộng, cao, với một hệ thống buồng trò phức tạp, một ngăn cho người nhắc vở. Ở đằng sau còn nhiều chỗ trống mà chúng tôi không thể sử dụng. Để bảo đảm cho các diễn viên có một ôn độ chịu đựng được, chúng tôi ngăn một buồng con ở khoảng ấy, đặt một lò sưởi nhỏ bên trong. Mọi người hóa trang và thay quần áo ở đấy, tôn trọng sự thay phiên lần lượt và sự phân chia nam nữ được đến đâu hay đến đó.

Ngoài buồng ấy ra, chỗ nào ở hậu trường và trên san khẩu cũng lạnh y như giữa trời gió lộng.

Khoảng rộng mênh mông của rạp, bày hàng mấy chục ghế dài với vô số chỗ ngồi, là cả một vườn văn hóa xưa nay chưa từng thấy ở địa phương này; chúng tôi chỉ còn có việc gieo hạt giống và gặt hái.

Hoạt động sân khấu của chúng tôi ở trại thứ hai phát triển rất mau, và suốt trong ba mùa đông liền, không một phút nào buông lơi cái đà và nhịp điệu tiến triển của nó, đã sôi nổi bồng bột lên trong những quy mô vô cùng rộng lớn, khiến cho ngày nay chính tôi cũng khó lòng tin được những điều tôi viết ra đây.

Trong mùa đông, chúng tôi trình diễn khoảng độ bốn mươi vở kịch, mà không bao giờ chịu phóng tác dễ dãi như kiểu các câu lạc bộ thường làm. Trái lại chúng tôi chỉ đưa lên sân khấu toàn những vở lớn bốn hay năm hồi, loại nghiêm túc nhất, thường là rập theo kịch mục của những rạp hát ngoài tỉnh. Đó thật là một sự tự thị tự đắc vô song, nhưng tôi xin lấy danh dự cam đoan rằng chúng tôi đã không cho ra những món hàng tồi.

Ngay từ buổi trình diễn thứ ba, danh tiếng sân khấu của chúng tôi đã truyền đi xa quá làng Gôntsarôpka. Nông dân kéo đến trại từ các làng Pirôgôpka, Grabilôpka, Babitsepka, Gôntzy, Vatxi, Xtôrôjêvôiê, từ các trại ấp Vôlôvi,

Tsumatxkiê, Ôzecxkiê; công nhân chạy tới từ các khu ngoại ô thành phố, anh em hỏa xa từ nhà ga và các nhà máy xe lửa và không bao lâu cả những thị dân cũng nhập bọn với họ: các giáo viên và nói chung những người ở ngành giáo dục, quân nhân, viên chức các công sở và các hợp tác xã, ngành tiếp tế lương thực, và những người chỉ là nam nữ thanh niên thường thôi, bạn của các trại viên, và bạn của những người bạn ấy. Cuối mùa đông thứ nhất, cứ đến ngày thứ bảy là người ta thấy, từ sau bữa ăn sáng, xe pháo của những khán giả ở xa đến vây đông khắp chung quanh nhà kho trong sân khấu. Những ông để ria mép, mặc áo vét dạ và áo choàng, tháo ngựa ở xe ra, trùm vải thô và chăn lên mình chúng, loảng

xoảng lôi kéo những xô nước chung quanh cái giếng có trục kéo nước ở phía trên. Trong khi ấy, các bạn phụ nữ của họ, áo phủ kín đến tận mắt, sau khi nhảy vài cái, hai chân đập vào nhau, bên cạnh những xe trượt tuyết, để làm cho ấm những bàn chân tê cóng trong khi đi đường, chạy núng nính trên những đôi giày cao gót đóng cá sắt, tới phòng các nữ trại viên để tìm ở đấy một chút hơi nóng và làm quen thân thiết hơn với những cô bạn mới của các bà. Có nhiều người trong bọn lôi ở dưới rơm lót xe trượt tuyết ra nào túi dết, nào gói bọc. Chuẩn bị cho những cuộc đi chơi xa vì nghệ thuật ấy, họ đã đem theo các thức ăn: patê, bánh mì tiểu mạch, những miếng mỡ vuông vuông khía hình chữ thập, từng

cuộn dồi lớn của địa phương. Một phần các món ăn ấy là để thết các trại viên, và những ngày diễn kịch đó đôi khi có vẻ như những buổi chợ phiên thật sự, trước khi ban chấp hành Kômxômôn ra lệnh nghiêm cấm các trại viên không được nhận của khách đến trại một thứ quà cáp gì hết thảy.

Nhưng hôm thứ bảy, các lò sưởi của nhà hát được đốt lên từ hai giờ trưa, để cho các khách đến được sưởi ấm nhưng lâu dần quen biết nhau hơn, mọi người càng ngày càng tràn vào trong trại, đến tận phòng ăn, ở đấy có khi người ta được thấy một nhóm khách đặc biệt quý mến và có thể nói là khách chung của mọi người, mà các giáo viên trực nhật cho là có thể mời ngồi vào bàn ăn của chúng

tôi.

Những buổi diễn kịch trở thành một món tiêu khá nặng cho quỹ của trại. Quần áo, tóc giả và đủ mọi thứ phụ tùng khác tốn cho chúng tôi từ bốn chục đến năm chục rúp, vị chi là vào khoảng hai trăm rúp mỗi tháng. Đó là một món chi phí rất lớn, song không bao giờ chúng tôi chịu từ bỏ thể diện, và không bao giờ bắt ai phải trả một xu nào cho các buổi diễn hết. Đối tượng chính chúng tôi nhằm là thanh niên, vậy mà các cậu trai nông thôn, và nhất là các cô gái, thì không bao giờ có tiền túi cả.

Mới đầu còn vào cửa tự do, nhưng rồi không bao lâu phòng rạp không đủ sức chứa tất cả khách ham chuộng nữa. Bấy giờ phải đặt ra vé, phân phối trước cho

các chi bộ Kômxômôn, các xô-viết thôn và các vị đại diện toàn quyền của chúng tôi ở các nơi.

Chúng tôi đã không ngờ đâu bà con nông thôn lại mê xem kịch dữ dội đến thế. Nhưng vé xem là một nguồn tranh cãi và hiểu lầm nhau thường xuyên giữa các làng. Các vị bí thư đến trại giận sôi sùng sục và nói với một giọng có phần hạch lạc.

- Tại làm sao người ta lại chỉ trao cho chúng tôi có ba mươi vé xem ngày mai?

Jôra Vônkôp, trưởng phòng phân phối vé, lắc đầu trước mũi viên bí thư và nhìn với một vẻ độc địa:

- Phải và như thế còn là nhiều đối với các anh đấy.

- Nhiều? những đồ cạo giấy nhà các anh ở đây chỉ có ngồi dán đít trên ghế dựa mà các anh biết được là nhiều à?

- Chúng tôi ở đây, và chúng tôi thấy các tiểu thư con những giáo sĩ cầm vé của chúng tôi vào xem.

- Các tiểu thư con giáo sĩ? những cô nào chứ?

- Các cô bên làng anh, tóc đỏ hoe, má phình như những con chó ngao ấy.

Nghe tả như vậy thì nhận ra ngay là con gái giáo sĩ của địa phương mình, viên bí thư hạ giọng, nhưng cũng chưa chịu thua.

- Được rồi, tôi nhận là có hai con gái giáo sĩ... Nhưng tại sao lại phát cho

chúng tôi kém đi hai mươi vé. Trước kia chúng tôi được năm chục, mà bây giờ ba chục.

- Là vì mất tín nhiệm rồi, Jôra đáp với một vẻ nanh ác. Hai con gái giáo sĩ, và còn bao nhiêu vợ giáo sĩ, bà chủ hàng tạp hóa, vợ kulắc, chúng tôi chưa tính. Ở bên các anh, có chuyện hủ hóa, vậy mà chúng tôi đây, chúng tôi lại phải tính đến những thứ khách ấy à?

- Thế cái thằng con nhà đểu giả nào mách các anh, tôi rất muốn biết nó là ai?

- Những của ấy... chúng tôi cũng không tính nốt. Có thể cho các anh ba chục vé và như thế đã là nhiều rồi.

Viên bí thư, như mèo bị giội nước sôi, chạy tuốt về để điều tra những trường

hợp hủ hóa nêu ra đó, nhưng lại có một tay phản kháng khác, đâm bổ tới thay, chầu anh ta:

- Thế nào, các đồng chí, các đồng chí làm ăn ra sao vậy? Chúng tôi là năm chục thanh niên Kômxômôn, thế mà các đồng chí gửi cho chúng tôi được mười lăm vé.

- Lần trước, cứ theo báo cáo của đội [12] sáu "Khán" của chúng tôi, thì chỉ có mười lăm thanh niên Kômxômôn bên các anh là không uống rượu trước khi đến, mà trong số đó lại tính cả bốn mụ già nữa, còn thì tất cả các anh khác đều say bự.

- Không đời nào, bảo họ say bự là nói

điêu. Anh em bên chúng tôi làm việc trong một nhà máy rượu, vì thế cho nên họ có mùi rượu...

- Chúng tôi kiểm tra rồi: hơi thở của họ sặc mùi rượu; đừng có đổ tội cho nhà máy.

- Tôi sẽ đưa họ lại đây cho anh, rồi chính anh sẽ thấy: lúc nào họ cũng có mùi rượu, chỉ có anh kiếm chuyện và bịa ra như thế! Sao lại có những chuyện xuyên tạc như vậy!

- Thôi đủ rồi! Ở đây, bao giờ chúng tôi cũng biết phân biệt một nhà máy với một anh nghiện rượu.

- Nhưng ít ra anh cũng cho thêm chúng tôi lấy năm vé nữa chứ, anh không biết ngượng à!... Các anh phân phát cho hàng

đống đĩ dại ở ngoài tỉnh, cho bạn bè các anh, còn anh em Kômxômôn thì các anh phục vụ sau cùng...

Chúng tôi bỗng thấy rằng kịch trường không phải là một món tiêu khiển hay một trò du hí cho chúng tôi, mà trở thành một bổn phận, một món thuế xã hội không tránh được mà chúng tôi không thể nào xin miễn trừ nổi.

Ban chấp hành Kômxômôn suy nghĩ rất nhiều về vấn đề này. Nhiệm vụ chỉ đặt lên vai tổ kịch thôi thì là quá nặng. Không thể để cho qua một ngày thứ bảy nào không diễn kịch, và ngoài ra mỗi tuần lễ chúng tôi lại phải có một buổi diễn đầu. Diễn đi diễn lại mãi một vở sẽ là hạ cờ của chúng tôi xuống, là cống hiến một buổi tối vô vị cho bà con hàng

xóm gần gũi và những khách quen của chúng tôi. Đủ các thứ chuyện đã bắt đầu xảy ra ở tổ kịch.

Cả đến Karabanôp cũng phải kêu van.

Cuối cùng thì tôi là cái gì kia chứ? tôi có phải là tuyển vào làm diễn viên không? Tuần lễ trước tôi đóng vai đại tư tế, tuần này đóng đại tướng, và bây giờ người ta bảo tôi: mày sẽ làm một tay du kích. Dễ thường tôi không biết mệt hay sao? Đêm nào cũng tập kịch đến hai giờ sáng, rồi thứ bảy thì khuân vác bàn với lại đóng phông cảnh trang trí...

Kôvan tì hai tay lên bàn, kêu lớn:

- Mày muốn người ta khiêng một cái đi-văng ra đặt dưới gốc, lê cho mày ngủ trưa nhé? Đó là việc phải làm!

- Phải tổ chức thế nào cho cả mọi người cùng làm.

- Sẽ tổ chức.

- Thì mày tổ chức đi.

Ban chấp hành đưa ra hội đồng đội trưởng đề nghị này: giải tán tổ kịch, tất cả mọi người phải phục vụ kịch trưởng, chỉ có thế thôi.

Hội đồng bao giờ cũng thích hợp pháp hóa mọi việc bằng một bản mệnh lệnh, bản đó được viết như sau:

Chiều theo nghị

quyết của hội đồng đội trưởng coi việc xây dựng các vở kịch lên sân khấu là một công tác bắt buộc đối với mỗi trại viên, các đội đặc biệt sau đây được chỉ định để phục vụ buổi diễn đầu của vở "Những

cuộc phiêu lưu của bộ lạc Nitsêvô”...

Tiếp theo là bảng liệt kê những đội đặc biệt đó, tựa hồ không phải chuyện “diễn kịch”, mà là chuyện giẫy cỏ cho cải củ, hay vun bón cho khoai tây. Sự khinh nhờn đối với Nghệ thuật ấy có cái hiệu quả đầu tiên là làm biến mất tổ kịch, được thay thế bởi đội đặc biệt sáu “Diễn” đặt dưới quyền chỉ huy của Vecsơnep và gồm có hai mươi tám người... để phục vụ vở kịch nói trên.

Mà đã gọi là đội đặc biệt, thì điều đó có nghĩa là một danh sách gọi tên chặt chẽ, những người đến chậm bị nêu ra

trong báo cáo buổi tối, v.v..; nhận lệnh của đội trưởng phải nói "rõ" theo đúng quy tắc và đưa tay lên mũ cát-két; nhỡ xảy ra chuyện sai trái, phải chịu lỗi vi phạm kỷ luật trước hội đồng đội trưởng hay trước hội nghị toàn trại; nhẹ nhất cũng bị gọi lên buồng giấy tôi nói chuyện, chịu thêm một vài tạp dịch để làm gương hay bị giam không được phép ra khỏi trại những ngày nghỉ.

Đó thật sự là một cuộc cách mạng. Tổ kịch vốn là một tổ chức tự nguyện, cho nên bao giờ cũng có đôi chút khuynh hướng đi tới chỗ dân chủ quá mức và biên chế không nhất định. Tổ kịch lại còn sinh ra sự tranh chấp giữa những sở thích và yêu sách bất đồng, đặc biệt thấy rõ trong khi chọn các vở và phân phối các

vai trò. Trong tổ kịch của chúng tôi cái cá nhân chủ nghĩa cũng đã bắt đầu nảy nở.

Nghị quyết của ban chấp hành và của hội đồng đội trưởng đã được các trại viên đồng ý tiếp nhận như một sự việc đương nhiên, không có điều gì hồ nghi đáng bàn cãi hết. Công tác sân khấu đối với trại cũng là công việc cần thiết như công tác công nghiệp, phục hồi trang trại, giữ gìn trật tự và sự sạch sẽ ở các phòng. Đối với lợi ích chung của trại, phần đóng góp cá nhân của trại viên này hay trại viên khác trong buổi biểu diễn đều coi như nhau, mỗi trại viên đều phải làm phần công việc trại đòi hỏi ở mình.

Thường thường cứ đến ngày chủ nhật thì trong buổi họp hội đồng đội trưởng

tới báo trước vở gì sẽ đem ra diễn tối thứ bảy sau, và tôi cho tên các trại viên nên chọn để giao phó các vai trò. Lập tức họ được ghi ngay tất cả vào đội đặc biệt sau "Diễn" mà một người trong bọn được chỉ định làm đội trưởng. Tất cả các trại viên khác đều phải được phân phối vào các đội đặc biệt khác nhau, đội nào cũng mang số sáu, và thành lập chỉ trong thời gian một buổi biểu diễn mà thôi. Các đội đó như sau:

Sáu "Diễn" - diễn viên.

Sáu "Khán" - khán giả.

Sáu "Phục" - y phục.

Sáu "Ấm" - lò sưởi ấm.

Sáu "Trang" - trang trí.

Sáu “ Phụ” - phụ tùng.

Sáu “Sáng” - ánh sáng và hiệu quả sân khấu.

Sáu “Quét” - quét dọn.

Sáu “Động” - tiếng động.

Sáu “Màn” - màn sân khấu.

Nếu người ta nhớ hồi bấy giờ trại chỉ có tám mươi trẻ nuôi tất cả, thì đủ thấy rõ ràng không một ai là không có việc, và nếu vở kịch chọn có rất nhiều nhân vật, thì thể nào chúng tôi cũng thiếu người. Đã đành là trong thành phần các đội đặc biệt, hội đồng đội trưởng có tìm cách đếm kể tới những ý thích và khuynh hướng cá nhân, song không phải là bao

giờ nó cũng chiếu cố được như vậy: và rất thường có chuyện một trại viên kêu lên:

- Tại sao người ta lại cho tôi vào đội sáu "Diễn".

Cả đời tôi có đóng kịch bao giờ đâu.

Hắn liền được trả lời rằng:

- Sao lại có những chuyện vớ vẩn kiểu dân quê thế nhỉ? Người nào mà chả có ngày phải đóng kịch lần đầu tiên?

Trong suốt tuần lễ, tất cả các đội đặc biệt ấy, và nhất là các đội trưởng, phải xoay trở điên cuồng trong các giờ rảnh rỗi, ở trại, và ra cả đến ngoài tỉnh. Trại chúng tôi không có lệ xét tới những lời cáo lỗi, bất kể vì lý do gì, cho nên các

đội trưởng đội đặc biệt có khi bị mắc vào những tình thế hết sức khó khăn. Đã đành rằng chúng tôi quen biết khá rộng ở ngoài tỉnh và có nhiều bạn đồng tình với chúng tôi, nhờ vậy mà bao giờ chúng tôi cũng kiếm ra được những quần áo thích hợp cho bất cứ vở kịch nào. Nhưng trong trường hợp trái lại, các trại viên ở đội sáu "Phục" cũng có đủ khả năng làm ra quần áo, bất kể thuộc thời đại nào và bất kể số lượng bao nhiêu, với các thứ vải và vật liệu khác sẵn có ở trại, vả chăng cũng đã thành lệ là không những quần áo đồ dùng của trại mà cả của các giáo viên và những người giúp việc trong trại nữa cũng đều hoàn toàn thuộc quyền sử dụng của các đội sân khấu. Chẳng hạn, đội sáu đặc biệt "Phụ" bao giờ cũng tin rằng tên

của nó cho phép nó được lục lọi trưng tập các thứ ở phòng riêng của các giáo chức nhân viên. Với sự phát triển của ngành sân khấu, một vài kho dụng cụ thường xuyên đã được lập nên ở trại. Vì chúng tôi diễn luôn những vở có bắn súng và nói chung là đề tài chiến trận, nên ở trại đã hình thành một kho binh khí thật sự, được bổ sung thêm bằng cả một bộ sưu tập những binh phủ, ngù vai và huân chương quân công. Các tay chuyên gia cũng tự đào tạo dần, mà không phải chỉ có những diễn viên thôi đâu: chúng tôi có những tay bắn súng liên thanh lỗi lạch, họ dùng những thiết bị do họ sáng chế mà phát ra tiếng nổ y hệt súng liên thanh: chúng tôi còn có những tay pháo

thủ, những thần Thiên lôi bắt chước giỏi tuyệt tiếng sấm và ánh chớp của dông tố.

Các buổi tập diễn mất một tuần lễ. Hồi đầu chúng tôi còn cố làm đúng như ở các nhà hát thực: các vai trò được chép ra và ai nấy cố học thuộc, song chẳng bao lâu chúng tôi đành phải bỏ cách ấy: chúng tôi không có thì giờ chép, mà cũng chẳng có thì giờ học vì ngoài ra chúng tôi còn có công tác thường ngày của trại và việc nhà trường; bài vở dù sao cũng phải bảo đảm trước hết. Vứt bỏ hết mọi ước lệ của nhà hát, chúng tôi bắt đầu diễn thẳng, có người nhắc vở giúp đỡ, và chúng tôi làm như vậy đắc sách. Các trại viên tập thói quen thoáng nghe là tóm được mọi câu tài lạ lùng: và chúng tôi lại còn nghiễm nhiên chống lại những lối cưỡng

và tự do phóng túng trên sân khấu. Sông muốn cho buổi diễn tiến triển trơn tru thì ngoài nhiệm vụ làm đạo diễn tôi phải kiêm cả chân nhắc vở nữa, vì chân này không phải chỉ có đọc lời kịch, mà nói chung còn phải chỉ huy diễn xuất, mách bảo lỗi lầm, ra hiệu cho những lúc bắn súng, hôn nhau và lăn ra chết.

Chúng tôi không thiếu diễn viên. Có nhiều tài năng xuất hiện trong các trại viên. Những tay làm nổi sân khấu nhất là: Piôtr Ivanôvich Gôrôvich, Karabanôp Vetkôpxki, Butzai, Vecsơnep, Zađôrôp, Marutxia Leptsenkô, Kutlaty, Kôvan, Glaize, Lapô.

Chúng tôi chú ý tìm những vở có nhiều vai trò, vì có nhiều trại viên muốn thủ vai, và tăng thêm số người có thể ra sân

khấu thì lợi cho chúng tôi. Tôi rất chú trọng đến sân khấu, vì nó góp phần đắc lực cải thiện ngôn ngữ của các trại viên, và nói chung là mở rộng mắt của họ. Song cũng có khi chúng tôi thiếu diễn viên, và trong trường hợp ấy chúng tôi phải nhờ đến các giáo viên. Một lần chúng tôi đưa cả Xilanti lên sân khấu. Trong các buổi tập diễn, bác ta tỏ ra kém khả năng, song vì bác ta chỉ phải nói có mỗi một câu: "Xe lửa về chậm mất ba tiếng đồng hồ", cho nên cái nguy cũng không lớn lắm. Tuy nhiên, kết quả đã vượt qua sự chờ đợi của chúng tôi.

Xilanti bước ra sân khấu đúng lúc và chỉnh chện, nhưng nói thế này:

- Thì đó, xe lửa về chậm mất ba tiếng đồng hồ, anh xem, chuyện trò thế đấy.

Câu nói ấy kích động khán giả rất mạnh nhưng đó không phải là điều tệ hại nhất; nó còn kích động mạnh hơn nữa đám quần chúng đi lánh nạn, ở trong vở kịch đang đợi xe lửa ở nhà ga. Thế là họ bò lăn bò lóc cả trên sân khấu, cười đến tắc thở, không còn chú ý tí gì đến những câu kêu gọi tôi tung ra cho họ từ cái lỗ của người nhắc vở, và họ cứ thế cười càng ngày càng dữ, nhất là thấy đến chính tôi cũng không thể nào giữ nghiêm được nữa. Xilanti đứng im một phút nhìn tất cả cảnh hỗn độn ấy, rồi sau cũng đâm cáu:

- Phải nói với các người như thế nào kia, hở bầy xuẩn ngốc, như người ta nói? Ba tiếng đồng hồ, xe lửa nó về chậm, thì đó... Các người thấy thế là buồn cười à?

Những dân lánh nạn nghe lời diễn thuyết ấy lại càng vui vẻ đến phát điên lên và tán loạn bỏ chạy khỏi sân khấu.

Tôi trấn tĩnh và bảo khẽ:

- Bước khỏi sàn đi, Xilanti! Cuốn xéo mau cho tôi nhờ!

- Ừ, anh xem, chuyện trò thế đấy...

Tôi đặt đứng quyển sách xuống, để ra lệnh cho hạ màn.

Chúng tôi gặp khó khăn trong việc tìm nữ diễn viên. Trong số các nữ sinh của trại, có Leptsenkô và Naxchia Nôtsevnaia cố gắng đóng tàm tạm được, còn trong các giáo viên chỉ có một mình chị Liđa bé nhỏ. Chả ai có xu hướng về kịch hết, bước ra sân khấu họ bối rối hết

sức, và khăng khăng từ chối những trò ôm ấp hôn hít, dù khi vở bắt buộc nhất định phải thế cũng mặc. Thế mà chúng tôi thì tuyệt đối không thể nào không có những vai nữ si tình cho được. Chúng tôi bèn lùng tìm nữ diễn viên trong số các bà vợ, chị em, cô dì và phụ nữ họ hàng khác của các nhân viên trong trại và của những người ở nhà máy xay gió; chúng tôi yêu cầu các người quen ở tỉnh, và chúng tôi vất vả hết sức như thế mới xoay xở nổi. Vì vậy cho nên, ngay sau hôm đến trại một cái, là Ôxana và Rasen đã diễn tập rồi. Trong các buổi tập ấy, hai cô khiến chúng tôi vô cùng vui thích vì cái tài nổi bật hết sức là trao đổi những cái hôn mà không bẽn lẽn chút nào.

Một lần, chúng tôi thuyết phục được một nữ khản giá ngẫu nhiên, ở tỉnh vào chơi vài hôm nhà bạn hữu làm nghề xay bột. Đó là một viên ngọc quý thật sự: xinh đẹp, giọng nói tiên nữ mê li, đầu mày cuối mắt, bộ điệu đi đứng, đủ mọi đức tính cần có để thủ vai người đàn bà quý tộc hư hỏng trong một vở kịch cách mạng. Trong các buổi diễn tập diễn, chúng tôi tấm tắc, lòng mừng khấp khởi chờ đợi một buổi diễn đầu thành công sấm sét. Buổi diễn bắt đầu trong một bầu không khí thật là phấn khởi, nhưng đến giờ nghỉ thứ nhất thì ở hậu trường thấy xuất hiện người chồng viên ngọc quý của chúng tôi, một anh điện tín viên của sở xe lửa, anh ta bảo vợ như sau, trước mặt tất cả gánh hát:

- Tôi không thể cho phép mình đóng trò trong vở này. Chúng ta đi về thôi.

Viên ngọc quý hoảng hốt lầm bầm:

- Nhưng em đi làm sao được? Còn vở kịch?

- Vở kịch, tôi đếch cần. Chúng ta đi về! Tôi không thể chịu cho người nào cũng ôm hôn được mình và lôi lôi kéo kéo mình trên sân khấu.

- Nhưng anh ơi... sao lại thế được?

- Chỉ mới có một hồi nãy mà họ đã ôm hôn mình mười lần rồi. Như thế là cái trò gì?..

Mới đầu chúng tôi còn há hốc cả mồm ra. Sau mới cố giảng giải cho anh chàng ghen nghe.

- Đồng chí ạ, một cái hôn, thế vậy thôi, ở trên sân khấu, có nghĩa lý gì đâu cơ chứ, Karabanôp nói.

- Tôi, thì có nghĩa hay không có nghĩa tôi trông thấy rồi. Dễ thường tôi mù đấy hẳn? Tôi ngồi ở hàng đầu.

Tôi bảo Lapô:

- Chú khéo thu xếp, chú hãy làm thế nào cho anh ta yên đi.

Lapô hết lòng làm tròn nhiệm vụ. Hắn gài khuy áo lại cho anh chàng ghen, mời anh ta ngồi trên một chiếc dài bả lả thề với anh ta:

- Anh buồn cười thật đấy, đây là giúp vào một sự nghiệp hữu ích, một sự nghiệp văn hóa. Vợ anh có ôm hôn vì

một chuyện như thế, thì kết quả chỉ có thể là tốt thôi.

- Có những người thấy thế là tốt, còn tôi chẳng thấy tốt tí nào, anh điện tín viên nhấn mạnh.

- Ai ai cũng thấy là tốt.

- Thế thì, theo anh, ai ai cũng phải ôm hôn vợ tôi à?

- Anh lạ thật, rút cục như vậy lại không hơn là nhỡ có một thằng công tử bột nào giây vào hay sao?

- Công tử bột nào?

- Những chuyện ấy có thể xảy ra chứ... anh thử nghĩ xem: ở đây, là công khai trước mặt mọi người, và anh trông thấy rõ. Giá là trong một bụi rậm và anh

chẳng hay biết tí gì, thì sẽ tệ hại hơn nhiều.

- Không đời nào như thế!

- Sao lại "không đời nào như thế"? Chị vợ anh biết ôm hôn cừ thế; vậy anh tưởng với cái tài ấy dễ chị ta cứ ngồi đấy cho tài mai một đi hẳn? Thà là ở trên sân khấu còn hơn...

Anh chồng khó khăn lắm mới nghe theo các lý lẽ của Lapô, và anh ta nghiến răng mà cho phép vợ được thủ vai đến cùng, với điều kiện duy nhất là không có ôm hôn nhau "thật sự đâu đấy". Anh ta bực giận rời bỏ hậu trường. Viên ngọc quý của chúng tôi hoảng hết sức. Chúng tôi sợ buổi diễn đến hỏng mất. Ngồi ở hàng đầu, anh chồng thôi miên tất cả mọi

người, như một con rắn độc. Hồi thứ hai kết thúc trong một bầu không khí đám ma, nhưng sang đến hồi thứ ba mọi người đều vui mừng thấy anh chồng không có mặt ở chỗ cũ nữa. Tôi không tài nào đoán được anh ta chui rúc vào đâu. Mãi đến sau buổi diễn câu chuyện mới vỡ lẽ. Karabanôp khiêm tốn nói:

- Tớ đã khuyên anh ta nên đi chỗ khác. Mới đầu anh ta không chịu, nhưng rồi sau đã nghe lời tớ.

- Nhưng cậu đã làm thế nào?

Mắt Karabanôp sáng ngời lên, và, lấy [14] bộ mặt ác quỷ , hắn nói giọng diễu cợt:

- Này! tớ đã bảo anh ta thê, chúng ta

hãy giải quyết việc này với nhau theo lối những người lịch sự, như vậy tốt hơn. Mọi việc hôm nay sẽ được yên ổn tử tế, nhưng nếu anh không rời bỏ chỗ ngồi ngay, thì chúng tôi nhất định cắm sừng cho anh, lấy lời danh dự của trại viên mà nói đấy. Trong anh em chúng tôi có những chàng trai như thế; vợ anh chả cầm lòng nổi đâu.

- Thế rồi sao? Các diễn viên nhao nhao lên hỏi.

- Chả sao cả. Hắn ta chỉ nói: "Anh nhớ nhé, tôi được lời danh dự của anh đấy", rồi hắn đi ra ngồi ở hàng cuối cùng.

Ngày nào cũng có diễn tập và diễn cả vở. Nói chung, chúng tôi đều thiếu ngủ.

Nên để ý rằng nhiều diễn viên của trại chưa quen ra sân khấu, vì thế cho nên cần phải học thuộc cả từng lớp diễn xuất, từ những cử động tay chân đến kiểu đầu, mặc nhiên, cách đi đứng. Tôi cũng chú ý tới mặt đó nhiều, vì về mặt lời kịch thì vẫn hy vọng rằng dù sao cũng đã trông cậy được ở người nhắc vở. Cứ đến chiều thứ bảy, thì vở kịch được coi như đã sẵn sàng.

Tuy nhiên, cũng nên nói rằng chúng tôi diễn không tồi một chút nào hết, và nhiều người ở ngoài tỉnh thích xem những buổi diễn của chúng tôi. Chúng tôi cố gắng có một diễn xuất hợp với yêu cầu nghệ thuật, không đi quá mà cùng không nịnh sở thích của khán giả, và không chạy theo những thành công dễ dãi. Chúng tôi diễn

những vở kịch Nga và Ukren.

Những ngày thứ bảy, nhà hát bắt đầu tấp nập từ hai giờ chiều. Nếu vở kịch có nhiều vai, thì Rutzai bắt đầu vẽ mặt ngay từ sau bữa ăn, có Piôtr Ivanôvich giúp sức anh ta. Từ hai giờ đến tám giờ họ có thì giờ chuẩn bị được tới sáu mươi diễn viên, sau đó họ mới tự vẽ mặt cho mình.

Trong việc lùng tìm các đồ phụ tùng sân khấu, các trại viên đã tỏ ra một nhiệt tình hăng hái như thú dữ, chứ không còn phải là người nữa. Nếu trên sân khấu cần có một cái đèn chụp màu thanh thiên, thì họ lục lọi không những ở buồng riêng của các giáo viên, mà cả buồng riêng của những người quen ở ngoài tỉnh, và thể nào cũng kiếm ra được cái đèn đó. Nếu có một bữa ăn tối trên sân khấu, thì họ ăn

thực sự chứ không giả dối một tí nào hết. Lương tâm của đội đặc biệt sáu "Phụ", và cả truyền thống nữa, đều đòi hỏi như thế. Các diễn viên của chúng tôi coi là làm phi danh tiếng trại nếu ăn tối trên sân khấu với những món ăn giả hiệu. Vì thế nên những buổi diễn có khi thêm việc cho nhà bếp: phải làm những món nhắm, thịt quay, bỏ lò những bánh chả hay bánh ngọt. Thay rượu vang, người ta dọn nước chanh.

Đứng ở lỗ của người nhắc vở, bao giờ đến lúc ăn tối tôi cũng run sợ: lúc ấy các diễn viên cứ quá mê đắm vào việc diễn trò của mình, và hết để ý đến người nhắc vở, như thế làm lớp kịch kéo dài mãi tới khi trên bàn không còn lại tí gì nữa. Thường thường tôi cứ phải đốc thúc nhịp

độ cho nhanh lên bằng những câu như thế này:

- Nào, thôi đi... các chú nghe chưa? Đừng ăn nữa, con khỉ!

Các diễn viên ngạc nhiên nhìn tôi, đưa mắt cho tôi thấy con ngỗng chưa ăn xong, và chỉ chịu kết thúc bữa ăn tối khi nào, tức giận đến cực điểm, tôi rít lên:

- Karabanôp, bước ra khỏi bàn, nhanh lên! Xêmiôn, đồ đê tiện, có nói cái câu "Tôi phải đi" của chú đi không nào!?

Karabanôp nuối vội miếng thịt ngỗng mới nhai trệu trạo và nói:

"Tôi phải đi".

Và ở buồng trò, trong giờ nghỉ, hắn trách tôi:

- Bác Antôn Xêmiônôvich, bác không lấy làm ngượng à? mấy khi được ăn món thịt ngỗng, thế mà bác không để cho đủ thì giờ...

Song thường thường các diễn viên không tìm cách đứng lâu trên sàn ván làm gì, vì ở đấy lạnh cũng y như ở ngoài sân.

[15]

Trong vở "Máy móc nổi loạn" , Karabanôp phải đứng ở sân khấu suốt một tiếng đồng hồ, cởi trần, chỉ có độc một chiếc quần ngắn mỏng. Buổi diễn ấy là vào tháng hai, và khổ cho chúng tôi, trời rét đến ba mươi độ dưới không. Êkatêrina Grigônepna đòi phải rút bỏ buổi diễn ấy, quả quyết bảo chúng tôi rằng Xêmiôn thế nào cũng sẽ bị chết

cóng. Mọi sự đã kết thúc tốt đẹp: Xêmiôn chỉ có bị cóng các ngón chân, nhưng trong giờ nghỉ Êkatêrina Grigônepna chà sát cho hắn một thứ thuốc nước hỗn hợp gì đó làm nóng người.

Tuy nhiên, cái rét cũng làm trở ngại cho những tiến bộ nghệ thuật của chúng tôi. Chẳng hạn, chúng tôi diễn vở "Đồng chí Xêmiônôvich". Sân khấu trình bày cảnh tượng một nhà quý tộc, và phải có một pho tượng, mà đội sáu "Phụ" không làm thế nào kiếm ra được, mặc dầu đã lục lọi khắp các nghĩa địa trong tỉnh. Chúng tôi bèn quyết định bỏ qua. Nhưng đến lúc mở màn tôi ngạc nhiên thấy có một pho tượng: bôi phấn suốt từ đầu đến chân, và quấn một tấm ga giường,

Selaputin, đứng trên một chiếc ghế đẩu được trang trí, nháy nhìn tôi một cách tinh ranh. Tôi bắt hạ màn và đuổi pho tượng đi, làm cho đội sáu "Phụ" buồn thiu.

Các đội viên đội sáu "Động" chứng tỏ một tính chu đáo và một óc sáng kiến kiệt [16] xuất. Chúng tôi diễn vở "Azef" . Xazônôp ném quả bom vào người [17] Plevơ . Quả bom phải nổ. Đội trưởng đội sáu "Động", Ôtxatsi, tuyên bố: - Chúng cháu sẽ làm nổ thật sự.

Vì tôi thủ vai Plevơ, nên vấn đề ấy khiến tôi chú ý hơn bất cứ ai.

- Làm nổ thật sự là thế nào?

- Là làm nổ tung cả sân khấu lên trời.

- Không cần phải ghê đến thế, tôi thận trọng nói.

- Có chứ, làm được, Ôtxatsi nói cho tôi yên lòng, mọi sự sẽ kết thúc tốt.

Trước khi đến cảnh mưu hại, Ôtxatsi chỉ cho tôi xem những thứ chuẩn bị: một số thùng rượu rỗng xếp ở hậu trường, và bên mỗi thùng là một trại viên, nai nịt một khẩu súng hai phát, nạp đạn như để săn voi khổng lồ đời tiền cổ; phía các đường cầu bên kia, những mảnh thuỷ tinh rắc trên mặt đất và cúi trên mỗi mảnh là một trại viên cầm một hòn gạch; ở phía thứ ba, trước lối đi ra sân khấu của các diễn viên, năm sáu đứa trẻ ngồi trước những ngọn nến cháy, tay cầm những chai

đựng một thứ nước gì đó.

- Cái trò đám ma gì thế này?

- Đó là đồ chủ yếu: các chai đựng đầy dầu hỏa. Đến lúc cần, chúng nó sẽ hút dầu vào mồm và phun vào các ngọn nến. Hiệu quả phải biết là ghê.

- Ồ! những của khỉ... Nhưng làm như vậy có thể cháy nhà mất.

- Bác đừng sợ, bác chỉ cần giữ ý làm sao cho dầu hỏa khỏi làm cháy mắt bác thôi, còn cháy nhà, các cháu sẽ dập tắt.

Hắn lại chỉ cho tôi thấy một dãy trại viên đứng sắp hàng, dưới chân đặt sẵn những xô nước.

Bị các thứ chuẩn bị ấy bao vây ba mặt, tôi bắt đầu cảm thấy thật sự đè nặng

lên tôi cái số phận không tránh được của tên tổng trưởng bất hạnh, và tôi đâm ra suy nghĩ nghiêm túc rằng, không bắt buộc phải trả nợ thay cho tất cả những tội ác của tên Plevơ, thì đến lúc cuối cùng, ít ra tôi cũng có quyền được chạy thoát thân ra phía trước sân khấu. Một lần nữa tôi cố làm dịu bớt nhiệt tình của anh chàng Ôtxatsi quá ư chu đáo.

- Nhưng giội nước thì có làm tắt được dầu hỏa không?

Không thể làm nao núng được hắn ta: Ôtxatsi biết rõ việc của mình và tỏ ra có một am hiểu cao đẳng.

- Khi phun nó vào một ngọn nến thì dầu hỏa bốc thành hơi, và không cần phải dập tắt nó. Song có lẽ có những vật khác

phải dập tắt.

- Như tôi, chẳng hạn?

- Bác, trước hết.

Tôi đành cam chịu số phận của tôi; nếu tôi không bị thiêu, thì thể nào tôi cũng sẽ được giội nước lạnh, trong khi trời rét hai mươi độ dưới không! Song, trời ạ, tôi không thể nào để lộ sự non gan của tôi trước mặt toàn thể đội sáu "Động", nó đã tốn bao nhiêu tinh lực và óc sáng tạo để tổ chức vụ nổ này!

Khi Xazônôp ném quả bom, tôi lại được dịp đặt mình vào địa vị tên Plevơ và không thèm ước cái số phận của hắn: các súng săn nổ trong các thùng rượu, và các thùng rượu gầm lên đến làm bục cả vành đai thùng lẫn mang tai tôi; những

viên gạch đập lên các mảnh thuỷ tinh; với hết sức lực của những lá phổi trẻ trung, năm sáu cái mồm khạc dầu hỏa vào lửa những ngọn nến: cả sân khấu phút chốc biến thành một cây lửa và khói tắc thở. Tôi không còn khả năng đóng vụng về cái chết của chính tôi nữa và ngã lăn ra, gần bất tỉnh trên sàn ván, dưới một trận sấm sét váng tai nhức óc những hồi vỗ tay và những tiếng hò reo phấn khởi của đội sáu "Động". Muội dầu hỏa, đen và nhờn, trút xuống người tôi như mưa. Màn buông xuống; Ôtxatsi xốc nách vực tôi dậy và ân cần hỏi tôi:

- Bác không bị lửa ở chỗ nào chứ?

Tôi chỉ có lửa ở trong đầu óc thôi, nhưng tôi lờ đi không nói: có trời biết được đội sáu "Động" đã dự phòng chữa

cháy thế nào trong trường hợp đó.

Cũng bằng phương tiện ấy chúng tôi làm nổ một chiếc tàu thủy, trong một cuộc tuần là bất hạnh ở hải phận Liên-xô thời kỳ cách mạng. Kỹ thuật của vụ nổ đó còn phức tạp hơn nữa. Làm thế nào cho có một ngọn lửa phụt ra ở mỗi cửa sổ của thành tàu cũng chưa đủ, mà còn phải cho chiếc tàu có vẻ thật sự bay lên không khí. Muốn được như vậy, một số trại viên, đứng nấp ở phía sau, tung lên trời nào mảnh ván, nào ghế dựa nào ghế đẩu. Chúng đã khôn khéo lẩn tránh cho những vật ấy khỏi rơi vào đầu, nhưng viên thuyền trưởng, Piôtr Ivanôvich Gôrôvich, thì bị cộp nặng. Những lon giấy trên cửa tay áo của anh ta bốc cháy, và một đồ gỗ rơi xuống người anh làm

anh bị một vết thương thâm tím khá đau. Tuy vậy không những anh không phàn nàn gì, mà chúng tôi còn phải đợi đến nửa giờ cho anh ngớt cơn cười, rồi mới xem kỹ cho được yên lòng rằng lục phủ ngũ tạng của viên thuyền trưởng vẫn còn nguyên vẹn cả.

Ở nhà hát chúng tôi, có một số vai trò mà phải đóng thì thật sự là khổ. Ví dụ, các trại viên không chịu công nhận cái lối nổ súng từ trong hậu trường. Nếu anh bị bắn, thì anh hãy liệu chuẩn bị mà chịu đựng một thử thách nặng. Để hạ sát anh, người ta dùng thẳng thừng một khẩu súng lục liên phát; người ta bỏ đầu đạn ra rồi lên chặt gốc sợi dây hay bông vào vỏ đạn. Lúc bắn là cả một bó lửa nổ tóe vào anh, và cậu nào được bắn thường bao

giờ cũng hứng chí vì vai trò của mình, nên thế nào cũng nhằm thẳng vào mắt anh. Nếu anh phải chịu nhiều phát súng, thì cả ổ đạn được nhồi theo cái kiểu quái ác ấy.

Khản giả dù sao cũng được thoải mái dễ chịu hơn: họ mặc áo choàng ngồi ấm áp và đây đó có lò sưởi cháy. Họ chỉ có bị cấm không được cắn chắt hạt quỳ, và người nào say rượu thì không được vào xem. Chiếu theo truyền thống cũ của chúng tôi, qua một cuộc điều tra kỹ lưỡng, hễ ai thoáng có mùi rượu đều nhất luật bị coi là say. Các trại viên biết phát hiện ngay lập tức giữa hàng mấy trăm khán giả những người bị, hay hơi hơi bị cái mùi ấy; chúng còn tài hơn nữa trong việc bẫy họ ra khỏi ghế ngồi và bêu riếu

đưa họ ra cửa, một mực gác ngoài tai nhưng lời phân trần có vẻ cứ y như thực.

- Kìa, tôi xin lấy danh dự cam đoan, tôi có uống một cốc bia sáng nay, có thế thôi mà.

Nhiệm vụ làm đạo diễn còn đem lại cho tôi nhiều nỗi khổ khác, trong khi và trước khi diễn xuất. Chẳng hạn, tôi không tài nào làm cho Kutlaty học nổi được câu này:

Chúng ta thu thuế với tô

Cho cả những năm qua.

Không hiểu làm sao hắn cứ nhất định đổi là:

Chúng thu thuế gỗ tô

Cho cả những nợ qua.

Và hắn nói lên như thế trước mặt các khản giả.

Khi chúng tôi diễn vở "Quan thanh tra" [18], các trại viên đóng trò tốt, nhưng đến cuối vở chúng làm tôi tức sôi lên sùng sục, vì dây thần kinh của tôi, mặc dầu bền bỉ, đã không chịu đựng nổi những kích động quá mạnh gây nên bởi những câu đối đáp như thế này:

Amôs Fêđôrôvich - Có nên tin những lời đồn không, ngài Antôn Xêmiônôvich? Phải chăng ngài đã được ban một hạnh phúc vô song?

Actemi Philippôvich - Tôi được hân hạnh chúc mừng ngài, ngài Antôn Xêmiônôvich ạ, vì cái hạnh phúc vô song ấy. Nghe tin tôi đã hết lòng mừng rỡ. Anna Anđrêiepna, Maria Antônôpna!

Raxtakutxi - Ngài Antôn Xêmiônôvich, chúc mừng ngài nhé. Cầu Thượng đế cho cặp uyên ương được bách niên giai lão và ban cho ngài đàn cháu chắt nối dõi tông đường. Anna Anđrêiepna, Maria Antônôpna

Kôrôphin - Tôi được hân hạnh chúc mừng ngài, ngài Antôn Xêmiônôvich.

Tệ nhất là ở trên sân khấu và đang khoác áo một viên tổng trấn, tôi không có cách nào quật cho bọn quỷ ấy một trận. Chỉ mãi sau khi diễn xong màn kịch câm

cuối cùng và ở hậu trường, tôi mới có thể để cho nỗi tức giận của tôi nổ bùng ra:

Các chú đã làm cái gì vậy, hở những đồ khốn? có phải các chú cố ý giễu cợt mọi người hay không, thì bảo?

Những bộ mặt ngạc nhiên trố lên, nhìn tôi và viên giám đốc bưu điện, Zađôrôp, hỏi:

- Sao? Có chuyện gì thế? Mọi sự đều êm đẹp cả mà.

- Tại sao tất cả các chú đều gọi tôi là Antôn Xêmiônôvich?

- Chứ sao?... À nhỉ!.., ồ, chết chửa! Viên tổng trấn là Antôn Antônôvich cơ.

- Vậy mà trong các buổi tập diễn các

chú đã gọi đúng!

- Trong các buổi tập diễn... Ồ, phải rồi, nhưng trong khi diễn, các cháu lú ruột quên đi mất.

5. MỘT NỀN GIÁO DỤC KULẮC

Ngày hai mươi sáu tháng ba, chúng tôi kỷ niệm sinh nhật Maxim Gorki. Chúng tôi còn có những ngày lễ khác mà tôi sẽ nói đến tường tận sau đây. Chúng tôi cố hết sức làm thế nào cho được nhiều người đến dự và các bàn ăn được dồi dào đầy đủ, vì thế nên các trại viên nói cho thực, rất thích hội hè, và nhất là chuẩn bị hội hè. Nhưng lễ sinh nhật của Gorki đối với chúng tôi thì thật là một lễ vui thú đặc biệt. Ngày hôm ấy chúng tôi còn ăn mừng cả mùa xuân đến. Sự đó tất nhiên thôi. Trong lúc bọn con trai kê dọn bàn tiệc, bắt buộc phải ở ngoài sân để cho tất cả mọi người đều có thể cùng dự

tiệc với nhau một lúc, thì có khi chợt một cơn gió ác nghiệt bắt đầu từ phía đông thổi tới: một trận mưa đá nhỏ hạt, như kim châm, tác tệ đâm bổ xuống chúng tôi, mặt nước các hồ ao ở trong sân nhăn lại, và hơi ẩm bỗng chốc làm chùng các mặt trống trong hàng đội ngũ chuẩn bị chào cờ của trại nhân dịp lễ. Song mặc kệ, trại viên vẫn cứ nheo mắt nhìn về phía đông và nói:

- Dù sao thì cũng đã cảm thấy rõ là mùa xuân rồi!

Lễ sinh nhật Gorki còn có một nét đặc biệt tự chúng tôi nghĩ ra, mà chúng tôi hết sức thiết tha và khiến chúng tôi rất thích. Đã từ lâu các trại viên quyết định rằng ngày hôm đó phải ăn mừng "thả cửa", nhưng không mời một người khách

lạ nào cả. Nếu có ai muốn đến, thì sẽ được hoan nghênh, nhất là khi người ấy tự ý muốn tham dự, nhưng theo nguyên tắc đó là ngày lễ gia đình của chúng tôi, người ngoài chẳng có can dự gì vào đấy hết. Vì thế mà có một bầu không khí thật đơn giản và đầm ấm, thắt chặt thêm mối quan hệ gia đình giữa các thành viên của trại Gorki, mặc dầu các hình thức của ngày lễ tuyệt đối chẳng có tí gì giống một gia đình trưởng giả hết. Lễ bắt đầu bằng một cuộc duyệt các trại viên và chào cờ, rồi sau các diễn văn, lại là một cuộc diễu hành long trọng trước chân dung Gorki. Sau đó ngồi vào bàn ăn, và lúc đó, thôi còn khách sáo làm gì nữa, tha hồ cho mọi người... không phải là uống rượu chúc sức khỏe Gorki, - không,

chúng tôi không uống gì hết - nhưng mà ăn... phải biết là ghê! Kalina Ivanôvich rời khỏi bàn ăn, nói:

- Tôi cho rằng bọn tư sản, những quân ăn hại ấy, không nên trách họ! Sau một bữa ăn như thế này, anh hiểu không, đến súc vật cũng chả có con nào làm việc được nữa, huống hồ một con người...

Tiệc có: xúp củ cải đỏ, nhưng không phải một món canh củ cải thường, mà là một thứ xúp ngon đặc biệt: như kiểu các bà nội trợ chỉ làm vào ngày sinh nhật của chồng thôi; rồi là bánh chả nhồi những thịt; cải bắp, gạo nếp, phó mát trắng; khoai tây, lúa hắc mạch, to đến mức không cái nào bỏ lọt nổi vào túi áo của một trại viên: sau món bánh chả, là một con lợn quay, không phải lợn mua ở chợ

mà của chuồng nhà, do đội mười vỗ cho béo từ mùa thu, đặc biệt dành cho ngày lễ này. Các trại viên trông nom lợn rất thạo, nhưng không ai muốn giết chúng cả, và ngay đến Xtupitxyn, là đội trưởng của đội ấy, càng từ chối:

- Tôi xin chịu thôi. Trông thương lắm, con Clêôpatrơ, một con vật ngoan đến thế!

Tất nhiên là đến Xilanti Ôtsênăc phải chọc tiết Clêôpatrơ. Bác viện lý do như thế này:

- Lợn gạo thì hãy để cho kẻ thù của chú giết, thật đây, nhưng còn lợn tốt, như người ta nói, thì mình phải chọc tiết lấy thôi. Chú xem, chuyện trò thế đấy.

Sau con Clêôpatrơ, kể ra thì cũng có

thể nghỉ ngơi được rồi để mà thở, nhưng trên bàn lại bày ra những bình với liễn đầy kem chua, kèm theo hàng núi bánh nhân phó mát trắng, thế là chẳng một trại viên nào muốn đi nghỉ hết, mà trái lại chúng vội chiếu cố ngay tới bánh và kem. Tiếp sau đó là món nước quả vắt đóng đông, không phải đựng vào đĩa nông như kiểu nhà quý phái, mà vào những đĩa sâu lòng, và tôi chưa từng thấy có trại viên nào chịu ăn món đó không kém bánh mì hay chả. Qua bằng ấy thứ rồi tiệc mới coi như là xong, và mỗi người ở bàn ăn ra còn nhận một túi kẹo với bánh ngọt thơm. Lại một lần nữa Kalina một câu rất đúng:

- Hừ, giá mà có nhiều ông Gorki cứ ra đời luôn, thì kể sống cũng dễ chịu đấy!

Sau bữa ăn, các trại viên không ngủ trưa, nhưng đi giúp các đội sáu đặc biệt chuẩn bị sân khấu diễn vở "Dưới [19] đáy" , vở kịch cuối cùng của mùa đông. Kalina Ivanôvich rất chú ý đến vở đó:

- Tôi muốn xem thử là cái gì. Tôi đã nghe nói nhiều đến những cải ở dưới đáy ấy, nhưng chưa trông thấy bao giờ cả. Và tôi chưa có dịp nào đọc hết.

Về vấn đề này thì phải nói rằng Kalina Ivanôvich quá thổi phồng sự không may của bác ta: thực ra bác lần mò rất vất vả trong những bí hiểm của việc đọc sách. Nhưng hôm nay Kalina Ivanôvich đang cao hứng hết sức, thì chớ nên kiếm

chuyện với bác ta làm gì. Lễ sinh nhật Gorki năm nay có kèm theo một sự việc đặc biệt: theo đề nghị của đoàn Kômxômôn, chúng tôi đã chế định cái danh hiệu trại viên. Việc cái cách này đã được các trại viên và các giáo viên bàn đi bàn lại rất nhiều và ai nấy đều nhất trí cho là ý kiến hay. Danh hiệu trại viên chỉ dành riêng cho những người nào thực sự yêu mến trại và hết sức phấn đấu cho trại mỗi ngày một tiến tới. Còn những kẻ lệt bệt đi sau, những kẻ hay khóc vờ khóc vĩnh than vãn kêu ca, hoặc những kẻ tâm ngầm hèn đớn thì chỉ được gọi là trẻ nuôi thôi. Cũng cần phải nói cho đúng sự thực rằng số đó có rất ít chỉ độ hai chục người. Các giáo viên cũ cũng được nhận danh hiệu là trại viên. Và cũng quy định

rằng người nào trong bọn họ, sau một năm công tác ở trại mà không nhận được danh hiệu ấy, thì sẽ phải rời bỏ trại.

Mỗi trại viên được cấp một huy hiệu mạ kền, mà chúng tôi đặt làm riêng ở Khackôp. Nó mang hình một cái phao cứu nạn, có chữ M.G. (những chữ đầu tên của Maxim Gorki), và ở phía trên là một ngôi sao đỏ.

Kalina Ivanôvich cũng được nhận cái huy hiệu ấy trong buổi lễ duyệt các trại viên ngày hôm đó. Bác lấy thế làm vô cùng vui sướng và không giấu giếm điều đó:

[20]

- Cái lão Nicôlai ấy , tôi đã phục vụ hắn không biết bao nhiêu lâu mà

quanh đi quẩn lại chẳng được cái vui gì khác hơn là làm một tên phiêu kỵ binh quèn, thế mà bây giờ đến bọn ăn mày, những quân ăn hại này, lại thưởng huy chương cho tôi kia chứ. Nhưng làm thế nào được, dù sao thì cũng cứ lấy làm thích, anh hiểu không? Thế mới biết, một khi chúng nắm quyền bính ở trong tay! Chúng không có quần cụt, ấy thế mà chúng thưởng huy chương cho mình đấy.

Kalina Ivanôvich đương vui sướng bỗng bị cuộc đến thăm bất ngờ của Maria Kônđratiepna Bôkôva làm cho cụt hứng. Một tháng trước đây, bà ta đã được bổ nhiệm về sở Giám đốc Giáo dục xã hội tỉnh chúng tôi, và tuy không được coi là cấp trên trực tiếp của chúng tôi, nhưng bà cũng có quyền giám sát

chúng tôi về một phương diện nào đó.

Ở trên chiếc xe ngựa thuê nhảy xuống, bà ta vô cùng ngạc nhiên nhìn thấy những bàn tiệc linh đình của chúng tôi mà các trại viên ban nãy phải phục vụ giờ đang ngồi ăn xong nốt bữa. Kalina Ivanôvich thừa cơ hội bà chưa hết bỡ ngỡ mà vội len lén lỉnh mặt, để mặc tôi trả nợ thay cho những tội trạng của bác ta.

- Các ông ăn mừng lễ gì thế này? Maria Kônđratiepna hỏi.

- Lễ sinh nhật Gorki.

- Thế tại sao các ông không mời tôi?

- Ngày hôm đó chúng tôi không mời khách ngoài. Đó là lệ của trại.

- Không hề gì, cứ cho tôi ăn đi.

- Tất nhiên rồi. Nhưng Kalina Ivanôvich đi đâu rồi nhỉ?

- À! phải, cái ông già gớm ghiếc ấy à? Cái ông nuôi ong ấy chứ gì? có phải ông ta vừa mới lảng tránh khi trông thấy tôi phải không? Và cả ông nữa, ông cũng đứng vào cái chuyện bỉ ổi ấy nữa? Bây giờ ở sở Giáo dục người ta đang nã tôi không ngớt đấy. Và viên chủ nhiệm bảo rằng người ta sẽ khấu trừ vào lương tôi trong hai năm. Đâu, cái ông Ivalina Ivanôvich ấy đâu rồi, xin đưa ông ta ra đây cho tôi ngay lập tức!

Maria Kônđratiepna làm bộ mặt giận dữ, nhưng tôi thấy Kalina Ivanôvich không đến nỗi bị nguy lắm: bà ta đang vui vẻ hết sức. Tôi bảo một trại viên đi gọi bác Kalina Ivanôvich đến và chào từ

đằng xa.

- Này, ông đừng có lại gần! Maria Kônđratiepna vừa nói vừa cười, ông không biết ngượng à? Khiếp chửa kìa!

Kalina Ivanôvich đến ngồi trên một chiếc ghế dài và nói:

- Chúng tôi đã làm một việc tốt.

Tôi đã được chứng kiến cái trọng tội của Kalina Ivanôvich, một tuần lễ trước đây. Nhân cùng đảo qua sở Giáo dục, chúng tôi đã vào phòng Maria Kônđratiepna vì một việc nhỏ. Bà ta có một phòng giấy rộng mênh mông, bày nhiều đồ đạc, mà tôi không biết bằng thứ gỗ gì hiếm có. Bàn giấy của bà đặt ở giữa phòng. Bà ta có cái khéo là lúc nào ở đấy cũng có một đám dị tạp đủ các loại

người kiểu sở Giáo dục bao vây quanh mình: nói chuyện với một người, một người khác xen vào câu chuyện, một người thứ ba ngồi nghe: bác này nói ở điện thoại, bác kia viết nghí ngoáy ở một góc bàn giấy, một bác khác đọc, một người ấn giấy má vào dưới tay cho bà ta ký, và ngoài cả cái bộ tham mưu ấy ra, ở đấy lại còn có hàng đống người đứng quanh quẩn, chỉ có nói chuyện gẫu mà thôi. Thật cứ ồn ào, y như một phòng hút thuốc, một cái ổ chứa những đồ thừa.

Ngồi vào một chiếc đi-văng nhỏ, Kalina Ivanôvich và tôi đang nói với nhau về một chuyện gì đó. Một người đàn bà gầy gò và hết sức sôi nổi chợt đâm bổ vào phòng và đến thẳng chỗ chúng tôi, diễn thuyết một thôi một hồi.

Mãi sau chúng tôi mới hiểu ra được rằng bà ta nói về một cái vườn trẻ, có trẻ em, có phương pháp giáo dục tốt, nhưng chẳng có một tí đồ đạc gì cả. Rõ ràng người đàn bà này chẳng phải là đến đây lần đầu, vì bà ta dùng những lời kịch liệt vô cùng và chẳng nể nang gì cái cơ quan này hết:

Ma quỷ bắt họ đi, họ mở những vườn trẻ, to lớn đến dựng nên một thành phố được, nhưng họ không cho đồ đạc dùng. Tôi lấy cái gì mà cho chúng nó ngồi, tôi hỏi họ thế? Họ bảo tôi: mai chị đến nhé, người ta cấp cho chị. Tôi đưa bọn trẻ của tôi từ ba cây số đến đây, đem theo xe ngựa, nhưng chẳng thấy ai hết, và cũng chẳng ai để mà kêu ca cả. Những lối ở đâu như thế? Suốt một tháng giời, tôi đến

đây rồi. Thế mà ở phòng bà ta thì đây, các ông xem, có thiếu gì đồ đạc, mà để cho ai dùng chứ, tôi hỏi các ông thế?

Tha hồ cho bà ta nói to, chẳng có ai trong số những người vây quanh bàn giấy của Maria Kônđratiepna chú ý đến bà ta, vả chăng, giữa tiếng ồn ào chung, cũng chẳng ai nghe thấy bà la nói. Sau khi đảo mắt nhìn quanh một lượt nhận định tình hình, Kalina Ivanôvich vỗ tay xuống chiếc đi-văng nhỏ và hỏi:

- Này đồng chí, nếu tôi nghe ra, thì những đồ đạc này có lẽ thích hợp cho đồng chí phải không?

- Những đồ đạc này ấy à? bà ta hớn hở nói. Thì hẳn đi rồi, ồ! đồ đạc đẹp quá sức!

- Nếu vậy, thì còn cần gì hơn nữa? Một khi nó thích hợp cho chị, mà nó có sẵn đấy và chẳng dùng làm gì cả, thì chị cứ việc lấy về cho bọn trẻ của chị.

Người đàn bà bị kích động hết sức, mắt bà ta từ nãy đến giờ chăm chú theo dõi vẻ mặt Kalina Ivanôvich, bỗng đảo quanh một vòng, rồi lại trở lại nhìn chằm chằm bác ta:

- Nhưng làm thế nào nhỉ?

- Như người ta vẫn làm thôi: chị lấy đi và chở lên xe kia.

- Trời ơi, nhưng làm sao bây giờ?

- Có một tấm giấy phỏng? Chị đừng băn khoăn về cái đó nếu không thì với tất cả bọn ăn hại này họ đi làm giấy mà làm

liên miên không dứt, chị chả đời nào hết chuyện vất vả đâu. Chị cứ mang đi thôi.

- Nhưng, nếu người ta hỏi ai đã cho phép tôi, thì tôi nói thế nào?

- Chị sẽ bảo là tôi đấy

- Là ông đã cho phép tôi ư?

- Phải, tôi đã cho phép chị.

- Ô, trời ơi! bà ta vui mừng la lên, và nhẹ như một con bướm, bà ta chấp chới bay ra khỏi phòng.

Một phút sau, bà ta lại chấp chới bay vào, nhưng có chừng hai chục đứa trẻ theo sau. Chúng hí hửng đổ xô cả vào những ghế dựa, ghế bành cao, ghế bành lùn, đi-văng, và bắt đầu ì ạch lôi cả ra ngoài, cả phòng vang động ầm lên, và lần

này khiến Maria Kônđratiepna phải để ý. Dướn người lên khỏi bàn giấy của mình, bà ta hỏi:

- Các người làm gì thế?

- Chúng cháu khuân cái này, một chú bé da rám nắng đang cùng một chú bạn khiêng một chiếc ghế bành trả lời.

- Thì cũng làm khe khẽ một tí chứ, Maria Kônđratiepna nói, rồi lại ngồi xuống, tiếp tục công việc của mình.

Kalina Ivanôvich nhìn tôi với một vẻ chán chường:

- Anh nghĩ thế nào? có thể đến thế kia ư, Trời? Tụi nhãi con, những quân ăn hại, thì ra chúng nó sắp lấy đi tuốt cả.

Đã từ một lúc lâu rồi, tôi khoái ý nhìn

canh phòng giấy của Maria Kôndratiepna bị cướp phá, và chẳng còn bụng dạ nào mà tức giận nữa. Hai đứa bé bám vào chiếc đi-văng chúng tôi ngồi, và chúng tôi để mặc cho chúng hoàn toàn tự do khiêng nó đi nốt. Sau khi bay chập chờn vài chập cuối cùng nữa chung quanh bọn trẻ nuôi, bà giám đốc của chúng mới tất tưởi chạy tới Kalina Ivanôvich, nắm lấy tay bác ta mà giật giật, cảm động chứa chan, vừa sung sướng ngắm nghía bộ mặt tươi cười và thẹn thùng của con người hào hiệp ấy vừa nói:

- Nhưng tên ông là gì? tôi cần phải biết. Thật ông đã cứu vớt chúng tôi, quả như thế đấy!

- Có ích lợi gì đâu mà chị cần biết tên. Thời đại ta ngày nay, chị biết đấy, người

ta không đọc kinh cầu cứu sức khỏe cho ai cả, còn như để làm lễ cầu hồn cho tôi, thì tôi thấy hơi sớm đấy...

- Có chứ, xin ông cứ cho tôi biết, cho tôi biết...

- Tôi không thích những lời cảm ơn, xin chị hiểu cho.

- Ông cụ tốt bụng này, tên ông ta là Kalina Ivanôvich Xecđiuc đấy, tôi nói với một giọng tình cảm.

- Xin cảm ơn ông, đồng chí Xecđiuc ạ, xin cảm ơn!

- Có gì đâu, nhưng mà chị nên đem mau đi, chẳng có rồi một kẻ nào đấy lại đâm ba chè củ vào và làm thay đổi tuốt cả mất.

Bà ta bay đi trên những cánh của sự vui mừng và lòng biết ơn. Kalina Ivanôvich thắt lại cái đai chiếc áo đi mưa, ho húng hắng và rít một hơi tẩu thuốc

- Tại sao anh lại nói cho chị ta biết làm gì? Chẳng cần như thế cũng tốt rồi. Tội không thích cho người ta cảm ơn cảm huệ nhiều đến thế, anh có thấy không. Nhưng dù sao cũng có điều tôi rất muốn biết, là chị ta liệu có đem đồ đi thoát được hay không?

Một lát sau những người bao vây Maria Kônđratiepna rút sang các phòng khác và chúng tôi được bà tiếp. Việc của chúng tôi được bà giải quyết mau chóng rồi sau cùng, nhìn lơ đãng chung quanh, bà chợt hỏi:

- Chúng nó dọn đồ đạc đi đâu thế nhỉ? Quái thật! Chúng làm sạch quang cả phòng giấy tôi đi.

- Đấy là cho một vườn trẻ, Kalina Ivanôvich nghiêm chỉnh nói, vừa nói vừa tựa hẳn người vào lưng ghế.

Mãi hôm sau, không biết do một sự kỳ lạ nào, mới phát hiện ra được rằng người ta đã lấy đồ đạc đi vì có Kalina Ivanôvich cho phép. Bị mời lên sở Giáo dục, chúng tôi lờ đi không lên, và Kalina Ivanôvich nói:

- Cứ đợi tôi mất công đi khối ra đấy vì một chuyện ghế dựa! Làm như là ở đây tôi chưa có đủ công việc phải lo ấy!

Vì tất cả những lý do đó cho nên lúc

này Kalina Ivanôvich cảm thấy bứt rứt khó chịu như người đi đôi giày chật.

- Chúng tôi đã làm một việc tốt. Điều đó có gì là tệ hại?

- Thế ra ông không biết ngượng à? ông có quyền gì mà cho phép như thế?

Kalina Ivanôvich lịch sự quay mình lại trên ghế ngồi:

- Tôi có quyền; cũng như bất cứ ai vậy thôi. Ví dụ như hôm nay tôi cho phép bà mua một cái trại, - thì là tôi cho phép bà mua, chỉ có thế thôi. Còn tùy ý bà mua hay không mua. Và nếu bà muốn, bà có thể cứ việc lấy thẳng nó cũng được. Tôi cũng cho phép bà làm như thế đấy!

- Nhưng nếu thế thì, tôi đây, tôi cũng

có thể cho phép khuân đi, - và Maria Kônđratiepna đưa mắt nhìn bao quát các thứ ở chung quanh mình, - ví dụ, tất cả các ghế đẩu và những cái bàn này à?

- Bà có thể cho phép.

- Thế nào? Maria Kônđratiepna vẫn nhấn hỏi, mà không khỏi có phần lúng túng.

- Thế thì, chả làm sao cả.

- Nếu như vậy thì sẽ xảy ra chuyện gì? Người ta sẽ đến lấy các thứ đồ và mang đi à?

- Ai đến lấy kia?

- Một người nào đó.

- Ái cha, cái người nào đó cứ việc đến đi. Để xem bản thân hắn ta ở đây

bước ra tình trạng ra sao, thú đáo để.

- Dù sao thì hắn cũng chả đi được bằng chân mà ra đâu, phải cần đến một chiếc xe thôi, Zađôrôp đứng ở sau lưng Maria Kôndratiepna đã được một lúc lâu, vừa nói vừa mỉm cười.

Maria Kôndratiepna đỏ mặt, ngước mắt nhìn lên Zađôrôp và lúng túng hỏi:

- Anh nghĩ thế à?

Nụ cười của Zađôrôp để lộ tất cả răng hắn.

- Tôi thấy rất có thể là như thế.

- Một thứ triết lý của kẻ cướp, thiếu phụ nói. Ông dạy dỗ các trẻ nuôi của ông như thế à? Bà ta quay lại bảo tôi bằng một giọng khô khan.

- Vâng, đại khái như vậy...

- Ông cho như thế là một cách giáo dục à? Lấy cướp đồ đạc của phòng giấy tôi, đến như vậy thì còn có nghĩa lý gì không chứ? Vậy thì ông giáo dục ai? Tóm lại, hễ có cái gì dễ vương vất đấy, thì cứ việc lấy phăng đi thôi, có phỏng?

Một nhóm trại viên đứng nghe và vẻ mặt chúng biểu hiện rõ chúng hết sức chăm chú đến câu chuyện. Maria Kônđratiepna nổi nóng, và trong giọng nói của bà ta tôi thấy có những thanh điệu hơi cáu kỉnh mà bà không muốn để lộ ra. Không muốn để cuộc tranh luận kéo dài theo chiều hướng đó, tôi nói giọng hòa giải

- Nếu bà đồng ý, thì chúng ta sẽ nói

lại kỷ về chuyện này một lần khác, vì dù sao đó cũng là một vấn đề phức tạp.

Nhưng Maria Kônđratiepna không chịu:

- Có cái gì là phức tạp ở trong chuyện này chứ? Thực đơn giản như không: ông giáo dục họ theo lối kulắc, chỉ có thế thôi.

Kalina Ivanôvich hiểu rằng bà ta tức giận thực sự nên đến ngồi sát gần bà:

- Bà đừng giận một người già cả hiền lành, nhưng bà không nên nói như vậy: một nền giáo dục kulắc. Ở trại này, giáo dục của chúng tôi là một nền giáo dục xô-viết. Về phần tôi, thì tất nhiên tôi đùa đấy, và tôi nghĩ bụng: một khi bà chủ nhà ngồi đó, thì bà ta sẽ cười, chỉ có thế thôi,

và không biết chừng bà ta cũng nhận thấy rằng bọn trẻ nhỏ không có ghế để ngồi. Song đây không phải là một bà chủ nhà đảm đang; người ta lấy đồ đạc của bà ta ngay trước mặt bà ta, thế rồi bây giờ bà ta đi tìm những thủ phạm và lại nói đến một nền giáo dục theo lối kulắc...

- Thành thử các trẻ nuôi của ông có lẽ cũng sẽ hành động y như thế? Maria Kônđratiepna đáp, song giọng kháng cự đã bắt đầu yếu.

- Phải rồi, họ cứ nên làm như thế...

- Tại sao vậy?

- Để dạy cho các bà chủ nhà vô tâm biết công việc mình phải làm.

Karabanôp lách đám trại viên bước ra

và đưa cho Maria Kônđratiepna một cái gậy có buộc một chiếc muisoa trắng như tuyết, sáng nay nhân dịp lễ, người ta đã phát cho các trại viên những muisoa đó.

- Thôi nào, bà Maria Kônđratiepna, kéo cờ trắng lên đi, và xin bà đầu hàng ngay tức khắc cho.

Maria Kônđratiepna bỗng phá lên cười, và đôi mắt bà sáng long lanh:

- Tôi xin hàng, tôi xin hàng; người ta không nuôi dạy các anh theo lối kulắc, chả có ai đánh lừa lấy cướp của tôi hết cả, thôi xin hàng, các bà ở sở Giáo dục xã hội đầu hàng.

Đến đêm, khi tôi khoác một chiếc áo lót bông đi mượn ló mặt ra khỏi cái lỗ của người nhắc vở, thì Maria

Kônđratiepna, ngồi trong phòng rạp trống rỗng, đang chăm chú theo dõi những cuộc chạy đi chạy lại cuối cùng của các trại viên. Từ hậu trường, tiếng kim lanh lảnh của Tôxka Xôlôviep đòi hỏi:.

- Xêmiôn, này Xêmiôn, cậu đã trả bộ áo chưa? Cậu hãy đem trả rồi cút về đi.

Tiếng của Karabanôp đáp lại hắn:

- Tôxka, chú em xinh của tôi ơi, chú đâm ra hơi gàn rồi có phải không? Tớ đóng vai Xatin kia mà.

- À! Xatin! Thế thì cậu cứ giữ lấy làm kỷ niệm.

Đứng ở thành sân khấu, Vôlôkhôp kêu to lên vào trong bóng tối:

- Galatenkô, đừng làm thế chú mày nhá, phải tắt lò đi mới được.

- Rồi tự nó sẽ tắt thôi, giọng khàn khàn và buồn ngủ của Galatenkô đáp lại.

- Mày hãy làm theo lời tao bảo, tắt đi. Mày đã nghe rõ lệnh: không được để một lò sưởi nào còn chảy cả.

- Lệnh đâu mà lắm thế, cứ như mưa rào ấy! Galatenkô làu bàu. Nào, thì tắt.

Trên sân khấu một nhóm trại viên đang dỡ những tấm phản dạ lữ viện và một chú hát: "Mặt trời mọc rồi lại lặn".

- Những tấm ván này, ngày mai, trả về xưởng mộc, Michia Jêvêli nhắc lại, rồi hắn bỗng kêu tướng lên:

- Antôn, này Antôn ơi!

Từ trong hậu trường, Bratsenkô đáp lại hắn:

- Có tao đây, mày làm cái gì mà rống lên như một con lừa ấy?

- Mai mày cho chúng tao một cái xe chứ?

- Phải.

- Với một con ngựa chứ?

- Chúng mày không kéo lấy được à?

- Chúng tao không đủ sức.

- Mày không ăn đủ thóc sao?

- Chính thế đấy.

- Cứ đến, tao sẽ cho mày ngựa.

Tôi đi lại gặp Maria Kônđratiepna.

- Bà nghỉ đêm ở đâu?

- Tôi đợi Liđa. Lúc nào lau rửa mặt hóa trang xong, cô ta sẽ đưa tôi về phòng cổ... Này, ông Antôn Xêmiônôvich ạ, các trại viên của ông ngoan thật, nhưng kể cũng vất vả đấy; bây giờ đã khuya lắm rồi mà họ vẫn còn làm việc. Tôi tưởng tượng họ mệt biết chừng nào. Ông xem có thể cho họ ăn cái gì được không? Ít ra thì cùng cho những người đã làm việc.

- Họ đều làm việc tuốt cả và làm gì có đủ cho tất cả mọi người.

- Nhưng còn chính ông, các giáo viên của ông, các ông cũng đóng kịch và tất cả đều đóng khá; tại sao các ông không hợp nhau lại, ngồi một lát chuyện trò, và ăn tối một chút với nhau. Tại sao không

được?

- Sáu giờ sáng chúng tôi đã phải dậy, bà Maria Kônđratiepna ạ.

- Chỉ vì lẽ đó thôi ả?

- Bà xem đấy thì biết, tôi nói với người đàn bà tốt bụng và khả ái đó, chúng tôi sống một cuộc đời khắc khổ hơn vẻ ngoài người ta tưởng tượng rất nhiều. Hơn rất nhiều.

Maria Kônđratiepna ngồi lặng yên suy nghĩ. Chị Liđa bé nhỏ nhảy từ trên sân khấu xuống và bảo:

- Buổi diễn hôm nay hay đấy chứ nhỉ?

6. NHỮNG MŨI TÊN CỦA QUYPIĐÔNG [21]

Lễ sinh nhật Gorki đánh dấu mùa xuân đã đến. Ít lâu nay chúng tôi đã bắt đầu cảm thấy mùa xuân thức dậy ở một lĩnh vực nào đó.

Nhà hát của chúng tôi đã khiến cho các trại viên gần gũi rất nhiều với các thanh niên nông thôn, và nhiều khía cạnh của sự gần gũi ấy làm nảy nở ra những tình cảm và dự định chẳng hề được liệu tính trước chút nào trong lý luận của khoa giáo dục xã hội. Những nạn nhân chính của tình trạng đó là những trại viên, do quyết định của hội đồng đội

trưởng, bị đặt vào những chỗ nguy hiểm nhất, nghĩa là vào đội đặc biệt "Khán", chữ dùng để chỉ khán giả một cách rất có ý nghĩa.

Các bạn của họ ở đội sáu "Diễn", đóng trò trên sàn vấn, từ đầu chí cuối đều được lôi cuốn trong cơn lốc say sưa của ảo tưởng sân khấu. Vì thế cho nên họ thường cảm thấy sự kích thích lãng mạn và sự giả vờ của ái tình đóng kịch, song đó chính là điều cứu họ thoát trong một thời gian khỏi sự yếu đuối của cái mà người ta gọi là mối tình đầu say đắm. Các đội khác điều động cho sân khâu cũng làm việc trong một bầu không khí lành mạnh an toàn. Các chú ở đội sáu "Động" luôn luôn bận rộn với những chất nổ thượng hạng, và Taranet ít khi rời bỏ

cái băng quấn chung quanh đầu, bị thương một lần trong vô số lần hắn thử những thuật hỏa công của hắn. Ái tình cũng chả làm sao bắt vào được cái đội ấy: tiếng sấm nổ đinh tai nhức óc của những tàu bè, pháo đài và xe tổng trưởng bay tung lên trời làm cho các trại viên bị kích động đến tận đáy tâm hồn, chẳng còn để lúc nào rảnh rỗi cho nhóm lên ở đấy "ngọn lửa dục âm u, mờ ám". Những "ngọn lửa" như thế cũng không tài náo nảy sinh được trong đội phụ trách kê dọn đồ đạc và bối cảnh; trong trường hợp của họ, cái hiện tượng mà thuật ngữ sư phạm [22] gọi tên là "cao thượng hóa" được biểu hiện một cách quá ư mạnh mẽ. Ngay đến các chú trong đội "Ấm", làm phận

sự giữa nơi công chúng hẳn hoi, cũng tránh được những mũi tên của Quypiđông, vì dù cho lơ đãng đến đâu chăng nữa, vị thần đó cũng chẳng thể nào nảy ra ý bắn tên vào những cái đích đen thủi đen thui vì bụi than và mồ hóng nhem nhuốc như thế.

Nhưng chú trại viên thuộc đội sáu đặc biệt "Khán" thì chỉ vì thuộc đội ấy mà rất dễ bị nguy. Chú ta bước vào nhà rạp, diện bộ quần áo bảnh nhất mà trại có thể cấp cho chú; hễ ăn mặc chỉnh mảng một tí là tôi tóm cổ chú đi ngay và la mắng cho cẩn thận. Ở túi bên áo chú ta đỏm dáng thò ra đầu góc một chiếc mui soa sạch; mũ chú đội bao giờ cũng là một kiểu mẫu lịch sự; chú phải lễ phép như một nhà ngoại giao và ân cần như một

anh thợ chữa răng. Được trang sức bằng tất cả nhưng ưu điểm đó, chú ta không tài nào tránh khỏi sa vào vòng ảnh hưởng của những sức mạnh quyến rũ rất quen biết nọ, mà ở Gôntsarôpka cũng như ở Pirôgôpka và ở các trại ấp Vôlôvi, đại khái chúng cũng được chỉnh bị theo cùng một kiểu cách như ở các phòng khách của Pari mà thôi.

Cuộc gặp gỡ đầu tiên, ở cửa nhà hát chúng tôi, trong khi soát vé, và việc tìm một chỗ ngồi còn trống, cứ nhìn bề ngoài thì hình như không có vẻ gì là nguy hiểm: trước mắt các cô, cái con người làm chủ nơi đấy, người tổ chức ra những buổi diễn tuyệt vời này, với biết bao đoạn văn dài cảm động và những diễn xuất kỳ lạ trên sân khấu, con người ấy có vẻ như

còn được phủ thêm cái uy tín hấp dẫn của sự xa vời, không thể nào với tới, không thể nào đụng tới, hầu như vượt hẳn ra ngoài vòng tình ái, thậm chí đến ngay bản thân các cậu trai làng cũng không hề cảm thấy lòng bị cắn xé bởi sự ghen tuông. Nhưng qua buổi diễn thứ hai, thứ ba và thứ năm rồi, thì cái chuyện cũ kỹ ngàn đời kia lại tái diễn. Paraxka ở thôn Pirôgôpka hoặc Marutxia ở xóm Vôlôvi chợt nhớ ra rằng những bộ má phớt hồng, những đường lông mày đen - mà cũng chẳng cứ riêng lông mày đen nữa - với những đôi mắt long lanh; một chiếc áo vải hoa mới tinh choáng lộn với những thứ quyến rũ của thời trang, bao trùm hàng triệu triệu mồi hấp dẫn, mà cái nào cũng công hiệu như cái nào; cái nhạc

điệu như nhạc của nước Ý trong tiếng "e lờ" theo giọng Ukren, mà chỉ có một thanh quản thiếu nữ mới có thể thốt lên trong trẻo được - các cô nhớ ra rằng tất cả những cái đó là một sức mạnh vượt bỏ hẳn lại rất xa ở đằng sau, không những mọi trò kỹ xảo hỏa công của các trại viên Trại Gorki, mà còn vượt bất cứ kỹ thuật nào khác, ngay cả đến kỹ thuật Mỹ hết sức nữa. Và một khi tất cả những sức mạnh ấy bắt đầu tác động, thì thôi đấy, cái uy tín không thể nào với tới của các trại viên chẳng còn lại được một tí gì nữa hết. Rồi đến cái lúc mà một chú trong bọn đến tìm tôi sau buổi diễn, nói dối như manh rằng:

Bác Antôn Xêmiônôvich, xin phép bác cháu đưa các cô gái thôn Pirôgôpka

về, chẳng có họ sợ.

Trong câu nói ấy là cả một sự hỗn hợp hiếm có của bao nhiêu điều dối trá, vì kẻ được nhận nhiệm vụ cũng y như tôi, đều thừa biết đi rằng chả có ai sợ hãi gì hết thảy, và chả cần ai phải đưa về cả; rằng chữ số nhiều "các cô gái" kia là ngoa ngoắt và cũng chẳng cần gì đến một sự cho phép nào; nếu cần, thì chẳng cho phép người ta cũng cứ tổ chức cuộc tiễn chân cái cô khán giả sợ sệt kia.

Vì thế nên tôi cho phép, mà phải nén sâu vào tận đáy tâm hồn sư phạm của tôi cái cảm giác rõ rệt là mình hành động mâu thuẫn. Người ta biết rằng khoa sư phạm nhất thiết phủ nhận tình yêu, cho rằng cái "đặc trưng" ấy chỉ được xuất hiện khi nào sự thất bại của tác dụng giáo

dục đã hoàn toàn được chứng nhận mà thôi. Tự cổ chí kim và ở dân tộc nào cũng vậy, các nhà sư phạm đều ruồng ghét tình yêu. Và tôi cảm thấy một mối thất vọng hờn ghen khi thấy một trại viên này hay trại viên nọ vắng mặt trong một buổi họp Kômxômôn hoặc một buổi họp toàn trại, khinh bỉ đẩy sách đi, coi thường hết thảy những đức tính cần có cho một đoàn viên tích cực và có ý thức tập thể, để chỉ công nhận độc có uy quyền của một cô Marutxia hay Natasa, là những con người đứng thấp hơn tôi không biết đến đâu mà nói, về các mặt sư phạm, chính trị, đạo đức. Song xưa nay vốn quen suy nghĩ, tôi không vội để cho lòng ghen của tôi tự do bộc lộ tí nào. Các bạn đồng nghiệp của tôi ở trại và

đặc biệt là các ông ở sở Giáo dục đều quyết liệt hơn tôi và rất bực bội phản ứng, chống lại những sự can thiệp của vị thần nhỏ có cánh đến phá vỡ hết thảy mọi dự kiến và kế hoạch.

- Phải cương quyết chống những hiện tượng đó mới được.

Những cuộc tranh luận ấy bao giờ cũng có cái tốt là rút cục đã dọi ánh sáng vào điểm này; nên dựa vào lương tri của mình và vào sự hợp tình hợp lý của đời sống. Hiện tượng hợp tình hợp lý chưa lấy gì làm có nhiều trong đời sống của chúng tôi, vì nó vẫn còn nghèo nàn lắm. Và tôi mơ ước: giả sử chúng tôi giàu có, thì tôi sẽ cưới vợ cho các trại viên và sẽ cho các đoàn viên Kômxômôn có vợ được ở khắp quanh vùng. Điều đó có gì

là hại? Song cái đó còn là xa xôi viễn vọng. Cũng không hề gì. Cảnh nghèo có khi nảy ra sáng kiến. Tôi không dung những lối can thiệp sư phạm để làm phiền nhiễu những kẻ si tình, thứ nhất là họ đã không vượt ra ngoài khuôn phép. Trong một lúc thực tình, Ôpriskô đã khoe với tôi tấm ảnh cô Marutxia của hắn, đó là chứng cớ hiển nhiên rằng cuộc sống vẫn theo dòng tiến triển của nó trong khi chúng tôi cứ triền miên suy nghĩ.

Tấm ảnh tự nó chẳng nói lên được gì nhiều. Cái bộ mặt rộng, mũi hếch, đang nhìn tôi đây, chẳng đem thêm được chút gì cho kiểu người trung bình của Marutxia. Nhưng ở mặt sau có những chữ này viết bằng một kiểu chữ rõ ràng là của nữ học sinh:

“Murutxua Lukasenkô tặng anh Đmitri thân yêu. Xin anh chung thủy với tình đôi ta”

Đmitri Ôpriskô, ngồi trên chiếc ghế dựa, biểu lộ cho cả thế giới biết rằng hắn ta là một con người bỏ đi rồi. Hắn chỉ còn là cái bóng ma thảm hại của anh chàng trai vui tính dạn dĩ nọ, và ngay cả đến túm tóc xoăn bướng bỉnh ở trên trán hắn cũng đã biến mất: mái tóc hắn bây giờ chải chuốt đã có một vẻ nết na ôn hòa. Đôi mắt màu hạt dẻ của hắn mới đây rất dễ sáng ngời lên vì một câu đùa hóm hỉnh hoặc vì ý muốn chạy nhảy cười cợt, giờ chỉ còn biểu hiện với một vẻ thản nhiên ngoan ngoãn những mối lo âu gia đình và sự phục tùng cái số phận đáng yêu của hắn.

- Chú dự định làm gì?

Ôpriskô mỉm cười.

- Nếu bác không giúp cho, thì sẽ không ổn chuyện được. Chúng cháu chưa nói gì với ông bố cả; Marutxia sợ. Nhưng, nói cho cùng, ông ta đối với cháu cũng khá có thiện cảm.

- Được rồi, ta hãy đợi xem.

Ở phòng tôi bước ra, Ôpriskô hoan hỉ và quý hóa giấu kín trên trái tim tấm ảnh của cô bạn tình.

Với Tsôbô thì tình hình nghiêm trọng hơn nhiều. Tính cách hắn lầm lì và hung bạo, ngoài ra chẳng có gì nổi bật cả. Trước kia mới đến trại hắn đã có ngay một chuyện đánh nhau quan trọng, điểm

xuyết bằng những nhát dao. Từ đấy đến nay, hắn nghiêm túc tôn trọng kỷ luật nhưng bao giờ cũng xa lánh những nhóm ẩu loạn của trại. Bộ mặt hắn không linh hoạt, chẳng có vẻ gì đặc sắc và những lúc hắn tức giận lại còn có phần ngốc nghếch nữa. Hắn đến trường chẳng qua là vì bắt buộc và chỉ học được tạm biết đọc. Điều mà tôi thích ở hắn, là cách hắn ăn nói: hắn hà tiện lời, nhưng bao giờ người ta cũng cảm thấy lời của hắn rất thẳng thắn và đơn giản. Hắn là một trong những người đầu tiên được kết nạp vào đoàn Kômxômôn. Kôvan có một ý kiến rất rõ rệt nhận xét về hắn:

- Nó không làm nổi một bản báo cáo và cho làm công tác tuyên truyền cũng rất là đoảng, nhưng bác hãy thử giao cho nó

một khẩu liên thanh xem, nó sẽ chết trước khi rời súng.

Ở trại ai cũng biết Tsôbô yêu say đắm Natasa Pêtrenkô. Cô gái ở nhà Mutxi Kacpôvich, được y nhận là cháu, nhưng sự thực y nuôi cô chỉ để làm thợ cày cấy. Mutxi cho cô đến trại xem kịch, nhưng bao giờ cô cũng ăn mặc rất là xoàng xĩnh: một cái váy may vụng, đã có người dùng cũ từ lâu, đôi giày có cổ méo mó, đi chẳng vừa chân, và một chiếc áo dài lỗi thời màu tối sẫm. Không bao giờ chúng tôi thấy cô mặc khác. Những quần áo đó biến người cô thành một hình nhân thảm hại, nhưng lại càng làm cho mặt cô thêm có duyên. Trong khi cái vòng hào quang hoe hoe đỏ của một chiếc khăn trùm đầu bà già rách bươm và hoen ố,

chẳng phải là một bộ mặt lộ ra trước mắt ta nữa, mà chính thực là sự biểu hiện tuyệt vời của tiết sạch giá trong người trinh nữ với nụ cười không bao giờ tỏ ra hằn học, tức giận, nghi kỵ, buồn phiền. Cô ta chỉ có biết nghiêm chỉnh lắng nghe, và trong lúc đó người ta thấy đôi hàng mi đen rậm của cô rung lên nhè nhẹ, hoặc giả phô ra, trong một nụ cười chân thực và đầy ý tứ ân cần, hai hàng răng nhỏ xinh, có một chiếc hơi mọc lẫy ở đằng trước.

Natasa bao giờ cũng đến trại cùng với nhóm bạn gái, những cô nói năng cử chỉ sôi nổi, huyên náo và kiểu cách, khiến cô nổi bật hơn hẳn lên vì sự dè dặt đơn giản, trẻ thơ, và tính vui vẻ tự nhiên của cô. Lần nào cũng như lần nào, Tsôbô đều

gặp cô và cùng cô ngồi trên một chiếc ghế dài, vẻ mặt lầm lì quàu quạu, song vẻ mặt đó chẳng hề khiến cô bối rối và làm biến đổi gì trong tâm tình cô hết. Thấy tôi tỏ ý không tin rằng cô gái ấy lại có thể yêu được Tsôbô, bọn con trai nhất tề trả lời tôi:

- Ai? Natasa ấy ư? Nhưng bảo cô ta nhảy vào lửa vì nó cô ta cũng nhảy ngay, không do dự.

Hồi đó, thực ra, chúng tôi chẳng làm gì có thì giờ rảnh rỗi mà nghĩ đến những chuyện tiểu thuyết. Đã đến dạo mặt trời chuyển sang một đợt tấn công thật sự và làm việc đến mười tám giờ mỗi ngày. Theo gương mặt trời, Sêrê cũng chồng chất công tác cho chúng tôi nhiều vô kể, thậm chí chẳng mấy lúc được yên lặng

mà thở nữa, chúng tôi không khỏi cay đắng nhớ lại chúng tôi đã phấn khởi chừng nào trong mùa thu vừa qua, mà tán thành kế hoạch gieo hạt giống của anh ta. Chính thức thì là cấy luân phiên sáu năm, nhưng công việc thực sự phức tạp hơn nhiều, Sêrê hầu như không gieo giống ngũ cốc. Anh ta đã cho cấy lúa mì vào mùa thu vào khoảng bảy éc-ta ruộng hưu canh mùa đông; đó đây lẩn quất một vài nương nhỏ mạ yến mạch và đại mạch; ngoài ra anh ta còn dành một mảnh ruộng bé thí nghiệm một thứ hắc mạch đặc biệt, mà anh ta nói trước rằng rồi đây sẽ chẳng có một người nông dân nào dám đoán là hắc mạch, và họ sẽ phải "phát hoảng".

Nhưng trong khi đợi thì chúng tôi hãy

phát hoảng trước: khoai tây, củ cải cho súc vật, dưa gang, cải bắp, cả một đồn điền trồng đỗ, mà tốt cả các thứ đó đều nhiều giống loại khác nhau, khó mà phân biệt được. Bọn trai còn bảo rằng Sêrê đã đưa cả một cuộc phản cách mạng thật sự vào các ruộng nương của trại nữa.

- Với chú ta, thì chỉ toàn là những vua, với hoàng đế hay hoàng hậu.

- Quả thật, trong tất cả các lô của anh ta, phân ranh giới bằng những luống đất và những hàng rào thẳng tấp, Sêrê đã cắm cọc những tấm biển nhỏ bằng gỗ ghép, mỗi biển đề gieo hạt gì và gieo bao nhiêu. Một số trại viên – có lẽ là những chú trông coi các nương gieo cho quạ khỏi ăn hạt – một buổi sáng nọ nảy ra ý kiến đem những tấm biển của chính

họ ra cắm ngay bên cạnh, trò tinh nghịch ấy là cho Sêrê tức giận ghê gớm. Anh ta đòi triệu tập hội đồng đội trưởng và, trước mặt họ, anh ta hét lên, khiến chúng tôi ngạc nhiên vì xưa nay không quen thấy anh ta như thế bao giờ:

- Những trò bố láo này là cái gì thế vậy? Thật mới ngu xuẩn chứ! Tôi gọi những thứ đó bằng cái tên mà người ta gọi chúng ở khắp nơi. Nếu thông thường [23] phải gọi thứ này là "Vua Anđaluzi ", vì là cả thế giới biết tên nó như thế, thì tôi không thể nào lại bịa ra cho nó một cái tên mới được. Thật là một chuyện đểu giả, chỉ có thế thôi! Ai lại đi đề vào: Đại tướng Củ cải, Đại tá Đỗ xanh không chứ? Rồi lại còn: Đại úy Dưa hấu và

Trung úy Khoai Tình yêu?

Các đội trưởng đều mỉm cười, không biết nên có thái độ thế nào đối với tất cả cái bè đảng ấy. họ nghiêm chỉnh hỏi:

- Ai bầy ra cái trò khỉ ấy? Các thứ rau đó đang là vua, thế mà bây giờ chúng chỉ còn được là đại úy thôi. Có quỷ nào hiểu…

Bọn trai không thể nhịn cười mủm mỉm, mặc dầu họ sợ Sêrê. Xilanti hiểu tình hình nghiêm trọng của sự xung đột và cố gắng làm cho không khí bớt căng thẳng:

- Anh xem, chuyện trò thế đấy: một khi ông vua mà một con bò cái cũng gậm được, thì đó, cũng chả lấy gì làm ghê sợ; có thể cứ để mặc cho nó làm vua.

Kalina Ivanôvich cũng đứng về phe Sêrê:

- Tại sao các chú lại làm nhộn lên như thế? Các chú muốn tỏ ra rằng ta đây là những nhà đại cách mạng, và các chú ngứa ngáy muốn khai chiến và cắt cổ những của ăn hại ấy, có phải không? Thế thì được lắm, việc gì mà phải băn khoăn? Người ta sẽ cho mỗi chú một con dao, và các chú cứ việc chặt đầu chúng đi, cho đến kỳ mồ hôi các chú rỏ giọt như mưa ấy nhé.

Các trại viên đã biết công tác cắt lá củ cải là như thế nào rồi, cho nên họ rất vui vẻ đón nhận câu tuyên bố của Kalina Ivanôvich. Thế là chấm dứt cuộc điều tra về cái án phản cách mạng trong các ruộng của trại, và khi Sêrê giồng ở trước

tòa bạch cung hai trăm bụi hồng lấy ở khung kính ấm ra, với những tấm biển đề chữ "Hoàng hậu Bạch tuyết", thì chẳng có một trại viên nào phản đối hết. Chỉ riêng Karabanôp nói:

- Hoàng hậu, kệ xác nó, con đĩ, miễn là nó thơm là được.

Củ cải làm cho chúng tôi vất vả hơn hết mọi thứ khác. Cứ nói thực ra, thì đó là một thứ cây đáng ghét vô cùng. Chỉ có gieo nó là dễ thôi, còn về sau thì phát điên lên vì nó được. Nó vừa mới nhú ra khỏi đất, chậm chạp và lười biếng, đã phải làm cỏ cho nó ngay. Giẫy cỏ lần thứ nhất cho củ cải là một tấn thảm kịch thật sự. Đối với một người chưa thông thạo, thì cây non chẳng khác gì một thứ cỏ xấu, cho nên Sêrê đòi hỏi phải là những trại

viên cũ làm việc ấy, và các chú này kêu lên:

- Đấy, mày bảo thế nào: lại giẫy cỏ cho những của nợ ấy à? Làm như chưa đủ chán ngấy lên vì giẫy hay sao!

Xong việc giẫy cỏ lần thứ nhất, rồi lần thứ hai, ai nấy đang mơ tưởng được làm cải bắp, hay đỗ, vả chăng mùa cắt cỏ cũng đã tới rồi, thì một ngày chủ nhật kia trong bản điều nhân lực của Sêrê, người ta thấy ghi cái khoản kín đáo này: "Bốn mươi trại viên, để xới đất lại cho củ cải".

Vecsơnep, thư ký của hội đồng, đọc riêng một mình cái dòng chữ nhỏ trắng trợn ấy, tức giận, đập nắm tay lên mặt bàn:

- Tôi thấy gì đây nhỉ: lại củ cải à? Vậy ra chưa xong tôi với cái cây chó chết ấy ư!... Có lẽ là một lệnh cũ mà chú ghi lầm đấy chăng?

- Không, một lệnh mới đấy, Sêrê bình tĩnh đáp. Bốn mươi người, và phải là người cũ đấy nhé.

Nhân nghỉ hè ở một nhà gần trại, Maria Kônđratiepna cũng dự vào buổi hội đồng. Những núm đồng tiền nho nhỏ trên đôi má bà ta hình như thích thú nhìn sự tức giận của các trại viên.

- Sao mà các chú lười thế, hử các chú? Vậy mà ăn thì các chú thích củ cải nấu xúp, có phải không nào?

Xêmiôn nghiêng đầu và nói một cách hùng hồn:

- Điều thứ nhất, đây là củ cải cho bò ăn; nó cứ chết quách đi cho xong! Điều thứ hai, mời bà hãy đi xới đất lại với chúng tôi. Xin bà quá bộ cho chúng tôi được hân hạnh, và nếu bà có thể kham nổi, dù chỉ là một ngày thôi, thì, thật vậy, tôi xin lập ngay một đội đặc biệt và xin làm vào đống củ cái quỷ quái ấy cho kỳ đến chôn hết chúng nó vào kho kín mới thôi.

Maria Kôndratiepna vừa mỉm cười vừa nhìn tôi, hy vọng được tôi đồng tình, vừa hất đầu chỉ các trại viên:

- Kể họ cũng gớm thật!...

Bà ta đang nghỉ hè, cho nên ban ngày có thể gặp bà ta ở trại. Nhưng ban ngày, thì ở trại chán lắm; bọn trẻ chỉ trở về trại

để ăn bữa trưa, người nào người nấy lem luốc, bụi bậm, rám nắng. Quẳng những chiếc cuốc nhỏ của họ vào xó kho của Kutlaty, ào ào như đoàn kỵ mã của Budionnny, họ phi nước đại xuống dốc ra bờ sông hiểm trở, vừa chạy vừa cởi dải quần rút cụt, và sông Kôlômak sục nhộn hẳn lên vì những xoáy nước do thân họ đằm xuống, vì những tiếng la hét, những trò chơi và đùa nghịch tinh quái của họ. Trong các bụi rậm trên bờ, bọn con gái nói líu tíu:

- Nào thôi, đi lên đi! Bọn trai, ê này, bọn trai, lên đi chứ, bây giờ đến lượt chúng tôi!

Giáo viên trực nhật, nét mặt đăm chiêu, đi bách bộ trên bờ, trong khi bọn trai mặc vào người ướt át những chiếc

quần cụt còn nóng hổi, và trên vai người nào người nấy lấp lánh những giọt nước nho nhỏ, họ đi tới những bàn ăn đặt chung quanh chỗ suối nước phun trong khu vườn cũ. Maria Kônđratiepna đang đợi họ ở đấy từ lâu. Ở trại, bà ta là người độc nhất còn giữ được nguyên nước da trắng trẻo và những vòng tóc chưa bị ánh nắng ăn mất màu vàng óng. Vì thế cho nên, ở giữa môi trường này, hình như bà ta đặc biệt chăm chú chút thân hình, và điều đó không thoát khỏi mắt ngay cả đến Kalina Ivanôvich:

- Một người đàn bà dáng dấp đẹp thế, anh ạ, mà ở đây thật là của phí hoài. Anh Antôn Xêmiônôvich này, anh chỉ nhìn bà ta về mặt lý luận thôi là sai. Bà ta nhìn anh ta như một người đàn ông, thế mà

anh, anh để ý đến bà ta cũng chẳng hơn gì một gã dân quê.

- Bác không biết ngượng à! Tôi bảo bác ta. Ở trại này, chỉ còn thiếu có nước cả tôi cũng đâm đầu vào những chuyện tình vớ vẩn nữa mà thôi.

- Hừ, anh! Kalina Ivanôvich vừa nói khàn khàn giọng mũi già nua vừa rít tẩu thuốc. Anh hãy coi chừng, kẻo đời anh sẽ cứ mãi mãi là con gà tồ đấy…

Tôi không có thì giờ để làm một cuộc phân tích những ưu điểm của Maria Kônđratiepna trên lý luận và trên thực tế, có lẽ vì thế cho nên bà ta cứ luôn luôn mời tôi uống trà và rất lấy làm bực tức khi nghe tôi lễ phép nói với bà:

- Thưa bà, quả tình là tôi không thích

uống trà.

Một lần, sau bữa ăn, các trại viên ai nấy đều lại đi công tác hết rồi, chỉ còn có bà ta với tôi ngồi nán lại bên bàn ăn, bà nói với tôi bằng một giọng thân tình đơn giản:

[24]

- Này, Ông Điôgien Xêmiônôvich ạ! Nếu tối nay mà ông không lại nhà tôi, thì tôi sẽ phải coi ông là một người không biết phép lịch sự đấy nhé.

- Thế ở nhà bà sẽ có cái gì? Nước trà à?

- Món kem, ông hiểu không, món kem… dành riêng cho ông, do chính tay tôi làm đấy.

- À, được, tôi miễn cưỡng nói. Ăn kem vào mấy giờ?

- Tám giờ.

- Phải cái rằng tám giờ rưỡi, tôi mắc nghe các đội trưởng báo cáo.

- Lại một nạn nhân của ngành giáo dục… thế thì chín giờ ông đến vậy.

Nhưng đến chín giờ, vừa xong báo cáo, ngồi ở phòng giấy, tôi còn đang buồn bực vì lại bắt buộc phải đi ăn kem mà chưa có thì giờ cạo râu, thì bỗng Michia Jêvêli chạy bổ tới kêu lên:

- Bác Antôn Xêmiônôvich, bác ra mau lên!...

- Có chuyện gì thế?

- Bọn trai đã đưa Tsôbô với Natasa

về. Có cái lão già ấy, tên là gì rồi nhỉ?... à phải, Mutxi Kacpôvich.

- Bọn họ ở đâu?

- Ở ngoài vườn kia.

Tôi chạy ra vườn. Natasa đang kinh hoảng, ngồi trên một chiếc ghế dài ở một lối đi hai bên trồng tử đinh hương; các nữ trại viên và phụ nữ của trại vây quanh cô ta. Bọn trai tụ tập suốt dọc lối đi, đang phỉ báng. Karabanôp nói ba hoa:

- Thật đáng kiếp. Chỉ tiếc rằng chúng đã không giết phăng nó đi, đồ sâu bọ ấy…

Zađôrôp vỗ về Tsôbô đang run rẩy và khóc:

- Không có gì nghiêm trọng đâu. Kìa,

bác Antôn đã đến đấy, bác sẽ thu xếp mọi việc.

Người nọ ngắt lời người kia, họ kể lại cho tôi nghe câu chuyện sau đây.

Lấy cớ rằng Natasa, có lẽ vì quên, đã không đem phơi một vài chiếc quần áo, Mutxi Kacpôvich quyết định cho cô ta một bài học. Hắn đã dùng dây cương ngựa quất cho cô được hai cái, thì Tsôbô bước vào nhà. Tsôbô đã làm gì, điều đó khó biết rõ, vì hắn không chịu nói, song những tiếng kêu tuyệt vọng của Mutxi Kacpôvich đã khiến lân bang hàng xóm và một phần trại viên chạy bổ tới. Họ thấy chủ nhân gần trẹo hẳn quai hàm, máu me đầy người và sợ hãi chúi vào một xó nhà. Một trong mấy đứa con trai của hắn cũng ở trong tình trạng thảm hại như thế.

Còn Tsôbô, đứng ở giữa nhà, thì đang "gầm lên như một con chó dữ", theo lời Karabanôp nói. Sau người ta tìm thấy Natasa ở một nhà láng giềng.

Vì những việc xảy ra đó, đã có những cuộc đàm phán giữa trại viên và nhân dân trang ấp. Nhiều dấu hiệu muốn chứng tỏ rằng trong cuộc thương lượng ấy những quả đấm và phương tiện tự vệ khác không phải là đã không được dùng đến, song bọn trai nhất thiết lờ đi không nói. Chuyện họ kể lại có giọng vừa hùng tráng vừa bi thống:

- Không, nói cho cùng, thì chúng cháu có làm gì đâu. Chúng cháu đã… như người ta nói, chạy đến cấp cứu, thế rồi Karabanôp hắn bảo cô bé: "Natasa ạ, đi với chúng tôi về trại, và đừng sợ gì hết.

Ở trại, cô phải biết là có những người tử tế, và họ sẽ thu xếp việc này cho cô”

Tôi mời các diễn viên của tấn bi kịch lên phòng giấy tôi.

Bằng đôi mắt nghiêm nghị, giương to lên, Natasa ngắm nhìn cái quang cảnh mới mẻ quanh mình. Chỉ có khuôn miệng khẽ giật giật là để cho thấy có còn một chút sợ hãi rơi rớt, và một giọt nước mắt từ từ khô đi trên má cô.

- Làm gì bây giờ? Karabanôp sôi nổi hỏi. Phải tính chuyện cho xong đi.

- Ừ, ta hãy tính cho xong đi, tôi tỏ ý đồng tình.

- Ta cho họ cưới nhau, Burun đề nghị.

Tôi đáp:

- Về cái đó thì ta còn có thì giờ, chẳng phải là chuyện làm ngay hôm nay. Nhưng chúng ta có quyền thu nhận Natasa vào trại ta. Không ai phản đối chứ?... Bình tĩnh chứ nào, có gì mà các chú rống lên thế! Chúng ta có chỗ để dung nạp một cô gái. Kôlia, ghi tên cô ta ngày mai vào đội thứ năm!

- Rõ! Kôlia rống lên.

Natasa bỗng hất cái khăn trùm đầu gớm ghiếc của cô ra và đôi mắt cô sáng bừng lên như một lò than hồng trước gió. Cô đâm bổ lại chỗ tôi và vui sướng cười lên, chỉ có những trẻ nhỏ mới có thể cười được như thế:

- Có thể được ư? Được vào trại? Ồ, cảm ơn chú, chú yêu quý ơi!

Tiếng cười của bọn trai đánh lấp những tình cảm chan hòa. Karabanôp giậm chân xuống sàn.

- Dễ quá mất thôi! Thật là giản dị đến nỗi… chẳng đời quái nào mình nghĩ ra được! Cho vào trại, tất nhiên, rồi ai muốn đụng vào một trại viên thì cứ thử xem!

Các thiếu nữ vui vẻ lôi kéo Natasa về phòng của họ. Bọn trai còn làm ồn lên một hồi lâu nữa. Ngồi trước mặt tôi, Tsôbô cảm ơn tôi:

- Cháu chả bao giờ nghĩ ra được điều đó… Cảm ơn bác đã bênh vực cho một cô bé tội nghiệp… còn về chuyện hôn nhân, ta sẽ liệu sau…

Chúng tôi còn thức mãi đến khuya để

bàn tán về chuyện đó. Bọn trai kể chuyện nhiều trường hợp tương tự. Xilanti phát biểu ý kiến. Họ lại đưa Natasa lên, cho tôi xem cô ta ăn mặc quần áo của trại, và Natasa chẳng có vẻ gì là một vị hôn thê nhưng là một cô gái nhỏ dịu hiền. Kalina Ivanôvich đến kết thúc và, tóm tắt mọi chuyện tốt hôm ấy, nói rằng:

- Chả nên quan trọng hóa những chuyện đó. Chừng nào mà con người còn sống, chưa bị chặt đầu, thì mọi việc vẫn cứ là ổn cả. ta đi dạo chơi một vòng ngoài đồng cỏ đi… Tôi muốn cho anh xem những quân ăn hại ấy đã xếp các đụn lúa đánh tạm ngoài đồng ra làm sao: bao giờ chúng nó chết, chúng cũng đáng cho người ta ấn chúng nó vào săng như thế mới được.

Khi cả hai chúng tôi đi về phía đồng cỏ thì đã qua nửa đêm. Đêm ấm áp và êm ả chăm chú lắng nghe chuyện của Kalina Ivanôvich hiền lành âu yếm. Những cây bạch dương đứng làm nhiệm vụ canh gác, như những người quý tộc chỉnh chện, giữ tình yêu vĩnh viễn đối với hàng thẳng của nhà binh. Và cả những cây đó cũng đang nghĩ tới chuyện gì đó. Có lẽ chúng lấy làm lạ rằng bốn bề mọi sự đã đổi thay nhiều quá. Người ta đã đặt chúng đứng canh cho giang sơn nhà họ Trepkơ, thế mà bây giờ, nhiệm vụ của chúng lại là gác cho trại Maxim Gorki.

Đứng giữa một nhóm cây lẻ loi đó, ngôi nhà của Maria Kônđratiepna nhìn thẳng chúng tôi bằng những khung cửa sổ

đen của nó. Một trong những cửa sổ ấy mở ra một cách rất nhẹ nhàng và một người bỗng nhảy ra ngoài. Hắn làm ra bộ đi về phía chúng tôi, rồi bất thình lình dừng lại và chạy tuốt vào rừng. Kalina Ivanôvich ngắt quãng câu chuyện bác rút lui khỏi Miagôrôt năm 1918, và điềm tĩnh nói:

- Đó là cái thằng ăn hại Karabanôp. Cái thằng ấy, anh thấy không, nó không nhìn mọi chuyện trên lý luận mà trên thực tế. Và tha hồ cho anh là một người có học vấn, anh vẫn cứ là con gà tồ thôi…

7.NHỮNG TRẠI VIÊN MỚI

Mutxi Kacpôvich đến trại. Chúng tôi đã nghĩ rằng hắn sắp đi thưa kiện vì cách đối xử quá ư tự do mà Tsôbô trong lúc tức giận đã giáng vào đầu hắn. Thực sự thì cái đầu ấy có bị băng bó một cách lộ liễu, và hắn ta nói với cái giọng phều phào như một con chim hộc sắp chết, chứ không còn ra kiểu hắn là Mutxi Kacpôvich nữa. Về vấn đề chúng tôi lo ngại, thì hắn tỏ thái độ ôn hòa và hiền lành như một người ngoan đạo cơ đốc:

- Không, tôi đến đây không phải vì chuyện con ranh ấy, mà vì chuyện khác. Tại sao tôi lại đi xích mích với các anh kia chứ, không, Chúa che chở cho tôi khỏi làm điều đó. Vậy ta bỏ qua việc ấy

đi… Tôi đến đây là vì chuyện cái nhà máy xay gió, tôi thay mặt Xô-viết thôn, để làm một việc tối đẹp.

Kônvan chĩa cái trán dọa nạt của hắn về phía Kacpôvich:

- Về chuyện nhà máy xay gió à?

- Đúng thế. Các anh đang chạy chọt về nhà máy xay gió, để xin thuê, tất nhiên như vậy. Xô-viết thôn cũng đã có đệ đơn. Thế thì ý kiến chúng tôi như thế này: các anh là chính quyền xô-viết, và Xô-viết thôn cũng là chính quyền xô-viết, vậy thì các anh ở một bên mà chúng tôi ở một bên, thật không ổn chuyện…

- À, phải! Kôvan nói, giọng có phần mỉa mai.

Thế là trại bắt đầu bước vào một thời kỳ ngoại giao ngắn. Tôi phải thuyết phục, khuyên Kôvan và bọn trai cố mà khoác cái áo đuôi tôm và đeo ca-vát trắng của những nhà ngoại giao, cho nên Luka Xêmiônôvich và Mutxi Kacpôvich mới có thể trong một thời gian ló mặt đến trại, mà không bị nguy đến tính mạng.

Vào hồi ấy cả trại đang hết sức quan tâm đến chuyện mua ngựa. Những con tuấn mã nổi tiếng của trại ngày càng già đi trông thấy! ngay đến con Hung cũng bắt đầu để mọc ra một bộ râu lão. Còn con Nhãi-ranh thì hội đồng đội trưởng đã xếp nó vào loại tàn phế và cấp cho nó một món tiền hưu dưỡng. Nó phải được có chỗ ở trong chuồng ngựa và hưởng thụ khẩu phần yến mạch của nó cho đến khi

chết. Chỉ khi nào riêng tôi đồng ý thì mới được phép thắng nó vào xe, Sêrê, vốn xưa nay chỉ có lòng khinh bỉ đối với con Thổ-phỉ, con Mary và con Milan, bảo rằng:

- Một cơ sở nông nghiệp tốt thì phải có ngựa tốt, thế mà khi ngựa nghẽo chả ra hồn thì nông nghiệp cũng chẳng hơn gì.

Antôn Bratsenkô từ trước đến giờ cứ lần lượt say mê hết con ngựa này đến con ngựa khác của trại và bao giờ cũng ưa con Hung hơn cả, đến nay chịu ảnh hưởng của Sêrê, chính hắn cũng bắt đầu mê mệt mơ ước một con ngựa tương lai sẽ xuất hiện một ngày kia trong giang sơn của hắn. Sêrê, Kalina Ivanôvich, Bratsenkô và tôi chẳng bỏ sót một phiên chợ nào không đi, và chúng tôi đã xem

hàng nghìn con ngựa, mà chẳng mua được con nào. Hoặc toàn là những ngựa xấu, cũng như ngựa của trại hoặc họ đòi giá đắt quá, hoặc nữa Sêrê phát hiện thấy chúng có bệnh hay tật gì kín. Và sự thực là ở chợ phiên không tìm ra ngựa tốt. Chiến tranh và cuộc cách mạng đã làm tiêu diệt những dòng ngựa tốt, còn những cơ sở mới nuôi ngựa giống thì chưa thành lập. Ở các phiên chợ ra về, Antôn hầu như bị nhục:

- Sao lại thế được? Không có ngựa. Vậy nếu chúng ta cần đến một con tốt, một con ngựa thật sự thì sao? Phải đến yêu cầu bọn tư sản à?

Vốn là tay phiêu kỵ binh cũ, Kalina Ivanôvich ưa bàn xen vào vấn đề ấy, và ngay cả đến Sêrê cũng tin vào sự hiểu

biết của bác ta, như vậy là trong việc này anh tạm rời bỏ nguyên tắc không cho ai can thiệp vào công việc của mình. Có một lần, Kalina Ivanôvich nói giữa một nhóm người sành sỏi.

- Lão Luka và lão Mutxi, hai cái thằng ăn hại ấy, ừ, cái thằng Mutxi, nó bảo rằng ở nhà những thằng cha chủ trại ấp đầu sỏ có ngựa tốt, nhưng chúng nó không muốn dắt ra phiên chợ: chúng nó sợ.

- Không đúng đâu, Sêrê nói, họ chả làm gì có. Ngựa của họ cũng như những con chúng ta đã xem thôi. Trong ít lâu nữa thì có thể kiếm được ngựa tốt ở những sở nuôi ngựa giống, nhưng bây giờ còn hơi sớm.

- Thế mà tôi, tôi bảo anh là có đấy,

Kalina Ivanôvich vẫn nói, khẳng định. Thằng Luka biết như thế; cái thằng đểu ấy nó biết cả khu này như đáy túi của nó. Và các anh cứ nghĩ mà xem, ngoài nhà một tay chủ ra thì tìm đâu được một con ngựa đẹp? Thế mà những tay chủ thì ở các trại ấp. Nó ở yên nhà nó, quân ăn hại ấy, và con ngựa giống tốt nó đã nuôi được, thì nó giữ, nó giấu, vì nó sợ người ta lấy mất của nó đi. Nhưng nếu chúng mình đến hỏi, thì nó sẽ bán cho mình…

Tôi cũng chẳng kỳ quản vấn đề tư tưởng là có ý thức hay không ý thức, quyết định luôn:

- Chủ nhật sau chúng ta đi xem. Và không biết chừng chúng ta sẽ mua được cái gì chăng.

Sêrê đồng ý:

- Sao lại không đi? Ta sẽ chả mua được gì đâu, chắc thế, song cũng là một dịp đi chơi tốt. Tôi sẽ xem lúa mì của bọn "chủ" nhà các bác ra sao.

Đến ngày chủ nhật, chúng tôi thắng ngựa vào chiếc xe phaêtông, và xe đưa chúng tôi đi êm như ru trên những con đường đất mềm của thôn quê. Quá làng Gôntsarôpka, chúng tôi cắt ngang con đường cái đi qua Khackôp, rồi xe ngựa thủng thỉnh rong bước một qua một khu rừng thông đất cát, để sau cùng đi vào một vùng mới mẻ mà chúng tôi chưa tới bao giờ.

Nhìn từ trên đỉnh một mỏm đất cao dốc thoai thoải xuống, thấy một phong

cảnh khá đẹp mắt. Trước mặt chúng tôi, từ đợt chân trời này tới chân trời khác, trải dài vô cùng tận một miền phẳng lì, hoàn toàn bình địa. Phong cảnh không nổi bật vì những màu sắc thay đổi, nó có được một vẻ đẹp nào có lẽ là do sự đơn giản của nó. Lúa mì dày kín san sát phủ khắp mặt cánh đồng. Bốn bề lúa bát ngát chuyển mình thành những đợt sóng lớn mạ vàng lượn lờ, màu vàng chóe và vàng xanh, được tôn lên từng chỗ bởi những vệt màu lục rực rỡ của kê hoặc vết hằn loang lổ của một thửa ruộng kiều mạch. Và trên cái nền kim sắc ấy sắp hàng dài một cách vô cùng đều đặn từng nhóm nhà nho nhỏ trắng phau như tuyết, bao quanh lè tè mặt đất là những mảnh vườn con hình thù không rõ rệt. Mỗi nhóm nhà ấy

có một hai cây to: dương liễu, hoàn diệp liễu, họa hoằn mới có bạch dương, và một ruộng dưa với cái lều canh màu nâu lem nhem. Tất cả những thứ đó đều giữ được một phong cách tuyệt đối nhất trí: nhà họa sĩ khó tính đến đâu cũng khó lòng tìm ra được một nét lỗi điệu mảy may nào.

Kalina Ivanôvich cũng lấy làm ưa phong cảnh.

- Các anh xem bọn chủ họ sống như thế đấy. Ở đây toàn là những người làm ăn cơ chỉ cả.

- Phải, Sêrê nói, vẻ miễn cưỡng.

- Ta vào xem đi, Kalina Ivanôvich đề nghị.

Trên một con đường nhỏ đầy cỏ mọc, Antôn cho xe lộn trở lại tới một cái cổng cổ sơ, làm bằng ba thân cây liễu mỏng mảnh ghép vào nhau bằng cây vỏ gai. Một con chó lớn, lông xám tả tơi, từ dưới một chiếc xe tải vươn mình bước ra và, cố khắc phục tính lười, sủa lên một tiếng ồm ồm. Chủ nhà ở trong nhà tranh đi ra và, vừa phủi một cái gì ở chòm râu không bao giờ được chải, vừa giương mắt ngạc nhiên và không khỏi có phần lo ngại nhìn bộ quần áo bán quân sự của tôi.

- Chào ông chủ! Kalina Ivanôvich vui vẻ nói. Xem chừng ông vừa đi nhà thờ về phải không?

- Nhà thờ, thì tôi ít đi lắm, chủ nhân trả lời bằng một giọng cũng khàn khàn và

lười biếng như giọng con khuyển giữ nhà mình. Bà nó nhà tôi thỉnh thoảng có đi… Nhưng các ông ở đâu tới thế?

- Chúng tôi đến có việc tốt lành đây: người ta bảo ông có một con ngựa tốt muốn bán, phải không?

Chủ nhân quay lại nhìn đôi ngựa đóng xe của chúng tôi. Con Hung và con Mary đen sóng đôi với nhau khá không ăn khớp, xem chừng khiến ông ta yên lòng.

- Biết nói thế nào nhỉ? Ngựa tốt, thì không phải tìm ở đây mà có đâu! Nhưng tôi có một con ngựa nhỏ sắp được ba tuổi; có lẽ các ông dùng nó được chăng?

Ông ta đi tới chuồng ngựa, dắt ở trong đó ra một con ngựa cái nhỏ, linh hoạt và béo tốt.

- Ông chưa đóng nó vào xe à? Sêrê hỏi.

- Đóng xe để đi làm việc gì thì chưa, nhưng cưỡi cho nó đi chơi thì có rồi. Cưỡi nó làm một vòng được lắm. Nó chạy tốt, tôi không dám bảo là không.

- Không, Sêrê nói, đối với chúng tôi thì nó còn non quá. Chúng tôi cần một con ngựa để làm việc cơ.

- Kể non, thì nó non thật đấy, chủ nhân đồng ý. Nhưng vào tay người chăm nom tốt thì nó sẽ lớn mạnh lên chứ. Bao giờ chả vậy. Thì đấy, ba năm nay tôi chăm sóc nó, các ông xem?

Quả là nó được chăm sóc thật: bóng nhẫy, lông sạch trơn, bờm chải cẩn thận, và về mọi mặt đều sạch sẽ hơn chủ nuôi

nó nhiều.

- Vậy ông cho biết thử, bao nhiêu, con ngựa cái này cơ? Kalina Ivanôvich hỏi:

- Tôi thấy các ông là những người đứng đắn, thế thì với một chầu rượu tốt, thôi tính các ông sáu chục séc-vô-nét đấy.

Antôn nghênh mắt lên nhìn ngọn một cây liễu, rồi sau cùng hiểu vỡ lẽ ra, hắn kêu lên:

- Bao nhiêu? Sáu trăm rúp à?

- Phải, sáu trăm, chủ nhân nói, giọng khiêm tốn.

- Sáu trăm rúp cái của cứt này à? Antôn la lên, không nén nổi tức giận.

- Chính mày cứt ấy, xem chừng mày

cũng hiểu biết về ngựa đấy! Mày hãy nuôi thử một con đi đã rồi hãy nói nhá.

Kalina Ivanôvich can thiệp với một giọng hòa giải:

- Không, không thể bảo nó là cứt được…, đây là một con ngựa cái tốt, chỉ có điều là nó không hợp yêu cầu của chúng tôi thôi.

Sêrê lặng lẽ mỉm cười. Chúng tôi lại trèo lên xe phaêtông và tiếp tục đi. Con chó dữ lông xám tiễn chân chúng tôi cũng bằng tiếng cho sủa ngắn hơi ấy, trong khi chủ nó đóng cổng lại, chẳng thèm đưa mắt một cái để chào nữa.

Chúng tôi đi đến một chục trại ấp. Hầu hết ở trại nào cũng có ngựa, nhưng chúng tôi không mua một con nào.

Chiều tà chúng tôi mới ra về. Sêrê chẳng buồn nhìn cánh đồng nữa, và có vẻ trầm ngâm suy nghĩ chuyện gì. Antôn bực tức với con Hung, quất roi thúc nó đi mà mắng nó:

- Mày đâm ra ngu ngốc hay sao thế? Mày chưa trông thấy cây gai bao giờ à, để rồi tao cho mày xem nhé…

Kalina Ivanôvich, mắt hằn học nhìn những cây khổ ngải bên đường, không ngớt miệng càu nhàu:

- Thật là những đồ chó đẻ cả thôi, anh hiểu không? Hừ! Những quân ăn hại! Có khách đến nhà mày; người ta có công việc hay không, được, nhưng cũng phải đối xử với khách cho ra con người có đạo chứ, phải biết tiếp khách chứ, quân

chó má! Làm gì mà mày không thấy, đồ ăn hại, rằng khách đi đường từ sáng, thế thì sao mày không mời khách ăn được lấy một miếng, dù sao mày cũng có một ít xúp, có khoai tây chứ… Nhưng anh cũng thừa hiểu đấy: nó không có thì giờ chải bộ râu, anh có thấy những của như vậy bao giờ không? Thế mà nó đòi những sáu trăm rúp con dê cái khốn nạn ấy! "Nó đã chăm sóc con ngựa con của nhà nó", cái mồm nó xoen xoét. Nhưng có phải đâu nó chăm sóc; anh có trông thấy ở các trại ấy có biết bao nhiêu là người làm công nhật không?

Tôi đã có trông thấy họ, những mớ giẻ rách nhờn mỡ lặng lẽ ấy, họ đứng cứng đờ sợ hãi gần những xưởng trống và những chuồng ngựa, hết sức chăm chú

rình xem cái sự việc phi thường này: có khách ở tỉnh đến. Họ ngẩn ngơ trước sự kỳ lạ là bao nhiêu nhân vật quan trọng họp mặt ở cùng một cái sân trại. Đôi khi, những con người phụ thuộc câm lặng ấy dắt ngựa ở chuồng ra và sợ sệt đưa dây cương nhỏ cho chủ; có khi họ còn vỗ một cái vào mông ngựa, có lẽ cũng là để tỏ lòng âu yếm của họ đối với một con vật nuôi quen thuộc.

Sau cùng Kalina Ivanôvich im lặng và bắt đầu rít tẩu thuốc với một vẻ cáu kỉnh. Mãi đến khi về tới cổng trại bác mới vui vẻ nói:

- Những quân ăn hại khốn kiếp ấy, chúng nó đã làm cho bọn mình chết đói.

Về tới trại, chúng tôi gặp Luka

Xêmiônôvich và Mutxi Kacpôvich. Luka thấy chuyến đi của chúng tôi thất bại, rất bất bình và phản kháng:

Không thể nào lại có chuyện như thế được! Một khi tôi đã hứa với hai bác Antôn Xêmiônôvich và Kalina Ivanôvich, thì được rồi, thế nào chúng ta cũng giải quyết xong việc đó. Còn bác, bác Kalina Ivanôvich ạ, bác đừng tức giận làm gì, vì con người ta cứ bực dọc thì không còn gì hại cho bằng. Tuần lễ sau cả hai chúng ta cùng đi, nhưng bác Antôn Xêmiônôvich không nên đến thì hơn, vì trông bác ta có cái vẻ bônsêvich, thế đó, hề-hề-hề, khiến người ta đâm sợ.

Chủ nhật sau, Luka Xêmiônôvich đem ngựa tới cùng với Kalina Ivanôvich đi thăm các trại ấp. Bratsenkô nhìn họ đi

với một thái độ hoài nghi lạnh lùng và, thay cho lời chào, nói đùa một câu ác nghiệt để tống tiễn họ:

- Nếu các bác không muốn chết đói, thì ít nhất cũng nên mang theo bánh mì đi mà ăn đường.

Luka Xêmiônôvich vuốt chòm râu đẹp đỏ hoe rủ trên chiếc áo sơ-mi thêu mặc ngày hội, và trả lời với một nụ cười ngon lành nở trên cặp môi hồng:

- Sao lại nghĩ thế, hở đồng chí Bratsenkô? Đời thuở nhà ai đi thăm bà con mà lại mang bánh mì của mình đi không chứ! Hôm nay chúng tôi sẽ chén một món xúp củ cải ra trò, với thịt cừu, và không biết chừng còn làm một chai bố nữa kia.

Nháy mắt ra hiệu với Kalina Ivanôvich đang chăm chú nghe, Luka nắm lấy dây cương màu đỏ sẫm, làm rất tinh xảo. Con ngựa giống béo tốt, hình thù vạm vỡ khỏe mạnh, vội chuyển mình dưới cái ách rộng choãi của càng xe, kéo

[25]

chiếc briska vững chắc đóng rất nhiều bộ phận bằng sắt.

Tối hôm ấy, như nghe báo hiệu đi chữa cháy, tất cả các trại viên chạy ùa ra đón một hiện tượng bất ngờ: Kalina Ivanôvich đại thắng trở về. Con ngựa giống của Luka Xêmiônôvich thì buộc ở đằng sau xe briska, còn ở giữa càng xe là một con ngựa cái lớn, đẹp, lông xám lốm đốm trắng. Cứ nhìn Kalina Ivanôvich và Luka Xêmiônôvich đủ thấy rõ trên người

họ những bằng chứng tỏ ra rằng cả hai đã được các gia chủ tiếp đãi tử tế như thế nào. Kalina Ivanôvich ì ạch bước ở trên xe xuống và cố hết sức làm sao cho các trại viên khỏi nhìn thấy những bằng chứng ấy. Karabanôp đến cứu giúp bác:

- Xem chừng đã có chầu khao con ngựa ra trò, thì phải?

- Hẳn đi chứ lị! Chú xem con ngựa đấy!

Kalina Ivanôvich vỗ đánh đét vào cái mông to tướng của con ngựa… Quả thật là một con ngựa cái đẹp: chân khỏe, có những túm lông rậm ở sau gót, cao lớn, bộ ức vĩ đại, thân hình đồ sộ và rất cân đối. Ngay đến Sêrê cũng không tìm ra được một khuyết điểm gì để chê bai nó,

mặc dầu anh đã đi qua đi lại dưới bụng nó hồi lâu, hỏi nó bằng một giọng vui vẻ và mơn trớn:

- Chân mày, đưa chân mày đây tao xem…

Bọn trại tán thành việc mua đó. Nháy mắt ra vẻ thông thạo, Burun xem xét con ngựa cái khắp mọi mặt và tuyên bố:

- Thôi thế là trại có được một con ngựa ra hồn ngựa.

Karabanôp cũng thích con ngựa cái.

- Ừ, đây là một con ngựa nhà chủ thật. Con này đáng cái giá năm trăm rúp. Cứ có thêm mười con vào loại nó thì là ngày nào ta cũng sẽ ăn uống linh đình phè phỡn.

Antôn tiếp nhận con ngựa cái với những ý ân cần săn sóc như một anh si tình. Hắn đi vòng chung quanh nó mà tắc lưỡi khoái trá, rất ngạc nhiên và bồi hồi vui sướng nhận thấy sức lực lớn mạnh, điềm tĩnh của con vật, tính khí ôn hòa và tin cẩn của nó. Những triển vọng tương lai tốt đẹp hiện ra trước mắt Antôn; hắn năn nỉ nói với Sêrê:

- Chúng ta cần có một con ngựa giống tốt. Để lập sở nuôi ngựa giống của ta, chú hiểu không.

Sêrê hiểu, và ngắm con Zorka với một cái nhìn nghiêm túc và tán thành, anh khẽ lẩm bẩm:

- Tôi sẽ đi tìm một con ngựa giống. Tôi đã có một nơi nhằm sẵn rồi. Hễ cứ

gặt xong lúa mì là tôi sẽ đi tới đó ngay.

Hồi đó ở trại công việc đương độ bận rộn túi bụi, từ sớm tinh mơ đến lúc lặn mặt trời, với cái nhịp đập đều đặn trên những đường ray bằng phẳng trơn tru do Sêrê đặt sẵn. Các đội đặc biệt trại viên, khi nhiều người, khi ít hơn, khi lấy người lớn, khi cố ý lấy toàn trẻ nhỏ, mang vác nào cuốc, nào lưỡi hái, nào bờ cào hay chỉ có năm ngón tay thôi, đi đi lại lại, ra đồng hoặc trở về trại, theo một thời khắc biểu cũng chặt chẽ như giờ một chuyến xe lửa tốc hành, vang rộn tiếng cười đùa, lòng dũng cảm và tự tin, ai nấy hoàn toàn biết rõ công việc mình phải làm, và biết cách làm như thế nào. Đôi khi Ôlia Vôrônôva, trợ tá nông nghiệp của trại, ở ngoài đồng trở về và, giữa hai ngụm

nước tu thẳng ngay ở bình đặt trong phòng giấy, bảo chú đội trưởng trực nhật:

- Cậu gửi người giúp thêm cho đội năm đặc biệt đi.

- Có việc gì thế?

- Bó lúa chậm… trời nóng.

- Bao nhiêu đàn ông?

- Năm. Nữ có sẵn bao nhiêu?

- Một người.

Ôlia đưa tay áo lên chùi mồm rồi lại đi. Sổ ghi cầm tay, đội trưởng trực nhật đi tới gốc cây lê, ban tham mưu của đội đặc biệt trù bị đã đóng bản doanh ở dưới bóng cây từ sáng sớm. Lon ton chạy theo sau gót đội trưởng là chú thổi kèn trực

nhật. Một phút sau từ gốc cây vang lên tiếng kêu ngắn, rõ từng tiếng, báo hiệu tập hợp những trại viên trù bị. Thế là từ dưới các bụi rậm ở bờ sông, từ các phòng ngủ, một đàn trẻ nhỏ tới tấp bay ùa đến, đứng vòng tròn dưới cây lê. Rồi một phút sau nữa, một nhóm năm trại viên bước vội vã ra phía cánh đồng lúa mì.

Chúng tôi đã được tiếp viện thêm bốn mươi trẻ nhỏ. Suốt cả một ngày chủ nhật, các trại viên đã săn sóc chúng, tắm rửa, mặc áo cho chúng, phân phối chúng vào các đội. Chúng tôi không tăng thêm số đơn vị hiện có, mà chuyển tất cả mười một đơn vị sang ngôi nhà đỏ, ở mỗi đơn vị đều để dành sẵn một số chỗ nhất định đợi bổ sung. Như vậy, các trẻ mới đến

được các đội viên cũ rèn cặp mạnh mẽ và cảm thấy hãnh diện được là trại viên của trại Gorki; tuy nhiên chúng chưa có phong độ: chúng đi đứng còn "vặn vẹo" như lời Karabanôp nói.

Bọn trẻ đến với chúng tôi còn bé lắm, trạc mười ba mười bốn tuổi, trong số đó có những đứa mặt trông rất dễ thương, nhất là khi đứa bé tắm xong người còn đỏ bừng, mặc một chiếc quần cụt bằng vải láng bóng mới tinh, đầu húi trọc, mà húi lem nhem; về điểm này thì Biêlukhin nói quả quyết rằng:

- Hôm nay là chúng nó tự húi lấy, vì thế nên, bác ạ, không lấy gì làm..., ấy lắm. Chiều nay người thợ cạo đến, ta sẽ sửa đẹp cho chúng nó sau.

Trong hai hôm, chú bé mới đi thám hiểm trại, giương to tròng mắt ra, ghi nhận tất cả mọi thứ ấn tượng mới mẻ. Chú bước vào chuồng lợn và mở mắt thao láo nhìn chằm chằm với một vẻ thán phục vào Xtupitxyn nghiêm nghị.

Theo nguyên tắc, Antôn không nói chuyện với các trẻ mới đến:

- Các chú đến đây làm gì? Chỗ của các chú còn là ở phòng ăn.

- Tại sao lại ở phòng ăn?

- Thế bây giờ chú biết làm cái gì? biết ăn xúp.

- Nhưng tôi sẽ làm việc.

- Người ta thừa biết các chú làm việc ra sao: phải cho hai người giám thị bám

vào đít chú, có phải không nào?

- Anh đội trưởng, anh ấy đã bảo thế này: đến ngày kia thì đi làm việc, đấy rồi anh xem.

- Chú tưởng là tôi lại cần xem à? Xem đủ rồi: Ối! tôi bức lắm! Ối! tôi khát lắm! Ối! bố ơi! Ối! bu ơi!...

Bọn trẻ nhỏ mỉm cười xấu hổ:

- Sao lại bu ơi?... chẳng phải đâu.

Nhưng ngay buổi tối hôm đầu Antôn đã có thiện cảm với một vài đứa nhỏ. Một giác quan bí mật đã khiến hắn nhận ra được những đứa yêu ngựa. Này đây đã thấy trên con đường nhỏ đi ra cánh đồng, đang bước thủng thỉnh con Milan chở thùng nước và, ngất ngưởng ngồi trên

thùng, điều khiển ngựa, là Pêchia Zađôrôiny, trại viên nhỏ của trại Gorki. Từ cửa chuồng ngựa, câu dặn dò này được nói với theo nó:

- Không việc gì nó phải thúc ngựa của mày nhé, nó không phải là xe nước chữa cháy đâu.

Hai hôm sau những trẻ mới tham gia công tác với các đội đặc biệt. Vì gắng sức và không quen làm việc nên chúng vấp váp, kêu rên, song hầu như không phá vỡ hàng ngũ, các trại viên đều bền bỉ đi hết thửa ruộng khoai tây, và chú lính mới thấy hình như mình cũng theo kịp được những anh em khác. Mãi một giờ đồng hồ sau chú mới nhận ra rằng người ta đã cho hai chú mới làm chung một luống, còn các trại viên thì ai nấy đều

làm riêng luống của mình. Mồ hôi mồ kê đầm đìa, chú thì thào với người bên cạnh:

- Đã sắp xong chưa?

Lúa mì đã gặt xong, và trên sân đập lúa, mọi người đang bận rộn chung quanh chiếc máy đập. Sêrê, bẩn thỉu và nhễ nhại mồ hôi, như hết thảy mọi người, kiểm tra lại các bánh xe răng cưa và sau khi liếc nhìn qua đống rơm đã dự bị sẵn:

- Ngày kia sẽ đập, và ngày mai chúng ta đi tìm ngựa về.

- Để tôi đi cho, Xêmiôn vừa thận trọng nói vừa liếc nhìn Antôn Bratsenkô.

- Ừ thì mày đi, Antôn nói. Thế con ngựa giống ấy có tốt không?

- Cũng khá, Sêrê đáp.

- Chú đã mua nó ở nông trường quốc doanh à?

- Đúng thế.

- Bao nhiêu?

- Ba trăm.

- Không đắt.

- Hẳn rồi!

- Thế ra là một con ngựa xô-viết à? Kalina Ivanôvich vừa nói vừa xem xét cái máy đập. Nhưng tại sao họ lại cho cái máy nâng trèo lên cao thế kia?

- Phải, xô-viết, Sêrê đáp. Cao mặc nó, không hề gì; rơm nhẹ.

Ngày chủ nhật ai nấy nghỉ ngơi, tắm

táp, chơi thuyền và săn sóc bọn trẻ mới đến. Rồi đến tối, như mọi khi, tất cả dòng quý tộc của trại tập hợp dưới bậc tam cấp của tòa bạch cung, để vừa hít thở hương thơm của những bông "Hoàng hậu Bạch Tuyết", vừa nhắc lại hàng đống chuyện mà các chú bé mới, lẩn quất chung quanh, nghe cứ ngạc nhiên ngây người ra như phỗng đá.

Bỗng nhiên, quành qua góc nhà máy xay gió trong một cơn lốc bụi mù và né đột ngột một cái, tránh một chiếc nồi đồng cũ để vương vất ở đấy, vụt xuất hiện một tay kỵ mã đang phi hết tốc lực. Xêmiôn, cưỡi một con ngựa hồng kim sắc, bay thẳng tới chỗ chúng tôi, và tất cả chúng tôi đột nhiên câm lặng hết, hơi thở ngừng lại. Từ trước cho tới bấy giờ,

chúng tôi chỉ mới được trông thấy một con vật như thế ở trên những bức tranh, trong các bức minh họa của truyện cổ [26]

tích và truyện "Trả thù kinh khủng" mà thôi. Con tuấn mã mang Xêmiôn trên mình với một điệu bộ tự do, nhẹ nhàng và đồng thời hung hăng, chòm lông đuôi rậm rạp của nó hất tung, và nó xù dựng đứng lên trước gió cái bờm phong phú, tắm ánh vàng rực rỡ. Những cử động nhanh nhẹn của nó không còn để thì giờ cho tâm hồn bồi hồi xúc động của chúng tôi kịp nhận thấy những chi tiết mới mẻ và kinh ngạc: vòng cổ khỏe khoắn uốn thành một đường cong đầy kiêu hãnh và vẻ nghịch ngợm khoái hoạt, với những

cẳng chân thon mảnh bước mạnh và dài.

Tay co dây cương làm cho cái đầu đẹp và nhỏ của con ngựa cái gục xuống ngực, Xêmiôn dừng ngựa đứng sững lại trước mặt chúng tôi. Mắt con ngựa đầy tia máu ở các khóe, đen láy, hăng hái và tràn trề sức mạnh trẻ trung, bỗng dọi thẳng ngay vào trái tim Antôn mừng cuống quít. Hai tay tự nắm lấy tai mình, hắn ta run rẩy, kêu lên:

- Của chúng mình? Có phải không? Con ngựa giống này, nó là của chúng mình à?

- Tất nhiên, nó là của chúng mình! Xêmiôn kiêu hãnh nói.

- Xuống đất đi, con khỉ! Antôn bỗng hét lên với Karabanôp. Mày còn muốn

cưỡi nó nữa hay sao, mà cứ bám nhằng trên lưng nó? Mồ hôi nó bốc hơi lên đây này, mày thấy không? Con ngựa này đâu có phải là giống dê cái của nhà kulăc.

Antôn nắm lấy dây cương, nhấn mạnh thêm lệnh của hắn bằng một cái nhìn tức giận.

Xêmiôn nhảy xuống đất.

- Tớ hiểu, người anh em ạ, tớ hiểu lắm. Một con ngựa như thế này, may ra Napôlêon có được một con, mà cũng còn chưa chắc.

Nhanh như chớp, Antôn đã nhảy lên yên và tình tứ vuốt ve cổ con vật. Rồi quay đầu đi một cách đột ngột và xấu hổ, hắn bỗng đưa tay áo lên chùi mắt.

Bọn trai bật lên cười khe khẽ. Kalina Ivanôvich mỉm cười, thốt một tiếng rên rỉ, rồi lại mỉm cười.

- Con ngựa này, khỏi phải nói, tôi bảo anh thế… mà tôi còn nói hẳn rằng: đối với trại ta đây, thật là ngọc trai vứt cho lợn. Ừ… chúng nó sẽ làm hỏng ngựa mất.

- Làm hỏng ngựa, ai kia? và Antôn dữ tợn cúi mình xuống sát Kalina Ivanôvich mà rít lên cho các trại viên nghe: - Tôi giết nó! Đứa nào đụng đến ngựa, thì tôi giết nó! Bằng gậy sắt bổ vào đầu nó!

Hắn cho con ngựa giống quay vụt trở lại. Con ngựa ngoan ngoãn đưa hắn về phía chuồng, phóng một nước đại nho nhỏ, đỏm dáng, sung sướng vì bây giờ

mới được một kỵ sĩ xứng đáng với nó cưỡi.

Chúng tôi đặt tên nó là con "Hảo-hán".

8. ĐỘI CHÍN VÀ ĐỘI MƯỜI

Sang đầu tháng bảy, chúng tôi thuê được nhà máy xay gió trong ba năm, giá thuê mỗi năm là ba nghìn rúp. Chúng tôi được toàn quyền sử dụng, vì đã từ chối không thuê chung với ai hết thảy. Những quan hệ ngoại giao với Xô-viết thôn lại bị cắt đứt, vả chăng thọ mệnh của ban Xô-viết ấy cũng chẳng còn được bao lăm ngày nữa. Chinh phục được nhà máy xay là một thắng lợi của đoàn Kômxômôn trại Gorki trên một khu vực thứ hai của mặt trận chúng tôi.

Chúng tôi thật cũng không ngờ đâu trại lại bắt đầu giàu có lên trông thấy, và đi vào nền nếp một cơ sở nông nghiệp nghiêm chỉnh, có tổ chức và được quản

lý tốt.

Vừa mới gần đây thôi, chúng tôi còn chật vật lắm mới mua nổi một đôi ngựa, thế mà sang giữa mùa hạ chúng tôi đã có thể dễ dàng bỏ ra những số tiền lớn hơn nhiều để mua những con bò cái đẹp, một đàn cừu, và thay mới đồ đạc của trại.

Ngoài ra, và hầu như không làm cho ngân sách của trại bị thiếu hụt, Sêrê còn cho xây một chuồng bò cái mới. Chỉ ngoảnh đi ngoảnh lại, chúng tôi đã thấy dựng lên ở đầu sân cái ngôi nhà mới vẻ đỏm dáng và chắc chắn ấy. Đằng trước nhà, Sêrê đã vạch một bồn hoa, như vậy là đánh tan cái thành kiến liên kết những nơi như thế với sự bẩn thỉu và mùi hôi thối. Chuồng bò mới chứa năm con bò cái mới giống Ximmentan, và chẳng bao

lâu trong số những bê con sinh ra, nổi trội hẳn lên con bò mộng Xêda đẹp vô song, khiến cho hết thảy chúng tôi, kể cả Sêrê, đều ngạc nhiên thán phục.

Sêrê phải mất nhiều công phu lắm mới xin ghi được Xêda vào hệ bạ, song nó phô bày những nét đặc trưng của giống Ximmetan rõ rệt quá đỗi, khiến sau cùng người ta phải cấp cho chúng tôi giấy chứng nhận dòng dõi nó. Con Hảo-hán cũng có giấy chứng nhận huyết thống, cùng với một con lợn đực giống mà tôi đem từ trạm thực nghiệm tuyển giống về đã lâu rồi, một con lợn Anh, thuần túy, đặt tên là Vaxili Ivanôvich, để kỷ niệm lão Trepkơ bố.

Chung quanh ba con vật ngoại quốc trứ danh dùng làm nòng cốt ấy, một con

Đức, một con Bỉ và một con Anh, bây giờ tổ chức một trại chăn nuôi gia súc lựa giống đã thấy dễ dàng hơn.

Chuồng lợn, địa hạt của đội mười, đội của Xtupitxyn, đã từ lâu biến thành một cơ sở đứng đắn. Do số lợn sinh sản và giống lợn thuần túy, nó trở thành cơ sở đứng hàng đầu trong khu, sau trạm thực nghiệm tuyển giống.

Đội mười, gồm mười bốn trại viên, bao giờ cũng làm tròn nhiệm vụ của nó một cách gương mẫu. Chuồng lợn ở trại là nơi mà không một ai, không một lúc nào, có mảy may ý nghĩ gì nghi ngờ lý do tồn tại hết. Tòa nhà đẹp đẽ đó, ở ngay giữa sân, xây bằng bê-tông rỗng từ thời

họ nhà Trepkơ, là trung tâm địa hình của trại: vẻ ngoài của nó trông rất nguy nga đồ sộ, cho nên không ai nghĩ rằng một cái chuồng lợn là chướng mắt ở trại Gorki cả.

Các trại viên ít khi được vào đấy. Nhiều chú mới đã được vào, nhưng chỉ là để tham quan với mục đích học tập: nói chung, muốn vào đấy phải có giấy phép riêng do tôi hay Sêrê ký. Đó là lý do tại sao, đối với các trại viên và nông dân các làng, công tác của đội mười có nhiều điều bí mật trùm phủ lên, và được biết những điều ấy là một vinh dự đặc biệt lắm.

Vào "phòng tiếp đãi" thì tương đối dễ, chỉ cần được sự cho phép của Xtupitxyn thôi. Đó là nơi chứa những lợn con để

bán và nơi giao phối những lợn cái của nông dân đem đến.

Mỗi lần giao phối phải trả ba rúp, có thủ quỹ Ôptsarenkô và tay phụ tá của Xtupitxyn cấp giấy biên lai cho khách đem lợn đến. Lợn con của "phòng tiếp đãi" bán giá nhất định, tính cân, mặc dầu các nông dân ra sức kêu rằng lợn con mà bán tính cân thì thật là buồn cười, và chả ở đâu có ai làm thế bao giờ.

Khách đến đông đặc biệt vào hồi các lợn cái đẻ. Mỗi lứa đẻ, Sêrê chỉ giữ lại bảy con thôi, những con ra trước và những con khỏe nhất, còn những con khác thì cho không những ai ưa chuộng. Xtupitxyn lập tức chỉ bảo cho những người xin được lợn mọi điều cần thiết về cách chăm nom săn sóc lợn con xa lìa

mẹ, cách pha sữa nuôi chúng và cho chúng bú bằng bầu sữa có núm vú giả, cách tắm rửa chúng và vào hồi nào nên thay đổi chế độ ăn cho chúng. Chỉ những người có Ủy ban bần nông giới thiệu và đề nghị mới xin được những lợn sữa đó. Những ngày lợn đẻ đều đã biết trước hết cả, nên ở cửa chuồng lợn có dán một bảng danh sách thường xuyên, báo cho các nông dân ông Mỗ và ông Mỗ ngày ấy hay ngày nọ có thể đến nhận lợn đem về.

Việc cho lợn con ấy khiến chúng tôi được khắp vùng biết tiếng và cho chúng tôi có thêm nhiều bạn thân trong nông dân. Tất cả các làng chung quanh đều có những lợn Anh tốt; nuôi để truyền giống thì có lẽ chúng không thích hợp lắm, nhưng được cái chúng chóng béo ra

tuồng.

Bộ phận thứ hai của chuồng lợn dành cho việc nuôi lợn con. Nơi ấy là một phòng thí nghiệm thật sự, ở đấy mỗi con lợn được luôn luôn theo dõi quan sát cẩn thận trước khi xác định hướng sinh hoạt của nó. Số lợn của Sêrê như vậy là có thể lên tới mấy trăm con, đặc biệt là về mùa xuân. Nhiều con lợn nhỏ đó, gọi là "hy vọng tương lai", được nhiều trại viên biết mặt và theo dõi sự phát triển một cách hết sức quan tâm chăm chú. Những con xuất sắc nhất thì cả đến tôi, Kalina Ivanôvich, hội đồng đội trưởng và quần chúng trại viên cũng đều biết tiếng. Chẳng hạn như một con lợn đực, con của con Vaxili Ivanôvich và con lợn cái Matinđa, ngay từ khi mới đẻ đã được

cả trại chú ý. Khỏe như Hecquyn , nó lập tức tỏ ra có tất cả những ưu điểm cần thiết để kế nghiệp bố nó. Nó đã không phụ lòng mong đợi của chúng tôi, và không bao lâu nó đã được xếp ở riêng một ngăn chuồng, bên cạnh ngăn của bố đẻ nó, và được đặt tên là Piôtr Vaxiliêvich, để kỷ niệm lão Trepkơ con.

Xa hơn nữa là bộ phận nuôi lợn béo. Với chế độ cho ăn riêng và số cân nặng ghi chép cẩn thận, ở đấy là cuộc sống trưởng giả hạnh phúc và yên ổn, nâng cao tới mức lý tưởng. Nếu như, trong thời kỳ đầu nuôi béo, thảng hoặc có dăm ba chú lợn còn biểu lộ một vài dấu hiệu lý luận triết lý và lại khá ồn ào phát biểu

ý kiến một cách tương đối rõ rệt, về quan niệm và tri giác của mình đối với thế giới, thì sau một tháng người ta chỉ còn thấy chúng lặng lẽ nằm lăn trên ổ rơm và ngoan ngoãn lo tiêu hóa khẩu phần của chúng mà thôi. Bản lý lịch của chúng kết thúc bằng một thời gian vỗ béo và sau cùng, khi chúng được chuyển sang khu vực thuộc quyền Kalina Ivanôvich, thì trên một ụ cát ở bên vườn cũ, đến cái lúc mà Xilanti, chẳng hề có một mảy may băn khoăn lo nghĩ gì về triết lý, biến phăng ngay cá tính chúng thành thực phẩm, trong khi ở cửa nhà kho Aliôsa Vonkôp đang chuẩn bị sẵn những thùng đựng mỡ.

Bộ phận cuối cùng chứa những lợn cái cho đẻ, nhưng chỉ những tay thụ pháp tối

cao mới có quyền vào đấy, và tôi cũng không biết được hết những bí mật của nơi thánh địa ấy.

Chuồng lợn đem lại cho trại những lợi tức lớn: ngay đến chúng tôi cũng không bao giờ ngờ rằng trại trở thành một nông trường sinh lợi mau chóng đến thế. Công việc trồng trọt do Sêrê chỉnh đốn hoàn hảo khiến chúng tôi có những khối lượng khổng lồ lương thực cho súc vật: củ cải cho bò cái, bầu bí, ngô, khoai tây. Sang mùa thu chúng tôi vất vả lắm mới thu hoạch về được hết.

Quyền sử dụng nhà máy xay gió mở cho chúng tôi con đường rộng rãi đi tới thịnh vượng. Chúng tôi không những chỉ thu tiền thuê xay, cứ mỗi mười sáu kilô hạt thu bốn bảng, mà còn thu được cả

cám bã, quý giá vô cùng để nuôi súc vật của trại.

Nhà máy xay gió còn quan trọng về một phương diện khác: nó đặt trên một cơ sở mới những quan hệ của chúng tôi với tất cả nông dân quanh vùng, và những mối quan hệ ấy khiến chúng tôi có thể thực hành được một chính sách lớn. Nhà máy xay gió là Ủy ban Ngoại giao của trại. Đặt chân vào đấy người ta không thể nào không bị lôi cuốn vào tất cả những vấn đề phức tạp có liên quan đến tình trạng nông thôn hồi đó. Bấy giờ ở mỗi làng đều có những ban bần nông, phần nhiều hoạt động tích cực và có kỷ luật. Lại cũng có những trung nông, khác nào những hạt đỗ tròn và rắn, cũng tản mạn và cô lập như đỗ, bài xích lẫn nhau.

Ngoài ra còn có những tay "chủ", bọn kulăc hằn học rút vào cố thủ trong những thành trì trại ấp của họ, trở nên man rợ vì lòng thù hằn nung nấu và những kỷ niệm đắng cay.

Một khi nhà máy xay gió về tay chúng tôi quản lý, chúng tôi liền tuyên bố rằng chúng tôi muốn giao thiệp với những nhóm tập thể và ưu tiên phục vụ họ. Chúng tôi yêu cầu những nhóm đó đến ghi tên trước. Bà con bần nông dễ dàng tập hợp với nhau; họ đến đúng thời hạn, nghiêm chỉnh phục tùng những đại biểu ủy quyền của họ, thanh toán tiền nong rất giản dị và mau chóng, thành thử công việc ở nhà máy xay tiến hành được trơn tru hết sức. Bọn "chủ" họp thành những nhóm ít người nhưng đoàn kết với nhau

rất chặt chẽ vì những quan hệ đồng bệnh tương liên và họ hàng thân thích. Họ hành động với một sự liên kết lặng lẽ và thường thường cũng khó mà phân biệt được ai là kẻ cầm đầu cả bọn.

Ngược lại, khi một đoàn trung nông đến nhà máy xay gió, thì công tác của các trại viên trở thành một công việc khổ sai thật sự. Không bao giờ họ đến cùng một lúc và cứ đi loạc choạc kéo dài ra suốt cả ngày. Họ cũng có một người đại biểu ủy quyền đấy, nhưng anh này giao lúa của mình trước tiên, tất nhiên như vậy, rồi về nhà mình, bỏ mặc lại sau một đám người xôn xao bàn tán đủ mọi chuyện bất công, nghi ngờ. Vì ai nấy, nhân lúc ra đi, đã làm một chầu rượu mạnh khi ăn bữa sớm, nên các vị khách của chúng tôi đều rất có

khuynh hướng đem ra thanh toán ngay lập tức hàng đống chuyện xung đột riêng tây. Sau một hồi công kích bằng lời nói, tiếp đến một trận "choảng" lẫn nhau, thường thường cứ đến bữa ăn trưa là y như một trong những người tranh chấp chuyển từ địa vị khách hàng sang tình trạng nạn nhân, đem đến chữa ở trạm cấp cứu của Êkatêrina Grigôriepna, khiến các trại viên tức giận điên ruột. Ôtxatsi, đội trưởng của đội chín, điều ra nhà máy xay gió, cố tình đến phòng thuốc để cãi nhau với Êkatêrina Grigôriepna:

- Tại sao cô lại băng buộc cho họ chứ? Làm như thể họ đáng công chữa chạy ấy! Bọn dân quê ấy, cô không biết họ đâu. Nếu cô bắt đầu chữa chạy cho họ, thì họ sẽ giết nhau ngay. Cô cứ để

mặc chúng tôi, rồi chúng tôi chữa chạy cho họ rất chóng vánh. Cô nên ra nhà máy xay mà xem sự thể ra sao thì hơn!

Để tôn trọng sự thật, cần phải nói rằng đội chín và Đơnit Kutlaty, quản lý nhà máy xay, biết cách chữa chạy những tay hay đánh nhau cho họ trở lại biết lẽ phải; lâu dần về môn ấy họ đã có một tiếng tăm rất vẻ vang và một uy tín vô cùng chắc chắn.

Suốt cho đến bữa ăn trưa, bọn trai vẫn cứ làm việc thản nhiên như không, giữa sự buông thả những lời châm chọc tục tĩu, hơi rượu nồng nặc, những cánh tay vung lên tứ phía, những túi bột giằng co lẫn nhau, những chuyện xích mích mới nhằng nhịu với xích mích cũ đem ra thanh toán, liên miên không dứt. Sau

cùng, bọn trai không nhịn được nữa. Ôtxatsi đóng cửa nhà máy xay lại và chuyển sang những biện pháp trừng trị. Chỉ trong nháy mắt, ba hay bốn chú nông dân say nhất và gào thét tục tằn nhất đã bị những cánh tay của các đội viên đội chín nhấc lên khỏi mặt đất và xốc nách lôi tuột ra bờ sông Kôlômak. Họ có vẻ hết sức thấm nhuần ý thức bổn phận của họ và vừa ra công nói năng tử tế rất mực để khuyến khích cổ võ, họ vừa đặt các chú ngồi trên bờ sông và, với một sự chu đáo đáng làm gương mẫu, họ giội vào các chú độ một chục thùng nước. Kẻ phải chịu hình phạt ấy, mới đầu chưa hiểu ra làm sao, còn ngoan cố trở lại những đầu đề nói chuyện ở nhà máy xay. Đứng dạng hai cẳng chân đen thủi vì rám

nắng, hai tay thọc vào túi quần cụt, Ôtxatsi chăm chú lắng tai nghe những tiếng lúng búng của bệnh nhân, mà đôi mắt xám lạnh của hắn theo dõi từng cử chỉ.

- Anh này còn nói ba lần "đồ con nhà đĩ". Cậu hãy cho anh ta ba thùng nước nữa.

Đứng ở dưới, sát bờ nước, Lapô bận rộn hất mạnh số nước chỉ rõ đó, rồi có vẻ nghiêm trang như ông bác sĩ hắn quan sát bộ mặt của nạn nhân.

Sau cùng, anh này bắt đầu hiểu sự việc một chút, dụi dụi mắt, lắc đầu và còn phản kháng nữa:

- Đâu có phép làm thế? À! Con đĩ mẹ chúng mày…

Ôtxatsi điềm tĩnh ra lệnh:

- Một liều thuốc nữa.

[29]

- Này, một liều thuốc H_2O nữa! Lapô nói bằng một giọng nhanh nhẩu và dịu ngọt vuốt ve, rồi làm như thể hắn cho một liều thuốc cuối cùng, rất quý báu, hắn ân cần giội thùng nước lên đầu anh chàng nọ. Cúi xuống sát ngực ướt đầm của kẻ chịu tội, hắn ra lệnh vẫn bằng cái giọng mơn trớn và khẩn khoản ấy:

- Anh đừng thở nữa… thở mạnh lên… thở lần nữa… thôi…

Nạn nhân, hoàn toàn bở vía, ngoan ngoãn làm theo mệnh lệnh của Lapô, khi thì cứng đờ hẳn người ra không nhúc

nhích, khi thì căng phồng bụng lên và ho khúng khoắng, khiến cử tọa vô cùng khoái trá. Gương mặt Lapô rạng rỡ lên và hắn đứng thẳng dậy:

- Tình trạng khả quan: mạch 370, nhiệt độ 15.

Lapô có cái tài nói không cười trong những trường hợp như vậy, và toàn bộ buổi điều trị vẫn giữ một vẻ hết sức là khoa học. Chỉ có bọn trai đứng trên bờ, tay xách những chiếc thùng không, là cười vang, còn đám nông dân đứng trên dốc đê thì đồng tình mỉm cười. Lapô lại gần bọn họ và hỏi với một vẻ lễ độ trịnh trọng:

- Đến lượt ai đây? Đến lượt ai qua phòng thủy trị pháp đây nhỉ?

Mồm cứ há cả ra, đám nông dân uống từng lời của Lapô như hứng sữa ngọt và hắn chưa nói đã cười rộ lên từ một nửa phút trước.

- Thưa đồng chí giáo sư, Lapô nói với Ôtxatsi, hết bệnh nhân rồi ạ.

- Đem những người mới lành bệnh ra hong cho khô đi, Ôtxatsi ra lệnh.

Đội chín hăng hái ra sức vật các nạn nhân nằm dài ra bãi cỏ và vần họ dưới nắng, bấy giờ họ mới bắt đầu hoàn hồn thật sự. Một người trong bọn, bằng một giọng đã tỉnh rượu, tủm tỉm cười yêu cầu:

- Thôi, không cần… Tôi làm lấy một mình… Bây giờ tôi thấy dễ chịu rồi.

Đến lúc ấy Lapô mới cho phép mình cười phá lên một tiếng cười thành thực và hồn nhiên. Hắn báo tin:

- Anh đó khỏi rồi. Cho ra bệnh viện được.

Mấy người khác còn cưỡng lại và muốn quay về đường lối cũ nữa: "Đồ chúng mày, quân chết…" nhưng chỉ một mệnh lệnh ngắn gọn của Ôtxatsi gọi thùng nước, là đủ làm cho họ tỉnh rượu hoàn toàn và họ van xin:

- Không, thôi không cần… Xin thề là tôi buột miệng, thói quen đấy thôi, các anh ạ.

Lapô coi những người đó là những trường hợp bệnh nặng nhất nên xét nghiệm họ cẩn thận, và đến lúc ấy thì

tiếng cười của các trại viên và dân làng vang lên đến cực độ, ai nấy chỉ nhịn cười để cố nghe sao cho khỏi mất những lời châu ngọc mới mẻ của cuộc đối thoại ấy:

- Sao, anh bảo là thói quen à? Anh mắc phải thói quen ấy đã từ lâu chưa?

- Nhưng các anh muốn làm gì tôi chứ, khổ quá, nạn nhân đỏ mặt lên, muốn phát cáu, nhưng lại không dám phản kháng mạnh một chút, vì đội chín vẫn còn đứng trên bờ sông kia, với các thùng nước.

- Thế là chưa lâu phải không? Vậy bố mẹ anh cũng ăn nói thô tục như thế à?

- Chính thế đấy, người kia đáp, với một nụ cười sượng sùng.

- Thế còn ông nội anh?

- Cũng như thế thôi.

- Thế chú ruột anh?

- Kể ra thì, vâng, cũng thế.

- Thế bà tổ mẫu nhà anh?

- Trời ơi, dĩ nhiên… Ồ! Anh làm cho tôi ăn nói ra sao thế này nhỉ, lạy Chúa, bà nội tôi không có như thế thì phải…

Lapô vui thú với tất cả mọi người vì được biết rằng về phương diện đó người bà nội hoàn toàn lành mạnh. Hắn ôm hôn nạn nhân ướt sũng:

- Rồi sẽ khỏi, anh cứ tin lời tôi. Anh nên đến thăm bệnh luôn, chúng tôi chữa không cho anh thôi.

Bệnh nhân, cùng với bạn hữu và kẻ thù của y, đều cười rũ cả ra. Trong khi đi đường trở về nhà máy xay gió mà Ôtxatsi đang mở khóa cửa, Lapô vẫn nói tiếp với giọng nghiêm trang ấy:

- Và, nếu anh muốn, thì chúng tôi cũng có thể đến chữa tận nhà. Cũng chữa không lấy tiền, nhưng anh phải báo cho chúng tôi biết hai tuần lễ trước, cho một chiếc xe lên đón bác sĩ; ngoài ra, thùng với nước thì anh phải chịu. Chúng tôi cũng có thể chữa cho ông bố và cả bà mẹ anh nữa.

- Về phần bà mẹ, thì bà không mắc phải bệnh ấy đâu, có một người nào nói giữa những tiếng cười.

- Nhưng, xin lỗi, khi tôi hỏi anh về

ông bà thân sinh, anh đã nói: chính thế đấy…

- À, thì nói thế thôi! Người khách hàng đã khỏi bệnh trả lời sửng sốt.

Những người dân làng lấy làm thú vị đến tột bực.

- Ha-ha-ha-ha… nghe xem kìa… cái thằng này nói xấu chính mẹ đẻ ra nó.

- Đứa nào thế?

- Thì thằng Iaptuc chứ ai... bệnh nhân, bệnh nhân mà lại... Ối! chịu không nổi nữa, tôi đến vỡ bụng mất, chứ không phải bỡn, hắn làm tôi đến chết được, cái thằng nỡm! Phải biết là một gã trai giỏi thực, cứ tỉnh khô đi, cù cũng không cười... bác sĩ cừ thật đấy...

Chỉ thiếu chút nữa là Lapô được công kênh đắc thắng về đến nhà xay, và máy lại được lệnh cho chạy. Công việc lại tiếp tục trong những điều kiện hầu như trái ngược hẳn với tình trạng ban nãy: các khách hàng vội vã chấp hành mọi chỉ thị của Kutlaty - vội vã quá đáng là khác - sắp hàng đợi lượt không làu bàu, theo thứ tự ấn định, và hau háu nghe từng lời của Lapô, mà lời lẽ sấn sổ và điệu bộ thật là phong phú vô cùng vô tận. Đến chiều, bột xay xong, các nông dân thân thiện bắt tay các trại viên, và vừa ngồi lên xe tải ra về, vừa sôi nổi nhớ lại chuyện:

- Lại cái chuyện bà cụ nội nữa, nhảy! Gã ấy giỏi thực đấy. Giá làng ta mà có lấy một gã như hắn thôi, thì nhà thờ cứ

gọi là vắng tanh.

- Này, Kacpô ơi, thế người cậu đã khô chưa? Thật đấy à? Đầu óc thế nào? Mọi sự tốt cả chứ? Thế còn bà cụ nội? Ha-ha-ha-ha...

Kacpô vẻ ngượng ngùng, cười mỉm miệng, vừa xếp các túi lên xe tải vừa quay đầu đi:

- Mình quả thật chẳng bao giờ lại ngờ đến chuyện đi nhà thương cơ chứ.

- Cậu thử chửi rủa xem nào, cậu quên mất rồi à?

- Ồ không! Bây giờ chưa phải lúc, nhưng cứ đợi đi quá Xtôrôjêvôiê, rồi có thể trút lên đầu con ngựa được đấy.

- Ha-ha-ha-ha...

Tiếng tăm lừng lẫy của phòng thủy trị pháp đội chín lan mau chóng khắp các vùng chung quanh. Các bạn hàng đưa gạo đến xay, mở miệng nói câu đầu tiên là y như nhắc tới cái phòng kỳ diệu ấy. Họ nhất định đòi làm quen riêng với Lapô cho kỳ được. Cậu này, vẫn giữ vẻ nghiêm trang nhã nhặn như thường, bắt tay họ nói:

- Tôi chỉ là người phụ tá thứ nhất thôi. Đây mới là y sư chủ nhiệm, đồng chí giáo sư Ôtxatsi.

Ôtxatsi lạnh lùng nhìn những người nông dân. Họ thận trọng khẽ vỗ vào vai để trần của Lapô:

- Phụ tá à? Ở làng chúng tôi bây giờ, hễ cứ ai nói tục một câu, là người ta bảo

ngay: - Này, liệu có phải đi kiếm ông bác sĩ ở trại về cho mày không đấy, cái ông chữa bệnh bằng nước ấy mà; hình như ông ta cùng đến chữa tận nhà đó, hè!

Không bao lâu chúng tôi đã làm cho cái phong khí của chúng tôi chiếm ưu thế ở nhà máy xay gió, náo nhiệt, vui vẻ, khoái hoạt, với một kỷ luật có bàn tay sắt bọc nhung, biết lôi trở về khuôn phép những kẻ lâm thời phá rối.

Sang tháng bảy, chúng tôi bầu lại xô-viết thôn. Luka Xêmiônôvich và bè cánh của hắn đầu hàng không chiến đấu. Pavlô Pavlôvich Nikôlaienkô được bầu làm chủ tịch và Đơnit Kutlaty vào Ủy ban xô-viết với danh vị là đại biểu của các trại viên.

9. ĐỘI ĐẶC BIỆT BỐN

Cuối tháng bảy, đội đặc biệt bốn, gồm năm mươi người, bắt đầu hoạt động dưới sự chỉ huy của Burun. Burun là người đội trưởng được toàn thể công nhận và không một trại viên nào dám với tới cái địa vị vừa khó khăn vừa quang vinh ấy.

Đội đặc biệt bốn làm việc "từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn". Các trại viên thường hay nói hơn là nó làm việc "không hiệu lệnh", vì nó chẳng biết đến hiệu kèn bắt đầu cũng như hiệu kèn nghỉ việc. Đội đặc biệt bốn của Burun hiện thời được điều ra chiếc máy đập.

Bốn giờ sáng, sau hiệu kèn báo thức và bữa ăn sáng, đội đặc biệt bốn sắp

hàng theo dọc bồn hoa ở trước cửa tòa bạch cung. Phía sườn bên phải của chiến tuyến, tất cả các giáo viên ra đứng. Thực ra, họ không bắt buộc phải tham gia công tác của đội ấy, chỉ trừ hai người đến phiên trực nhật, nhưng ở trại, đã từ lâu thành lệ quen là nên gia nhập thì hơn, thành thử không một người nào biết tự trọng mà lại chịu vắng mặt, khi có lệnh tổ chức đội đặc biệt bốn. Ở sườn bên phải đã ra đứng: Sêrê, Kalina Ivanôvich, Xilanti Ôtsênăc, Ôxana, Rasen, cả hai chị thợ giặt, anh thư ký Xpiriđôn, anh thợ máy nhất nghỉ việc của nhà máy xay, Kôdia, chỉ đạo viên đóng xe, Miziak tóc hung và tính gắt gỏng, người làm vườn của trại, với vợ bác ta là chị Nađenka xinh đẹp, và vợ của Juốcbin, cùng những

người khác nữa mà tôi không biết.

Trong hàng ngũ trại viên, cũng có nhiều người tình nguyện: những đội viên rỗi việc của đội mười và đội chín, của đội hai ở chuồng ngựa và đội ba ở chuồng bò đều có mặt.

Mặc dầu bà ta đã cố dậy sớm và đã mặc một chiếc áo vải hoa cũ để ra đó, chỉ có riêng Maria Kônđratiepna Bôkôva là ở ngoài hàng, bà ta ngồi trên bậc tam cấp nhỏ nói chuyện với Burun. Ít lâu nay, Maria Kônđratiepna không mời tôi uống trà với ăn kem nữa, song đối với tôi bà ta vẫn không kém phần lịch sự tử tế so với mọi người khác, nên tôi chẳng có lý do gì mà giận bà ta. Tôi lại còn ưa bà ta hơn trước nữa là khác; mắt

bà ta nhìn đã có vẻ nghiêm trang và chắc chắn hơn, câu đùa của bà ta thân mật ấm áp hơn. Hồi gần đây Maria Kônđratiepna đã làm quen với nhiều trẻ nhỏ và nữ trại viên, bà đã chơi thân với Xilanti và chịu đựng được nhiều tính nết khó khăn của chúng tôi. Cái bà Maria Kônđratiepna ấy quả là một con người rất đáng yêu và rất tốt, tuy nhiên tôi cũng bảo thầm bà ta:

- Bà Maria Kônđratiepna ạ, bà đứng vào hàng đi. Mọi người sẽ sung sướng được thấy bà gia nhập đội ngũ cần lao của chúng tôi.

Maria Kônđratiepna mỉm cười với bình minh, đưa mấy ngón tay nhỏ nhắn đỏ hồng lên sắp lại một vòng tóc buông lơi cũng ánh màu hồng, và trả lời bằng một giọng hơi khàn, từ đáy sâu lồng ngực

phát ra:

- Cảm ơn. Thế ngày hôm nay tôi làm việc gì đây... xay lúa, phải không?

- Không phải xay, mà là đập lúa, Burun đáp, và bà sẽ ghi số lúa đập được.

- Nhưng tôi liệu có làm được không chứ?

- Tôi sẽ chỉ bảo cho bà.

- Có lẽ anh cho tôi một công việc dễ quá chăng.

Burun mỉm cười:

Công việc của ai cũng như ai. Này, tối nay, đến giờ ăn xúp, bà sẽ cho tôi biết bà thấy thế nào nhé.

- Trời, thích quá nhỉ: tối nay lúc ăn

xúp, sau khi làm việc...

Tôi nhận thấy vẻ kích động của Maria Kônđratiepna và mỉm cười quay mặt đi. Bà ta đã gia nhập cánh bên phải và phá lên cười vì một chuyện gì đó, trong khi Kalina Ivanôvich cũng vừa cười vừa bắt tay bà ta với vẻ mặt một lão già nịnh đầm lố bịch, giống hệt một thần mục [30] đồng chính cống.

Tám tay trống chạy ra, vừa chạy vừa đánh trống ùng ùng, đứng về phía bên phải, theo sau là bốn tay kèn, rướn cong những thân hình mềm mại, sẵn sàng đưa kèn lên miệng thổi. Các trại viên đã đứng thẳng người, nét mặt ai nấy rắn chắc như đanh.

- Chào cờ, nghiêm!

Trên suốt dọc hàng dài, những cánh tay trần nhẹ nhàng giơ lên chào. Theo tiếng trống từng hồi điểm nhịp điệu kèn lanh lảnh, Naxchia Nôtsêvnaia, trực nhật ở trại, diện chiếc áo dài đẹp nhất của mình và đeo băng đỏ trên cánh tay, đã đem tới sườn bên phải lá cờ lụa của trại Gorki, kèm theo hai bên có hai lưỡi lê ánh thép sáng lạnh mẫn cán bảo vệ.

- Hàng bốn bên phải, đi lên, bước!

Trong đội ngũ người lớn bỗng có sự náo loạn; Maria Kônđratiepna lanh lảnh kêu lên và sợ hãi nhìn tôi, song nhịp đi theo tiếng trống đã gọi ngay mọi người trở lại trật tự. Đội đặc biệt bốn đã xuất phát đi công tác.

Burun chạy vụt lên đuổi theo đội của mình, đi sóng bước và hướng dẫn đội tới chỗ mà Xilanti đã dựng lên từ lâu một đống lúa tiểu mạch vừa cao vừa đẹp. Đống lúa ấy đứng cùng với nhiều đống khác, không lớn và cũng không đều đặn bằng, lúa hắc mạch, yến mạch, đại mạch và còn một đống nữa, lá thứ lúa hắc mạch đặc biệt mà ngay đến chính các dân quê cũng không tài nào nhận ra nổi và cứ tưởng là đại mạch. Các đống ấy là công trình của Karabanôp, Tsôbô, Fêđôrenkô, và phải thú thật rằng tha hồ cho các cậu loay hoay ướt áo sơ-mi, các cậu cũng không sao ăn đứt được Xilanti.

Đứng gần cái máy hơi nước lưu động, thuê ở làng bên, các thợ máy đầy người dầu mỡ, nét mặt nghiêm túc, đang chờ

đội tới. Còn chiếc máy đập thì là của chúng tôi, vừa mua trong mùa xuân này, được trả tiền dần từng kỳ hạn, còn mới y nguyên, cũng như cuộc sống của chúng tôi vậy.

Burun bố trí các toán đội viên rất mau, vì hắn đã trù tính mọi chuyện từ tối hôm qua, vả chăng kinh nghiệm chỉ huy đội đặc biệt bốn đã từ bao lâu nay chẳng phải là vô ích đối với hắn. Trên đỉnh đống lúa yến mạch, sẽ được đập sau cùng, ngọn cờ của trại bay phấp phới.

Đến bữa ăn trưa thì việc đập lúa tiểu mạch đã gần xong hết. Mặt phẳng trên cùng của chiếc máy đập là chỗ náo nhiệt và vui nhất. Ở đấy ánh lên những cặp mắt thiếu nữ đầy người phù bụi vàng nhạt của lúa mì, chỉ có mình Lapô là con trai ở

trong bọn. Không biết mệt, hắn không hề đứng lên cho giãn lưng và cũng không một lúc nào ngừng múa mép. Ở chỗ công tác chủ yếu và trọng đại, người ta thấy cái đầu hói của Xilanti và cũng rắc đầy thứ bụi lúa mì ấy, bộ râu mép khó thương của bác ta.

Lúc này Lapô đang dồn lực lượng trêu chọc Ôxana.

- Có là để đùa giỡn cô, anh em trại viên mới bảo cô rằng đây là lúa mì chứ. Cái này mà là lúa mì à? Đỗ đấy.

Ôxana vớ lấy một lượm lúa còn buộc và chụp lên đầu Lapô, song cử chỉ ấy không làm giảm chút nào sự thích thú mà hắn gây nên cho cả bọn.

Tôi ưa việc đập lúa. Nhất là về buổi

chiều cảnh tượng thật đầy đủ thú vị. Từ tiếng rầm rầm đơn điệu của chiếc máy bắt đầu toát ra một thứ khúc nhạc du dương; lâu dần tại đâm ra thích thú nghe cái thứ nhạc cú ấy nó không ngừng thay đổi từng phút nhưng lúc nào cũng vẫn là đồng nhất. Và nhạc điệu đó hòa thành một nền nhạc thích hợp vô cùng với cái không khí náo nhiệt, phức tạp, đã in dấu mệt mỏi nhưng vẫn thật sự không biết mệt là gì. Như theo một câu thần chú của tiên cô, từ đống lúa bị chặt đầu, những lượm lúa cứ đứng dựng lên, từng hàng tiến đến chỗ chết, và sau khi được tiếp xúc rất mau với những bàn tay êm ái của các trại viên, chúng mất hút vào ruột chiếc máy ngốn không biết no, tung lại đằng sau những mảnh vụn nát xoáy trong

cơn lốc và tiếng rên rỉ của những hạt bay ra tứ phía, như bị rứt ra khỏi một tấm thân tươi sống vậy. Giữa những cơn lốc và những tiếng động ấy - sự hấp hối ồn ào của hằng hà sa số lượm lúa - các trại viên cúi lom khom và chạy đi chạy lại, bước chuệch choạng vì mệt mỏi và vì bị kích động. Còng lưng dưới vác nặng, họ cười và đùa tếu, mình mẩy phủ đầy bụi lúa, tắm trong bóng xế đã bắt đầu mát mẻ của một buổi chiều hè yên tĩnh. Tiếng máy vẫn cứ rầm rầm đều một diệu, từ mặt phẳng trên cùng rít lên những tiếng chối tai, và các trại viên lại hòa thêm vào đấy khúc hát ca ngợi sự mệt mỏi của con người với những giọng đắc thắng và trường điệu đến cực độ. Khó mà dứt ra khỏi vẻ hùng tráng của toàn bộ để nhận

xét chi tiết. Khó mà nhận ra được các trại viên dưới những hình thù xám bạc kia, như những hình trong kính ảnh. Tóc đỏ, tóc nâu hay tóc vàng, bây giờ cũng như nhau tuốt. Khó mà bảo rằng bộ mặt nọ, như hình ma cúi trên quyển sổ tay từ sáng sớm, dưới những lốc bụi dày đặc ở máy tung ra, là Maria Kônđratiepna, và cái bóng người thô lỗ, quái gở, dúm dó đứng bên bà ta là Êđua Nikôlaiêvich; phải nghe thấy tiếng, tôi mới đoán ra được là anh ta, khi anh ta nói với cái giọng vẫn lễ độ và dè dặt:

- Đồng chí Bôkôva, bây giờ ta có được bao nhiêu đại mạch rồi?

Maria Kônđratiepna quay quyển sổ ra phía ánh trời chiều:

- Sáu tấn rưỡi rồi, bà ta đáp với một giọng kim đã bị đứt hơi, và mệt mỏi đến nỗi khiến tôi thương hại bà thật sự.

Sung sướng thay Lapô, trong những lúc đã mệt bã cả người mà hắn vẫn tìm ra được một câu nói ngộ:

- Galatenkô! hắn gọi váng lên, từ đầu đến cuối sàn đập lúa đều nghe thấy. Galatenkô!

Galatenkô đang giơ cao một xúc rơm ba chục kilô trên đầu một cái nạng kiêu hãnh, người lảo đảo dưới sức nặng, đáp lại:

- Cái gì, sao mà gọi giật giọng lên thế?

- Hãy lại đây một lát, có tí việc...

Galatenkô đối với Lapô vốn có một

thứ sùng bái như thần thánh. Nó yêu Lapô vì trí mưu và dũng khí của hắn, để đáp lại tình thân mến của Lapô, vì chỉ có mình Lapô coi trọng Galatenkô và nói quyết với mọi người rằng xưa nay Galatenkô chẳng phải là kẻ lười bao giờ hết.

Galatenkô quẳng rơm xuống bên chiếc máy lưu động và chạy lại chỗ máy đập. Đứng tựa vào chiếc nạng và trong thâm tâm sung sướng vì được một phút nghỉ ngơi giữa sự ồn ào tất bật chung, nó bắt đầu câu chuyện:

- Có việc gì mà cậu gọi mình?

- Này nghe tớ bảo, cậu nhé, Lapô từ trên cao cúi xuống trả lời, và tất cả mọi người chung quanh hắn đều lắng tai, yên

trí rằng thế nào cũng có chuyện ranh mãnh gì đây.

- Ừ thì mình nghe đây.

- Cậu đi lên phòng ngủ chúng mình...

- Thế rồi sao?

- Dưới cái gối của giường tớ...

- Cái gì chứ?

- Tớ bảo cậu, là dưới cái gối của tớ đấy...

- Ừ, cái gì?

- Cậu sẽ tìm dưới cái gối của tớ và ở đấy...

- Mình hiểu rồi, dưới cái gối...

- Ở đấy, cậu sẽ thấy đôi bàn tay thay đổi của tớ.

- Được rồi, thế mình phải làm gì? Galatenkô hỏi.

- Cậu hãy đem mau mau tới đây cho tớ, bởi vì những bàn tay này chả còn dùng làm gì được nữa, Lapô vừa nói vừa giơ hai bàn tay hắn lên, giữa một dịp

cười chung vang rộ lên.

- Được rồi! Galatenkô đáp.

Nó hiểu là người ta cười vì những lời của Lapô, và có thế là cười nó nữa. Nó đã cố hết sức không nói câu gì ngu xuẩn và buồn cười, và xét cho cùng thì nó đã chẳng thốt ra điều gì như vậy, vì chỉ có một mình Lapô nói thôi. Song mọi người lại càng cười dữ; chiếc máy rung lên vì chạy không và Burun đã bắt đầu "tóe khói":

- Có chuyện gì thế? Sao vậy, tại sao các cậu chững cả lại thế này? Mày là nguyên nhân mọi chuyện phải không, Galatenkô?

- Tôi ấy à? Tôi có làm gì đâu.

Mọi người yên lặng, vì bằng một giọng đượm vẻ cực kỳ nghiêm trang, Lapô đóng rất khéo vẻ mệt mỏi, lo lắng và lòng tin cẩn ở bạn Burun, hắn bảo Burun rằng:

- Cậu ạ, hai bàn tay này hỏng rồi. Vậy xin cậu cho phép Galatenkô đi lấy cho mình đôi tay khác thay.

Burun nhập điệu ngay lập tức, và với một giọng hơi trách móc, bảo Galatenkô:

- Thì cố nhiên rồi, mày còn đợi gì

nữa? Việc khó đến thế kia à? Sao mày lười tệ vậy, Galatenkô?

Bản nhạc giao hưởng của lúa đập bị đứt quãng. Một tràng cười the thé đủ giọng với những tiếng nấc lên, cười vãi nước mắt, làm cho ai nấy không thở nữa. Cả Sêrê cũng cười, và ngay đến các anh thợ mấy cũng bỏ máy đấy mà cười, tay níu lấy những đầu gối bẩn. Galatenkô đã đi về phía các phòng ngủ. Xilauti chằm chằm nhìn theo sau lưng nó:

- Anh bạn kia, anh xem, chuyện trò thế đấy...

Galatenkô dừng lại và nghĩ ngợi. Từ trên một đống rơm cao, Karabanôp quát bảo nó:

- Kìa, sao mày lại đứng đấy! Đi đi

chứ?

Song Galatenkô ngoác miệng ra đến tận mang tai. Nó hiểu. Không vội vàng, nó vừa mỉm cười vừa trở lại sân đập lúa. Bọn trai đứng trên rơm hỏi nó:

- Mày đi đâu thế?

- Ấy là Lapô bịa chuyện, cậu hiểu không, bảo mình đi tìm đôi bàn tay thay đổi của hắn.

- Thế thì sao?

- Làm gì có, bàn tay thay đổi của hắn, lại một chuyện cậu ấy tếu.

Burun ra lệnh:

- Không có bàn tay thay đổi! Lại làm đi thôi!

- Không có bàn tay thay đổi, rõ! Lapô nói. Đành xoay xở với đôi bàn tay này vậy.

Đến chín giờ, Sêrê ngừng máy lại và đến tìm Burun.

- Bọn trai đứng không vững nữa, mà còn phải làm đến nửa giờ nữa mới xong.

- Được rồi, Burun đáp. Sẽ làm xong hết.

Lapô kêu rống lên từ trên cao:

- Các đồng chí trại viên trại Gorki! Còn phải làm một nửa giờ nữa. Nhưng đợi một nửa giờ nữa, thì tôi sợ rằng chúng ta có đủ thì giờ chết rũ cả mất. Tôi không đồng ý đâu.

- Thế cậu muốn gì? Burun hỏi và vểnh

tai nghe.

- Tôi phản đối. Một nửa giờ nữa thì mọi người chết cứng hết. Có phải không, Galatenkô?

- Phải rồi, nhất định. Một nửa giờ thì nhiều quá.

Lapô giơ nắm tay lên:

- Một nửa giờ, không đợi nào. Phải làm xong tuốt, tuốt cả đống, trong mười lăm phút, chứ không nửa giờ!

- Phải rồi! Galatenkô cũng rống lên. Cậu ấy nói đúng đấy!

Giữa một trận cười mới lại nổ tung ra, Sêrê lại cho máy chạy. Hai mươi phút sau, tất cả mọi việc đều xong, và ai nấy lập tức chỉ muốn ngã dụi xuống đống

rơm mà ngủ vùi. Nhưng Burun ra lệnh:

- Sắp hàng!

Các đội viên kèn vả trống đợi giờ làm việc của họ đã lâu rồi, bèn chạy mau lên hàng đầu. Đội đặc biệt bốn đưa cờ trở về chỗ để của nó, ở tòa bạch cung. Tôi còn nán lại một lát trên sân đập lúa, và từ tòa bạch cung vẳng ra đến tận chỗ tôi tiếng kèn chào cờ. Từ trong bóng tối, một hình người tiến lại phía tôi, tay cầm một chiếc gậy dài..

- Ai đấy?

- Tôi đây, bác Antôn Xêmiônôvich ạ. Tôi ở thôn Vôlôvi, đến để xem cái máy đập lúa. Tên tôi là Vôlôvich.

- Được, đi về trại chúng tôi đi.

Đến lượt chúng tôi cũng đi con đường về tòa bạch cung. Vôlôvich hẳn phải là một ông già, nói giọng đờn đợt trong bóng tối:

- Các anh làm giống như mọi người ngày xưa vẫn làm, như thế là phải lắm...

- Làm gì kia?

- À, thì các anh tổ chức đám rước để đi đập lúa, theo đúng phép.

- Nhưng có cái gì mà bác bảo là rước? Đấy là cờ thôi. Mà chúng tôi có cha cố đâu.

Vôlôvich chạy lon ton trước tôi một tí, và vung vẩy gậy lên không khí:

- Ừ, nhưng mà không phải chuyện không có cha cố. Đây là nói chuyện làm

khác nào như một ngày hội. Anh ạ, khi người ta gặt được hạt lúa đem về, thì còn có hội hè nào to lớn bằng nữa, nhưng ở quê ta bây giờ họ đã quên mất cái lệ ấy.

Chung quanh tòa bạch cung chỗ nào cũng lao xao tiếng người. Mặc dầu mệt mỏi, các trại viên đều đã đi ra sông cả, và sau khi tắm ai nấy đều hết mệt. Ở các bàn ăn bày ngoài vườn, râm ran chuyện trò vui vẻ náo nhiệt, và Maria Kônđratiepna muốn khóc lên vì nhiều lý do khác nhau: vì mệt mỏi, vì tình yêu mến đối với các trại viên, vì cái qui luật đúng đắn của loài người đã được phục hồi trong đời bà và bà đã nếm những thú vui của một tập thể tự do những người lao động.

- Thế nào, người ta đã cho bà công

việc dễ phải không? Burun hỏi bà.

- Tôi cũng không biết nữa, Maria Kônđratiepna đáp.

Có lẽ vất vả đấy nhưng đó chẳng phải là vấn đề. Công tác như thế này, thì bao giờ cũng là vui vẻ.

Đến bữa ăn tối, Xilanti đến ngồi bên tôi và bí mật nói:

- Thì đó, họ nhờ tôi nói với anh điều này đây: đến chủ nhật, họ sẽ đến hỏi xin Ôlia, như người ta nói đấy. Anh xem, chuyện trò thế đấy.

- Hỏi cho Nikôlaienkô à?

- Đúng rồi, nghĩa là họ thay mặt ông già, Paven Ivanôvich ấy. Thế thì phần anh, anh Antôn Xêmiônôvich ạ, anh phải

làm mọi chuyện theo đúng tục lệ, như người ta nói, tươm tất mọi cái, với những khăn tay này, bánh mì này, với muối [31] này có thế thôi.

- Bác Xilanti ạ, bác thu xếp những cái đó cho tôi nhé.

- Về chuyện thu xếp cái đỏ, thì tôi xin phụ trách, như người ta nói, nhưng mà anh ạ, anh xem, chuyện trò thế đấy: theo tục lệ thì trong trường hợp như thế này phải thết họ rượu vôtka hay thứ gì khác đấy, anh hiểu không?

- Rượu vôtka lậu, thì không, hác Xilanti ạ, nhưng bác hãy mua hai chai vang ngọt.

10. LỄ CƯỚI

Ngày chủ nhật, Paven Ivanôvich Nikôlaienkô phái người đến trại. Những người quen biết: Kuzma Pêtrôvich Môgôryt và Ôtxip Ivanôvich Xtômukha. Kuzma Pêtrôvich thì ở trại ai ai cũng biết, vì bác ta ở gần chúng tôi, ngay bên kia sông. Một con người bẻo lẻo, nhưng làm ăn đểnh đoảng. Bác ta có một thửa ruộng đất cát, cỏ mọc đầy mà bác ta hầu như chẳng ra thăm bao giờ, ở đấy phần nhiều cứ tự động mọc lên đủ các thứ cây cỏ bẩn tưởi lăng nhăng. Thửa ruộng ấy bị chân người đạp lên vạch ra số lối đi, vì nó ở ngay trên đường qua lại của mọi người, và bộ mặt của Kuzma Pêtrôvich cũng giống thửa ruộng của bác ta: ở đấy

cũng chẳng mọc lên được cái gì ra hồn cả, cơ hồ mỗi túm râu đen bẩn cũng cứ tha hồ tự ý đâm ra, chẳng kể gì đến lợi ích của chủ nó hết. Cái mặt ấy cũng có vô khối nếp dăn deo và rãnh xẻ, khác nào những con đường nhỏ dọc ngang nhằng nhịt. Sự khác nhau duy nhất giữa Kuzma Pêtrôvich và thửa ruộng của bác là ở chỗ thửa ruộng chẳng có một mô đất nào có thể so sánh được với cái mũi cực kỳ dài và mỏng của nhân vật đó.

Ôtxip Ivanôvich Xtômukha, trái lại, thì hình dung tuấn tú khác vời. Cả làng Gôntsarôpka chả có được một người đàn ông nào thân hình cân đối và mặt mũi bảnh trai như bác ta. Bác ta có một bộ ria mép lớn đỏ hung và đôi mắt thanh tú, đẹp một cách ngang tàng như tạc tượng;

bác mặc một bộ quần áo bán quân nhân, lúc nào trông người cũng chững chạc và cao dong dỏng. Ôtxip có nhiều bà con thân thích vào hạng giàu có nhất ở nông thôn, vậy mà không hiểu sao riêng bác ta lại chẳng có ruộng đất gì và bác ta sống vì nghề săn bắn. Bác ở liền ngay bờ sông, trong một căn nhà nhỏ chơ vơ hẻo lánh, xa làng.

Chúng tôi đợi họ đến thăm, nhưng khi họ đến chúng tôi vẫn chưa chuẩn bị được chu đáo, vì có mà trời biết phải chuẩn bị thế nào trong một công việc chưa quen như vậy? Tuy nhiên, khi họ vào phòng giấy tôi, được cái bầu không khí ở đấy nghiêm túc, yên tĩnh và uy nghi. Họ chỉ gặp có tôi và Kalina Ivanôvich ở đó. Khách bước vào, bắt tay chúng tôi và

ngồi xuống ghế đi-văng. Tôi không biết khơi mào chuyện ra làm sao, thì may được Ôtxip Ivanôvich mở đầu một cách giản dị rằng:

- Ngày xưa thì trong dịp công việc như thế này người ta đem ra kể một câu chuyện đi săn: chúng tôi đã dò theo vết chân một con cáo, chẳng hóa con cáo là một cô gái đẹp. Vậy thì chính vì con cáo đó, hay đúng hơn vì cô gái đẹp đó... Nhưng tôi nghĩ cái tục lệ ấy không hợp với thời bây giờ nữa, mặc dầu chính tôi đây là một người săn bắn.

- Đúng thế, tôi đáp.

Kuzma Pêtrôvich ngồi trên đi-văng, rung rung hai gót chân làm rung cả chòm râu dê của bác:

- Tôi thì bảo rằng đó là chuyện nhảm.

- Không phải đó là chuyện nhảm, chỉ có điều là không hợp thời nữa mà thôi, Xtômukha chữa lại.

- Thời đại nào, phong tục ấy, Kalina Ivanôvich trịnh trọng bắt đầu. Có những người lạc hậu, và đã thế lại còn bất mãn, cứ vục đầu vào mọi thứ mê tín và sống như những con vật, cái gì cũng sợ: họ sự cơn dông, sợ mặt trăng, sự con mèo. Nhưng bây giờ là chính thể xô-viết, hề-hề, và bây giờ chỉ có những hàng rào kiểm soát kinh tế là đáng sự thôi, mà kể ra thì cũng chẳng đến nỗi ghê gớm lắm...

Xtômukha ngắt lời Kalina Ivanôvich, vì dĩ nhiên là Kalina đã quên mất rằng cuộc họp mặt không phải là để nói

chuyện khoa học.

- Chúng tôi xin nói đơn giản với ông rằng chúng tôi đến đây thay mặt ông Paven Ivanôvich, mà ông biết rõ đấy, và thay mặt bà ta, là Epđôkia Xtêpanôpna. Vì ở trại ta đây, ông đứng thay quyền làm cha, vậy xin ông cho biết ông có vui lòng gả cô Ôlia Vôrônôva, khác nào là con gái ông, cho con trai ông bà ấy là anh Paven Pavlôvich không? Anh ta bây giờ đang làm chủ tịch Xô-viết thôn đấy.

- Chúng tôi xin ông trả lời cho biết, Kuzma Pêtrôvich lép nhép nói. Ví như được ông bằng lòng cho, vì là ông bố và bà mẹ muốn xin như vậy, thì ông trao cho chúng tôi những chiếc khăn tay với bánh mì, và nếu ông không ưng cho nữa, thì xin ông cũng đừng giận chúng tôi đã đến

làm phiền ông.

- Hề-hề-hề, xin lỗi chưa đủ đâu, Kalina Ivanôvich nói, mà theo cái tục lệ khỉ của các bác, thì các bác còn phải đem về nhà một quả bí nữa chứ.

- Chúng tôi không chủ tâm lấy bí, Ôtxip Ivanôvich mỉm cười, vả chăng về mùa này cũng chưa có.

- Ừ, mà thật nhỉ, Kalina Ivanôvich đồng ý. Hồi xưa, có những cô gái vừa kiêu vừa ngốc, cố ý để dành đầy một nhà kho bí. Và nếu chẳng có ma nào vời tới các cô, thì là các cô đem bí ra nấu cháo ăn, những đồ ăn hại thế. Ngon lắm, cháo bí, nhất là nấu với kê...

- Thế nào, câu trả lời của ông đứng làm cha sẽ ra sao? Ôtxip Ivanôvich hỏi.

Tôi đáp:

- Tôi xin cảm ơn các ông, và cả ông Paven Ivanôvich với bà Epđôkia Xtêpanôpna, về cái vinh dự các ông và bà dành cho tôi. Nhưng tôi không phải là cha và cũng không đứng quyền làm cha. Tất nhiên là phải hỏi ý kiến Ôlia, rồi sau đó hội đồng đội trưởng sẽ phải giải quyết mọi việc chi tiết.

- Chúng tôi không dám bàn gì về công việc của ông. Xin ông cứ làm mọi việc theo đúng những thể thức mới, Ôtxip Ivanôvich giản dị tán thành.

Tôi ra khỏi bàn giấy, sang phòng bên gặp người trực nhật và yêu cầu cho báo lệnh họp các đội trưởng. Trong khắp trại có một sự xôn xao sôi nổi đặc biệt.

Naxchia nhảy xồ đến tôi, vừa cười vừa hỏi:

- Bưng những khăn tay này thì phải đứng ở đâu hở bác? Đem vào trong kia không được ư? cô vừa nói vừa chỉ vào phòng giấy.

- Về việc đó cháu hãy đợi một tí nhé. Chúng tôi chưa thỏa thuận với nhau về mọi chuyện. Các cháu cứ đứng đây. Bác sẽ gọi các cháu.

- Thế ai sẽ buộc cho họ?

- Buộc cái gì?

- Vâng, buộc khăn tay, cho các ông... mối ấy, người ta gọi các ông ấy như thế có phải không ạ?

Đứng bên cạnh tôi, Tôxka Xôlôviep

kẹp vào nách một chiếc bánh mì lớn và cầm trong tay một bình muối mà nó lắc lắc, để xem chơi những hạt muối nảy lên. Xilanti chạy tới.

- Chú làm gì thế, chú, sao lại lắc bánh với muối lễ ăn hỏi thế? Phải bày lên một chiếc đĩa chứ..

Bác ta cúi xuống để mọi người khỏi thấy bác, đang muốn bật cười:

- Chà, bọn trẻ này, thật là đến khổ!... Thế còn bữa ăn trưa thì sao?

Tôi vui mừng thấy Êkatêrina Grigôriepna bước vào.

- Chị giúp chúng tôi cái việc này với.

- Được rồi, tôi đi tìm chúng nó mãi. Chúng nó cứ tha chiếc bánh đó đi khắp

trại, suốt từ sáng đến giờ. Các cô các cậu đi theo tôi. Chúng tôi sẽ thu xếp ổn việc này, bác đừng lo. Chúng tôi sẽ ở phòng các cô gái, bác cho gọi chúng tôi nhé.

Các đội trưởng, bắp chân để trần, chạy cả lên phòng giấy.

Tôi còn giữ được danh sách các đội trưởng của thời kỳ sung sướng ấy. Đó là:

Đội trưởng đội một (xưởng giày) Gut.

Bội trưởng đội hai (chuồng ngựa) - Bratsenkô.

Đội trưởng đội ba (chuồng bỏ) - Ôpriskô.

Đội trưởng đội bốn (xưởng mộc) - Taranet.

Đội trưởng đội năm con gái -

Nôtsêvnaia.

Đội trưởng đội sáu (lò rèn) - Biêlukhin.

Đội trưởng đội bảy - Vetkôpxki.

Đội trưởng đội tám - Karabanôp.

Đội trưởng đội chín (nhà xay bột) - Ôtxatsi.

Đội trưởng đội mười (chuồng lợn) - Xtupitxyn.

Đội trưởng đội mười một (trẻ nhỏ) - Gêorghiepxki.

Thư ký hội đồng đội trưởng - Kôlia Vecsơnep.

Quản đốc nhà máy xay gió - Kutlaty.

Trưởng kho - Aliôsa Vonkôp.

Phụ tá nông nghiệp - Ôlia Vôrônôva.

Sự thực thì người dự phiên hội đồng đông hơn nhiều: những đoàn viên Kômxômôn hoàn toàn có quyền tham dự không ai tranh cãi hết: Zađôrôp, Jôra Vonkôp, Vôlôkhôp, Burun; các trại viên kỳ cựu, đã bạc đầu trong cương vị Prikhôtkô, Xôrôka, Gôlôt, Tsôbô, Ôptsarenkô, Fêđôrenkô, Kôrytô. Bọn trẻ nhỏ, được cho vào xem, ngồi bệt ngay trên mặt sàn và trong bọn chúng thế nào cũng phải có mặt Michia, Vichia, Tôdia và Vania Sêlaputin. Các giáo viên, cùng với Kalina Ivanôvich và Xilanti Xêmiônôvich, bao giờ cũng dự hội đồng. Vì thế cho nên bao giờ cũng thiếu ghế ngồi: người ta ngồi lên thành cửa sổ, hay đứng dựa tường bên ngoài mà nhìn vào

theo dõi việc trong phòng.

Kôlia Vecsơnep khai mạc buổi họp. Bị đến một chục trại viên chèn ép trên ghế đi-văng, ngập trong đống cẳng chân và cẳng tay để trần chồng chéo lẫn nhau, các ông mối đã mất hết cả vẻ trịnh trọng.

Tôi bảo cho các đội trưởng biết là có các ông đến thăm. Tin ấy chẳng có gì mới lạ đối với hội đồng, vì ai cũng đã biết từ lâu cái tình bạn thân thiết ràng buộc Paven Pavlôvich và Ôlia. Vecsơnep hỏi cô này, gọi là chiếu lệ:

- Cô có bằng lòng lấy Paven không?

Ôlia hơi đỏ mặt, trả lời:

- Có, tất nhiên.

Lapô bĩu môi:

- Chả ai lại làm như thế. Đáng lẽ cô phải cưỡng lại và chúng tôi phải thuyết phục cô. Như thế này thì chán quá.

Kalina Ivanôvich nói:

- Chán hay không chán, thì cũng cứ phải bàn vào việc. Xin các ông cho biết các ông dự định thu xếp mọi chuyện ra sao, cho việc ở riêng và mọi cái?

Ôtxip Ivanôvich đưa tay lên ria mép;

- Thế này đây: nếu được các vị bằng lòng, thì chúng tôi sẽ làm lễ cưới, tất nhiên là có lễ ban phúc, và đôi vợ chồng trẻ sẽ về ở với hai ông bà già: nghĩa là gia đình mọi cái đều chung tất cả.

- Thế người ta đã xây một cái nhà mới cho ai vậy?

Karabanôp hỏi.

- Đó sẽ là nhà của Mikhain.

- Nhưng Paven là con trưởng kia mà?

- Đã đành anh ta là trưởng, song ông già đã quyết định như vây. Bởi vì Paven đã lấy vợ ở trại.

- Anh ta lấy vợ ở trại, thế thì làm sao? Kôvan nói làu bàu, giọng ác cảm.

Ôtxip Ivanôvich không tìm ngay được câu trả lời, và Ruzma Pêtrôvich bắt đầu nói láo nháo với một giọng nhỏ nhẻ:

- Ấy thu xếp như thế đấy. Ông Paven Ivanôvich bảo rằng: chủ nhà cần có người nội trợ, và cô ta thì sẽ được có bố chồng làm bố. Việc đã ra như thế, là Mikhain thì lấy con gái ông Xecgây

Grêtsany. Còn cô em nhà ta sẽ về làm dâu trong gia đình, khi lấy anh Paven Pavlôvich. Vả lại anh Paven Pavlôvich cũng đã đồng ý như thế.

Karabanôp khua tay lên:

- Nói như thế, thì kết quả có thể đi đến quả bí thôi.

Paven Pavlôvich đã đồng ý, thì chúng tôi cần gì cái đó!

Điều đó chỉ tỏ ra rằng anh ta ngốc, thế thôi. Hội đồng

đội trưởng không thể nào ưng gả Ôlia trong những điều

kiện như thế được, có khác gì bảo cô ta vào làm đầy tớ ở nhà lão quỷ ấy...

- Xêmiôn... Kôlia cau mày, nói.

- Thôi được, thôi được, tôi rút lui chữ quỷ, thế là một. Rồi người ta lại còn nói lễ ban phúc gì nữa thế?

- Nhưng đấy là tục lệ. Xưa nay chả ai thấy có đám cưới nào không có cha cố. Ở quê chúng tôi chả làm thế bao giờ.

- Rồi sẽ làm thế. Kôvan nói.

Kuzma Pêtrôvich gãi gãi chòm râu dê.

- Để còn xem, có làm thế hay không làm thế. Ở quê chúng tôi, người ta cho rằng chung sống với nhau mà không làm lễ cưới ở nhà thờ là không tốt.

Cả hội đồng im lặng. Ai nấy đều cùng có một ý nghĩ: đám cưới sẽ không thành. Tôi lại còn sợ nếu như thế thì không khéo bọn trai sẽ tống tiễn các vị đại biểu ra về

mà chẳng nể nang gì hết.

- Ôlia, cô cứ cần phải có cha xứ ạ? Kôlia hỏi.

- Sao? Anh đói bụng hay sao thế? Anh quên rằng tôi là nữ thanh niên Kômxômôn.

- Đòi có cha cố thì không xong đâu, tôi bảo các ông mối, các ông nên cố thu xếp cách khác thôi, vả chăng các ông cũng biết các ông đi đến đây là nơi nào. Làm sao các ông lại có thể nghĩ rằng chúng tôi sẽ chịu nhận đi ra nhà thờ được nhỉ?

Xilanti đứng dậy tại chỗ, trỏ ngón tay lên để xin nói.

- Bác Xilanti, bác muốn nói à? Kôlia

hỏi.

- Thì đó, phải, tôi có điều muốn hỏi.

- Được rồi, bác hỏi đi.

- Thì đó, cái nhà bác Kuzma, anh thấy không, là một người.., một người mơ mộng hão, như người ta nói. Nhưng mà, này, bác Ôtxip Ivanôvich hãy thử nói cho chúng tôi nghe xem: thì đó, có quỷ nào

[32]

cần đến những cái bao than ấy chứ? Thì đó, chẳng thà anh vỗ béo một con lợn còn hơn.

- Hà! Bọn ấy thì cứ chết cả đi được rồi đấy! Xtômukha vừa cười vừa nói. Mỗi khi đi săn mà tôi gặp phải một lão,

[33]

là tôi quay về ngay .

- Thì đó, chẳng qua chỉ là cái nhà bác Kuzma cần phải có những con dê đực

[34]

lông lá xồm xoàm ấy như người ta nói.

Kuzma cười tủm tỉm:

- Hì-hì, chẳng phải là chuyện chúng tôi cần; họ chẳng được cái tích sự gì, cái đó đã đành như vậy. Nhưng mà, bác thấy không, ông cha chúng ta và các cụ tổ chúng ta vẫn làm như thế, và ngoài ra ông Paven Ivanôvich lại đã nói rằng: chúng ta lấy cô gái về, mặc dầu cô ta nghèo, và không có của hồi môn, như người ta nói, phải, thế rồi lại còn ...

Kalina Ivanôvich nện quả đấm xuống bàn:

- Ăn nói lăng nhăng những cái gì thế? Ai cho phép anh nói láo lếu với chúng tôi như vậy? Vậy thử hỏi cái đám giàu có, đến đây ra mắt với những vẻ huyênh hoang ấy là đám nào thế? Vì là anh với lão Paven Ivanôvich nhà anh đã dựng được một cái nhà gianh, vách đất trát vôi, cho nên dễ thường anh tưởng có thể lên mặt làm cao đấy phải không? Cái thằng ăn hại ấy, nó đem đến được một cái bàn với đôi ghế dài, và một chiếc áo khoác lót bông đỏ trong hòm, mà nó đã tự coi là triệu phú rồi à?

Kuzma Pêtrôvich phát hoảng, kêu lên the thé:

- Nào có ai dám làm bộ huênh hoang đâu? Chúng tôi chỉ muốn nói đến chuyện hồi môn thôi.

- Anh có biết anh nói chuyện với ai không, có biết hay không? Đến đây là anh có việc với chính quyền xô viết, dễ thường anh không nhận thấy thế hay sao? Và chính quyền xô-viết thì có thể cho một món hồi môn làm cho tất cả những ông vải đã thối thây nhà anh phải quay đảo mình ba lần trong mồ ấy, những quân ăn hại.

- Không mà, kìa, chúng tôi... Kuzma chối cãi một cách yếu ớt.

Bọn trai cười và vỗ tay hoan hô Kalina Ivanôvich.

Bác ta được thể lên nước ra mặt:

- Hội đồng đội trưởng phải xét việc này cẩn thận. Bây giờ đây họ đến yêu cầu chúng ta và chúng ta phải suy nghĩ xem có nên gả Ôlia của trại ta cho một kẻ khố rách áo ôm như cái gã Nikôlaienkô kia không, cái đồ ăn hại ấy, hắn chỉ ních đầy bụng những khoai tây nấu hành và gặt về toàn là rau lê chứ làm gì có lúa mì. Nhưng chúng ta đây, là những người giàu có, chúng là phải thận trọng mà quyết định mới được.

Sự vui mừng chung của hội đồng đội trưởng và toàn thể cử tọa tỏ ra rằng không còn vấn đề gì nữa. Chúng tôi mời các ông mối hãy lui ra ngoài một lát, và hội đồng đội trưởng đem ra thảo luận việc nên cho Ôlia những gì làm của hồi môn.

Lòng tự tôn bị kích động mạnh bởi những câu bàn luận vừa qua, bọn trai phóng cho Ôlia một món hồi môn xem ra thật là kếch sù. Họ mời Sêrê đến, chỉ sợ anh ta phản đối sự rộng rãi ấy, nhưng Sêrê, chẳng do dự một phút, nói quả quyết rằng:

- Đúng đấy. Dù chúng ta có phải hy sinh vì thế chúng ta cũng cứ phải cho Ôlia của hồi môn nhiều vào, nhiều hơn hết thẩy các cô gái xứ này. Phải làm cho cái tụi kulắc ấy mất mặt đi mới được.

Vì thế việc ấn định số hồi môn chỉ gây nên những câu phản đối đại loại thế này:

- Cậu nói vớ vẩn gì thế: một con ngựa con! không, phải cho một con ngựa hẳn hoi ấy.

Sau một tiếng đồng hồ, các vị đại biểu ngồi nghỉ chơi ngoài gió mát được mời trở lại hội đồng và Kôlia Vécsơnép, đứng hẳn dậy, đọc có hơi lắp một chút đoạn diễn văn oai vệ này:

- Hội đồng đội trưởng quyết định như sau: đồng ý gả Ôlia cho Paven. Paven phải có nhà riêng của mình và ông bố sẽ tùy liệu cho anh ta theo khả năng. Kết hôn theo pháp luật, không có cha cố. Lễ cưới hôm đầu tổ chức ở trại, rồi sau đó về nhà các bác, các bác muốn làm gì tùy ý. Chứng tôi cho Ôlia để đi ở riêng:

Một bò cái với bò con, giống Ximmentan,

Một ngựa cái, với con của nó đi theo.

Năm con cừu,

Một con lợn giống Anh...

Kôlia đọc đã khản cả giọng mà chưa hết cái danh sách dài vô tận những của hồi môn cho Ôlia: nông cụ, hạt giống, rơm cỏ, quần áo ngoài, quần áo trong, đồ đạc và cả đến một cái máy khâu nữa. Hắn kết thúc như sau:

Chúng tôi sẽ giúp đỡ Ôlia, bất cứ khi nào cần đến, và hai vợ chồng, gặp trường hợp cần thiết, cũng phải giúp đỡ trại, không được phép từ chối. Paven được nhận danh hiệu là trại viên.

Các ông mối chớp mắt lia lịa, vẻ kinh hoảng, với bộ mặt những người sẵn sàng đợi nhận lễ thánh trước khi chết vậy. Chẳng còn lo ngại làm có đúng tục lệ hay không nữa, bọn thiếu nữ vừa cười rin rít

vừa chạy xổ đến quàng những chiếc khăn tay thêu lên người các ông mối, trong khi các nhóm trẻ nhỏ, Tôxka dẫn đầu, đưa biếu họ tấm bánh mì và muối đặt trên một cái đĩa phủ một chiếc khăn tay khác. Vụng về và cuống quít, họ đỡ lấy tấm bánh mì mà không biết nhét nó vào đâu cho được. Tôxka vừa luồn dưới nách. Kuzma Pêtrôvich rút cái đĩa về, vừa vui vẻ bảo bác ta:

- Này, giả đĩa tôi đây, không có tôi bị bác thợ xay bột mắng cho đấy. Của bác ta... cái đĩa này đấy.

Các thiếu nữ trải một tấm thảm lên bàn và đặt lên đấy ba chai rượu vang ngọt "Caho", với mười lăm chiếc cốc. Kalina Ivanôvich rót rượu cho tất cả mọi người và nâng cốc lên:

- Nào, chúc sức khỏe cô ấy và mong rằng cô ấy nhớ bổn phận của mình.

- Bổn phận đối với ai? Ôtxip Ivanôvich hỏi.

- Cái đó rõ lắm rồi: với hội đồng đội trưởng và chính quyền xô-viết nói chung.

Chúng tôi chạm cốc và uống rượu, [35] nhắm với bánh xan-đuýt nhồi giồi lớn.

Kuzma Pêtrôvich nghiêng mình xin cáo lui:

- Thôi, thế xin cảm ơn các ông về mọi chuyện đã thu xếp tốt đẹp được như thế. Bây giờ chúng tôi về chúc mừng ông Paven Ivanôvich và bà Epđôkia

Xtêpanôpna.

- Được, anh có thể cứ chúc mừng họ đi, Kalina Ivanôvich nói.

Ôtxip Ivanôvich bắt tay chúng tôi:

- Phải, các bác đây... quả thật là có bản lĩnh. Chúng tôi chẳng thể nào đọ sức với các bác được.

Hiền lành và khiêm tốn như các có nữ sinh nhỏ, các ông mối rời phòng giấy để trở về làng. Trong khi chúng tôi đang nhìn theo họ, Kalina Ivanôvich chợt nháy mắt một cách vui vẻ, rồi nhún vai không bằng lòng:

- Không, không coi được! Làm sao họ lại ra vẻ như những thằng ngốc thế? Gọi họ lại đi, Pêtrô, và mời họ qua phòng tôi.

Còn chú. Antôn, chú thắng xe đi rồi độ một tiếng nữa thì đến đón họ ở bên tôi nhé.

Một giờ sau, các trại viên vui cười xếp hai ông mối lên chiếc xe briska, họ vẫn còn quàng những chiếc khăn tay thêu, nhưng đã mất đi nhiều nghi biểu khác của nhiệm vụ làm sứ giả và đặc biệt là họ nói líu cả lưỡi lại. Được cái rằng Kuzma Pêtrôvich không quên tấm bánh mì, mà bác ta trìu mến ôm khư khư trên trái tim. Con Hảo-hán kéo cái xe nặng như nhấc một chiếc lông, chạy băng băng trên con đường cát.

Kalina Ivanôvich nhổ nước bọt:

- Những quân ăn hại, chúng nó cố ý phái những thằng cha nghèo rớt đến đây.

- Ai kia?

- Thì cái lão Nikôlaienkô ấy chứ ai. Lão ấy muốn tỏ ý rằng: cô dâu thế nào, ông nói thế ấy.

- Thì đó, đấy lại là chuyện khác. Xilanti nói. Ở đây, anh xem, chuyện trò thế đấy: một người làm mối khác tất sẽ không chịu nhận lễ cưới mà không có cha cố, như người ta nói. Nhưng hai cái anh này, xem đấy, họ cóc cần gì đến cha cố; họ chẳng phải những người... như trước kia đâu; Thì đó, cái lão khờ kia, lão ta mời bảo họ: các bác cứ xin làm lễ ở nhà thờ đi, nhưng nếu gặp trường hợp không ổn chuyện, như người ta nói, thì thôi, mặc mẹ cha cố! Anh xem, chuyện trò thế đấy.

Ngày cưới ấn định vào giữa tháng tám. Các ban này ban nọ tới tấp hoạt động, một buổi diễn kịch được chuẩn bị. Bao nhiêu chuyện lo toan và lại thêm bao nhiêu món tiêu tốn, khiến Kalina Ivanôvich cũng đến phát buồn:

- Nếu chúng mình mà phải gả tất cả những con gái trại mình theo cung cách này, thì anh Antôn Xêmiônôvich ạ, chỉ còn có nước đưa hết bọn trai, với cả tôi, thân già khốn khổ, đi ăn xin trên các ngả đường thôi... Chả còn có cách nào nữa đâu...

Đến ngày cưới, từ sáng sớm trại đã bố trí canh gác bốn bề. Phải điều động hai đội làm nhiệm vụ bảo vệ trật tự. Chúng tôi chỉ gửi thiếp in mời có bảy chục người thôi. Thiếp viết như sau:

Hội đồng đội trưởng trại lao động Maxim Gorki, nhân dịp nữ trại viên Ôlia Vôrônôva xuất trại và kết hôn với đồng chi P.P. Nikôlaienkô, xin kính mời bạn tới dự tiệc và xem kịch buổi tối.

HỘI ĐỒNG ĐỘI TRƯỞNG

Đến hai giờ trưa, ở trại mọi cái đã chuẩn bị đâu vào đấy cả. Các bàn tiệc đã bày ở trong vườn, chung quanh chỗ suối nước phun. Sự trang trí ở khu này là phần tặng phẩm của nhóm nghệ thuật của

Zinôvi Ivanôvich: trên cái phòng ăn lộ thiên ấy, bất cứ chỗ nào mà những bàn tay của các trại viên đã phải khó khăn mới với tới được, nhưng bây giờ mắt nhìn thông suốt tới rất dễ dàng, thì đều có cắm những chiếc sào nho nhỏ, treo những tràng dài lá xanh, tết bằng những lộc non của cây phong. Trên bàn, cắm trong các bình, là những bó hoa "Hoàng hậu Bạch tuyết".

Trong cái ngày hôm nay, với một niềm vui đầy tin tưởng vững chắc, có thể nhìn thấy trại đã trưởng thành và đẹp đẽ hơn lên biết chừng nào. Những lối đi rộng rãi rải cát, của vườn hoa, làm nổi bật vẻ tráng lệ của ba đợt đất bằng, trên đó mỗi gốc cây, mỗi khóm bụi, mỗi đường kẻ bồn hoa, đều đã được trù tính xếp đặt

trong những đêm suy nghĩ, được tưới mồ hôi lao động chăm chỉ của những đội đặc biệt, và được tô điểm, khác nào những ngọc thạch quý giá, bởi sự ân cần và tình yêu tha thiết của tập thể. Những chỗ lồi lõm trên hai bờ sông đã phải phục tùng một sự an bài chặt chẽ nhưng khoan hồng của một trật tự kỷ luật đáng yêu: chỗ này là một chục bậc rừng, chỗ kia là những hàng cây phong làm lan can, xa hơn là một thửa đất vuông nhỏ trồng hoa, những đường đi hẹp quanh co, sân cát mịn ngay trên bờ nước, tất cả những cái đó lại chúng tỏ một lần nữa rằng con người, dù chỉ là chủ trại viên đi chân đất, thông minh hơn thiên nhiên bao nhiêu, và biết chế ngự nó. Và trong các khoảng sân rộng mênh mỏng của vị chủ nhân đi chân

không ấy, trên dấu tích của những vết thương nặng để lại cho hắn thừa hưởng, chính hắn, người con bị tước đoạt hết gia tài của cái nhân loại cổ xưa, hắn cũng đã tô vẽ sửa chữa lại tất cả với bàn tay của một nghệ sĩ. Mùa thu trước, các trại viên đã trồng hai trăm khóm hồng, và ở đây mọc lên bao nhiêu cây thúy cúc, cẩm chướng, lan tử la, quỳ thiên trúc đỏ tía, phong lệnh xanh da trời, và nhiều thứ hoa khác nữa không biết tên và không có tên, họ cũng chưa từng đếm bao giờ. Những đường thông củ lớn thật sự đã được kẻ ra, liên kết và phân ranh giới khu vực của mỗi tòa nhà: những thảm có Anh hình vuông và tam giác đã chiếm và làm xanh tươi các khoảng trống; từng chỗ có đặt những ghế dài sơn màu xanh lá cây.

Cuộc sống ở trại bây giờ tốt đẹp và có trật tự, trông thấy vậy tôi tự hào về phần đóng góp của mình làm cho đất này thêm đẹp đẽ. Song về phương diện thẩm mỹ tôi cũng có những ý thích riêng của tôi: các thứ hoa, các đường nhỏ đi dạo mát và các gốc cây cối um tùm đều không làm cho tôi một phút nào mất hút được những đứa trẻ mặc quần cụt màu lam và sơ-mi trắng nọ. Các chú bé đó hiện thời đang chạy lăng xăng hay bình tĩnh đi lại giữa các tân khách, bận rộn chung quanh những bàn tiệc, hoặc đứng vững ở nơi phận sự, ngăn không cho ùa vào trại hàng mấy trăm kẻ ngốc nghếch đến xem một đám cưới xưa nay chưa từng có: đó là các trại viên trại Gorki. Thon mảnh và chính chện, mình lẳn chắc và mềm mại,

gân guốc và lành mạnh, thân thể không biết đến thuốc men là gì và gương mặt nào cũng môi đỏ hồng hào. Những gương mặt như thế được tạo nên ở trại: khi ở ngoài phố vào đây thì chúng không như vậy.

Mỗi đứa trẻ đó có đường đi của nó, cũng như trại Gorki có đường đi của trại. Tôi cảm thấy tôi nắm trong tay rất nhiều đường xuất phát của những cuộc đời ấy, song nhận cho ra những phương hướng, triển vọng và điểm kết thúc của những con đường đó trong đám sương mù của tương lai gần gũi thật khó khăn biết nhường nào. Giữa đám sương mù ấy hiện đang quay lộn trong lốc bão những yếu tố mà người ta chưa chi phối được, mà các kế hoạch và các khoa toán học chưa đặt

được cho chúng một tên gì. Cuộc hành quân của chúng tôi xuyên qua những lực lượng không cân lường được ấy có cái vẻ mỹ quan của nó, cho nên vẻ mỹ quan của những thửa vườn hoa vườn quả kia đã hết làm cho tôi cảm động.

Nó lại càng làm cho tôi ít cảm động trong lúc này đây mà Maria Kônđratiepna sát tới gần và hỏi tôi:

- Ông bố hiền ơi, ông làm gì trong xó đó, mà một mình thui thủi buồn bã thế vậy?

- Không buồn sao được khi tất cả mọi người, kể cả bà nữa, đều bỏ tôi trơ trọi?

- Tôi lấy làm vui lòng được an ủi ông và chính tôi cố ý đến tìm ông vì thế, vì tôi không muốn đi xem những đồ sính lễ

của cô dâu mà không có ông đi cùng. Nào ta đi.

Tất cả sản nghiệp của Ôlia đều được trưng bày dồn trong hai lớp học. Khách đến xem triển lãm đông như kiến; các bà nông thôn mím môi vì bực tức và ghen ghét, chăm chú nhìn tôi một cách ác cảm. Họ đã chê cô dâu của trại và cưới con gái ở các ấp về làm vợ cho con trai họ, thế mà bây giờ những đám giàu sụ nhất té ra lại ở đây, ngay dưới mũi họ. Tôi thừa nhận là họ có quyền tỏ ý tức giận đối với tôi.

Bôkôva nói:

- Nhưng ông sẽ làm thế nào nếu các ông mối kéo hàng đàn tới trại ông?

Và tôi trả lời:

- Tôi yên trí: con gái đến tuổi lấy chồng của trại chúng tôi có tầm mắt nhìn cao lắm.

Chợt một đứa trẻ chạy tới, sợ hãi chết khiếp:

- Họ đến kia kìa!

Trong sân, tiếng kèn thổi lên, giục giã, báo hiệu tập hợp. Các trại viên đã đứng sắp hàng ở cổng vào, với cờ và đội trống, theo đúng nghi thức. Từ sau nhà máy xay gió xuất hiện chiếc xe song mã của trại. Ngựa thắng cương đai màu đỏ và Bratsenkô, ngồi trên ghế xà ích, cũng đeo một cái nơ tết. Chúng tôi làm lễ chào đôi trẻ. Antôn ghì dây cương và Ôlia vui sướng nhảy tới ôm lấy cổ tôi. Vừa cười vừa khóc vì xúc động, cô ta bảo tôi:

- Bác đừng bỏ cháu, cháu van xin bác; cháu đã sợ hãi lắm rồi.

Chúng tôi khai mạc một cuộc mít-tinh nhỏ. Maria Kônđratiepna khiến tôi mủi lòng một cách bất ngờ, bằng cách trao cho đôi vợ chồng trẻ món quà của sở Giáo dục: một tủ sách nông nghiệp, cả một đống sách mà hai trại viên theo sau bà ta khiêng trên một chiếc băng-ca tết dải hoa.

Đại hội xong, chúng tôi đặt đôi tân nhân đứng dưới cờ và giữ trật tự di theo họ đến các bàn tiệc. Đội cờ đứng túc trực, sau đôi ghế danh dự đành cho họ. Trại viên trực nhật chăm chút thay phiên cho đội bảo vệ. Hai chục trại viên mặc áo lu trắng bắt đầu phục dịch bữa tiệc. Đội đặc biệt của Taranet chăm chú nhìn

đường nét các túi áo của các vị khách và lặng lẽ ném xuống sông Kôlômak một số chai rượu vôtka lậu, tịch thu với sự khéo tay của những người làm xiếc và sự nhã nhặn thích hợp với cương vị chủ nhân ở trại.

Tôi ngồi gần cặp vợ chồng trẻ; phía bên kia là Paven Ivanôvich và Epđôkia Xtêpanôpna. Paven Ivanôvich, một người nét mặt nghiêm khắc, với chòm râu giống thánh Nicôla Thần-thông, thở dài não ruột; không biết là vì tiếc hận phải chia của cho con trai hay là buồn trông thấy chai bia, bởi vì Taranet vừa mới cất nhẹ của ông ta chai rượu mạnh.

Các trại viên hôm nay thật là tuyệt, và tôi không ngớt thán phục họ: hoạt bát, nhân hậu, ân cần, và vẫn không khỏi có

một phần nào phúng thích. Đặt ngồi ở đầu bàn đẳng kia, đội mười một lại còn khởi sự nói chuyện thao thao bất tuyệt, khêu trọc nhóm năm vị khách giao cho họ phận sự bồi tiếp nữa. Tôi hơi lo lời lẽ của họ thành thực quá mực chăng, nên tới gần xem. Sêlaputin, cho đến bây giờ vẫn còn giữ nguyên được cái giọng kim trẻ con, rót bua cho Kôđia và nói:

- Các cha cố đã làm lễ cưới cho các bác, cho nên các bác mới chẳng tốt lành, các bác thấy không.

- Hay là lấy vợ lại cho bác nhé, Tôxka đề nghị.

Kôdia mỉm cười:

- Đối với bác thì muộn mất rồi, các con ạ.

Bác ta làm dấu phép và uống bia. Tôxka cười.

- Bác sẽ đau bụng cho mà xem...

- Jêxuma, tại sao thế?

- Thế vì lẽ gì mà bác làm dấu phép?

Ngồi bên cạnh là một lão nông dân, râu rối bời, màu rơm vàng nhạt, một trong các vị khách mời của Paven Ivanôvich. Đây là lần đầu ông ta đến trại, nên cái gì cũng khiến ông ta lấy làm lạ:

- Các cậu này, thế ra các cậu làm chủ ở đây thật đấy à?

- Nếu không thì ai làm chủ mới được chứ? Sura đáp.

- Nhưng các cậu cày cấy để làm gì?

Tôxka quay hẳn người lại phía ông ta.

- Sao? Bác không biết đề làm gì à? Không thế, thì chúng tôi đã phải đi làm thằng ở trong các trại, và như vậy thì chúng tôi chẳng chơi.

- Thế sau này cậu sẽ làm gì, như cậu chẳng hạn?

- Á à! Tôxka vừa nói vừa giơ thật cao một chiếc bánh chả phía sau mang tai. Tôi sẽ làm kỹ sư, bác Antôn Xêmiônôvich bảo thế, và Sêlaputin sẽ làm phi công.

Hắn nhìn có vẻ chế giễu bạn thân của hẳn, vì chí hướng làm phi công của Sêlaputin chưa được ai ở trại công nhận cả. Sêlaputin vừa nhai một cách cương quyết vừa nói:

- Phải, phải, tôi sẽ làm phi công.

- Này, các cậu nói xem thử, ở trại các cậu không có ai muốn làm nông dân à?

- Sao lại không có ai? Có, hẳn chứ. Chỉ có cái sẽ không phải là nông dân như các bác thôi. Tôxka nhìn trộm người nói chuyện với mình.

- À, ra thế đấy! Thế thì "không như chúng tôi" là nghĩa thế nào?

- À, khác hẳn, chúng tôi sẽ có những máy kéo. Bác đã trông thấy một cái rồi chứ, máy kéo ấy?

- Không, tôi chưa có dịp nào được thấy.

- Chúng tôi, thì chúng tôi đã được thấy. Ở nông trường quốc doanh, cái lần

mà chúng tôi đem lợn lên trên ấy. Ngoài đó họ có một chiếc máy kéo, trông như một con bọ hung lớn ấy...

Dãy dài những khách mời được các đội của trại liên kết chặt chẽ. Tôi dễ dàng phân biệt được ranh giới và thấy rõ trung tâm của các đội, là những điểm hiện thời náo nhiệt nhất. Vui vẻ ồn ào hơn hết là ở đội chín, vì có Lapô, chung quanh hắn ta cả trại viên lẫn các vị khách đều cười đến chết. Hôm nay Lapô đã đồng tình với Taranet, bạn thân của hắn, để bày một trò đùa dai dẳng và phức tạp, chọc ghẹo bè cánh mấy ông to đầu ở nhà máy xay gió, ngồi ở bàn của đội chín, mà đội đã được lệnh thừa tiếp. Ở đấy có bậc thợ xay bột, người to khỏe và lông lá, bác kế toán, người gầy gò và nhọn hoắt,

bác thợ máy nhà xay, người hiền lành khiêm tốn. Taranet trước kia đã quen đi móc túi, cho nên rút ở túi áo bác thợ xay bột ra một chai rượu vôtka và thay vào đấy một chai khác, đựng đầy thứ nước tầm thường của sông Kôlômak, thì đối với hắn chỉ là một trò chơi.

Ở bàn ăn, bác thợ xay bột và bác kế toán hồi lâu cứ ngồi đực ra đấy, ngượng ngập, mắt lấm lét nhìn đội đặc biệt của Taranet. Nhưng Lapô đã nháy mắt ra hiệu cứ yên lòng.

- Các bác là chỗ người nhà, để tôi thu xếp cái đó cho.

Nhân Taranet đi qua đấy, hắn vít đầu Taranet xuống gần hắn mà bảo thầm điều gì đó. Taranet gật đầu đồng ý.

Lapô rỉ tai dặn dò:

- Các bác hãy rót rượu ngầm dưới bàn và pha bia vào cho có màu mà uống, thế là sẽ ổn chuyện.

Sau những trò làm xiếc dưới gầm bàn, mấy cái cốc đầy một thứ rượu bia màu lờn lợt đáng ngờ được đặt lên trước mặt các vị khách thèm khát, sở hữu chủ sung sướng của chúng, dưới những con mắt chăm chú của đội chín đang nín thở nhìn, vội vội vàng vàng lấy các thứ nhắm vào đĩa của mình. Sau hết, mọi cái đã sẵn sàng, và bác thợ xay bột liếc mắt nhìn Lapô, đưa cốc lên bộ râu. Bác kế toán và bác thợ máy còn thận trọng nhìn sang bên phải và bên trái, nhưng chung quanh họ đều thấy yên ổn cả. Đứng dưới một cây bạch dương, Taranet mỏi mắt đợi chờ.

Đôi mắt của Lapô bắt đầu rực lửa, nhưng hắn cụp mi xuống để che đi.

Bác thợ xay bột nói rất nhỏ nhẹ:

- Nào, chúc sức khỏe tất cả các bạn.

Cả đội chín, đầu cúi gằm, quan sát ba vị khách cạn cốc. Đến những tiếng ừng ực cuối cùng, bắt đầu thấy biểu hiện một sự phân vân ngờ ngợ. Bác thợ xay bột đặt cái cốc không xuống bàn và ngó Lapô bằng một con mắt dè chừng, song Lapô đang nhai thức ăn, vẻ chán ngán như mãi suy nghĩ mãi tận đâu đâu. Bác kế toán và bác thợ máy cố hết sức tỏ ra vẻ không có sự gì lạ xảy ra hết cả và lại còn cầm dĩa lấy thức nhắm là khác nữa.

Bác thợ xay bột, vốn đã dày kinh nghiệm, bèn kiểm tra cái chai dưới gầm

bàn, nhưng bỗng có người nào lịch sự nắm lấy cánh tay bác ta. Bác ta ngẩng đầu lên; phía trên bác ta, là bộ mặt ranh mãnh và lốm đốm những vết tàn nhang của Taranet:

- Bác không biết ngượng ư! Taranet nói, làm ra bộ thành thực đến đỏ mặt lên. Ấy là đã dặn kỹ rằng đừng có mang theo rượu vôtka, mà lại còn là người nhà nữa chứ lị!... Này trông xem, bác đã uống rồi đây. Thế còn những ai nữa uống với bác?

- Quỷ nào biết, bác thợ xay bột nói, là ai đã uống hay không, tôi chẳng hiểu ra làm sao cả.

- Thế nào, bác không hiểu ra làm sao cả ư? Nào, bác thở đi xem! Đấy nhé, vậy mà bác ta chẳng hiểu ra làm sao cả!

Nhưng bác sặc sụa mùi rượu, cả một thùng rượu mạnh thật sự. Bác đem theo những thứ như thế đến trại mà không biết ngượng...

- Có chuyện gì thế? Kalina Ivanôvich từ đằng xa để ý hỏi.

- Chất cay ạ. Taranet vừa đáp vừa chỉ vào cái chai. Kalina Ivanôvich trừng mắt nhìn bác thợ xay bột một cách hăm dọa. Đội chín đã từ lâu cười lăn cười lóc, có lẽ vì Lapô đã kể một câu chuyện gì ngộ về Galatenkô. Chú nào chú nấy đều gục đầu xuống bàn và không còn thể nào chịu đựng nổi bất cứ chuyện gì làm cho phải cười nữa.

Ở khu này có đủ chuyện để làm cho vui đến hết bữa, vì Lapô cứ thỉnh thoảng

lại hỏi bác thợ xay bột:

- Thế nào, sao, ít quá à? Mà lại hết mật rồi. Thật đáng tiếc!... Uống ngon chứ? Như thế phỏng?... Thế mà thằng Fêđo lại kiếm chuyện, có tệ không cơ chứ. Này, Fêđo ơi, cậu không để cho các bác ấy được yên à; chỗ trong nhà với nhau, ai lại thế!

- Không thể được, Taranet nghiêm chỉnh nói. Cậu hãy nhìn các bác ấy xem, ngồi trên ghế không vững kia kìa.

Lapô còn một chương trình lớn, nhiều chuyện phải làm nữa. Hắn còn ân cần đến bảo bác thợ xay bột đứng lên khỏi bàn ăn, thì thầm vào tai bác ta;

- Nào, đi, tôi dẫn bác về qua lối vườn, kẻo mọi người nhìn thấy rõ quá...

Đội tám của Karabanôp hôm nay phụ trách việc bảo vệ, nhưng đây, họ đang sán đến gần các bàn tiệc, tới cái khu trung tâm chói lọi ngọn lửa triết lý nọ, mà cái đám cưới không phải tầm thường này đã gây nên khởi hứng. Họp mặt ở đây có Kôvan, Xpiriđôn, Kalina Ivanôvich, Zađôrôp, Vecsơnep Vôlôkhôp và chủ tịch công xã Lunatsacxki, là bác Nextêrenkô thông minh, cằm có điểm một bộ râu dê hung hung đỏ.

Công xã đó ở bên kia sông, tình hình không ổn; nó không khai thác được tốt các ruộng đất, không biết cân nhắc và phân phối đều các quyền lợi và nghĩa vụ, cũng không chế ngự nổi các mẹ nặc nô tính khí rất vô lý khó chịu; nó bất lực, không bồi dưỡng được cho người ta biết

nhẫn nại ngày hôm nay, mà cũng không gây được tin tưởng cho ngày mai. Nextêrenkô buồn rầu kết luận:

- Cần phải có những con người mới... Nhưng tìm ở đâu ra họ bây giờ?

Kalina Ivanôvich nhiệt liệt đáp lại:

- Anh nói thế là sai, đồng chí Nextêrenkô ạ, anh nói sai... Những của mới đến đó chỉ toàn là những quân ăn hại, chả làm nên được cái trò trống gì ra hồn. Phải để cho những người cũ bắt tay vào việc...

Các bàn tiệc mỗi lúc một thêm huyên náo. Táo và lê ở vườn quả của trại vừa mới được dọn ra, và xa xa đã thấy xuất hiện những thùng đầy kem, mà ban trực nhật của trại rất lấy làm kiêu hãnh.

Phía sau nhà bỗng nổi lên những âm thanh rè rè của một chiếc phong cầm, và một giọng hát the thé của các mụ già nông thôn - một hình tội trong tục lệ các đám cưới - đến phá mất cái thú của ngày hôm nay. Năm sáu mụ quay cuồng, giậm chân trước mặt một anh chơi phong cầm rượu say chếnh choáng và mắt nhìn quằm quặm, vừa nhẩy vừa tiến đến gần chỗ chúng tôi.

- Họ đến tìm xem đồ sính lễ đấy, Taranet nói.

Một người đàn bà gầy như que củi và mặt mũi đỏ gay guốc, nhẩy như con choi choi, rõ ràng có vẻ là riêng để mừng tôi, vừa nhảy vừa khuỳnh hai khuỷu tay và vụng về kéo lê trên mặt cát đôi giày to tướng của mụ.

- Ông bố hiền ơi, ông bố yêu ơi, ông uống mừng ngày cưới con gái ông đi, ông trang điểm cho con gái ông đi...

Trong tay mụ ta vụt hiện không biết ở đâu ra một chai rượu vôtka và một cái cốc nhỏ mặt hoa, cũng chẳng hiểu tại sao lại màu nâu. Bằng một cử chỉ đột ngột của người say bự, mụ ta rót đầy cốc làm rượu trào ra ướt cả áo và mặt đất. Taranet đứng xen vào giữa mụ và tôi:

- Thôi đi, chị.

Nhanh như cắt hắn đã cầm lấy cốc rượu mời, nhưng mụ ta đã quên phứt ngay tôi và vừa hau báu đâm bổ tới Ôlia vừa luôn mồm nói như cầu kinh với cái vui tính của người say:

- Onga Pêtrôpna, cô nàng tuyệt đẹp của chúng tôi! Nhưng cô vẫn còn để bím tóc... Như thế không tốt, như thế không tốt. Mai chúng ta sẽ cho cô ấy đội mũ [36] chóp , cô ấy sẽ đội mũ chóp.

- Không, tôi không đội, Ôlia bỗng đáp với một vẻ cương quyết bất ngờ.

- Sao lại thế? Cô cứ để bím tóc à?

- Phải, tôi cứ để.

Cả mấy mụ kêu lên the thé và vừa tuôn ra hàng tràng lời vừa xông tới Ôlia. Vôlôkhôp, cáu tiết và dữ tợn, đẩy các mụ ra và hỏi mụ dẫn đầu:

- Nào, nếu cô ấy không đội mũ chóp, thì làm sao?

- À, thì cô ấy đừng đội, cô ấy không cần mũ. Mặc các người, song muốn gì thì gì cũng coi như là họ không lấy nhau.

Mấy lão râu ria sốt sắng đến cao thiệp và giải tán các mụ vui cười ngặt nghẽo và sặc mùi rượu vôtka. Ôlia và tôi đi ra khỏi vườn.

- Cháu không sợ họ, Ôlia nói, nhưng mà rồi sẽ gay go đấy.

Có những trại viên đi qua bên chúng tôi, khiêng đồ đạc và các bọc áo quần. Hôm nay diễn vở "Hôn lễ" của Gôgôn, và trước khi khai diễn Juốcbin nói chuyện về "Những tục lệ cưới xin ở các nước khác nhau".

Từ giờ cho đến lúc xong ngày lễ mừng còn là lâu, còn lâu lắm.

11. SẦU CẢM

Sau ngày cưới của Ôlia không lâu, một nỗi buồn chờ đợi từ lâu, đã đến với chúng tôi: chúng tôi phải xa cách những trại viên được nhận vào trường trung học công nông. Mặc dầu trường trung học công nông đã được nói đến ngay từ hồi

[37]

"Đứa của chúng ta đẹp nhất" và mọi người hàng ngày vẫn chuẩn bị để thi vào đó, mặc dầu không ai nuôi cái mộng tưởng nào thiết tha hơn là được thấy chính những trại viên của trại vào học trường trung học công nông, và trong tất cả chuyện này chỉ có niềm vui và sự đắc thắng, vậy mà khi đến ngày từ biệt, hết thảy mọi người đều cảm thấy lòng thắt

lại, nước mắt dâng lên mi, và nghĩ thật là ghê gớm: từ trước tới giờ trại đang sinh hoạt, lao động, vui cười, thế mà bây giờ đùng một cái phải phân tán, tựa hồ không ai ngờ tới hết. Ngày hôm đó, chính bản thân tôi cũng ngủ dậy với một cảm nghĩ bồi hồi lo ngại như mất mát cái gì.

Sau bữa ăn điểm tâm, tất cả mọi người đều mặc quần áo đẹp: ngoài vườn các bàn tiệc được bày ra, trong phòng giấy tôi đội cờ đã rút lá cờ ra khỏi vỏ bọc, còn đội trống đã đeo sẵn trống đằng trước bụng. Song tất cả những dấu hiệu ngày hội ấy cũng không thể nào dập tắt được những ngọn lửa sầu nóng bỏng. Đôi mắt xanh lam nhạt của chị Liđa bé nhỏ đẫm lệ từ sáng sớm; các thiếu nữ khóc thút thít trên giường, không còn e dè gì

nữa, và Êkatêrina Grigôriepna tìm cách dỗ dành họ nhưng không xong, bởi vì chính chị cũng khó giữ nổi được xúc cảm của lòng mình. Bọn trai thì nghiêm chỉnh và lầm lì im lặng; Lapô có vẻ như một anh chàng vô duyên, bị hắc vận ám ảnh; bọn trẻ nhỏ ngồi tụ tập thành những hàng dài thẳng băng, như chim sẻ đậu trên dây thép, và chưa hề bao giờ thấy nhiều chú

[38]

bị cảm đến như thế. Chúng ngồi ngoan ngoãn trên các ghế dài và các hàng lan can, hai tay thu vào giữa hai đầu gối, ngắm nhìn những vật cao hơn tăm nhãn giới bình thường của chúng rất nhiều: mái nhà, ngọn cây, trời.

Tôi chia sẻ niềm phân vân trẻ thơ của chúng và hiểu nỗi buồn khổ của chúng,

nỗi buồn khổ của những người tôn trọng lẽ công bằng cho đến kỳ cùng. Tôi đồng ý với Tôxka Xôlôviep: vì lý do gì mà ngày mai Matvây Biêlukhin sẽ không ở trại nữa? Vậy không có cái gì thu xếp cuộc đời cho hợp lý hơn, để Matvây khỏi phải đi và cuộc ra đi của hắn không gây cho Tôxka nỗi đau lòng lớn, bất công và không gì đền bù được nọ hay sao? Ngoài ra, nào phải đâu Matvây chỉ có độc một người bạn chí thiết là Tôxka, và chỉ có một mình hắn ra đi? Ra đi còn có Burun, Karabanôp, Zađarôp, Krainik, Vecsơnep, Gôlôt, Naxchia Nôtsêvnaia. Vậy mà số bạn thân của mỗi người trong bọn họ đều đếm có hàng tá, và Matvây, Xêmiôn, Burun là những anh đáng mặt tài trai, bắt chước họ thật thú tuyệt, ấy thế

mà bây giờ phải bắt đầu lại cuộc đời mà không có họ.

Đè nặng lên cả trại không phải chỉ có những cảm nghĩ đó mà thôi. Tôi cũng như mỗi trại viên đều thấy rõ ở trại đang bị đặt cổ lên đoạn đầu đài, và một lưỡi rìu nặng nề treo bên trên cửa sắp phập xuống chặt đầu nó.

Chính bản thân các trại viên ra đi cũng có vẻ là những vật hy sinh sẵn sàng đợi bị giết để tế "chư thần Tất-yếu và Vận-mệnh". Karabanôp không rời tôi; hắn mỉm cười và nói:

- Cuộc đời vốn dĩ như vậy, chẳng có cái gì là ổn cả. Đi lên trường trung học công nông thì là một hạnh phúc, khỏi phải nói nữa: mọi người cứ mơ ước

chuyện đó như là mơ ước con Chim [39]
lửa , quái thế. Vậy mà sự thực có lẽ lại không đúng thế! Không biết chừng chính ngày hôm nay là ngày chấm dứt hạnh phúc của chúng tôi, bởi vì chúng tôi cảm thấy rất, rất là buồn phải rời khỏi trại… và nếu đừng có ai nhìn tôi, thì tôi sẽ hét lên đến vỡ họng, phải, tôi sẽ hét… và có lẽ như thế sẽ làm cho tôi khuây dịu đi… Ở đời này chả làm gì có chân lý.

Ngồi trong một góc phòng giấy, Vecsơnep nhìn chúng tôi vẻ bực tức:

- Chỉ có một chân lý thôi: những con người.

- Đùa đấy chứ! Karabanôp cười. Thế thì, cậu… có lẽ cậu đã tìm thấy chân lý ở

giống mèo chắc?

- K-k-không… vấn đề không phải thế… vấn đề là con người phải cho tốt, nếu không thế, thì t-t-ất cả mọi chân lý đều vứt đi tuốt… Nếu cậu là một thằng vô lại, cậu hiểu không, thì dù là ở dưới chế độ xã hội chủ nghĩa cậu cũng là một người thừa. Hôm nay tôi mới hiểu điều ấy.

Tôi chăm chú nhìn hắn:

- Tại sao lại hôm nay?

- Bởi vì hôm nay, người ta nhìn thấy những con người nh-nh-như trong một tấm gương. Và tôi không hiểu ra sao nữa: trước đây, có lẽ là vì công tác, và ngày nào cũng như ngày nào… một ngày công tác, rồi lại chuyện nọ chuyện kia…

Nhưng đến hôm nay th-th-thì rõ lắm. Ông Gorki, ông ấy viết đúng đấy, thế mà trước đây tôi không hiểu điều đó, nghĩa là tôi hiểu, nhưng tôi không coi là chuyện quan trọng. Con người chẳng phải là bất cứ kẻ vô lại nào. Có những người thường, và có những con người.

Các học viên đầu tiên của chúng tôi vào trường trung học công nông, khi rời trại ra đi, đã lấy những lời lẽ như thể để che lấp những vết thương lòng còn mới… Nhưng họ ít buồn khổ hơn chúng tôi, vì trước mắt họ đang mở ra cảnh tựu trường rạng rỡ, còn chúng tôi thì chẳng có cái gì rạng rỡ chờ đón cả.

Tối hôm trước, các giáo viên đã tụ tập ở bậc tam cấp của phòng tôi, người ngồi kẻ đứng đăm chiêu suy nghĩ và rụt rè

xích lại gần nhau. Trại đang lặng ngủ; đêm yên tĩnh, ấm áp đầy sao. Thế giới đối với tôi hình như là một món thịt hầm ra-gu kỳ diệu, thành phần vô cùng phức tạp: ngon miệng, gợi thêm, nhung nấu với những gì, thì chả sao hiểu nổi; nào biết có những chi bẩn thỉu lẫn vào món hổ lốn ấy? Vào những giờ phút như vậy, con người ta dễ sinh ra triết lý vẩn vơ, muốn hiểu tức khắc mọi sự vật và các vấn đề không thể hiểu được. Và nếu như vậy, ngày mai đây, các bạn thân của ta, sẽ phải rời bỏ ta mà "đi hẳn", những người mà ta đã tốn bao nhiêu công lao khó nhọc mới lôi ra khỏi được chốn hư vô xã

[40]

hội , thì gặp trường hợp ấy con người cũng lại đến đưa mắt nhìn lên trời yên

tĩnh mà câm lặng, và cảm thấy dường như có lúc những cây bạch dương đen ngòm, những cây liễu và những cây bồ đề lân cận thầm thì gợi ý, mách bảo ta những giải pháp đúng đắn cho vấn đề.

Tôi trầm ngâm nghĩ ngợi, cùng với những người khác. Trong đêm hôm ấy, cái đêm trước ngày xuất trại của khóa học viên đầu tiên của tôi, tôi đã nghiền ngẫm vô số ý nghĩ ngớ ngẩn. Nhưng bấy giờ tôi chẳng nói với ai hết: các bạn cộng sự của tôi, trái lại, cứ tưởng chừng chỉ có riêng họ là nao núng, còn tôi, tôi vẫn đứng thẳng, chẳng khác một cây sồi hùng vĩ, không thể nào hủy diệt được. Xem chừng họ còn lấy làm xấu hổ để lộ vẻ yếu đuối của mình trước mặt tôi là khác nữa.

Tôi nghĩ đến sự bất công trong cuộc đời khổ sai của tôi; nghĩ rằng tôi đã hy sinh phần tốt đẹp nhất cuộc sống của mình chỉ cốt để cho năm, sáu kẻ "phạm pháp" vào được trường trung học công nông; mà ra ngoài đó, giữa thành phố lớn, họ sắp phải chịu những ảnh hưởng mới mà tôi sẽ không thể nào chi phối được, và ai biết rồi đây mọi thứ sẽ kết thúc ra sao? Những gian lao vất vả và sự hy sinh của chúng tôi không biết chừng sẽ chỉ là một khối tinh lực uổng phí, chẳng ích lợi gì cho ai hết?

Nhưng tôi lại nghĩ đến điều khác nữa: tại sao có sự bất công ấy?... Mà tôi đã làm được công tác hẳn hoi. Công việc tôi đã làm được hẳn khó gấp nghìn lần và đáng kể gấp nghìn lần hơn là hát bài tình

ca ở một buổi dạ hội nghiệp dư, khó hơn cả đóng một vai trong một vở kịch hay, dù cho là tại nhà hát Nghệ thuật ở Mạc-tư-khoa chăng nữa… Tại sao các nghệ sĩ được hàng trăm hàng nghìn người vỗ tay hoan hô và họ đi ngủ với mối cảm nghĩ rằng họ được bao bọc ấp ủ bởi sự quan tâm chú ý và lòng biết ơn của mọi người, còn tôi đây, tôi buồn thui thủi, bị bỏ rơi trong đêm tối, ở cái trại hẻo lánh giữa đồng ruộng này; tại sao ngay đến những tiếng vỗ tay hoan hô của dân làng Gontsarôpka mà tôi cũng không được nhỉ? Và tệ hơn nữa: tôi lại trở nên hoảng sợ nghĩ rằng để "chu cấp" cho bọn học viên lên trường trung học công nông, tôi đã tiêu mất một nghì rúp, mà món chi phí ấy chẳng dự trù được vào chỗ nào trong

ngân sách cả, và khi tôi lên hỏi ông ta, thì ông thanh tra tài chính đã bảo tôi, với một cái nhìn khô khan và chê trách:

- Anh có thể cứ vượt ngân sách, nếu anh thích thế, nhưng đừng có quên rằng lương bổng của anh sẽ phải bảo lãnh số quỹ hụt.

Tôi mỉm cười nhớ đến câu chuyện ấy. Tôi bỗng tưởng tượng trong đầu óc cả một cơ cấu tổ chức đang hoạt động: trong một buồng giấy, một người hùng hồn nói như diễn thuyết, phản đối kịch liệt ông thanh tra, trong khi ở phòng bên một người khác phóng tâm nói to lên: "mặc kệ xác!", và liền bên cạnh đó, cắm cúi trên các mặt bàn, là một bộ óc mạt hạng sốt sắng đang bận tính toán xem tôi phải trả bao nhiêu tháng lương để đền số quỹ

hụt là một nghìn rúp. Cái cơ cấu ấy hoạt động ra trò, mặc dù có nhưng cơ cấu khác cũng đang làm việc trong đầu óc tôi: trong một tòa nhà bên, có một cuộc hội nghị long trọng: các giáo viên của trại và học viên các trường trung học công nông của chúng tôi ngồi cả trên sân khấu, một bạn hợp xướng một trăm giọng hát cất tiếng bài hát Quốc tế ca, và một nhà sư phạm uyên bác đọc một bào diễn văn.

Tôi lại có thể mỉm cười nữa: nhà sư phạm uyên bác có thể nói được điều gì hay chăng? Ông ta đã có nhìn thấy Karabanôp, tay lăm lăm khẩu súng lục, đòi tiền "mãi lộ" trên đường cái, hoặc Burun leo lên cửa sổ nhà người khác, Burun tay "trèo tường dỡ mái", mà các

bạn leo cao của hắn đã bị bắn chết không? Không, ông ta đã không nhìn thấy.

- Bác nghĩ điều gì thế? Êkatêrina Grigôriepna hỏi tôi. Bác nghĩ ngợi và mỉm cười à?

- Tôi đang dự đại hội nghị long trọng, tôi nói.

- Thảo nào! Nhưng bác hãy thử nói cho biết, bây giờ chúng ta không có nòng cốt, thì làm ăn ra sao đây?

- Ha-ha, đó lại thêm một bộ môn cho khoa sư phạm tương lai nữa, bộ môn nòng cốt.

- Bộ môn gì?

- Tôi đang nói đến những nòng cốt. Nếu có tập thể thì sẽ có một nòng cốt.

- Cái đó còn tùy ở nòng cốt như thế nào.

- Nòng cốt đúng như ta cần có. Ta phải đánh giá cái tập thể của ta cao hơn mới được, chị Êkatêrina Grigôriepna ạ. Ở đây chúng ta lo lắng chuyện nòng cốt, song tập thể đã đào tạo ra nòng cốt của nó, và chị cũng đã chẳng để ý nhận thấy điều đó nữa. Một cái nòng cốt tốt càng chia cắt lại càng sinh sản, chị hãy nên ghi lấy điều ấy vào sổ tay để viết cho khoa giáo dục học sau này.

- Được rồi, tôi sẽ ghi, Êkatêrina Grigôriepna tỏ ý nhượng bộ nói.

Hôm sau nhóm giáo viên không có vẻ gì là phấn khởi lắm và chỉ gọi là biểu hiện một bề ngoài vui mừng hoàn toàn

quan thức mà thôi. Tôi không muốn làm cho tình hình tâm trạng ấy thêm nghiêm trọng, và đóng giả, như ở trên sân khấu, vai trò một người sung sướng ăn mừng sự thành tựu của những mong muốn tha thiết nhất của mình.

Đến trưa chúng tôi ngồi vào bàn tiệc và, trái với sự chờ đợi của mọi người, chúng tôi cười nói rất nhiều. Lapô diễn hài kịch tình hình các học viên của trại ở trường trung học công nông trong bảy tám năm sau. Hắn biểu diễn kỹ sư Zađôrôp bị bệnh phổi đang hấp hối, Burun và Vecsơnep, chia nhau tiền chẩn bệnh; thế rồi nhạc sĩ Krainik ở đâu mò tới đòi phải trả ngay tiền cử bài hành khúc tang lễ, nếu không thì hắn không cử. Tuy nhiên trong những tiếng cười của

chúng tôi, cũng như trong các trò hài hước của Lapô, không phải là niềm vui vẻ hồn nhiên được tỏ lộ, mà là một ý chí quả quyết che giấu nỗi buồn.

Đến ba giờ, các trại viên sắp hàng và lá cờ được đưa ra. Các học viên đứng về phía bên phải. Từ chuồng ngựa, Antôn đánh xe ngựa thắng con Hảo-hán tới, và bọn trẻ nhỏ xếp lên xe những làn mây đựng hành lý của các người đi. Hiệu lệnh hô, tiếng trống nổi lên và đội ngũ chuyển động về phía nhà ga. Sau một nửa tiếng đồng hồ đi trên cát lún của bờ sông Kôlômak, mọi người dễ chịu bước trên lối đi rộng phủ cỏ ngắn và cứng, mà xưa kia những người Tata và Côdắc [41] Zapôrôgơ đã giẫm đạp lên. Các tay

trống dưỡn cong vai lên và các dùi trống bay múa trong tay họ, vui vẻ và duyên dáng hơn.

- Thẳng người, ngẩng đầu lên! Tôi nghiêm ngặt ra lệnh.

Karabanôp vẫn bước đều theo nhịp, vừa đi vừa quay đầu lại và làm nổi một việc giỏi phi thường: chỉ trong một nụ cười hắn biểu lộ được cả sự kiêu hãnh, sự vui sướng, tình thân thiết, lòng tin tưởng của hắn, tin ở mình và tin ở tương lai tốt đẹp đang chờ đợi hắn. Zađôrôp, đi bên cạnh, hiểu ngay lập tức ý nghĩa của động tác ấy, và vừa vội vã – một cách e ấp như mọi khi – che giấu cảm xúc của mình, vừa hùng dũng nhìn thẳng ra phía chân trời và ngẩng đầu hướng lên đỉnh lá cờ. Bỗng Karabanôp ngang nhiên và lớn

tiếng cất giọng hát:

Hoa trường xuân, hãy trải thảm cho thật thấp.

Chàng côdắc, hãy xích lại gần bạn tình.

Tất cả các hàng đều vui vẻ hát theo đều một lượt. Trong lòng tôi bỗng cảm thấy như ngày mồng Một tháng Năm ở quảng trường. Tôi cảm thấy chắc chắn rằng cùng một mối cảm nghĩ ràng buộc hết thảy chúng tôi, cả các trại viên và tôi. Việc quan trọng, điều chủ yếu được nhấn mạnh, bỗng nhiên nổi bật: trại Gorki tiễn chân khóa xuất trại đầu tiên đi ra ga. Chính là để mừng họ mà lá cờ lụa kia bay phất phới, mà những trống nọ dồn dập từng hồi, mà đội ngũ trại viên nhịp

nhàng bước theo hành khúc, trong khi vầng dương, mặt đỏ hồng hồng vì vui sướng, nhường đường cho học đi mà ngả về tây. Vầng dương hình như cùng hát lên với chúng tôi bài ca tinh quái và thú vị nọ, mượn màu sắc một chàng côdắc đa tình, mà kỳ thực nói về một đội học viên trường trung học công nông, đi lên Khackôp theo mệnh lệnh của hội đồng đội trưởng ký hôm qua: "đội đặc biệt bảy do Alecxanđrơ Zađôrôp chỉ huy". Bọn con trai vừa say sưa hát vừa liếc mắt nhìn tôi, hân hoan vì thấy tôi cũng vui, y như họ.

Đã từ một lúc lâu, phía sau chúng tôi nổi lên một cơn lốc bụi cát, và chả mấy lúc chúng tôi đã nhận ra một kỵ sĩ: Ôlia Vôrônôva.

Nhảy xuống đất, cô ta đề nghị:

- Bác cưỡi đi, yên tốt đấy, một cái yên côdắc. Chỉ một suýt nữa thì cháu đến chậm.

- Tôi đóng vai chủ soái thì ra cái gì? Tôi nói. Để cho Lapô thì phải hơn, vì

[42]

bây giờ hắn ta là T.H.Đ đấy.

- Đúng rồi, Lapô nói và vừa leo lên mình ngựa, hắn ta phóng lên hàng đầu đội ngũ, nắm tay chống cạnh sườn và vuốt ngược bộ râu mép tưởng tượng.

Tôi phải ra lệnh cho đi "bước đường trường", vì Ôlia cũng có điều cần nói và Lapô làm cho các trại viên cười nhiều quá.

Ở nhà ga một nỗi buồn trang nghiêm pha lẫn với những biểu hiện vui mừng náo loạn. Đứng trên tàu, các học viên kiêu hãnh nhìn đội ngũ của trại và quần chúng bị kích động vì thấy chúng tôi đến.

Sau hồi chuông báo thứ hai, Lapô nói mấy câu ngắn như sau:

- Các anh em, hãy cố gắng, đừng có phụ lòng chúng tôi mong mỏi. Alecxanđrơ, cậu hãy trông coi họ cẩn thận. Và nhất là đừng quên đem toa tàu trao lại viện bảo tàng. Và treo vào đó tấm biển đề: trong toa tàu này, Xêmion Karabanôp đã ngồi để đi lên trường trung học công nông.

Khi ra về chúng tôi đi theo những con đường hẹp, qua những cây cầu bằng thân

cây, những khe suối và những hào rãnh phải nhảy qua. Vì thế nên, trong ánh hoàng hôn buông xuống chia thành từng nhóm tâm giao, ai nấy e ấp phơi trần lòng mình cho người khác thấy mà không huênh hoang khoác lác nữa. Gut nói:

- Không, tớ sẽ chẳng đi lên trường trung học công nông nào cả. Tớ sẽ làm thợ giày và sẽ đóng giày tốt. Như thế có phải là tồi hơn không? Không, không phải là tồi hơn. Nhưng các cậu ấy cứ đi như thế thì buồn thật, có phải không, có phải là buồn không?

Anh chàng Kutlaty gân guốc và chân khập khiễng, một gã trai thực là đứng đắn, lườm Gut một cách nghiêm khắc:

- Rồi mày sẽ làm một anh thợ giày

chẳng ra gì. Tuần lễ trước mày đóng cho tao một chiếc cá giày, thế mà ngay tối hôm đó nó đã rơi mất. Một anh thợ giày như thế, rút cục là tồi hơn một anh bác sĩ. Song một người thợ giày tốt, thì có thể có giá trị hơn một thầy thuốc đấy.

Tối hôm ấy cả trại im lìm mỏi mệt. Nhưng, trước giờ tắt lửa, Ôtxatsi, đội trưởng trực nhật, điệu Gut say mèm đến phòng tôi. Nói cho đúng, hắn say thì ít mà sầu cảm triền miên thì nhiều. Chẳng để ý gì đến sự tức giận của mọi người, Gut đứng sững trước mặt tôi, vừa nhìn cái lọ mực của tôi vừa nói nho nhỏ:

- Tôi thấy rõ tại sao phải uống rượu như vậy. Tôi đây, tôi là thợ giày thật, nhưng tôi có một tâm hồn không? Có, tôi có một tâm hồn. Khi mà bao nhiêu cậu

trai của chúng ta ra đi, có ma nào biết đi đâu, và cả Zađôrôp cũng đi, thì tôi có thể chịu đựng được không? Không, tôi không thể chịu được. Ấy thế nên tôi mới đi uống rượu, bằng tiền tôi kiếm được. Có đúng là tôi đã thay đế giày cho bác thợ xay bột không? Có, đúng như thế. Thế là tôi đi làm một chầu rượu. Tôi đã làm đổ máu một người nào chăng? Hay đã lăng nhục ai chăng? Hay là tôi đã đụng vào một cô gái chăng? Không, tôi đã không làm những việc ấy. Thế mà hắn, hắn ta kêu lên: - Đi lên bác Antôn. Vậy Antôn là ai thế… nghĩa là bác. Bác Antôn Xêmiônôvich à? Lão đó là thế nào nhỉ? Một con thú dữ à? Không, không phải rồi. Lão là hạng người gì, một kẻ gian hèn à? Cũng không phải nữa. Thế thì,

nào, đi! Thế là tôi đến đây. Kìa! Xin giới thiệu với bác tôi là Gut, thợ giày không ra gì.

- Chú có thể nghe cho đến cùng những lời tôi sắp bảo chú không?

- Có, cháu có thể nghe những lời bác sắp bảo cháu.

- Thế thì chú nghe đây: đóng giày là một việc có ích, một việc tốt. Chú sẽ làm một người thợ đóng giày giỏi và chú sẽ trở nên giám đốc một xưởng đóng giày, nhưng phải không uống rượu thì mới như thế được.

- Vậy khi có nhiều anh em bỏ đi như thế, cũng không được uống sao?

- Cũng vậy thôi.

- Thế có nghĩa là bác cho rằng cháu vì vậy mà uống rượu cũng là sai ư?

- Chú đã sai.

- Thế không có cách gì sửa chữa được nữa ư? Gut cúi gục đầu xuống, rất thấp. Thế thì bác sắp sửa phạt cháu rồi.

- Đi về giường ngủ, tôi sẽ không phạt chú lần này.

- Tôi đã bảo mà! Gut nói với những người đứng quanh hắn, và nhìn bao trùm tất cả bọn bằng một cái nhìn khinh thị, rồi hắn giơ tay chào theo lối trại viên:

- Về giường ngủ: Rõ!

Lapô xốc nách hắn và gượng nhẹ đưa hắn về phòng ngủ, coi hắn như một tượng trưng của nỗi buồn toàn trại.

Nửa giờ sau, trong phòng giấy tôi, Kutlaty bắt đầu phát giày cho mùa đông. Âu yếm lôi ra những hộp giày mới, hắn đem chia cho các đội, chiếu theo danh sách của hắn. Ở ngoài cửa luôn luôn có tiếng kêu ca:

- Thế bao giờ cậu mới đổi cho tôi? Giày của tôi chật, đi đau chân.

Kutlaty cứ trả lời, trả lời, rồi phát cáu:

- Tôi đã bảo các cậu đến hai chục lần rồi. Hôm nay tôi không đổi giày: ngày mai. Những của ngu lạ!

Ngồi ở bàn giấy tôi, Lapô, mỏi mệt, cau mặt lại và bảo Katlaty:

- Các đồng chí, yêu cầu có lễ độ đối

với khách hàng, phải tôn trọng lẫn nhau mới được.

12. MÙA THU

Mùa đông lại sắp tới. Sang tháng mười những hầm chứa củ cải cho súc vật ăn được đóng lại, những hầm dài vô tận, cho nên khi xong việc Lapô đề nghị với hội đồng đội trưởng rằng:

Nay quyết định: được phép thở dài một cái cho nhẹ nhõm.

Những "hầm củ cải" là những hố sâu, mỗi cái dài hai mươi thước. Sêrê đã bắt đào đến hơn một chục cái cho mùa đông này, song anh ta còn nói quyết rằng như thế là ít và phải hết sức tiết kiệm trong việc tiêu thụ củ cải cho súc vật mới

được.

Lại còn phải xếp củ cải vào hố sâu cũng cẩn thận như là xếp những dụng cụ về quang học ấy. Sêrê cứ bám nhằng lấy đội đặc biệt suốt từ sáng đến tối, mà nói rức óc lên:

- Này, xin các đồng chí nhé, đừng có ném củ cải như thế, tôi khẩn thiết yêu cầu các đồng chí đấy. Đừng nên quên rằng nếu các đồng chí đập mạnh chỉ một củ thôi, thì là chỗ ấy phát cương, rồi nó đâm ra thối, và cả hố sẽ thối lây. Yêu cầu các đồng chí cẩn thận hơn một chút cho.

Chán ngấy vì cái công tác đơn điệu [43] và, nói tóm lại, cũng "bệt như cải" ấy, các trại viên không bỏ qua dịp khai

thác đề tài do Sêrê cung cấp, để đùa và thở một tí. Thế là họ chọn lấy trong đống củ nào dễ thương nhất, tròn trĩnh và hồng hào nhất; cả đội đặc biệt vây quanh nó, rồi đội trưởng, một chú oắt vào cỡ Michia hay Vichia, giơ hai tay lên, các ngón tay chẽ ra và nói thì thào lớn tiếng:

- Chú đứng xa ra. Chú đừng thở. Có chú nào tay sạch không?

Một chiếc băng-ca xuất hiện. Mấy ngón tay của đội trưởng đặc biệt âu yếm nàng củ cải ở đống lên, nhưng lập tức có một tiếng hoảng hốt kêu lên:

- Chú làm gì thế? Chú làm gì thế?

Tất cả bọn ngừng lại, vẻ sợ hãi, rồi gật đầu tán thành, khi tiếng đó nói:

- Phải làm cho cẩn thận đấy.

Chiếc áo công tác đầu tiên nào thuận tay vớ được tức khắc đem cuộn lại thành một cái gối êm và mềm, đặt trên băng-ca, rồi họ để nằm lên đó, thật hồng hào, thật tròn trĩnh và thật béo tốt, cái củ cải nhỏ xíu, nó thực sự bắt đầu gợi lòng trìu mến. Để khỏi mỉm cười một cách lộ liễu quá, Sêrê nhấm nhấm một ngọn cỏ. Chiếc băng-ca được nâng lên khỏi mặt đất và Michia thì thào:

- Nhẹ tay chứ, nhẹ tay chứ, các đồng chí! Đừng nên quên rằng: sắp bắt đầu hát cương, tôi khẩn khoản xin các đồng chí đấy.

Giọng Michia tỏ ra hao hao giống giọng Sêrê, cho nên Êđila Nikôlaiêvich

vẫn không ném ngọn cỏ đi.

Công tác cày đất mùa thu đã xong. Bấy giờ chúng tôi mới bắt đầu mơ tưởng một chiếc máy kéo. Với một chiếc cày và một đôi ngựa, chúng tôi không tài nào cày hơn được nửa éc-ta mỗi ngày. Sêrê rất băn khoăn lo lắng, trong khi quan sát các đội đặc biệt một và hai công tác. Các đội ấy gồm những trại viên đại biểu của những đội cổ xưa nhất của trại, mà các đội trưởng trước kia là những gã trai vạm vỡ phục phịch như Fêđôrenkô, Kôrytô, Tsôbô. Các đồng chí này bẩm sinh có sức lực không thua kém một đôi ngựa mấy tí và hiểu biết sâu công việc cày bừa, chỉ có điều họ đã lầm đem những phương pháp cày bừa áp dụng vào cả mọi mặt khác của đời sống. Trong lĩnh

vực tập thể cũng như trong lĩnh vực tình bạn hay trong sinh hoạt riêng, họ đều ưa thích những luống thẳng và sâu, với những lưỡi cày có tai khỏe và sáng loáng. Công việc tư tưởng của họ không làm ở trong những lá óc, mà là ở những chỗ nào khác kia: trong những bắp thịt sắt, trong lồng ngực thiết giáp và những cạnh sườn của họ, chắc nịch một cách dị kỳ. Ở trại họ nhất thiết chống lại mọi cám dỗ của trường trung học công nông và, với một vẻ khinh bỉ lặng lẽ, họ không chịu nói bất cứ một câu chuyện gì có tính cách học thuật cao xa. Về nhiều điểm họ có những quan niệm vững chắc nhất định và không một trại viên nào có được cái tư thế đầu vênh vênh lên một cách cao ngạo mà hiền lành như họ, và cũng không

có được cách ăn nói chắc chắn mà tằn tiện lời như họ.

Vì vai trò tích cực hoạt động của họ ở các đội đặc biệt một và hai, các trại viên đó được hết thảy mọi người quý trọng, song ở trại những tay đùa ác đôi khi vẫn không nhịn dược nói châm chọc họ vài câu.

Mùa thu năm ấy, đội đặc biệt một và hai đã ngoặc nhau về mặt thi đua. Hồi bấy giờ thi đua chưa phải là nét đặc trưng của công tác xô-viết nói chung, và về chuyện ấy tôi lại còn bị đem ra hỏi lục vấn ở các phòng tra khảo của sở Giáo dục là khác nữa. Để tự biện bạch cho mình, tôi chỉ có thể nói được rằng phong trào thi đua ở trại đã phát sinh một cách bất ngờ ngoài ý muốn tôi.

Đội đặc biệt một làm việc từ sáu giờ sáng đến trưa và đội hai từ trưa đến sau giờ chiều. Các đội đặc biệt được thành lập cho từng tuần lễ một. Sang tuần lễ sau, trong các đội đặc biệt bao giờ cũng có chút ít thay đổi về mặt phối hợp nhân lực, mặc dù vẫn có một phần nào chuyên môn hóa.

Mỗi ngày, trước lúc đội đặc biệt xong công tác, Aliôsa Vonkôp, phụ tá nông nghiệp của trại, võ trang bằng một chiếc "dĩa" dài hai thước, đến đo số thước vuông của đội đã làm được.

Các đội đặc biệt cày tốt, song thành tích khi lên khi xuống tùy theo loại đất, ngựa, độ dốc của ruộng, thời tiết và nhiều nhân tố khác có thể nói là khách

quan. Trên tấm bảng gỗ treo, dùng để báo hết thảy mọi chuyện, Aliôsa viết phấn:

19 tháng mười, đội đặc biệt một Kôrytô... 2.350mv.

19 tháng mười, đội đặc biệt một Vetkôpxki... 2.300mv.

19 tháng mười, đội đặc biệt hai Fêđôrenkô... 2.410mv.

19 tháng mười, đội đặc biệt hai Nêtsitailô... 2.270mv.

Tất nhiên là bọn con trai bị hấp dẫn, đem sao sánh những kết quả công tác của họ, và mỗi đội đặc biệt đều cố gắng làm nhiều hơn những đội trước. Fêđôrenkô và Kôrytô tỏ ra là những đội trưởng ưu

tú nhất, có nhiều khả năng nhất để giữ phần thắng lợi. Họ là đôi bạn chí thân từ lâu, song điều đó không ngăn cản họ đố kỵ theo dõi những thành công của nhau và tìm bới đủ mọi thứ khuyết điểm của nhau. Trong tình hình đó, đã xảy ra cho Fêđôrenkô một tấn bi kịch chứng tỏ cho mọi người thấy rõ rằng hắn cũng biết nổi nóng. Ít lâu nay, Fêđôrenkô đứng đầu tất cả các đội đặc biệt, ngày nào trên tấm bảng gỗ của Aliôsa Vonkôp hắn cũng lắp lại những con số vào giữa khoảng 2.500 và 2.600. Các đội của Kôrytô cố gắng đuổi theo, song bao giờ cũng bị tụt lại đằng sau từ bốn chục đến năm chục thước vuông, và Fêđôrenkô đùa bạn rằng:

- Bỏ cuộc đi thôi, người anh em ạ,

người ta đủ thấy rõ là cậu còn non tay trong nghề lắm…

Sang cuối tháng mười, con Zorka ốm, Sêrê chỉ cho thắng vào cày có một đôi ngựa. Để tăng cường hiệu quả công tác, anh ta yêu cầu hội đồng đội trưởng phái Fêđôrenkô sang đội đặc biệt của Kôrytô.

Mới đầu, Fêđôrenkô còn chưa nhận ra tính cách bi đát của hoàn cảnh bất lợi cho hắn, bởi hắn chỉ hết lòng lo lắng vì sự con Zorka ốm và cần phải làm thế nào cho công việc cày với một đôi ngựa được xúc tiến mạnh hơn lên. Hắn hăng hái lao mình vào cuộc phấn đấu và chỉ mở mắt ra nhìn khi Aliôsa Vonkôp ghi lên bảng:

24 tháng mười, đội đặc biệt hai

Kôrytô... 2.730 mv.

Kôrytô, hết sức hãnh diện, vênh vang đắc thắng và Lapô ranh mãnh đi khám khắp trại:

- Thấy chưa, thằng Fêđôrenkô thi đọ với thằng Kôrytô thế nào được kia chứ! Kôrytô, nó đúng là một nhà nông học. Còn thằng Fêđôrenkô, cứ là còn xơi!

Bọn trai ra sức chuyên tay nhau tung Kôrytô lên trời mà kêu "U-ra!", trong khi Fêđôrenkô, hai tay thọc vào túi quần, tái mặt đi vì ghen tức và gầm lên:

- Thằng Kôrytô, mà là một nhà nông học à? Một nhà nông học như thế, thì tao đây chưa thấy bao giờ đấy!

Mọi người luôn trêu chọc Fêđôrenkô

bằng những câu hỏi ngây thơ:

- Cậu công nhận là Kôrytô đã thắng chứ?

Nhưng Fêđôrenkô bỗng nảy ra một tia sáng trong đầu óc. Ở hội đồng bộ trường, hắn tuyên bố:

- Kôrytô làm gì mà vênh váo tợn thế? Tuần lễ này cũng vẫn chỉ có một đôi ngựa thôi. Hãy cho Kôrytô sang đội đặc biệt một, rồi tôi làm ba nghìn mét vuông cho các cậu xem.

Rất khoái ý vì xảo kế của Fêđôrenkô, hội đồng đội trưởng chấp nhận yêu cầu của hắn. Kôrytô ngoẹo đầu ngoẹo cổ nói:

- Ồ! Cái thằng quỷ Fêđôrenkô, nó láu cá lắm.

- Này, mày coi chừng đấy! Fêđôrenkô bảo hắn. Tao đã cật lực làm việc với mày; mày cứ liệu mà giả vờ xem thử…

Ngay trước khi bắt tay vào việc, Kôrytô đã nhận thấy tình thế của hắn là gay go.

- Chà, làm thế nào được? Fêđôrenkô là Fêđôrenkô, còn đồng ruộng là đồng ruộng. Và nếu bọn con trai bảo là mình đã chơi xỏ Fêđôrenkô một vố bẩn thỉu, rằng mình đã làm tồi, thì cái đó cũng xấu.

Buổi sớm, lúc ra đi công tác, cả Fêđôrenkô và Kôrytô đều cười. Fêđôrenkô lưu ý bạn tới một chiếc gậy ngắn to tướng mà hắn đặt trên cái cày:

- Mày có thấy cái cán chổi này không? Ra ngoài đồng ta sẽ không giữ phép lịch

sự với mày đâu nhé.

Kôrytô đỏ mặt lên trước hết vì cảm thấy tình hình rất nghiêm trọng, sau nữa vì cười.

Aliôsa từ cánh đồng cày vác "dĩa" trở về, trong khi còn đang lục túi để moi ra một mẫu phấn, thì bọn trai đã sốt ruột hỏi hắn:

- Thế nào hử?

Aliôsa viết lên bảng, thong thả và lặng lẽ:

26 tháng mười, đội đặc biệt hai Fêđôrenk... 3.010mv.

- Chà, người anh emm, hãy nhìn xem kìa, cái thằng cha Fêđôrenkô: ba nghìn.

Fêđôrenkô cùng về với Kôrytô. Bọn

trai tiếp đón hắn ra người đắc thắng, và Lapô lại nói:

- Tớ vẫn bảo mà: Kôrytô không bén gót tới Fêđôrenkô! Ừ, thằng ấy, nó mới đúng là một nhà nông học chứ!

Fêđôrenkô nhìn Lapô nghi hoặc, song không dám phát biểu ý kiến gì về thủ đoạn chính trị giảo hoạt của hắn, vì chuyện không phải là ở ngoài cánh đồng, mà là ở trong sân trại, và trong tay Fêđôrenkô lại không có những bắp cày đang rung rung lên vì sức cố gắng.

- Thế nào, cậu tụt rồi à, Kôrytô? Lapô hỏi.

- Là bởi vì không đúng quy tắc, các đồng chí trại viên ạ. Tôi nói thật với các cậu: thằng Fêđôrenkô nó đem theo ra

cánh đồng một cái gậy gọc, ấy chuyện là như thế đấy.

- Phải, đem theo một cái cọc, Fêđôrenkô xác nhận, cần có nó để gạt bùn đất ở lưỡi cày…

- Và nó đã bảo: tao sẽ không giữ phép lịch sự với mày đâu nhé.

- Tại sao tao lại giữ phép lịch sự? Và về đây tao còn nói nữa rằng: người ta cho mày vào tay tao chỉ huy không phải là để tao ve vãn mày; mày cóc phải là một cô nàng.

Thế nó đã dùng cái cọc để cọ mày bao nhiêu lần? bọn trai thích thú hỏi.

- Vì tao sợ cái gậy gộc ấy, cho nên tao làm việc tốt, thành thử nó không cọ tao

lần nào. Mà Fêđôrenkô ạ, mày cũng đã chẳng dùng đến cái của nợ ấy để gạt lưỡi cày nữa.

Cái gậy ấy, tao đem đi để phòng dùng đến. Ra ngoài ấy tao đã tìm được một cái tiện hơn.

- Một khi mà nó đã không cọ mày lần nào, thì chả có làm sao cả, Lapô giải thích. Mày đã làm ăn không khéo, Kôrytô ạ. Đây này, đáng lẽ ra ấy, thì mày cứ đủng đỉnh và hãy đấu khẩu với đội trưởng của mày. Thể nào nó sẽ chẳng chơi cho mày một bài, với cái gậy của nó. Như thế, thì lại là chuyện khác: hội đồng đội trưởng này, ban chấp hành Kôxômôn này, đại hội nghị này, ái- già- già!...

- Tao không nghĩ ra đấy, Kôrytô nói.

Thế là phần đắc thắng vẫn thuộc về Fêđôrenkô, nhờ tính kiên trì và tài sáng kiến của hắn.

Mùa thu sắp hết, một mùa thu phong túc, kết thúc thắng lợi, giàu hứa hẹn. Chúng tôi có đôi chút buồn nhớ các trại viên đi Khackôp, song những ngày lao động với những con người rất hoạt bát mỗi buổi chiều lại đem tới cho chúng tôi những chuỗi cười ròn rã và vui tươi đầm ấm, thậm chí đến ngay Êkatêrina Grigôriepna cũng phải công nhận:

- Thế mà cái tập thể của chúng ta giỏi thật đấy, bác ạ, cứ như không có chuyện gì ấy thôi.

Bấy giờ tôi mới càng hiểu rõ hơn rằng

nói cho đúng thì chẳng có chuyện gì xảy ra hết thảy, và như vậy là phải. Những thành công của các học viên của chúng tôi qua các kỳ thi, ở Khakôp, và sự yên trí chắc chắn rằng, mặc dầu họ sống và làm việc ở một thành phố khác, họ vẫn cứu là trại viên của đội đặc biệt bảy, khiến chúng tôi chứa chan hy vọng tốt đẹp. Đội trưởng đội đặc biệt bảy, Zađôrôp, gửi về đều những báo cáo hàng tuần, mà chúng tôi đọc lên giữa buổi họp, trong những tiếng cười đùa ồn ào tán thưởng. Các báo cáo của Zađôrôp được viết tỉ mỉ, nói rõ về những môn nào cậu kêu ca than phiền, và thỉnh thoảng, qua mỗi đoạn, lại xen vào những câu nhận xét không chính thức:

"Xêmiôn đang muốn mắc vào một cô ả

ở Tsecnigôp. Xin hãy viết thư bảo cho cậu ấy đừng có nghĩ vớ vẩn. Vecsơnep thì chỉ cằn nhằn yêu sách, nói rằng trường trung học công nông chẳng dạy tí gì về y khoa và hắn chán môn ngữ pháp lắm. Xin hãy viết thư bảo hắn đừng tự phụ".

Trong một bức thư khác, Zađôrôp viết:

"Ôxana và Rasen đến thăm chúng tôi luôn. Chúng tôi cho các cô ấy mỡ và các cô ấy giúp đỡ chúng tôi chút ít, vì Kôlia kém về ngữ pháp và Gôlôt kém số học. Vì thế nên chúng tôi yêu cầu hội đồng ghi tên cho các cô ấy vào đội đặc biệt bảy; các cô ấy phục tùng kỷ luật".

Hắn còn báo tin:

“Ôxana và Rasen không có giày bốt-tin, và không có tiền mua. Giày của chúng tôi đều đã vá; phải đi nhiều và toàn là đi trên đá. Tiền của bác Antôn Xêmiônôvich gởi cho đã bay cả, vì anh em phải mua sách và một hộp com-pa cho môn họa đồ án án của tôi. Phải mua giày bốt-tin cho Ôxana và Rasen, giá ở chợ bán đồ cũ bảy rúp một đôi. Anh em được ăn uống cũng khá; chỉ tiếc rằng mỗi ngày chỉ được ăn một bữa, và mỡ thì hết rồi, Xêmiôn nó ăn nhiều mỡ lắm. Xin viết bảo nó ăn ít mỡ chứ, nếu trại còn gửi mỡ cho chúng tôi.

Bọn trai hăng hái quyết định, ở hội nghị toàn trại: gửi tiền và nhiều mỡ hơn một chút, nhận cho Ôxana và Rasen vào đội đặc biệt bày và gửi huy hiệu trại viên

cho hai cô, nhưng không cần viết thư cho Xêmiôn Karabanôp về chuyện mỡ, vì ở ngoài ấy họ đã có đội trưởng của họ và cậu ta, là đội trưởng thì phải tùy liệu mà phân phối. Cũng sẽ viết bảo Vecsơnep đừng giở chứng điên nữa, và viết cho Xêmiôn về chuyện cô ả ở Tsecnigôp, cậu ấy hãy coi chừng, chớ có để cho đầu óc chứa toàn những chuyện cô ả này cô ả nọ như thế. Nếu gặp trường hợp cần thiết, thì cô ả ở Tsecnigôp hãy viết thư cho hội đồng đội trưởng.

Lapô có tài làm cho các cuộc họp toàn trại được kết quả thiết thực, mau chóng và vui vẻ. Hắn khéo đề nghị những phương thức xuất sắc để trao đổi thư tín với các học viên trường trung học công nông. Ý kiến về việc cô bé ở Tsecnigôp

phải viết thư cho hội đồng đội trưởng khiến cho mọi người rất thích thú và về sau còn được bàn tán rộng thêm ra nữa.

Cuộc sinh hoạt của đội đặc biệt bảy ở Khackôp đã làm thay đổi đến căn bản phong cách nhà trường của trại. Từ nay trở đi hết thảy mọi người đều tin chắc rằng trường trung học công nông là một hiện thực mà người nào muốn cũng đều có thể đạt tới. Vì thế nên kể từ mùa thu ấy chúng tôi nhận thấy những cố gắng trong việc học được tăng cường gấp bội. Bratsenkô, Gêorghiepxki, Ôtxatsi, Snaiđe, Glaize, Marutxia Lepisenkô công khai nhắm thi vào trường trung học công nông.

Marutxia đã dứt bỏ hẳn những trò giở chứng điên dại của mình và hồi đó hết

sức yêu mến Êkatêrina Grigôriepna, đi đâu cũng theo chân và, khi nào đến lượt chị ta trực nhật, thì vừa giúp đỡ vừa ấp ủ chị bằng một cái nhìn âu yếm nhiệt tình. Tôi lấy làm thích thấy Marutxia ăn mặc trở nên diêm dúa, tập đeo những cổ áo lớn nghiêm nghị và mặc những áo lu may rất nhã. Trước mắt chúng tôi, Marutxia ngày càng biến thành một mỹ nhân.

Những luồng hương thơm của trường trung học công nông còn xa lắc xa lơ bay lan đến tận đám trẻ nhỏ, và những chú oắt háo hức thường bắt đầu hỏi chúng tôi luôn xem các chú nên hướng bước chân lên trường trung học nào thì hơn.

Natasa Pêtrenkô bập vào việc học với sự thèm khát đặc biệt. Gần mười sáu tuổi còn chưa biết chữ, vậy mà ngay từ những

ngày đầy cô ta đã tỏ ra thiên tư xuất sắc, và tôi đề ra cho cô ta nhiệm vụ phải học xong trong mùa đông chương trình của ban thứ nhất và ban thứ hai. Natasa chỉ cảm ơn tôi bằng một cái chớp mi mắt và nói gọn lỏn:

- Sao lại không được?

Cô ta đã thôi gọi tôi là "chú yêu quý" và đã thích ứng rất tốt vào tập thể. Ai ai cũng yêu cô ta, vì cái bản chất duyên dáng không thể tả được, nụ cười lúc nào cũng tin cẩn, chiếc răng nhỏ mọc xiên và nét mặt chuyển động rất có duyên của cô. Tình bạn thân thiết của cô đối với Tsôbô vẫn khăng khít như cũ, và Tsôbô cũng vẫn lặng lẽ lầm lì như trước, cẩn mật giữ gìn con người quý báu ấy chống lại những kẻ thù. Song tình thế của Tsôbô

càng ngày càng trở nên khó khăn, vì Natasa chẳng có một kẻ thù nào ở quanh mình mà, trái lại, dần dần đã kiếm thêm được nhiều bạn thân mới trong các bạn gái cũng như bạn trai. Ngay đến Lapô cũng có một thái độ hoàn toàn mới mẻ đối với Natasa: không tinh nghịch châm chọc, mà ân cần, nhã độ và vồn vã. Cho nên có những chuyện gì hết sức bí mật với nhau, Tsôbô cứ phải chờ đợi rất lâu mới được lúc Natasa có một mình để nói, hay đúng hơn, để cả hai người cùng yên lặng.

Tôi bắt đầu nhận thấy trong hành động của Tsôbô có dấu hiệu băn khoăn lo lắng và không lấy làm lạ khi thấy hắn đến tìm tôi vào một buổi tối, để bảo tôi rằng:

- Bác Antôn Xêmiônôvich, xin phép

bác cho tôi đi thăm anh tôi.

- À, thế ra chú có một người anh à?

- Hẳn chứ, cháu có một người anh: anh ấy làm ruộng ở gần Bôgôđukhôp. Cháu đã nhận được một bức thư của anh ấy.

Hắn chia thư cho tôi xem. Thư nói:

"Còn về tình hình của em như em kể cho anh biết đó thì em cứ việc về đây, em Mikôla Fêđôrôvich yêu quý của anh ạ, em cứ việc về ở với anh, vì nhà rộng, và ruộng đất anh cũng được khá hơn nhiều người, và anh sẽ lấy làm vui sướng trong lòng rằng đã tìm thấy lại được em trai của anh. Và nếu em có yêu thương một cô gái, thì cứ đêm cô ta về theo, đừng e ngại gì cả".

- Vì thế nên cháu muốn đi thăm xem thế nào.

- Chú đã nói chuyện với Natasa rồi chứ?

- Vâng.

- Thế sao?

Natasa chẳng hiểu gì về các chuyện đó. Cháu phải đi xem, bởi vì từ khi bỏ nhà ra đi, cháu chưa gặp lại anh cháu.

- Được, đồng ý, chú hãy về chơi ngoài ấy, xem thử ra sao. Anh chú chắc hẳn là một kulắc chứ gì?

- Không, không thể bảo là một kulắc, vì anh ấy trước kia chỉ có một con ngựa thôi, nhưng còn bây giờ thì cháu chả biết thế nào.

Tsôbô ở trại ra đi vào cuối tháng chạp và lâu lắm không thấy trở về.

Natasa hình như không để ý thấy việc hắn đi, và vẫn giữ nguyên thái độ sung sướng, trầm lặng như cũ, cô ta cứ tiếp tục kiên trì học tập ở trường. Thậm chí tôi thấy rằng, cô bé này rất có thể học hết ba ban trong mùa đông được.

Thái độ mới của các trại viên đối với nhà trường làm thay đổi bộ mặt của trại. Trại trở nên có văn hóa hơn và gần tính chất một học hiệu chính quy hơn. Không một trại viên nào có thể giữ chút hoài nghi gì rơi rớt về tầm quan trọng và sự cần thiết của việc học. Tinh thần mới ấy càng được tăng cường bởi cái xu thế chung của trại trưởng nhớ đến Maxim Gorki. Trong một bức thư gửi các trại

viên, Alecxêi Maximôvich viết:

"Tôi mong rằng, trong một buổi tối mùa đông, các trại viên hãy đọc "Thời thơ ấu" của tôi. Trong đó họ sẽ thấy rằng tôi là một người hoàn toàn như họ, chỉ có điều ngay từ hồi còn nhỏ tôi đã biết kiên trì dốc lòng học tập và tôi đã không bao giờ sợ một công việc gì hết. Xưa nay tôi vẫn tin tưởng rằng sự kiên trì và nỗ lực khắc phục được hết thảy mọi khó khăn".

Các trại viên đã có quan hệ thư từ với Gorki từ lâu. Chúng tôi rất lấy làm lạ rằng bức thư đầu tiên của chúng tôi, gửi đi dưới cái địa chỉ sơ sài này: "Maxim

Gorki, Xorrentê" ( ), mà lại đến được tay ông, và Alecxêi Maximôvich

đã lập tức trả lời bằng một bức thư âu yếm, đầy ý ân cần, mà chúng tôi đọc đi đọc lại trong suốt một tuần lễ, đến làm nát thủng cả tờ giấy. Từ đấy chúng tôi trao đổi thư cho Gorki và đem thư của họ lên cho tôi xem lại, nhưng tôi nghĩ không cần phải bảo họ cách viết nào hết, thư càng tự nhiên bao nhiêu, Gorki càng thích đọc bấy nhiêu. Vì thế nên về mặt đó, công việc của tôi chỉ tự hạn chế trong khuôn khổ những lời nhận xét đại loại như:

- Các chú đã lấy một tờ giấy không được sạch lắm.

- Thế sao lại không ký tên?

Khi cô một bức thư ở nước Ý gửi về, thì trước khi đến tay tôi, thế nào một trại

viên cũng đã phải cầm nó trong tay, ngạc nhiên rằng chính Gorki đã đề địa chỉ trên phong bì, và ngắm nghía bằng con mắt chê bai chân dung nhà vua trên con tem:

- Làm sao họ có thể chịu đựng được cái của này lâu đến thế, bọn người Ý ấy nhỉ? Một nhà vua… dùng để làm gì?

Chỉ có tôi là được phép bóc thư và tôi đọc to nó lên một lần thứ nhất, rồi một lần thứ hai; sau đó nó được chuyển cho thứ ký hội đồng đội trưởng để cho trại viên nào muốn cũng đều được đọc no đọc chán, mà Lapô chỉ đòi hỏi các chú phải theo một điều kiện duy nhất:

- Đừng có kéo lê ngón tay trên thư. Chúng mày có mắt thì đấy, nhìn theo bằng mắt, chứ sao lại thò ngón tay vào

đấy.

Bọn trẻ biết tìm thấy ở mỗi dòng Gorki cả một triết lý; những dòng chữ đó càng không để cho hoài nghi tồn tại được ở một chỗ nào thì lại càng khiến cái triết lý đó thêm nghiêm túc. Một cuốn sách lại là chuyện khác. Người ta có thể cãi nhau với một cuốn sạc, bài bác bó nếu nó nói không đúng. Nhưng đây không phải một cuốn sách, đây là một bức thư sinh động của đích thân Gorki.

Thực ra thì, hồi mới đầu, đối với Gorki bọn trẻ cảm thấy một thứ sùng bái hầu như tôn giáo; chúng coi ông là một nhân vật cao hơn hết thảy mọi người; bắt chước ông cơ hồ là một việc bất kính. Chúng không tin rằng "Thời thơ ấu" mô tả những chuyện của đời ông:

- Một nhà văn như ông! Làm như ông đã không từng trông thấy hàng đống những cuộc sống đủ mọi kiểu ấy? Ông đã nhìn thấy những cái đó và ông đã kể chuyện lại, còn chính bản thân ông, thì chắc chắn, khi còn bé, ông đã chẳng phải là một đứa trẻ dại như mọi kẻ khác.

Tôi phải tốn công lắm mới thuyết phục cho các trại viên tin được rằng Gorki nói sự thật trong thư của ông, và ngay cả đến một người có tài cũng cần phải làm việc nhiều và học nhiều. Những nét sinh động của cậu bé sinh động Aliôsa Gorki ấy, mà cuộc đời hết sức giống đời của đa số trại viên, đối với chúng tôi dần dần trở thành thân mật và không cần phải cố gắng gì cũng thấy là có thể hiểu được. Kể từ lúc ấy trở đi, bọn trẻ mới càng mong ước

được trông thấy Maxim Gorki, và bắt đầu mơ tưởng ông đến thăm trại, song nói chung cũng không dám tin cho đến cùng rằng việc đó có thể được.

- Ông ấy mà lại mất công đi đến tận trại này ấy à, thôi đi! Mày tưởng mày lý thú lắm, hơn cả mọi người đấy hẳn. Ông Gorki, ông ấy biết có đến hàng nghìn đứa như mày, không, có đến hàng vạn ấy chứ…

- Thì đã sao? Ông ấy có viết thư cho tất cả mọi người không?

- Mày tưởng là ông ấy không viết hay sao?

- Cho là ông ấy viết đến hai chục cái mỗi ngày, đấy: cậu tính xem là bao nhiêu cái mỗi tháng? Sáu trăm lá thư, thấy

chưa?

Bọn trẻ mở cả một cuộc điều tra về vấn đề ấy và đặc biệt đến hỏi tôi về số thư mà Gorki viết mỗi ngày.

Tôi trả lời chúng:

- Một hay hai cái, tôi nghĩ thế, mà còn không chắc ngày nào cũng viết.

- Có lẽ nào! Hơn chứ! Hơn nhiều ấy chứ!.

- Chắc không hơn. Ông ấy viết sách và việc đó cần nhiều thì giờ. Rồi còn bao nhiều người đến thăm ông? Ông cũng phải nghỉ ngơi nữa chứ, có phải hay không?

- Vậy theo ý bác thì là thế đấy: một khi ông đã viết thư cho chúng ta, như vậy

có nghĩa là, những người như chúng ta đây, chúng ta khác nào là những người quen của Gorki ư?

- Không phải là người quen, tôi nói, chúng ta là những trại viên của Gorki. Ông là cha đỡ đầu của chúng ta. Cứ việc nhiều thư nữa cho ông, hơn nữa, giá được gặp nhau, thì ông với chúng ta sẽ trở thành những người bạn thân. Những bạn thân như vậy, Gorki không có nhiều đâu.

Sau cùng, trong con mắt của tập thể, hình tượng Gorki trở lại thành một hình tượng bình thường, và mãi đến lúc ấy tôi mới bắt đầu nhận thấy về phần các trại viên không phải là những sự sùng bái đối với một vĩ nhân nữa, nhưng một tình yêu chân thực và nồng nàn đối với Gorki và

một lòng biết ơn thành khẩn đối với con người xa xôi, kỳ lạ, hơi khó hiểu, nhưng thật là con người sống ấy.

Tình yêu mà họ thực khó lòng biểu hiện ra được. Viết để thổ lộ nó ra thì họ không viết nổi và làm như vậy họ còn ngượng ngùng là khác nữa, vì họ có cái thói quen nghiêm ngặt là không để lộ một tình cảm nào ra ngoài. Chỉ riêng có Gut, với đội của hắn, là tìm ra được một giải pháp. Trong thư của họ, họ yêu cầu Maxim Gorki giữ kích thước bạn chân của ông, để đóng cho ông một đôi giày ủng. Đội một tin chắc rằng thể nào Gorki cũng làm thỏa mãn điều thỉnh cầu của họ, vì giày ủng là một vật quý giá không nghi ngờ gì nữa; chỉ có một số rất ít người đặt làm ủng ở xưởng của trại, và đó là một

việc đem lại vô khối chuyện phải lo: nào phải tốn chán thì giờ đi chợ giời rồi mới tìm được một bộ khuôn thích đáng hoặc mũi ủng tốt. Nào phải mua đế, da mỏng đóng gót và vải lót. Nào phải cần thợ giày giỏi mới đóng được ủng tốt, đi không bó chân. Giày ủng thì thể nào Gorki chẳng phải dùng và, ngoài ra, ông sẽ lấy làm thích rằng đó là giày của các trại viên đóng chứ không phải của anh thợ giày lăng nhăng nào ở nước Ý.

Chúng tôi có quen một bác thợ đóng giày ở ngoài tỉnh, được coi như một bậc đại chuyên gia trong nghề giày. Nhân đem đến trại xay một bao lúa mạch, bác ta xác nhận ý kiến của bọn trẻ và nói:

- Người Ý với người Pháp không đi ủng như ủng của ta, cho nên họ không

biết đóng ủng. Nhưng các chú muốn đóng loại ủng gì cho Gorki? Dù sao thì cũng cần phải biết ông ấy thích ủng như thế nào, mà ủng liền một miếng hay là đầu nối; gót ra làm sao và ống làm sao… Nếu lấy ống mềm thì là một chuyện, nhưng có người lại thích cứng kia. Và còn da nữa: chân nhất định phải bằng da dê non và ống thì bằng da bò. Lại còn ống cao bao nhiêu: cần phải biết.

Gut bị choáng hồn vì vấn đề phức tạp và đến xin ý kiến tôi:

- Đóng dở thì còn ra cái gì nữa? Không như thế không đẹp mắt. Và đóng đôi ủng ấy bằng gì: da dê non, hay da láng, không biết chừng? Mà ai kiếm được da láng cho ta? Bác tưởng cháu kiếm ra được à? Hay bác Kalina

Ivanôvich chăng? Nhưng bác ta, thì bác ta bảo rằng: bầy ăn hại, ngữ các chú mà đòi đóng ủng cho Gorki! Bác ấy bảo như thế đấy, rằng Gorki, ông ta đặt đóng ủng của ông ở nhà thợ giày của vua nước Ý kia.

Kalina Ivanôvich lập tức xác nhận rằng:

- Thế dễ những điều tôi bảo chú là không đúng hẳn? Hiệu giày "Gut và công ty" chưa ra đời đâu nhé. Ủng như ở hiệu giày tốt, thì các chú sẽ không làm được đây. Phải đi bít-tất xỏ lọt, mà nó không làm cho chai chân thì mới được. Còn các chú, các chú quen đi cái gì? Các chú quấn vào cẳng ba đôi bít-tất Nga, rồi nó có bó chân thì cứ thấy kệ, thật những đồ ăn hại. Các chú mà làm cho chân ông

Gorki nổi chai lên, thì ấy mấy thật là đẹp!

Gut vò đầu bức tai, đến gầy cả người đi vì tất cả những ý kiến xung đột ấy.

Được một tháng thì có thư trả lời. Gorki viết:

"Tôi không cần đến ủng. Ở đây tôi gần như sống ở nông thôn, và có thể không dùng tới ủng".

Kalina Ivanôvich rít một khói ở tẩu thuốc và ngẩng đầu lên với vẻ quan trọng:

- Ông ấy là một người thông minh và ông ấy hiểu: thà không đi ủng, còn hơn là đi ủng của chú, bởi vì ngay đến Xilanti mỗi lúc đi ủng vào chân, bác ta cũng

phải nguyền rủa cuộc sống, mà bác ta lại là một người đã quen rồi đấy…

Gut nháy nháy mắt và nói:

- Tất nhiên rồi, làm cách nào mà đóng được ủng đẹp, khi thợ cả đóng giày thì ở đây mà khách hàng lại ở Ý? Cũng không sao, bác Kalina Ivanôvich ạ, thể nào cũng có dịp. Nếu ông ấy đến trại ta, thì bác sẽ thấy đôi ủng mà chúng cháu sẽ mần cho ông ta…

Mùa thu trôi đi rất mau.

Có mốt sự việc lớn xảy tới: cuộc đến thăm trại của bà thanh tra ở Ủy ban Giáo dục, Liubôp Xavêliepna Đjurinxkaia. Bà ta từ Khackôp đến chỉ để thanh tra trại, và tôi đón tiếp bà như người ta thường đón tiếp các vị thanh tra, với đôi tai

vểnh lên của con sói đã quen bị săn đuổi. Chính Maria Kônđratiepna, hồng hào và sung sướng, đưa bà ta đến.

- Đấy, chị hãy làm quen với cái anh chàng man rợ này, Maria Kônđratiepna nói. Trước kia tôi cũng tưởng anh ta là một con người lý thú, chẳng hóa ra anh ta chỉ là một thầy tu. Ở với anh ta, tôi đâm sợ: tôi cảm thấy lương tâm tôi bắt đầu cắn rứt.

Đjurinxkaia nắm lấy vai Bôkôva mà bảo:

- Thôi mời cô đi ngay chỗ khác cho, chúng tôi không cần đến cái đầu óc chim [45] khuyên ( ) của cô đâu nhé.

- Ô hay nhỉ, những lúm đồng tiền của

Maria Kônđratiepna tỏ vẻ đồng ý một cách đáng yêu, ở đây sẽ có khối người ưa chuộng cái đầu óc chim khuyên của tôi đấy. Nào, bọn trẻ của anh bây giờ ở đây? Ngoài sông à?

- Maria Kônđratiepna! từ ngoài đó đã cất lên lanh lảnh của Sêlaputin gọi. Maria Kônđratiepna! Cô ra đây. Chúng tôi có một cái xe trượt tuyết, tuyệt lắm kìa!.

Maria Kônđratiepna vừa bước trên đường đi ra sông vừa hỏi:

- Thế chúng ta đi được cả hai người chứ?

- Đi được, lại có cả Kôlia nữa đấy! Chỉ có điều cô mặc váy thì nào xuống không tiện thôi.

- Không hề gì, tôi biết cách nhào, đôi mắt của Maria Kônđratiepna, như mũi tên, phóng về phía Đjurinxkaia.

Maria chạy tuốt ra bờ dốc đóng băng của sông Kôlômak trong khi Đjurinxkaia thân ái nhìn theo mà nói:

- Người đây kỳ lạ! Cô ta ở trại ông cứ như là ở nhà mình vậy.

- Lại còn tệ hơn nữa kia, tôi đáp. Tôi sắp đến lúc phải phạt bà ta lao động cưỡng bách, vì thái độ cử chỉ náo loạn quá.

- Ông nhắc nhở tôi trở lại với nhiệm vụ trực tiếp của tôi. Tôi đến đây chính là để nói chuyện với ông về phương pháp kỷ luật đấy. Như vậy là ông không phủ nhận rằng ông có phạt? Lao động cưỡng

bách này…rồi lại còn, theo lời người ta nói, ở trại của ông có cái lệ gì nữa đó: phạt giam…người ta còn nói ông phạt nhốt buồng kín, chỉ cho ăn bánh mì suông với nước lã thôi, phải không?

Đjurinxkaia là một phụ nữ cáo lớn, gương mặt trong sáng, đôi mắt trẻ trung và đầy tươi mát. Không hiểu vì lý do gù, đối với bà ta tôi muốn gạt sang một bên tất cả mọi lối ngoại giao khách khí.

- Tôi không bao giờ phạt nhốt buồng kín và cho ăn bánh mì suông với nước lã, nhưng thỉnh thoảng tôi cso bắt nhịn ăn bữa sáng. Và có phạt lao động cưỡng bách. Cũng có khi tôi phạt giam, nhưng không phải giam ngục tối, mà tất nhiên là ở buồng tôi, trong căn phòng giấy tôi. Người ta đã mách bà đúng đấy.

- Nhưng mà này, những cái đó cấm kia mà.

- Pháp luật không cấm, còn những cái mà lũ văn sĩ tạp nham viết, thì tôi không đọc.

- Ông không đọc sách nhi đồng học à? Ông có nói thật không đấy?

- Đã ba năm nay tôi không đọc những sách ấy nữa.

- Thế mà sao ông không lấy làm xấu hổ nhỉ? Và ông có đọc sách nói chung không?

- Nói chung thì có đấy. Mà tôi lại không xấu hổ vì thế, bà ạ. Tôi thương hại những người đọc các thứ đó.

- Nói thật với ông chứ, tôi quyết phải

làm cho ông thay đổi ý kiến. Chúng ta nhất định phải thực hành phương pháp sư phạm xô-viết.

Tôi quyết định chấm dứt cuộc thảo luận và bảo Liubôp Xavêliepna:

- Bà có biết không? Tôi sẽ không tranh luận đâu. Nhưng tôi tin tưởng sâu sắc ở đây, ở cái trại này, chúng tôi áp dụng phương pháp sự phạm xô-viết chân chính nhất, và còn hơn nữa: rằng ở trại này, chúng tôi thực hành phương pháp giáo dục cộng sản chủ nghĩa. Chỉ có kinh nghiệm thực tế, hoặc nghiên cứu sau một tập chuyên khảo, mới có thể thuyết phục được bà thôi. Còn như nói chuyện lỗ mỗ như thế này, thì không quyết định được những vấn đề như vậy đâu. Bà có định ở lâu với chúng tôi không?

- Độ hai ngày.

- Hay lắm, ở đây bà có đủ mọi phương tiện. Bà hãy quan sát đi, nói chuyện với các trại viên đi; bà có thể cùng ăn, cùng làm, cùng nghỉ ngơi với họ. Bà muốn suy luận thế nào tùy ý, bà có thể cách chức tôi nếu bà thấy là cần. Bà có thể viết bản kết luận tràng giang đại hải và chỉ thị cho tôi áp dụng phương pháp nào mà bà ưng ý. Đó là quyền của bà. Nhưng tôi thì tôi sẽ cứ tiếp tục làm theo những gì tôi nghĩ là cần thiết và theo sự tôi hiểu mà thôi. Tôi không biết cách giáo dục mà không trừng phạt; tôi còn phải học cái nghệ thuật ấy đã.

Liubôp Xavêliepna ở lại trại, không phải hai mà bốn ngày; tôi hầu như không

lúc nào thấy mặt bà ta. Bọn trai nói về bà ta, bảo:

- Ồ, một mẹ gớm lắm: mẹ ấy hiểu tuốt.

Trong khi bà ta ở trại, Vetkôpxki đến tìm tôi:

- Tôi bỏ trại đi đây, bác Antôn Xêmiônôvich ạ.

- Đi đâu?

- Tôi sẽ liệu tìm nơi. Ở đây, không thú nữa. Tôi sẽ không đi lên trường trung học công nông và tôi không muốn làm thợ mộc. Tôi sẽ đi chơi đây đó nhìn xem thêm mọi người.

- Thế rồi sao nữa?

- Rồi sẽ liệu sau. Bác hãy cứ cấp giấy cho tôi ra trước đã.

- Được, tối nay có hội đồng đội trưởng. Quyền ở hội đồng để cho chú đi.

Ở phiên họp hội đồng đội trưởng Kôxchia Vetkôpxki giữ thái độ không thân thiện và chỉ muốn một mực trả lời những câu hoàn toàn hình thức:

- Ở đây tôi không thích. Ai bắt ép được tôi? Tôi muốn đi đâu thì đi. Tô sẽ làm gì, thì đó là việc của tôi… Tôi sẽ ăn cắp, không biết chừng.

Kutlaty nổi giận:

- Thế nào cơ, không phải việc của trại à? Mày sẽ đi ăn cắp mà cái đó lại không việc gì đến trại à? Thế giả thử tao túm cổ mày ngay lập tức và nhét giẻ vào mồm mày vì mày đã dám thở ra những câu như thế, thì hẳn là bấy giờ mày mới thật sự

cho rằng đó là việc của trại?

Liubôp Xavêliepna tái mặt đi, muốn nói một câu gì song không kịp nói; Các trại viên nổi xung lên la hét Vetkôpxki. Vôlôkhôp đứng thẳng trước mặt hắn, kêu lên rằng:

- Phải tống nó cho nhà thương, chỉ có thế thôi. Trả lại giấy tờ cho nó à, đừng có hòng!… Trừ phi mày nói thật đi: Mày đã tìm được công việc gì làm?

Gut nổi nóng hơn cả mọi người:

- Ở trại này, dễ thường có hàng rào đấy hẳn? Không, không có hàng rào. Vì mày là một thằng đểu như thế, thì mày muốn ra đi lối nào cũng được. Dễ thường chúng tao thắng con Hảo-hán vào xe đi đuổi mày chắc? Ồ không, chúng tao

chẳng thèm đuổi đâu. Mày muốn đi đâu thì đi. Mày đã đến đây làm cái gì?

Lapô kết thúc cuộc tranh cãi:

- Mọi người phát biểu ý kiến như thế đủ rồi. Rôxchia ạ, việc đã rõ. Chúng tôi không cấp giấy cho cậu ra trại.

Kôxchia cúi đầu xuống, lẩm bẩm.

- Không cần, tôi cũng cứ đi. Cho tôi mười rúp để ăn đường.

- Có cho hắn không? Lapô hỏi.

Mọi người im lặng. Đjuriaxkaia hết sức lắng tai nghe, đến nhắm cả mắt lại, đầu ngả ra tựa vào lưng ghế. Kôvan nói:

- Nó đã xin đoàn Kômxômôn, cũng về chuyện ấy,

Chúng tôi đã tống nó ra khỏi Kômxômôn. Nhưng mười rúp thì tôi nghĩ có thể cho nó được.

- Đúng đấy, có một người nói. Chúng ta chả làm gì mười rúp.

Tôi mở ví của tôi.

- Tôi sẽ đưa cho nó hai mươi rúp. Làm giấy ký nhận đi.

Giữa sự im lặng chung Kôxchia viết giấy ký nhận, nhét tiền vào túi và đội mũ két lên đầu.

- Chào các đồng chí!

Không ai trả lời hắn. Chỉ có Lapô đứng lên khỏi ghế và nói to, khi hắn đã đi ra đến cửa:

- Này, con người ngây thơ! Khi nào

cậu chơi nhởn hết số tiền hai mươi rúp, thì cậu cứ trở về trại, đừng ngượng ngùng gì cả. Cậu sẽ lao động để trả lại số tiền ấy!

Các đội trưởng giải tán, ai nấy đều bực bõ. Liubôp Xavêliepna hoàn hồn và nói:

- Rõ khiếp chửa! Đáng lẽ phải giải thích cho thằng bé ấy…

Rồi bà ta trầm ngâm nghĩ ngợi và bảo:

- Nhưng mà hội đồng đội trưởng của các anh là một sức mạnh ghê gớm thật!. Gớm bọn trai!

Sáng hôm sau, bà ta đi. Antôn Bratsenkô đưa xe trượt tuyết ra. Ở trong xe có rơm rạ bẩn và những mẩu giấy. Khi

Xavêliepna đã ngồi vào chỗ, tôi bảo Antôn:

- Tại sao trong xe trượt tuyết bẩn thế này?

- Tôi vội quá, Antôn lẩm bẩm, đỏ mặt lên.

- Chú đi ngồi phạt giam, cho đến khi tôi ở tỉnh về.

- Rõ, Antôn vừa nói vừa đứng ra xe trượt tuyết. Trong phòng giấy bác ạ?

- Phải.

Antôn thong thả đi về phía phòng giấy, đau đớn vì sự nghiêm khắc của tôi, và chúng tôi lặng lẽ rời khỏi trại. Mãi cho đến khi tới nhà ga, Liubôp Xavêliepna mới nắm lấy cánh tay tôi và nói:

- Thôi đừng làm mặt hung dữ nữa. Ông có một tập thể hay tuyệt. Đó là một sự kỳ diệu. Tôi choáng cả người, hoàn toàn choáng váng… Nhưng ông hãy cho tôi biết, ông có chắc rằng chú… Antôn của ông, bây giờ đang ngồi phạt giam không?

Tôi ngạc nhiên nhìn bà ta:

- Antôn là một gã có tư cách lắm. Dĩ nhiên là hắn đã đi ngồi phạt giam. Nhưng nói chung… thì chúng nó thật sự là những con gấu con cả đấy.

- Không, không nên nói thế. Có phải là ông vì ông vẫn nghĩ đến chú Kôxchia kia không? Tôi tin chắc rằng chú ấy sẽ trở lại. Nhưng thật là hay! Ở trại ông, những quan hệ giữa con người thật là hay, và cái chú Kôxchia kia, hơn hết cả mọi

người, chú ta…

Tôi thở dài và không trả lời gì hết.

13. NHỮNG NÉT NHĂN NHÓ CỦA ÁI TÌNH VÀ NÀNG THƠ

Năm 1925 tới. Nó bắt đầy một cách khá là khó chịu. Ôpriskô tuyên bố, ở phiên họp hội đồng đội trưởng, rằng hắn muốn lấy vợ, nhưng lão Lukasenkô sẽ không gả Marutxia cho hắn, nếu trại không cho Ôpriskô được một phần tài sản như Ôlia Vôaônôva; có thêm phần tài sản ấy, thì Lukasenkô sẽ để cho hắn về ở với lão, và hai người sẽ chung vốn làm ăn.

Trước hội đồng đội trưởng, Ôpriskô đóng vai trò khả ố là kẻ thừa kế của Lukasenkô và là người có một địa vị tốt đẹp.

Các đội trưởng đều im lặng, không biết nên giải quyết tất cả câu chuyện này ra làm sao. Sau cùng Lapô cầm lấy một chiếc bút chì, chĩa đầu bút và Ôpriskô mà nói nhẹ nhàng:

- Được, Đmirtri ạ, thế còn cậu, cậu nghĩ thế nào? Cậu đi lập nghiệp với Lukasenkô, thì như thế có nghĩa là cậu trở thành dân quê à?

Ôpriskô ngước nhìn Lapô hơi cao

- Dân quê, cậu cho là thế cũng được.

- Vậy theo ý cậu là gì?

- Rồi sẽ biết.

- Được, Lapô nói, ai có ý kiến gì không?

Vôlôkhôp, đội trưởng sáu, lên tiếng:

- Anh em tìm cách thu xếp cuộc đời của mình, cái đó là đúng. Chúng ta sẽ không ở mãi trại cho đến khi lúc tuổi già. Thế thì chúng ta có nghề chuyên môn gì? Đối với cậu nào ở đội sáu, đội bốn hay đội chín, thì còn tạm được; hẳn có thể trở thành thợ rèn, thợ mộc hay thợ xay bột. Nhưng còn các đội nông nghiệp, nghề chẳng phải là chuyên môn: đã vậy thì ai muốn làm nông dân, cứ việc tùy ý. Có điều là đối với Ôpriskô, có vấn đề hơi mệt một tí. Cậu đúng là thanh niên Kômxômôn đấy chứ?

- Phải, tôi là thanh niên Kômxômôn, thế thì làm sao?

- Tôi, thì tôi nghĩ rằng, Vôlôkhôp nói tiếp, trước hết nên đặt vấn đề với đoàn Kômxômôn thì phải hơn. Hội đồng đội

trưởng cần biết đoàn Kômxômôn nghĩ thế nào.

- Ban chấp hành đoàn Kômxômôn đã có ý kiến rồi, Kôvan nói. Trại thành lập nên, chẳng phải là để nuôi bọn kulắc. Lukasenkô là một tên kulắc.

- Tại sao ông ta lại là kulắc? Ôpriskô cãi. Vì nhà ông ta hợp mái tôn à, song cái đó có nghĩa lý gì.

- Nhưng lão có hai con ngựa.

- Phải, hai con.

- Với một người cố nông?

- Không có cố nông.

- Thế Xêriôga?

- Xêriôga, là sở Giáo dục đem ở một

trại nhi đồng về giao cho ông ta. Nuôi bảo trợ, gọi là như thế.

- Thì cũng rứa thôi, Kôvan nói, sở Giáo dục gửi nó hay không, nó cũng vẫn cứ là một cố nông.

- Phải, song nếu người ta cho mình…

- À, người ta cho cậu. Còn cậu, thì cậu đừng lấy, nếu cậu là một con người chính đính.

Ôpriskô không ngờ đâu mọi người lại đối đãi với hắn như vậy. Hắn bối rối nói:

- Tại sao lại thế? Người ta cho Ôlia đấy thôi?

Kôvan đáp:

- Điều thứ nhất, với Ôlia, thì là một chuyện khác, Ôlia lấy một người trong

hàng ngũ chúng ta, và bây giờ cô ta với Paven gia nhập công xã; tài sản của trại cho sẽ được sử dụng đúng đắn. Điều thứ hai, ở trại, Ôlia là một trại viên khác hẳn cậu. Và điều thứ ba, chúng ta không nên nuôi những tên kulắc.

- Vậy bây giờ tôi làm thế nào?

- Tùy ý cậu thôi.

- Không, như thế thì không được, Xtupitxyn nói. Nếu họ yêu nhau, thì đấy! họ cứ việc lấy nhau. Cũng nên cho Đmirtri cái gì, nhưng với điều kiện là hắn phải gia nhập công xã chứ không được về ở với Lukasenkô. Ở ngoài đó, từ nay Ôlia sẽ thúc đẩy cho mọi việc tiến hành tốt.

- Bố Marutxia sẽ không để cho cô ta

đi đâu.

- À, thế thì cô ta xúp bố đi.

- Cô ấy không thể làm thế được.

- Thế có nghĩa là cô ấy không yêu cậu lắm… tóm lại cũng là một cô kulắc.

- Cô ấy yêu tôi hay không, có việc gì đến cậu.

- Ấy đúng là có việc với tôi lắm chứ. Thế nghĩa là cô ấy lấy cậu vì tính toán nhiều hơn. Nếu cô ấy yêu cậu.

- Nếu cô ấy không thể, thì thôi, đừng có đến nói chuyện với hội đồng đội trưởng cho mệt óc làm gì! Kutlaty tàn bạo đáp. Cậu muốn đến ở nhà một tên kulắc thì cần có một người con rể giàu ở nhà lão. Như vậy có can dự gì tới chúng

ta? Ta hãy bế mạc buổi họp...

Lapô khoái trá nở một nụ cười rộng ngoác đến tận mang tai:

- Chiếu chi tình yên của Marutxia không được là bao, tôi bế mạc hội đồng.

Ôpriskô điếng người. Hắn đi lang thang trong trại, u uất hơn đám mây đen, gây gổ với tụi trẻ; hôm sau hắn uống rượu say và làm náo loạn phòng ngủ.

Hội đồng đội trưởng họp để xử việc Ôpriskô say rượu.

Tất cả mọi người ngồi lầm lầm và Ôpriskô lầm lầm đứng bên tường, Lapô nói:

- Cậu là đội trưởng thì cũng mặc kệ; cậu đã bị gọi ra đây để trả lời về một

việc riêng, thì cậu phải ra đứng giữa.

Đó là lệ quen ở trại: kẻ có lỗi phải đứng ở giữa phòng.

Ôpriskô đưa cặp mắt tối sầm nhìn vào mặt chủ tịch và làu bàu:

- Tôi chẳng ăn cắp cái gì thì tôi không ra đứng giữa.

- Người ta sẽ bắt cậu ra đứng, Lapô bình tĩnh nói.

Ôpriskô nhìn hội đồng và hiểu rằng người ta sẽ bắt hắn đứng thật. Hắn rời bức tường và bước ra giữa.

- Được, đứng thì đứng.

- Mà phải nghiêm, Lapô đòi hỏi.

Ôpriskô nhún vai, mỉm cười cay độc,

nhưng cũng buông tay xuống và đứng thẳng người lên.

- Bây giờ cậu hãy nói cho chúng tôi biết, làm sao cậu dám uống rượu say mèm và làm trò mất dạy ở phòng ngủ, cậu, một thanh niên Kômxômôn, một đội trưởng và là một trại viên? Nói đi.

Ôpriskô là một gã xưa nay vẫn có hai thái độ: khi nào có dịp, nó chẳng từ ra mặt bưởng, ngổ ngáo, "bất chấp hết thảy", nhưng thực ra vẫn luôn luôn hành động ra người ngoại giao thận trọng và láu lỉnh. Các trại viên biết rõ như thế, cho nên thái độ phục tòng của Ôpriskô không làm ai ngạc nhiên hết. Jôra Vônkôp, đội trưởng đội bảy, vừa mới được bổ nhiệm thay Vetkôpxki, khoa cánh tay về phía Ôpriskô và nói:

- Bây giờ thì hắn là một ông bụt con. Bây giờ hắn lại đứng yên như thế kia. Nhưng ngày mai hắn lại lên mặt yêng hùng cho mà xem.

- Thôi, để cho hắn nói ra xem, Ôtxatsi càu nhàu nói.

- Tôi chả có điều gì khác mà nói cả: tôi đã sai, có thế thôi.

- Không, cậu phải nói làm sao cậu đã cả gan như thế.

Ôpriskô, mắt nhìn phỉnh phờ ra vẻ thiện ý, dang hai tay về phía hội đồng:

- Nhưng có gì là cả gan trong chuyện này? Tôi đã uống rượu vì tôi buồn, mà một khi đã uống say thì người ta còn có trách nhiệm gì nữa.

- Đừng có bịp, Antôn nói. Cậu phải chịu trách nhiệm. Nếu cậu nghĩ rằng cậu sẽ không phải chịu trách nhiệm thì cậu đã lầm. Chúng ta hãy tống cổ cậu ấy ra khỏi trại, có thế thôi. Và tống tất cả những kẻ nào sau đây còn uống rượu… không thương hại!

- Nếu thế thì nó chết, Gêorghiepxki trợn mắt lên nói. Tống nó ra đường, nó sẽ hỏng đời mất.

- Thì cho nó hỏng đời.

- Kể ra thì có vì buồn hắn mới uống! Sự thực, có cái gì mà các cậu làm khổ hắn thế? Một cu cậu có chuyện buồn, mà các cậu lại đi lôi hắn ra hội đồng đội trưởng kiếm chuyện với hắn! Ôtxatsi nhìn bộ mặt đạo đức của Ôpriskô với một vẻ

châm biếm lộ liễu.

- Rồi Lukasenkô sẽ không nhận nó nếu nó không có áo quần tiền đem theo, Taranet nói.

- Như thế thì việc gì đến chúng mình? Antôn nói to lên. Nếu lão ấy không nhận nó, thì thằng Ôpriskô đi mà tìm lấy một tên kulắc khác…

- Tại sao lại đuổi nó đi? Gêorghiepxki rụt rè bắt đầu nói. Nó là trại viên cũ, nó có lỗi, đã đành thế, song nó còn có thể tự cải tạo. Và cũng phải xét đến việc nó với Marutxia, hai đứa yêu nhau. Ta phải giúp đỡ chúng nó tùy theo khả năng.

- Vậy à, nó là một đứa trẻ vô thừa nhận à? Lapô ngạc nhiên thốt ra. Tự cải tạo, nó ấy à? Nó là trại viên.

Snaiđe lên tiếng. Hắn là đội trưởng của đội tám, hắn đã thay chân Karabanôp cầm đầu cái đơn vị anh hùng ấy. Ở đội tám có những gã khỏe mạnh như Fêđôrenkô và Kôrytô. Dưới sự lãnh đạo của Karabanôp, những góc cạnh cá tính thô bạo của hai người đã được mài giũa tròn, thích ứng với nhau rất tốt. Karabanôp biết cách ném họ, như những

[46]

viên đá của một cái ná ( ), vào bất cứ công tác nào, và họ có cái hoàn thành công tác ấy với sự hăng hái lôi cuốn và cười đùa của người côdắc Zapôrôgơ, nêu rất cao ngọn cờ của trại. Mới đầu sự có mặt của Snaiđe ở trong đội có vẻ như không xứng hợp. Người ta thấy hắn đến, thân hình bé nhỏ, gầy gò, đen đủi, mái

tóc bụt ốc loăn xoăn. Sau cái chuyện Ôtxatsi ngày trước, phong trào bài Do thái không bao giờ ngóc đầu dậy ở trại nữa, song thái độ của các trại viên đối với Snaiđe vẫn còn châm biếm một thời gian khá lâu. Sự thực thì đôi khi Snaiđe cũng kết hợp một cách lố lăng những từ ngữ và cú pháp Nga và làm các công việc đồng áng vụng về, buồn cười hết sức. Nhưng thời gian qua và những quan hệ mới dần dần được hình thành ở trong lòng đội tám: Snaiđe trở thành đứa con cưng, mà các tay anh hùng của Karabanôp lấy làm kiêu hãnh. Hắn thông minh, có trí lực mẫn cảm sâu sắc và tính tình rất tế nhị. Đôi mắt đen láy của hắn giội một thứ ánh sáng dịu dàng thư thái lên những sự va chạm hiểu lầm nặng nề

nhất, xảy ra trong đội, và hắn biết nói câu thích hợp để dàn hòa. Mặc dầu trong thời gian ở trại hắn hầu như không lớn lên, nhưng hắn khỏe lên nhiều và có bắp thịt, khiến mùa hè hắn có thể mặc áo may-ô cụt tay không xấu hổ, và không còn làm cho ai phải ngoảnh đầu lại nhìn hắn, khi người ta giao cho hắn những chiếc bắp cày nảy long lên trên đất ruộng. Đội tám đã nhất trí bầu hắn lên địa vị chỉ huy, và hồi đó Kôvan với tôi coi việc đó như ý nghĩa rằng:

- Chúng tôi có thể tự lực nắm vững được đội, và Snaiđe sẽ là thứ trang trí của chúng tôi.

Nhưng, ngay hôm sau khi được bổ nhiệm, Snaiđe tỏ ra rằng hắn đã không uổng công qua trường đào tạo của

Karabanôp; hắn biểu hiện ý định không những làm thứ trang trí của đội mà còn chỉ huy đội, và Fêđôrenkô, vốn đã quen với những búa rìu sấm sét của Karabanôp, nay cũng dễ dàng làm quen với những trận vò đầu bình tĩnh và thân ái mà đôi khi cấp chỉ huy mới ban hành cho mình. Snaiđe nói:

- Nếu Ôpriskô là một người mới, thì có thể tha thứ cho hắn được. Nhưng bây giờ thì bất kể thế nào cũng không nên tha thứ. Ôpriskô đã tỏ ra là hắn coi thường tập thể. Các anh tưởng đây là lần cuối cùng hay sao? Tất cả chúng ta đều biết rằng không phải thế. Tôi không muốn để cho Ôpriskô phải băn khoăn khổ sở. Như thế có ích lợi gì cho chúng ta? Thì đấy, để cho hắn đi ra ngoài tập thể chúng ta

mà sống một chút xem sao, rồi bấy giờ hắn sẽ hiểu. Và cũng cần tỏ cho những kẻ khác biết rằng chúng ta không dung những hành động kulắc ấy. Đội tám đòi phải đuổi hắn đi.

Sự đòi hỏi của đội tám là một trường hợp quyết định: trong đội tám hầu như không có những trại viên mới. Các đội trưởng nhìn tôi và Lapô nhường lời cho tôi:

- Việc đã rõ, bác Antôn Xêmiônôvich, xin bác cho ý kiến.

- Ra khỏi cửa, tôi nói vắn tắt.

Ôpriskô hiểu rằng tình thế không cứu vãn được nữa và vứt bỏ bộ mặt nạ dè dặt ngoại giao:

- Sao, ra khỏi cửa? Thế thì tôi đi đâu? Ăn cắp à? Các anh tưởng rằng không còn có công lý nào ở trên các anh nữa ư? Tôi sẽ đi lên Khackôp, nếu cần…

Cả hội đồng ai nấy đều cười:

- Tuyệt lắm! Cậu đi lên Khackôp đi. Ngoài ấy người ta sẽ cấp cho cậu một giấy chứng nhận, rồi cậu sẽ trở về trại có đầy đủ quyền để sống với chúng tôi. Như thế thì cậu thỏa lòng nhé!

Ôpriskô chợt hiểu mình vừa buông ra một câu dại dột tày đình và im bặt.

- Như vậy là chỉ có một mình Gêorghiepxki là phản đối, Lapô vừa nói vừa nhìn khắp hội đồng – Đội trưởng trực nhật!

- Có tôi! Và Gêorghiepxki nghiêm túc chỉnh đốn lại thái độ.

- Cho Ôpriskô ra khỏi trại.

- Rõ! Tôi cho nó ra, Gêorghiepxki nói và giơ tay chào như thường lệ, theo liền câu đáp, rồi hắn hất đầu mời Ôpriskô đi ra khỏi cửa.

Hôm sau, chúng tôi được tin Ôpriskô đến ở nhà Lukasenkô. Không biết hắn với lão ta đã thỏa thuận với nhau theo những điều kiện nào, song bọn trại nói chắc rằng Marutxia đã cầm đầu tất cả chuyện này.

Mùa đông trôi qua. Sang tháng ba, bọn trẻ tha hồ vui thú chơi cưỡi trên những khối băng của sông Kôlômak trôi xuôi dòng; chúng được những mẻ tắm mùa

xuân, cứ theo lịch thì là bất ngờ, là vì những sức mạnh tự nhiên ngàn đời làm cho chúng ngã nhào lộn xuống nước, mặc nguyên quần dài và áo nịt, từ những chiếc thuyền thoi tự chế của chúng bằng các khối băng và những cành cây lấy ở bờ sông. Kết quả là chú nào cũng bị một trận cảm lạnh.

Nhưng rồi những trận cảm cũng lạnh qua, sương mù cuốn lên, và không bao lâu Kutlaty, bắt đầu thấy những chiếc áo nịt vứt ở giữa sân, lại tái diễn cái trò hét lác của hắn mọi lần xuân sắp tới, đe dọa sẽ bắt tất cả mọi người phải mặc quần cụt với áo may-ô khoét cổ, từ hai tuần lễ trước ngày bình thường quy định theo niên lịch.

14. CẤM KÊU CA!

Sang giữa tháng tư, những học viên đầu tiên của trại về nghỉ học kỳ mùa xuân.

Họ trở về, người gầy đi và nước da đen xạm; Lapô kiến nghị giao họ cho đội mười, để nuôi béo. Có điều tốt là trước mặt các trại viên họ không tự phụ cậy là những học viên. Chẳng kịp để thì giờ chào hỏi tất cả mọi người nữa, Karabanôp vội vã chạy đi thăm khắp đồng ruộng và các xưởng. Biêlukhin, bị bọn trẻ vây hãm, nói chuyện về Khackôp và về đời sống học viên.

Buổi tối, ngồi tất cả dưới trời mùa xuân, theo lệ cũ, chúng tôi bắt đầu trò

chuyện về các công việc của trại. Karabanôp không bằng lòng chút nào về những việc vừa mới xảy ra. Hắn nói:

- Anh em đã xử trí đúng, cố nhiên rồi. Một khi thằng Kôxchia đã tuyên bố rằng nó không thích ở trại, thì làm như vậy là phải. Còn Ôpriskô là một thằng kulắc, cái đó dễ hiểu, và nó lại đi tìm những đứa như nó, đó cũng là một điều thích hợp với nó thôi. Tuy vậy, nghĩ cho kĩ thì cũng có một điều gì đấy chưa được ổn. Phải lưu tâm suy nghĩ mới được. Bọn chúng tôi, ở Khackôp, chúng tôi đã được trông thấy một đời sống khác. Cuộc sống ở ngoài ấy khác, và những con người cũng khác.

- Vậy những con người, ở trại ta, là xấu ư?

- Họ tốt, nói thực đấy, tốt lắm, nhưng các cậu hãy nhìn tứ phía xem: càng ngày càng nhiều kulắc. Thế thì trại có sống được ở đây không? Ở đây thì phải giở nanh vuốt ra tranh đấu, không có thì phải cuốn xéo.

- Vấn đề không phải ở đấy, Burun chậm rãi nói với một giọng trầm ngâm. Tất cả mọi người đều phải đấu tranh với tụi kulắc. Đó là một chuyện riêng biệt. Nhưng không phải là điều chủ yếu. Là bởi vì ở trại, chẳng có việc gì làm cả. Chúng ta cả thảy có một trăm hai mươi người, một lực lượng lớn, nhưng để làm công tác gì: chúng ta đã gieo hạt, chúng ta gặt, rồi chúng ta lại gieo. Nhiều mồ hôi, mà kết quả thì chúng ta không nhìn thấy. Chỉ sống thêm cuộc sống này thêm

một năm nữa, là anh em sẽ đâm chán, họ muốn được hơn kia…

- Grisa nói thế đúng đấy, và Biêlukhin đến ngồi gần tôi. Bọn trai như chúng tôi, những đứa trẻ vô thừa nhận, theo lời người ta gọi chúng tôi, đều là những người vô sản; cái mà họ cần phải có, ấy là công nghệ. Cày cấy ruộng đất, tất nhiên, họ thấy đó là công việc dễ chịu và thích thú đấy, nhưng mà thử hỏi họ được lợi cái gì, ở nông nghiệp? Lập nghiệp ở nông thôn, trong giới tiểu tư sản như người ta nói, thì trước hết là điều đáng xấu hổ, và sau nữa phải bắt đầu với hai bàn tay trắng, vì muốn vậy cũng cần có những tư liệu sản xuất chứ: phải có một cái nhà, có một con ngựa, và một cái cày, và mọi thứ. Đến ở nhà bố vợ, như

Ôpriskô, thì xin chịu thôi. Vậy thì đi đâu? Ở cái vùng ta đây nhà máy chỉ có các công xưởng đường sắt, và các công nhân cũng chẳng biết ấn con cái mình vào nơi nào được nữa.

Các học viên vui vẻ đổ xô tất cả vào các công việc đồng áng, và, với một thái độ lịch sự cầu kỳ, hội đồng đội trưởng phái họ chỉ huy các đội đặc biệt, Karabanôp đi làm về phấn khởi:

- Ồ, mình lấy làm thú quá! Thật đáng tiếc là cái nghề mạt này chẳng đưa người ta đi đến đâu! Giá cứ như thế này thì hay biết bao nhiêu: ruộng đất làm xong xuôi, chỉ còn có việc đi phát cỏ, ấy thế là mọc lên những tấm vải, những đôi ủng; đồng ruộng rập rình những máy móc, những máy kéo, những đàn thủ phong cầm,

những mục kỉnh, đồng hồ, thuốc lá… Ôi chao chao! Tại sao những của khỉ, khi tạo ra thế giới, chúng nó không hỏi ý kiến mình thế không biết!

Các học viên trường trung học công nông ăn tết mồng Một tháng Năm với chúng tôi điều đó khiến cho ngày lễ đó, vốn đã đầy ý nghĩa vui mừng đối với trại lại càng thêm phần đẹp đẽ nữa.

Cũng như ngày trước, trại thức dậy từ sáng tinh mơ và chạy bổ ra làm cánh đồng, trong các hàng ngũ chỉnh tề của các đội đặc biệt, không nhìn lại phía sau và cũng không hoài phí tinh lực để phân tích cuộc đời. Ngay đến các tay lề mề kỳ cựu của trại, như Epgêniep, Nazarenkô, Pêrêpêliatsenkô, cũng đã hết làm cho chúng tôi nhọc lòng lo nghĩ.

Trại bước sang năm 1925 với cái khí thể của một tập thể đoàn kết chặt chẽ và đầy phán khởi hăng hái, ít ra nhìn bề ngoài thì thấy là như vậy. Riêng chỉ có Tsôbô là một cái gậy thọc vào bánh xe, và tôi không làm thế nào giải quyết được.

Ở nhà anh hắn trở về trại vào tháng ba, Tsôbô kể chuyện rằng người anh đó sống dễ chịu, nhưng không có người làm: một trung nông. Tsôbô không yêu cầu trại giúp đỡ gì hết, nhưng hắn đề cập đến vấn đề Natasa. Tôi bảo hắn:

- Nói với tôi thì có ích gì, phải để cho Natasa tự quyết định…

Sau một tuần lễ, hắn trở lại, lần này có vẻ lo lắng hết sức.

- Không có Natasa, cháu không thể nào sống được. Xin bác nói với cô ta, bảo cô ta đi cùng với cháu.

- Này, Tsôbô, kể chú cũng là một anh chàng buồn cười thật đấy! Nói với cô ta thì phải là chú nói, chứ sao lại tôi được,

- Nếu bác bảo cô ta, cô ta sẽ nghe, còn cháu, nói thật với bác, cháu thấy cứ nhùng nhằng thế nào ấy, có cái chuyện gì đó không ổn.

- Cô ta bảo thế nào?

- Cô ấy chẳng nói gì cả.

- Sao lại "cô ấy chẳng nói gì cả"?

- Cô ấy chẳng nói gì cả, cô ấy khóc.

Tsôbô giương mắt lên nhìn tôi, tinh thần căng thẳng, vẻ thăm dò. Hắn cần

nhận xét xem những lời hắn nói đã gây cho tôi một ấn tượng như thế nào. Tôi không giấu hắn rằng ấn tượng ấy rất nặng nề:

Như vậy là không tốt chút nào… Để tôi nói chuyện với cô ta.

Tsôbô nhìn tôi với đối mắt vằn tia máu, như thục sâu vào đến tận thâm tâm tôi, và nói bằng một giọng khàn khàn:

- Xin bác nói với cô ta. Chỉ có điều, bác ạ, nếu Natasa không đi, thì cháu tự tử.

- Sao lại nói những chuyện ngu xuẩn như thế? Tôi quát lên với hắn. Chú là một thằng đàn ông hay một cái giẻ rách? Chú không xấu hổ à?

Song Tsôbô không để cho tôi nói hết. Hắn đổ dụi xuống một chiếc ghế dài và thốt lên những tiếng khóc nức nở, đầy một nỗi thống khổ và một niềm tuyệt vọng không nói nên lời. Tôi lặng lẽ nhìn hắn, tay đặt lên đầu hắn nóng hổi. Hắn vùng đứng dậy, nắm lấy hai khuỷu tay tôi và nói thì thào vào mặt tôi những lời lộn xộn, nghẹn ngào:

- Bác tha thứ cho cháu… cháu biết là cháu làm phiền bác… nhưng cháu không thể làm thế nào khác được… Cháu, bác đã thấy cháu là người như thế nào, bởi vì bác, bác trông thấy hết và bác biết hết… Không có Natasa, cháu không thể sống được.

Tôi để cả đêm hôm ấy nói chuyện với hắn, và cả đêm hôm ấy, với cảm nghĩ

rằng tôi hoàn toàn bất lực. Tôi nói với hắn về cuộc sống vĩ đại với những con đường xán lạn của nó, về những hạnh phúc khác nhau của đời người, về sự hành động phải thận trọng và có kế hoạch; tôi bảo hắn rằng Natasa phải học, rằng cô ta có những thiên tư xuất sắc và rồi sau cô ta sẽ giúp đỡ hắn, nhưng không thể bắt cô ta phải tự chôn vùi trong cái làng hẻo lánh, ở gần Bôgôđukhôp kia, rằng ở đấy ta sẽ buồn nản đến chết mất, song tất cả bằng ấy điều đều không làm cho Tsôbô động lòng. Hắn ủ rũ nghe tôi nói và lẩm bẩm:

- Cháu sẽ tự xả thân ra làm nghìn mảnh, việc gì cháu cũng sẽ làm được, nhưng cô ấy phải đi với cháu…

Khi tôi để cho hắn bước ra khỏi phòng

tôi, hắn vẫn ở nguyên tâm trạng hỗn loạn của một con người đã mất phương hướng và năng lực tự chủ. Tối hôm sau, tôi cho gọi Natasa đến. Cô ta nghe câu hỏi ngắn gọn của tôi, đôi hàng mi rung rung, ngoài ra không tỏ vẻ gì khác cả, và trả lời bằng một giọng thanh thoát sáng ngời, không bợn một chút thẹn thùng xấu hổ:

- Tsôbô đã cứu cháu… nhưng bây giờ cháu muốn học.

- Thế nghĩa là cháu không muốn lấy chồng và đi với hắn ư?

Tôi nhìn một lần nữa vào đôi mắt sáng mở to kia, và muốn hỏi xem cô ta có biết tâm trạng của Tsôbô không, nhưng không hiểu sao, tôi lại thôi không hỏi. Tôi chỉ nói:

- Được, cháu đi ngủ cho yên.

- Thế cháu sẽ không đi ư? cô ta hỏi tôi một cách ngây thơ, vừa hỏi vừa nghiêng đầu về một bên.

- Không, cháu sẽ không đi, cháu sẽ học, tôi trả lời bằng một giọng u uất và quay ra suy nghĩ mà không để ý tới Natasa đã nhẹ nhàng rời khỏi phòng giấy tôi lúc nào nữa.

Tôi gặp Tsôbô sáng hôm sau. Hắn có vẻ là đứng sẵn ở cửa chính toà bạch cung để chờ tôi. Tôi gật đầu ra hiệu cho hắn đi theo tôi lên phòng giấy. Trong khi tôi còn loay hoay với chùm chìa khóa và các ngăn kéo của bàn giấy, thì hắn lặng lẽ nhìn theo tôi, và bỗng thốt lên, như nói một mình:

- Như vậy nghĩa là Natasa sẽ không đi?

Tôi nhìn hắn và tin rằng hắn không còn cảm thấy gì nữa hết, ngoài sự tổn thất của bản thân. Đứng tựa vai vào cánh cửa, Tsôbô nhìn lên góc trên cửa sổ và lẩm bẩm câu gì. Tôi gọi to hắn:

- Tsôbô!

Tsôbô có vẻ không nghe thế tôi gọi. Hắn rời cánh cửa rất khẽ, và không nhìn tôi, bước ra ngoài, lặng lẽ và nhẹ nhàng như một bóng ma.

Tôi để ý theo dõi hắn. Sau bữa ăn, hắn có mặt trong đội đặc biệt đi công tác. Buổi tối, tôi gọi đội trưởng của hắn, Snaiđe:

- Tsôbô thế nào?

- Nó không mở miệng.

- Nó công tác ra sao?

- Tốt, theo lời Nêtsitailô, đội trưởng đội đặc biệt của nó nói.

- Đừng rời mắt theo dõi nó trong vài hô,. Nếu các chú nhận thấy có sự gì, phải lập tức báo cho tôi biết.

- Nhất định thế, chúng cháu biết, Snaiđe nói.

Tsôbô một mực không nói năng gì trong bao nhiêu ngày liền, nhưng hắn vẫn đi công tác và đến phòng ăn. Người ta thấy hắn cố ý tìm cách tránh mặt tôi. Hôm trước ngày lễ, tôi đặc biệt giao cho hắn nhiệm vụ đặt các khẩu hiệu trên khắp

các tòa nhà. Hắn cẩn thận chuẩn bị một cái thang và đến hỏi tôi:

- Xin bác cho phát đinh.

- Bao nhiêu?

Hắn ngước mắt lên trần nhà lẩm nhẩm câu gì đáp:

Cháu cho rằng một căn là đủ.

Tôi kiểm tra công tác của hắn. Hắn căng các khẩu hiệu rất đều, với một sự mải miết cẩn thận, và bình tĩnh bảo bạn hắn đứng trên một cái thang khác:

Không, cao lên… nữa… được rồi. Đóng đinh đi.

Các trại viên thích chuẩn bị các ngày hội và họ ưa hơn hết ngày mồng Một tháng Năm, bởi vì đó là ngày hội mùa

xuân. Song năm nay, ngày mồng Một tháng Năm đến với những điều kiện xấu. Ngay hôm trước, suốt từ sáng, trời cứ chốc chốc lại mưa. Tạnh được nửa giờ rồi lại mưa phùn, như mùa thu, bụi, lăn tăn, vớ vẩn, đến là khó chịu. Đến tối trái lại, sao bắt đầu lấp lánh trên nền trời, chỉ có về phía tây là bị tối vì một vết tím bầm, vết đó ném xuống trại cái bóng đen lầy lụa và hiểm độc của nó. Các trại viên chạy lăng xăng chỗ này chỗ nọ, để làm cho xong những việc linh tinh trước buổi họp: quần áo, thợ cắt tóc, tắm rửa, giặt giũ. Trên bục tam cấp đang ráo nước của tòa bạch cung, các tay trống lấy phấn cọ sáng những bộ phận bằng đồng của thùng trống. Họ là những tay đầu trò trong ngày hội ngày mai.

Các tay trống của chúng tôi không như các tay trống khác. Họ chẳng giống tí nào những anh ngu dốt đáng thương nọ phát ra một tràng những tiếng hỗn độn. Các tay trống của Gorki đâu có phải mất công tôi đi học sáu tháng, nghe các giáo sư trống ở trung đoàn giảng dạy, và hồi đó chỉ có mỗi một mình Ivan Ivanôvich là phản đối:

- Bác có biết không, họ có một phương pháp tệ hại, tệ hại!

Ivan Ivanôvich, mắt trợn trừng ghê tởm, tả cho tôi nghe cái phương pháp ấy, dựa vào những tiếng điệp vận đẹp ra tuồng, trong đó có nào là mẹ ranh, thuốc lào, phô-mát, hắc ín, và duy chỉ có một chữ là không thể nào viết lại ra đây được, nhưng mà chính nó cũng trung

thành phục vụ cho nghệ thuật đánh trống [47]

. Cái phương pháp tệ hại ấy tuy nhiên đã làm trọn rất tốt cái nhiệm vụ giáo dục của nó, và các điệu trống của trại xuất sắc ở chỗ nghe vừa hay vừa ý nhị. Có nhiều điệu: ra đồng báo thức, chào cờ, diễu hành, chiến đấu, mỗi điệu có những hồi dồn dập độc đáo riêng của những tiếng rung, những tiếng nảy nhanh gọn và rõ, một chập tiếng rền lắng và ấm, những tiếng nổ bùng đột ngột, những đoạn tinh nghịch và đỏm dáng như những nhịp điệu khiêu vũ. Các tay trống của trại làm nhiệm vụ của họ giỏi đến nỗi nhiều vị thanh tra của sở Giáo dục, sau khi nghe họ đánh trống, rút cục chính các vị cũng bắt buộc phải thừa nhận rằng họ

chẳng có hề đem du nhập vào trong sự nghiệp giáo dục xã hội một ý thức tư tưởng gì là đặc biệt xa lạ hết.

Đến tối, trong buổi họp các trại viên, chúng tôi kiểm điểm lại việc chuẩn bị cho ngày hội, và chỉ còn có mỗi một chi tiết là chưa thấy được sáng tỏ: ngày mai không biết có mưa hay không. Mọi người đưa đề nghị ra mệnh lệnh: ban trực nhật bắt buộc phải đảm bảo đẹp trời. Tôi nói chắc rằng thế nào trời cũng sẽ mưa; đó cũng là ý kiến của Kalina Ivanôvich, của Xilanti, và của các đồng chí am hiểu về mưa. Song các trại viên phản đối những lo sợ của chúng tôi và kêu lên:

- Cho là mưa nữa, thì đã làm sao?

- Các chú sẽ bị dầm nước.

- Dễ thường người chúng cháu bằng đường đấy hẳn?

Tôi bắt buộc phải đem ra biểu quyết vấn đề: nếu trời mưa từ buổi sáng, thì có đi ra tỉnh không? Có ba bàn tay giơ lên phản đối, trong số đó có tay tôi. Hội nghị phá lên cười đắc thắng, và có chú nào kêu to:

- Chúng mình thắng các vị rồi nhé!

Sau đó tôi nói:

- Bây giờ các chú hãy nghe đây, các chú đã quyết định: chúng ta sẽ đi, dù cho có đá trên trời xuống cũng mặc.

- Được rồi, thì đá cứ việc rơi! Lapô kêu lên.

- Nhưng mà, hãy coi chường, cấm kêu

ca đấy! Lúc này thì các chú làm bộ anh hùng, nhưng ngày mai các chú sẽ cụp đuôi lại, rồi các chú mới kêu ca: Ô, tôi bị ướt, ồ, tôi bị lạnh…

- Thế chúng cháu đã kêu ca bao giờ chứ?

- Thế thì đồng ý, cấm kêu ca!

- Rõ! Cấm kêu ca!

Buổi sáng chào đón chúng tôi với một bầu trời hoàn toàn xám xịt và một cơn mưa nhỏ nham hiểm, bình tĩnh, có lúc dội mạnh lên, tưới ngập mặt đất như từ một cái bình tưới, rồi lại tiếp tục khạc nước đều đều lặng lẽ. Không có hy vọng nắng gì cả.

Ở tòa bạch cung, các trại viên đã sẵn

sàng để xuất phát đến tìm tôi, dò xét cẩn thận nét mặt tôi, song tôi cố tình giữ một bộ mặt sắt đá, rồi không mấy lúc, ở góc này góc nọ, bắt đầy nghe thấy câu nhắc nhở mát mẻ:

- Cấm kêu ca!

Chú cầm cờ, dĩ nhiên đã được phái tới gặp tôi để thăm dò, hỏi:

- Phải đem cờ đi chứ ạ?

- Chứ gì nữa, sao lại không có cờ?

- Nhưng…trời mưa…

- Thế này mà là mưa à? Các chú sẽ để vỏ bọc đi ra cho đến tỉnh.

- Rõ! Vỏ bọc, chú cầm cờ nói, vẻ bình tĩnh.

Đến bảy giờ nổi hiệu kèn tập hợp tất cả. Đoàn trại viên khởi hành đi ra tỉnh đúng giờ đã định. Từ trại ra đến tỉnh xa mười cây số và cứ mỗi cây số đi thêm trời lại mưa thêm. Đến quảng trường, chúng tôi chẳng thấy bóng một ai; rõ rằng là đã có lệnh bãi bỏ cuộc biểu tình. Chúng tôi quay ra về, dưới trời mưa tầm tã, song bây giờ chúng tôi chẳng quan tâm chút này đến điều đó nữa: chẳng ai còn lấy được một sợi chỉ nào trên người là khô cả, và nước trào từ đôi ủng của tôi như một cái xô đầy tràn vậy. Tôi ra lệnh cho đoàn đứng lại và bảo bọn trẻ:

- Trống bị ướt, thì chúng ta sẽ hát. Và hãy để ý, có nhiều hàng không được thẳng và đi không đều nhịp bước; và, ngẩng cao đầu lên!

Bọn trẻ cười ồ. Nước chảy như suối trên mặt chúng.

- Tiến lên đều, bước!

Karabanôp cất tiếng hát:

Ơ này! Anh đánh xe, anh đánh xe,

Đời khổ như chó, cái nghề của anh…

Song những lời đó có vẻ thích hợp với hoàn cảnh lúc bấy giờ quá, khiến chúng được một trận cười phá lên hoan nghênh. Đến lần thứ hai, mọi người cùng hát lại, và bài hát được rong qua các phố vắng, ngập nước mưa trút xuống như suối.

Tsôbô đi bên cạnh tôi ở hàng đầu. Hắn không hát và không để ý thấy trời mưa, mắt ngây dại cố tình nhìn đăm đăm một chỗ nào phía trước đội trống, chẳng

quan tâm gì đến sự chú ý dai dẳng của tôi.

Quá nhà ga, tôi ra lệnh cho đi bước đường trường. Khổ cái rằng chẳng ai còn lấy một điếu thuốc lá khô, hoặc một dúm thuốc to sợi, cho nên ai nấy đều đâm bổ cả tới túi thuốc lá bằng da của tôi. Mọi người vây lấy tôi, kiêu hãnh nhắc nhở tôi rằng:

- Dù sao đi nữa, cũng đã chẳng có ai kêu ca.

- Hãy đợi tới chỗ đường rẽ kia, trời đổ đá xuống, bấy giờ các chú mới nói làm sao?

- Đá, thì đã đành là gay đấy, Lapô nói, song còn có thứ tệ hơn thế, súng liên thanh, chẳng hạn.

Trước khi về đến trại, mọi người sắp lại hàng ngũ, chỉnh đốn hàng cho thẳng và lại cất tiếng hát, mặc dầu bài hát khó lòng đánh át được tiếng mưa rào mỗi lúc một to và những hồi sấm đầu tiên trong năm, một sự bất ngờ dễ chịu, vang rền như để chào đón chúng tôi trở về. Mọi người về trại, đầy kiêu hãnh ngẩng cao, chân dồn theo bước hành tẩu. Cũng như mọi khi, chúng tôi làm lễ chào cờ và nghỉ sau khi làm xong lễ mọi người mới chuẩn bị giải tán để ai chạy về phòng nấy. Tôi kêu lên:

- Ngày mồng Một tháng Năm muôn năm! U-ra!

Bọn trẻ vừa tung lên trời những chiếc mũ cát-két ướt sũng của chúng vừa hô lên như sấm, rồi chẳng đợi hiệu lệnh,

chúng đổ xô vào tôi. Chúng chuyên tay nhau tung tôi lên, làm nước ở đôi ủng của tôi đổ dốc hết cả vào người tôi.

Một tiếng đồng hồ sai, một khẩu hiệu mới được trưng lên ở câu lạc bộ. Trên một miếng vải chúc bâu dài và rộng hết sức chỉ viết vẻn vẹn có mấy chữ:

Cấm kêu ca!

15. NHỮNG NGƯỜI KHÓ CHỊU

Tsôbô tự treo cổ trong đêm hôm mồng ba tháng năm. Đội tuần phòng đánh thức tôi dậy, và chỉ nghe tiếng gõ cửa vào cửa sổ của tôi là tôi đoán được có việc gì rồi. Dưới ánh sáng những ngọn đèn lồng kính, ở bên chuồng ngựa, mọi người đang cố cấp cứu Tsôbô, vừa mới tháo khỏi dây treo xuống xong. Sau nhiều công phu cố gắng, Êkatêrina Grigôriepna và bọn trai đã phục hồi được hơi thở, song Tsôbô không tỉnh lại và đến chiều thì chết. Các y sĩ mời ở trên tỉnh xuống giải thích cho chúng tôi hiểu thể nào cũng không thể cứu sống Tsôbô được: hắn đã treo cổ từ trên ban công chuồng ngựa. Đứng ở trên ban công ấy, hắn tất nhiên đã

chui đầu vào thòng lọng và thít dây vào cổ, rồi cứ thế đâm bổ người xuống phía dưới; các xương sống ở cổ đã bị tổn thương.

Bọn trai biết tin Tsôbô tự tử đều có thái độ dè dặt. Không ai tỏ ra vẻ gì buồn đặc biệt hết, và chỉ có Fêđôrenkô nói:

- Đáng tiếc cho anh chàng côdắc; đáng lẽ thì làm được một tay kỵ binh tốt cho Buđionny.

Nhưng Lapô trả lời hắn:

- Từ Tsôbô đến Buđionny còn là xa; hắn sống là phú nông thì chết cũng là phú nông, vì tham tâm mà chết.

Kôvan nhìn với mộ vẻ khinh bỉ tức giận về phía câu lạc bộ là nơi để quan

tài của Tsôbô; hắn từ chối không tham dự đội nghi vệ và cũng không đi đưa đám:

- Những đứa như Tsôbô, thì chính tay tao sẽ treo cổ chúng lên: ai cần gì nó đến làm vướng cẳng chúng mình với những chuyện bi thảm ngu xuẩn của nó!

Chỉ có bọn con gái là khóc, vậy mà Marutxia Lepisenkô cũng còn đôi khi vừa chùi nước mắt vừa tức giận nói:

- Đấy xem cái đồ ngu, đồ ngốc, hừ, thử nghe nó nói: hãy đi với nó "về ở trên sản nghiệp nhà nó"! Ấy mới là hạnh phúc cho Natasa chứ! Cô ta không đi theo nó thật chi là phải! Những thứ người như kiểu Tsôbô ấy, thì có thiếu giống, ai hoài hơi mà bận lòng vì họ. Tôi chỉ muốn họ cứ treo cổ luôn nữa đi, càng tốt.

Natasa không khóc. Cô ta thấy tôi bước vào phòng ngủ con gái, thì nhìn tôi với một vẻ ngạc nhiên kinh hoàng và hỏi tôi bằng một giọng yếu ớt:

- Bây giờ cháu phải làm gì ạ?

Marutxia trả lời thay tôi:

- Dễ thường cả cô nữa, cô cũng muốn treo cổ lên sao? Cô hãy cảm ơn Trời vì cái thằng ngốc ấy đã biết đường cuốn gói. Không thế thì nói sẽ làm khổ cô suốt đời. Rõ hay chưa kìa: cô ấy tự hỏi mình "phải làm gì"! Hãy lên trường trung học công nông, rồi cô sẽ có thì giờ mà suy nghĩ về việc đó…

Natasa ngước mắt lên nhìn Marutxia giận dữ và tựa người vào cô ta:

- Thế thì, được.

- Từ nay tôi nhận làm người đỡ đầu cho Natasa, Marutxia nói, mắt long lanh nhìn tôi với một vẻ khiêu khích.

Tôi vui đùa cúi mình trước mặt cô ta:

- Rất hoan nghênh, rất hoan nghênh, đồng chí Leptsenkô ạ. Nhưng đồng chí có nhận tôi làm bạn "đồng nghiệp" với không?

- Với một điều kiện duy nhất: không được tự treo cổ! Nếu không, thì bác phải biết là có những người cha đỡ đầu thật vô tích sự. Những chuyện đỡ đầu như vậy chỉ tổ đem lại cho mình những sự phiền nhiễu.

- Rõ! Không được tự treo cổ!

Natasa buông lưng cô bạn thân ra, mỉm cười với những người đỡ đầu mới của mình, đôi má hơi ửng đỏ lên.

- Thôi đi ăn bữa trưa, em bé bỏng tội nghiệp của tôi, Marutxia vui vẻ nói.

Về mặt đó, tôi cảm thấy mình…khá được yên lòng. Buổi chiều, ông dự thẩm và Maria Kônđratiepna đến. Tôi yêu cầu ông thẩm phán đứng thẩm vấn Natasa, và may được cái rằng ông ta cũng là người biết thông cảm. Sau khi viết một tờ biên bản ngắn, ông ta ăn bữa chiều rồi đi. Maria Kônđratiepna ở lại, buồn bã. Đến khuya, khi mọi người đã ngủ cả rồi, bà ta vào phòng giấy tôi với Kalina Ivanôvich và mệt nhọc ngồi xuống ghế đi văng:

- Các trại viên của ông thật tệ quá!

Một người bạn của họ chết, thế mà họ vẫn cười, và cái chú kia, chú Lapô nhà ông, vẫn cứ làm trò khỉ y như cũ.

Hôm sau tôi đưa chân các học viên ra ga. Trong khi đi đường, Vecsơnep bảo tôi:

- Bọn trai kh-không hiểu vấn đề ra thế nào. Một con người đã quyết định chết, như thế có nghĩa là cuộc đời không tốt đẹp. Họ ch-ch-cho là t-t-tại Natasa, nhưng thực ra đâu có phải tại Natasa, đấy là tại cuộc đời nó như thế.

Biêlukhin lắc đầu.

- Không phải thế đâu. Dù sao thì thằng Tsôbô cũng sống không ra sống, nó vốn không phải là một con người, mà là một tên nô lệ. Người ta đã cất đi mất tên chúa

của nó, ấy thế là nó nghĩ ra cô bé Natasa để thay thế vào đấy.

- Các cậu tìm ra lắm nguyên nhân vớ vẩn thế, Xêmiôn Karabanôp nói, tớ thì chả thích vậy đâu. Có một người đã treo cổ, thôi được, gạch tên hắn ta trong sổ đi. Phải nghĩ đến ngày mai. Tớ thì tớ bảo thế này: trại hãy rời khỏi nơi này đi, nếu không thì rồi tất cả mọi người ở trại sẽ tự treo cổ hết cho mà xem.

Trên đường về, mắt tôi suy nghĩ đến vận mệnh của trại. Trước mắt tôi vẽ ra một cuộc khủng hoảng vô cùng rộng lớn đang đe dọa trại: có những giá trị không thể nào chối cãi được, đối với tôi, đang bị nguy cơ tiêu ma vào một cái vực thẳm nào không biết, những giá trị sinh động, đầy sức sống, thật là một kỳ công được

tạo nên do năm năm trời lao động của tập thể chúng tôi, mà dù khiêm tốn, tôi cũng không muốn tự che giấu mình là nó quý giá đặc biệt.

Trong cái tập thể đó, sự mơ hồ của những xu hướng cá nhân không thể nào gây nên sự khủng hoảng. Tất cả những xu hướng cá nhân đều mơ hồ. Một xu hướng cá nhân rõ rệt là như thế nào kia? Ấy là sự phủ nhận tập thể, là sự tập trung biểu hiện của óc tiểu tư sản: mối lo ấy, quá sớm sủa, và quá khô khan, kiếm miếng ăn sau này và kiếm lấy kỹ năng chuyên môn hết sức được ca tụng nọ. Mà kỹ năng chuyên môn gì chứ? Nghề thợ mộc, thợ giày, thợ xay bột. Không, tôi nhất quyết tin rằng, đối với một cậu trai mười sáu tuổi, trong cuộc sống xô-viết của chúng

ta, cái kỹ năng chuyên môn quý báu nhất là cái kỹ năng chuyên môn làm con người và làm kẻ chiến đấu.

Tôi tự hình dung cái sức mạnh của tập thể các trại viên và chợt hiểu vấn đề là như thế nào: thì đúng rồi, làm sao tôi đã mất bao nhiêu thì giờ mới nghĩ ra thế vậy? Mọi sự chỉ là do chúng tôi cứ đứng lì một chỗ. Trong cuộc sống của một tập thể không thể nào để cho có sự đình trệ được.

Tôi vui mừng như một đứa trẻ: sung sướng biết bao! Khoa biện chứng tuyệt diệu và hấp dẫn biết bao! Một tập thể cần lao tự do lập ra không phải là để cứ giẫm chân tại chỗ. Cái quy luật phổ biến rộng khắp của sự phát triển toàn diện ấy đến bây giờ mới biểu lộ những sức mạnh

chân chính của nó. Những hình thức tồn tại của cái tập thể tự do của loài người là sự chuyển động, hình thức tiêu diệt của nó là sự đình trệ.

Tôi vội vã đi về trại, để nhìn vào tận mắt các trại viên và chứng nghiệm lại sự khám phá lớn lao của tôi.

Dưới bậc tam cấp của tòa bạch cung, có hai chiếc xe ngựa thuê, và Lapô đón tôi với tin báo này:

- Có một tiểu ban ở Khackôp đến.

"Ấy thế thì tốt lắm, tôi nghĩ, chúng ta sẽ giải quyết ngay lập tức vấn đề này".

Trong phòng giấy có ba người đang ngồi đợi tôi: Liubôp Xavêliepna Djurinxkaia; một bà khá to béo, mặc một

chiếc áo dài màu đỏ sẫm không lấy gì làm sạch lắm, đã có tuổi nhưng mắt sắc sảo tinh nhanh; và một người đàn ông vẻ rất tầm thường, tóc nửa vàng nửa hung, với một chòm râu chẳng ra râu; đôi kính của ông ta cưỡi xiêu vẹo trên sống mũi và ông cứ luôn luôn đặt lại nó cho chỉnh với bàn tay không phải cầm chiếc cặp.

Liubôp Xavêliepna miễn cưỡng mỉm cười ra vẻ niềm nở để giới thiệu tôi với hai người kia:

- A, đồng chí Makarenkô đây rồi! Xin giới thiệu: bà Vacvara Victôrôpna Brêgen, ông Xecgây Vatxiliêvich Tsaikin.

Bà Vacvara Victôrôpna Brêgen là cấp trên cao nhất của tôi, thì không có lý do

gì mà không tiếp bà ở trại, nhưng sao lại phải tiếp Tsaikin? Tôi đã có nghe nói đến ông ta: một giáo sư về khoa sư phạm, ông ta có làm giám đốc một trại nhi đồng nào không nhỉ? Brêgen nói:

- Chúng tôi chủ ý đến đây, để kiểm nghiệm phương pháp của ông.

- Tôi cực lực phản đối, tôi nói, tôi chẳng có một phương pháp riêng nào cả.

- Thế ông theo phương pháp nào?

- Phương pháp xô-viết thông thường.

Brêgen mỉm cười nanh ác:

- Xô-viết có lẽ chăng, nhưng dù sao cũng chẳng phải là thông thường. Tuy nhiên cũng cứ phải kiểm nghiệm.

Thế là bắt đầu một cuộc nói chuyện,

thuộc vào loại những cuộc nói chuyện khó chịu nhất, trong đó người ta chơi chữ với nhau, ai nấy đều nhất định tin rằng thuật ngữ quyết định hiện thực. Tôi bèn nói:

- Tôi sẽ không tiếp tục nói chuyện theo kiểu này đâu. Nếu các vị thấy là nên, thì tôi xin làm một cuộc báo cáo để các vị nghe, nhưng tôi xin nói trước rằng sẽ phải mất ba tiếng đồng hồ chứ không kém.

Brêgen đồng ý. Chúng tôi an tọa ngay trong phòng giấy, đóng kín cửa lại và tôi bắt đầu làm cái công việc nặng nhọc này: diễn tả ra bằng lời nói những ấn tượng, suy nghĩ, hoài nghi và thí nghiệm đã dồn chứa trong người tôi trải qua năm năm trời. Áng chừng là tôi nói hùng hồn và

tìm được những từ ngữ đúng để diễn đạt những khái niệm vô cùng tinh tế; áng chừng dùng con dao chích của phân tích với một sự táo bạo thận trọng, tôi đã phát hiện ra được những vùng bí mật cho tới bấy giờ, những triển vọng tương lai và những khó khăn của ngày mai. Dù sao tôi cũng đã chân thực cho đến cùng; không có thành kiến nào mà tôi tha đả kích và tôi không e ngại tỏ ra rằng về nhiều điểm tôi thấy "lý luận" thật là đáng thương hại và xa lạ đối với tôi tới mức nào.

Đjurinxkaia lắng nghe tôi với một gương mặt hớn hở và nhiệt tình, Brêgen giữ nguyên bộ mặt nạ còn Tsaikin thì tôi ít quan tâm đến.

Khi tôi nói xong, Brêgen gõ lên bàn với những ngón tay múp míp và nói bằng

giọng khó lòng đoán nổi bà ta nói thật hay là chế giễu:

- Vậy đó... tôi sẽ nói thẳng là: thú vị lắm, thú vị lắm. Có phải không, ông Xecgây Vatxiliêvich?

Tsaikin gắng chỉnh đốn lại đôi kính, vục đầu vào quyển sổ tay, rồi rất lễ độ, theo đúng cung cách một nhà bác học, với đủ mọi thứ màu mè lịch sự và một vẻ mặt kính nể giả dối, đọc lên bài diễn văn này:

-Tất cả những cái đó là rất tốt, tất nhiên; cái gì cũng phải làm cho sáng tỏ... đã đành thế... nhưng tôi không khỏi, ngay cho đến lúc này, còn giữ những hoài nghi về một vài cái... định lý của ông, nếu có thể nói như vậy được, mà ông đã vui

lòng trình bày với chúng tôi bằng một lửa nhiệt tình, tôi muốn nói, nó dĩ nhiên chứng tỏ sự tin tưởng sâu sắc của ông. Được rồi. Nhưng có mọt điều, chẳng hạn, mà chúng tôi đã biết, và ông thì hình như đã bỏ qua không nói tới. Ở đây, ở trại của ông, có một thứ cạnh tranh, là nói như thế, được tổ chức giữa các trẻ nuôi: đứa nào làm nhiều nhất sẽ được khen lao, đứa nào làm kém thì bị mắng mỏ. Ở trại của ông đã có một sự cạnh tranh như vậy để cày một thửa ruộng, có phải thế không? Ông đã không nói tới chuyện đó, vì sơ ý, có lẽ thế. Đó là điều mà tôi muốn xin ông cho tôi được rõ: ông có biết rằng chúng tôi coi sự cạnh tranh là một phương pháp hoàn toàn tư sản, bởi vì nó đem những quan hệ gián

tiếp mà thay thế vào, những quan hệ trực tiếp với sự vật chăng? Đó là điểm thứ nhất. Và đây là điểm thứ hai: ông phát tiền tiêu vặt cho các trẻ nuôi trong các ngày hội, có phải không? và không phải phát quân bình cho tất cả, mà là theo tỉ lệ, ta hãy tạm nói thế, với công lao của chúng, ông có mường tượng thấy rằng ông thay cái kích thích nội tại bằng một kích thích ngoại giới, ngoài ra nó lại còn hoàn toàn là vật chất nữa không? Sau nữa: đến những sự trừng phạt, theo như lời ông nói. Tất ông phải biết rằng những sự trừng phạt giáo dục những kẻ nô lệ, mà chúng ta thì cần phải có một cá tính tự do, mà các hành động được quyết định không phải do sự sợ roi vọt hoặc bất cứ một phương tiện ảnh hưởng nào khác, mà

do những kích thích nội tại và ý thức chính trị tự giác của bản thân...

Ông ta còn nói nhiều điều nữa, cái ông Tsaikin ấy. Tôi nhớ lại cái truyện ngắn của Tsêkhôp, trong đó ông mô tả một cuộc giết người bằng chiếc bàn [48] thấm : rồi tôi thấy rằng không cần phải giết Tsaikin, nhưng chỉ nên quất cho ông ta một trận, chẳng phải dùng đến roi song hoặc một dụng cụ tra tấn thời xưa nào như roi da cua người Côdắc, mà dùng ngay cái thắt lưng da thường của người công nhân thắt quần thôi. Đứng về mặt lý luận mà nói, thì điều đó kể cũng đúng.

Brêgen ngắt lời Tsaikin, hỏi tôi:

- Ông mỉm cười vì điều gì thế? Những lời của đồng chí Tsaikin nói có lẽ là buồn cười chăng?

- Ồ, không, tôi đáp, không buồn cười.

- Nhưng mà buồn, có phải không? bà ta nói, và chính bà sau cùng cũng mỉm cười.

- Không, sao lại thế, cũng không phải vậy nốt. Bình thường như mọi khi thôi.

Brêgen chăm chú nhìn tôi, rồi vừa thở dài một cái vừa vui đùa nói:

- Quãng thời khắc ông ngồi với chúng tôi đây thật là khó chịu, có phải không?

- Không sao, tôi đã quen với những người khó chịu. Ở trại tôi đây cũng có, còn khó chịu gấp mấy.

Brêgen bỗng phá lên cười.

- Bao giờ đồng chí cũng hay đùa, đồng chí Makarenkô ạ, bà ta nói, khi đã ngớt cười. Nhưng đồng chí cũng trả lời một cái gì cho ông Xecgây Vatxiliêvich chứ?

Tôi nhìn bà Brêgen với một cái nhìn cảm động và nài nỉ:

- Tôi nghĩ rằng Ủy ban Khoa học Sư phạm cũng nên nghiên cứu những vấn đề ấy nữa thì tốt. Ở ngoài đó các vị ấy sẽ chẳng thu xếp mọi chuyện cho được thích đáng sao? Chúng ta hãy đi ăn thi hơn.

- Thôi thế cũng được, Brêgen nói, nét mặt thoáng có vẻ dỗi. Nhưng mà này, ông hãy cho tôi biết, còn cái chuyện này là thế nào: ông đã đuổi Ôpriskô đi phải không?

- Vì tôi say rượu.

- Bây giờ nó ở đâu? Dĩ nhiên ở ngoài đường chứ gì?

- Không, nó sống ngay gần đây, ở nhà một lão kulắc.

- Thế nghĩa là, nói tóm lại, ông đã đặt nó cho người ta nuôi bảo trợ phải không?

- Cũng đại khái như thế, tôi mỉm cười trả lời.

- Nó sống ở đấy à, ông có chắc không?

- Vâng, tôi biết chắc chắn: nó ở nhà một lão kulắc bên đó, tên là Lukasenkô. Lão già trung hậu ấy đã nuôi "bảo trợ" ở nhà lão hai đứa trẻ vô thừa nhận rồi.

- Thôi được, chúng tôi sẽ điều tra.

- Xin mời các vị cứ điều tra.

Chúng tôi đi ăn bữa sáng. Sau đó Brêgen và Tsaikin muốn thực mục sở thị xem cho rõ một điều gì đó, và tôi ngỏ ý với bà Liubôp Xavêliepna:

- Thưa Ủy ban Nhân dân giáo dục kính mến và hòa nhã! Chúng tôi ở chật chội quá, mà đã làm đủ mọi chuyện rồi. Chỉ sáu tháng nữa là ở đây chúng tôi đến hóa điên hết. Xin các vị hãy cho chúng tôi một nơi nào lớn hơn, cho chúng tôi được say sưa với công tác. Cái gì các vị cũng có sẵn cả, thừa thãi ra đấy! Chứ đâu các vị chỉ có toàn những nguyên tắc mà thôi!

Liubôp Xavêliepna bật cười và nói:

- Tôi hiểu ông lắm. Cái đó cũng có thể được đấy. Ông cứ đến, chúng tôi sẽ nói

chuyện chi tiết nhé... Nhưng mà này, hãy khoan, ông chỉ nghĩ đến lương lai. Cuộc kiểm tra này làm ông bực mình lắm phải không?

- Ồ, không, xin các vị cứ kiểm tra. Không làm như vậy thì còn làm thế nào khác được?

- Còn những điều kết luận: tất cả những câu hỏi nọ của Tsaikin không làm ông lo ngại ư?

- Tại sao lại lo ngại? Có phải Ủy ban Khoa học Sư phạm sẽ nghiên cứu các vấn đề ấy không? Thì để cho nó khổ sở mệt óc, còn tôi thì chẳng việc gì mà phiền...

Đến tối, trước khi đi ngủ, bà Brêgen nói cho tôi biết cảm tưởng của bà ta:

- Ông có một cái tập thể tuyệt diệu. Nhưng mặc dầu vậy, những phương pháp của ông cũng gớm ghiếc lắm.

Tôi mừng thầm trong bụng: còn là may mà bà ta không biết tí gì về việc những tay trống của trại đã học đánh trống thế nào.

- Chúc ông ngủ ngon, bà Brêgen nói, và nói để ông biết rằng không ai nghĩ đến chuyện buộc tội gì ông về cái chết của Tsôbô đâu.

Tôi nghiêng mình thi lễ với một lòng biết ơn sâu sắc.

16. XỨ SỞ CỦA NHỮNG NGƯỜI ZAPÔRÔGƠ

Mùa hè lại trở về một lần nữa. Các đội đặc biệt lại ngày ngày ra đồng khi mặt trời vừa ló; các đội đặc biệt bốn, vẫn do Burun chỉ huy và vẫn giữ cờ thi đua luân chuyển, lại ra sức làm việc gấp rút.

Các học viên trường trung học công nông trở về trại vào giữa tháng sáu. Ngoài sự thắng lợi của họ được lên năm thứ hai tất cả, họ còn đem theo về hai trại viên mới nữa: Ôxana và Rasen. Vì là thành viên của trại, hai cô không còn đường nào khác mà lựa chọn nữa: các cô nhất định phải về trại. Cũng về theo cả cái cô bé ở Tsecnigôp, có đôi mắt với

cặp lông mày đen nhánh tuyệt vời. Cô ta tên là Galia Pôtgornaia. Xêmiôn Karabanôp đưa cô ta ra hội nghị toàn trại, chỉ vào cô ta trước tất cả mọi người và nói:

- Zađôrôp viết thư về trại, nói rằng tôi mê cái có bé xinh xinh này ở Tsecnigôp. Xin lấy danh dự thanh niên Kômxômôn thưa rằng chẳng làm gì có chuyện ấy. Nhưng điều quan trọng, là Galia Pôtgornaia không có đất, như người ta nói, để mà về đó nghỉ hè. Vậy xin các đồng chí trại viên hãy xét xử chúng tôi, xem ai là phải, và nếu có trái, thì ai là trái.

Xêmiôn ngồi trên mặt đất: cuộc họp ở ngay trong vườn của trại.

Cô bé Tsecnigôp ngạc nhiên nhìn cái xã hội chứng tôi, toàn là những người đi đất, cánh tay trần và có cậu lại đề hở cả bụng. Mím môi và nháy mắt, vừa chớp cặp mí mắt to tướng không có lông mi, Lapô vừa nói với một giọng khàn khàn:

- Này, thế yêu cầu đồng chí ở Tsecnigôp... à phải... Thế nào nhỉ...

Cô bé ở Tsecnigôp và cả cử tọa lắng tai nghe.

- ...Phải, cô có biết kinh "Lạy Cha [49] chúng tôi" không?

Cô ta mỉm cười, bối rối, đỏ mặt lên và rút rát trả lời:

- Tôi không biết... .

- A ha! Cô không biết à? Lapô mím môi lại và lại càng chớp mí mắt lia lịa. [50]

Thế "Kinh tin kính" cô có biết không?

- Không, tôi không biết.

- Được. Thế cô bơi qua sông Đniep được chứ?

Cô bé ở Tsecnigôp thẹn thùng hết nhìn bên nọ lại nhìn bên kia:

- Biết nói với các anh thế nào đây? Tôi bơi khá, tôi tưởng rằng tôi có thể bơi qua được...

Lapô ngoảnh lại phía cử tọa với vẻ mặt mà người ta thường thấy ở những người ngu độn khi họ hết sức cố gắng suy

nghĩ: phồng má lên, mắt chấp chới, giơ ngón tay cái, và hếch hếch cái mũi, tất cả những điệu bộ ấy tuyệt nhiên không có bóng dáng một nét cười.

- Ấy thế đấy, chúng ta có thể nói là: kinh "Lạy Cha chúng tôi" cô ấy chẳng rõ, kinh "Kinh tin kính" cũng chẳng biết một chữ cóc khô nào, nhưng mà cô ấy sẽ bơi qua sông Đniep. Mà không biết chừng cô ấy sẽ không bơi qua sông được chăng?

- Được, cô ấy sẽ bơi qua đấy! cử tọa kêu lên.

- Tốt, mà nếu không có sông Đniep, thì cô ấy sẽ bơi qua sông Kôlômak.

- Cô ấy sẽ bơi qua sông Kôlômak! bọn trai vừa cười vừa kêu lên.

- Như vậy thì cô ấy xứng đáng được vào trại những kỵ sĩ Zapôrôgơ chúng ta đây chứ?

- Phải cô ấy xứng đáng!

[51]

- Vào lều nào?

[52]

- Vào lều năm .

- Nếu vậy, hãy đổ cát lên đầu cô [53]

ta và dẫn cô ta về lều của cô ta đi.

- Sao cậu lại nói lẫn thế? Karabanôp kêu lên. Người ta chỉ đổ cát lên đầu các vị ataman thôi chứ.

- Này chú côdắc, Lapô hỏi Xêmiôn,

chủ hãy nói, chú thử xem cuộc đời có tiến triển hay không tiến triển?

- Nó có tiến triển, thế thì sao?

- Thế thì, trước kia người ta chỉ làm thế đối với các vị ataman thôi, và bây giờ người ta làm thế đối với tất cả mọi người.

- A ha, Karabanôp nói, đúng đấy!

Chúng tôi nảy ra ý kiến di cư đến vùng Zapôrôgơ sau khi nhận được một bức thư của bà Djurinxkaia, trong đó bà ta nói cho biết có những tin mơ hồ về việc dự định thành lập một trại nhi đồng lớn ở đảo Khortitza, mà Ủy ban giáo dục có lẽ sẽ vui lòng giao cho trai Gorki nhiệm vụ làm nòng cốt tổ chức.

Việc nghiên cứu chi tiết cái dự án ấy chưa bắt đầu. Trả lời những câu hỏi của tôi, bà Djurinxkaia bảo không nên mong đợi rằng quyết định tối hậu có thể ra được sớm, vì mọi chuyện đều liên quan đến dự án về trại thủy điện trên sông Đniep.

Chúng tôi không biết rõ ở Khackôp người ta đang trù tính những gì, nhưng ở trại thì ai nấy đều xôn xao hết sức. Khó mà nói được các trại viên mơ ước cái chi: sông Đniep, hòn đảo, các cánh đồng rộng lớn, hay một nhà máy nào. Có nhiều chú say sưa mơ tưởng trại sẽ có riêng một chiếc tàu thủy. Lapô chòng ghẹo bọn con gái, bảo họ rằng theo những phong tục cổ xưa cua người côdắc, thì bọn họ không được phép đặt chân lên đảo và sẽ

phải xây cho họ một cái nhà thế nào đó ở trên bờ sông Đniep.

- Nhưng cũng không hề gì đâu, hắn an ủi họ, chúng tôi sẽ đến thăm các cô, còn chúng tôi thì sẽ treo mình ở trên đảo, như thế, các cô sẽ được yên ổn hơn.

Các học viên của trại cũng chia sẻ những mơ ước thú vị được thừa hưởng đảo Zapôrôjiê và đều vui vẻ góp phần thỏa mãn cái nhu cầu chơi nghịch của tính trẻ vẫn chưa dập tắt ở trong người họ ấy. Cả trại đều cười đến chảy nước mắt, suốt cả hàng buổi tối, trong khi xem làm trò đại quy mô bắt chước cuộc sống Zapôrôgơ ở ngoài sân. Để chơi trò ấy, số đông trại viên đều nghiên cứu "Taraxơ

[54]

Bunba" . Tài bắt chước của bọn trai về mặt đó thật là vô cùng vô tận. Khi thì là Karabanôp xuất hiện, mặc một cái quần làm bằng một tấm màn sân khấu, và diễn thuyết tràng giang đại hải về cách may một cái quần như thế, cứ theo lời hắn thì phải tốn đến một trăm hai mươi

[55]

ôn vải. Khi thì ở giữa sân biểu diễn diễn cuộc hành hình kinh khủng một người Zapôrôgơ bị cả tập đoàn xã hội tố cáo là ăn cắp. Về việc này, họ đặc biệt cố ý tôn trọng toàn vẹn cái chi tiết truyền kỳ này: hành hình phải dùng gậy khoằm, nhưng chỉ người nào trước hết uống cạn một "bình rượu tăm" đã mới có quyền được đánh một gậy. Không có rượu tăm,

người ta bèn mang ra cho các trại viên sắp hành hình một bình nước khổng lồ, mà ngay đến những tay uống giỏi bậc nhất cũng không tài nào uống cạn nổi. Hay là, đội đặc biệt bốn, khi đi công tác, [56]

đem đến trình Burun cái chùy chiến [57]

và cái cờ tiết . Chùy chiến thì làm bằng một quả bí và cờ tiết bằng vỏ cây gai nhưng Burun bắt buộc phải kính cẩn tiếp nhận những "biểu chương" ấy bằng cách hướng về bốn phương trời mà cúi mình làm lễ.

Mùa hè qua đi như vậy, nhưng dự án Zapôrôgơ vẫn cứ nguyên là dự án và bọn trẻ đã bắt đầu chán trò chơi. Sang tháng

tám, các học viên lại lên trường trung học công nông; đem đi theo một nhóm trại viên mới. Ít ra cũng là năm đội trưởng bị cất khỏi hàng ngũ chiến đấu của họ, và vết thương đẫm máu nhất giáng vào đội hai bị cụt đầu: cả đến Antôn Bratsenkô cũng đi, người bạn gần gũi nhất của tôi và là một trong những người sáng lập trại Maxim Gorki. Cũng đi nốt Ôtxatsi, là người mà tôi đã cống hiến cho cả một phần lớn cuộc đời tôi. Xưa kia hắn là kẻ cướp thật đấy, nhưng bây giờ hắn đi lên Viện Kỹ thuật ở Khackôp, nghiễm nhiên là một thanh niên bảnh trai, cao lớn, khỏe mạnh, thái độ từ tốn, tràn đầy một lòng dũng cảm và một sức lực chỉ riêng hắn có. Kôvan nói về hắn:

- Ôtxatsi là một thanh niên Kômxômôn cừ tuyệt! Phải chia tay với một thanh niên Kômxômôn như thế thật là tiếc quá!

Đúng như thế: trong hai năm Ôtxatsi đã mang trên vai cái trọng trách vô cùng phức tạp làm đội trưởng đội nhà mày xay gió, với trăm nghìn mối lo toan và những chuyện rắc rối liên miên không dứt với các nông dân và những ủy ban bần nông.

Gêorghiepxki, con ông tổng trấn Irkutxk, cũng rời bỏ chúng tôi, mà chưa rửa sạch được cái vết tì ố đáng xấu hổ ấy, mặc dầu bản điều tra lý lịch chính thức của hắn đã ghi rằng: "Không biết bố mẹ là ai".

Và lại Snaiđe, đội trưởng đội tám vinh quang, và cả đội trưởng đội năm nữa,

Marutxia Leptsenkô.

Chúng tôi đi đưa chân họ ra ga và người ta chợt nhận thấy cái tập thể các trại viên Gorki đã trẻ ra tới mức nào. Ngay đến ở phiên họp hội đồng đội trưởng cũng đã thấy ngồi chĩnh chện các chú nhãi con xưa kia, vừa mới được lên chức: ở đội hai là Vichia Bôgôiaplenxki, ở đội ba Sarôpxki Kôxchia, thay Ôpriskô, ở đội năm Natasa Pêtrenkô, ở đội chín Michia Jêvêli, và chỉ ở đội tám, chú Fêđôrenkô to xác mãi đến bây giờ mới được nhận lon đội trưởng. Gêorghiepxki đã trao lại cho Tôxka Xôlôviep đội trẻ nhỏ mà hắn đã chỉ huy suốt ba năm.

Người ta lại chôn những củ cải cho súc vật ăn và khoai tây, người ta lại lấy

rơm trét khe cửa các chuồng ngựa, lại sàng sảy sạch và để dành hạt giống cho mùa xuân và lần này không cạnh tranh gi cả, các đội một và đội hai bắt tay vào việc cày đất mùa thu. Mãi tới lúc ấy chúng tôi mới nhận được tin ở Khackôp đề nghị chúng tôi đi thăm thú điền trang Pôpôp ở khu Zapôrôjiê.

Một khi hội nghị toàn thể các trại viên đã nghe tôi báo tin và tờ công văn của Ủy ban giáo dục đã được truyền qua tay hết thảy mọi người rồi, ai nấy mới cảm thấy rằng đây là một việc nghiêm túc. Vì thực ra chúng tôi còn có ở trong tay một tờ công văn khác nữa của Ủy ban viết cho Ban chấp hành khu, yêu cầu giao điền trang ấy cho trại chúng tôi.

Bấy giờ chúng tôi coi những tờ công

văn kia như chứa đựng cái giải pháp quyết định: chúng tôi chí còn có việc thở khoan khoái nhẹ nhõm, quên hết những câu chuyện bàn bạc liên miên vô tận về các điền trang mơ hồ khác, những trại nhi đồng thất bại, những tu viện còn sống ngắc ngoải, những dinh cơ của bọn quý tộc ở nông thôn phải phục hồi, đánh chìm vào quên lãng câu chuyện thần thoại về đảo Khortitza, để thu xếp hành trang và ra đi thôi.

Tôi ra đi với Michia Jêvêli, được toàn thể hội nghị bầu, để thăm và tiếp nhận điền trang Pôpôp. Michia đã mười lăm tuổi. Đứng trong hàng ngũ, đã từ lâu hắn vượt hết các trẻ khác cả cái đầu; đã từ lâu hắn cũng vượt những thử thách phức tạp của cái nghề làm đội trưởng đội

đặc biệt và được kết nạp vào đoàn thanh niên Kômxômôn từ một năm nay, hắn vừa mới được bổ nhiệm rất xứng đáng làm đội trưởng đội chín. Michia đại diện cho lớp trại viên Gorki mới: mới mười lăm tuổi, với một tấm thân mềm dẻo như một cái lò xo, hắn đã có được một vốn kinh nghiệm thực tế dồi dào, có những tài năng tổ chức rất hay, và đã thấm nhuần được nhiều phong cách của những anh em cũ thuộc thế hệ anh hùng của trại. Ngay từ đầu Michia đã là bạn chí thân của Karabanôp, mà hình như hắn đã thừa kế cái nhìn nảy lửa với dáng đi cương quyết và đẹp mắt: nhưng hắn cũng khác Xêmiôn, dù chỉ ở một điểm này: mới mười lăm tuổi Michia đã học tới ban thứ năm.

Hai chúng tôi ra đi vào một ngày sáng sủa cuối tháng một mà trời giá băng nhưng không có tuyết, và chỉ trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ chúng tôi đã tới Zapôrôjiê. Chúng tôi còn khá là trẻ thơ nên đã tưởng tượng rằng cái kỷ nguyên mới đầy hạnh phúc của trại Gorki đại khái phải mở ra như thế này: ông chủ tịch của Ban chấp hành Khu, một con người có bộ mặt cách mạng rất dễ ưa, hớn hở khi thấy chúng tôi, niềm nở tiếp đón chúng tôi và nói:

- Điền trang Pôpôp à? Giao cho trại Gorki chứ gì! Ồ, tất nhiên là tôi biết rồi! Xin mời, xin mời các đồng chí! Công lệnh của các đồng chí đây. Các đồng chí đi và tiếp quản lấy mà ở.

Chúng tôi chỉ còn có việc hỏi thăm

đường đi rồi bay cho mau về trại, với câu mời này:

- Thôi, mau mau, lên đường!

Điền trang Pôpôp hẳn phải làm cho chúng tôi ưng ý, điều đó thì chúng tôi không còn nghi ngờ gì nữa. Một người đàn bà khắt khe như bà Brêgen, ở Ủy ban Giáo dục, khi Michia và tôi đến thăm bà ta ở Khackôp, đã phải bảo chúng tôi:

- Điền trang Pôpôp à? Đúng là cái đang cần cho Makarenkô! Cái lão Pôpôp ấy cũng hơi độc đáo đấy, hắn đã xây dựng ở ngoài ấy một cái... thôi, để các anh đi xem sẽ biết! Một điền trang đẹp, sẽ làm cho các anh ưng ý đấy!

Bà Djurinxkaia cũng nói như vậy;

- Nơi ấy giàu đẹp và thích thú lắm! Nó được đặc biệt tạo nên để dùng cho một trại nhi đồng.

Và bà Maria Kônđratiepna đã bảo:

- Điền trang ấy thú vị tuyệt!

Chỉ một điều nó được hết thảy mọi người biết đến cũng đã có nhiều ý nghĩa lắm rồi, vì thế cho nên Michia và tôi, chúng tôi tự cảm thấy tin ở định mệnh: số phận đã dành riêng nó cho chúng tôi, những trại viên của trại Gorki.

Nhưng trong tất cả những điều chúng tôi mong đợi, chỉ có mỗi một điều là đúng sự thực: bộ mặt của ông Chủ tịch Ban chấp hành quả thật là cách mạng và dễ thương. Còn tất cả các điều khác, và trước hết là những lời ông ta nói, thì

không giống như chúng tôi dự đoán.

Sau khi đọc tờ công văn của Ủy bao giáo dục, ông chủ tịch nói:

- Ở, nhưng mà ở đấy có một công xã nông dân! Thế còn trại Gorki, là cái gì vậy?

Ông ta ngắm nghía thẳng thắn cả hai chúng tôi, và hình như ông ưa Michia hơn tôi, vì vẻ thận trọng đọc thấy trong đôi mắt đen của chú ta khiến ông mỉm cười, và ông hỏi:

- Thế ra là những chú oắt như chú này sẽ làm chủ nhân ông ở ngoài đó à?

Michia đỏ bừng hẳn mặt lên và trở thành thô lỗ:

- Vậy ông tưởng chúng tôi chỉ là một

bầy oắt con, vô tích sự đấy hắn? Chắc chắn là chúng tôi sẽ làm những chủ nhân ông không tồi hơn những dân quê của ông đâu.

Nói xong, Michia lại càng đỏ mặt dữ và ông chủ tịch càng mỉm cười già, rồi ông thành khẩn nhận rằng:

- Có phải các chú gọi các nông dân là "dân quê" như thế phải không? Quả thực là họ khai khẩn kém. Nhưng có điều là ở ngoài ấy có một nghìn rưỡi éc-ta. Việc này vượt quá thẩm quyền của Ban chấp hành Khu. Các đồng chí sẽ phải tranh đấu ở Ủy ban Nông nghiệp đấy.

Michia cau đôi lông mày nghi ngờ về phía ông chủ tịch:

- Ông vừa việc này vượt quá... cái gì

cơ, cái gì... giành quyền à? Là như thế nào?

- Thế đấy tôi hiểu cách nói của các chú hơn là các chú hiểu cách nói của tôi... thôi được, rồi ông giám đốc của các chú sẽ giảng cho các chú hiểu thẩm quyền là cái gì. Còn bây giờ tôi làm gì cho các đồng chí được nhỉ? Tôi sẽ cấp cho các đồng chí một chiếc xe, các đồng chí đi mà xem. À này, đến đấy, các đồng chí hãy nói chuyện tại chỗ với công xã. Có lẽ hai bên sẽ thỏa thuận được với nhau. Song việc vẫn cứ phải được quyết định ở Khackôp, tại Ủy ban Nông nghiệp.

Ông chủ tịch tươi cười bắt tay Michia:

- Nếu tất cả các chú oắt của ông đều như thế này thì tôi sẽ ủng hộ các đồng chí.

Michia và tôi đến thăm điền trang Pôpôp. Vẻ đẹp của nó khiến chúng tôi mê hồn.

Ở ven bờ Nội cỏ Lớn nổi tiếng, chỗ hình như xưa kia ngôi nhà của Taraxơ Bunba được dựng nên, ở cái góc hình thành bởi hai con sông Đniep và Kara Tsêkrak, có một dãy đồi dài đột ngột nổi lên trong thảo nguyên. Giữa những ngọn đồi ấy, sông Kara Tsêkrak chạy thẳng băng ra sông Đniep như một mũi tên, giống một con sông đào nhiều hơn là một dòng sông nhỏ, và trên bờ cao của nó, cảnh sắc thật là ngoạn mục. Những tường thành cao, bờ thành xẻ hình răng chứa lỗ

bắn súng và sau thành là cả một đống lộn xộn những lâu đài trà trộn những mái nhà nhọn và khum tròn, trong tháp còn chuyển động những con quay gió, song các cửa sổ đều mở toang hoác như bao nhiêu lỗ hổng đen ngòm và trống rỗng, tương phản nặng nề với nét linh hoạt bay bướm của một công trình tạo tác phóng túng theo [59]

lối morơ ảrập.

Vượt qua cái cổng, dưới chân một ngọn tháp hai tầng trổ thủng, xe chúng tôi vào một cái sân rộng mông mênh lát đá vuông. Giữa các kẽ đá, lởm chởm mọc lên một cách trơ tráo buồn bã những thân cỏ dại ukren, khô cằn và run rẩy vì băng giá. Bò, lợn và dê đã làm cho sân đầy ngập ngụa những thứ quái quỷ gì chả

biết.

Chúng tôi bước vào tòa lâu đài thứ nhất. Ở đấy chẳng còn lại cái gì hết thảy, trừ phi là những luồng gió nặng mùi vôi và, nằm lê trên đống rác, một pho tượng

[60]

Vệ-nữ đảo Milô bằng thạch cao, mà ngoài cánh tay ra còn thiếu cả hai chân nữa. Trong các lâu đài khác, cũng cao và đẹp như thế, ảnh hưởng của cách mạng cũng được cảm thấy mạnh mẽ như vậy. Với con mắt thành thạo của người khôi phục, tôi tính toán các phí tổn tu sửa. Chẳng có gì đáng ghê sợ cả: cửa sổ, cửa thông, làm lại sàn, trát lại tường. Có thể miễn phục hồi tượng Vệ-nữ đảo Milô; cầu thang, trần nhà, lò sưởi, các thứ đều còn nguyên vẹn.

Michia ít phàm tục hơn tôi. Chẳng có sự phá hoại nào dập tắt được nhiệt tình mỹ cảm của hắn. Hắn đi lang thang qua các phòng, các ngọn tháp, hành lang, sân lớn và sân con, kêu lên:

- Ồ, trời đất ơi! Này, bác trông kìa! Tuyệt thật, chứ không phải nói! Một nơi đẹp quá sức, có phải không bác Antôn Xêmiênôvich? Phải biết, bọn trai tha hồ mà khoái chí! Tuyệt thật, chứ không phải nói, tuyệt thật! Liệu có thể chứa bao nhiêu trẻ ở trong này nhỉ? Có lẽ đến một nghìn đấy!

Theo tôi dự tính, thì có đủ chỗ cho tám trăm.

- Và liệu ta có kham nổi không? Tám trăm, mà lại còn là những của ở ngoài

đường phố đưa đến. Tất cả các đội trưởng của ta thì đi lên trường trung học công nông cả...

Liệu có kham nổi hay không, thì chúng tôi chưa có thì giờ nghĩ đến. Chúng tôi nhìn xa hơn. Trại của công xã đặt trong một cái sân đen xạm, và việc quản lý hết sức cẩu thả. Chuồng ngựa, dài vô kể, chỉ là một chuồng phân, và trên các đống hôi thối ấy những con ngựa xấu cổ điển đứng giơ xương ra như những chiếc đũa, mông bẩn thỉu, nhiều con đã trụi lông, và tất cả đều đã từ lâu không được săn sóc, ổ rơm cũng không có. Gió lùa tứ phía, qua các lỗ thủng của cái chuồng lợn rộng bát ngát. Ít lợn, mà toàn là lợn chẳng ra hồn. Trên các mô đất băng giá ở ngoài sân, dựng lên hay để ngổn ngang trên mặt đất,

chơ vơ không ai nhòm ngó đến, nào xe tải, nào máy gieo hạt, nào bánh xe, nào các bộ phận tháo rời và bao trùm lên tất cả như một lớp sơn dầu, là một lỗi cô tịch man rợ và tê liệt. Chỉ có ở chuồng lợn là thấy một ông lão nhỏ bé khẳng khiu, hất chòm râu bẩn về phía chúng tôi mà bảo:

- Nếu có phải là các người tìm phòng giấy, thì đi vào kia kìa, trong cái nhà lúp xúp đó.

- Thế lợn của cụ đâu? Michia hỏi.

- Anh bảo sao cơ?... Hà, hà!... lợn ở đâu ấy à?

Ông già vừa giậm chân tại chỗ vừa đưa những ngón tay trong bóng lên ria mép, rồi nhìn về phía các ngăn chuồng.

Rõ ràng là câu hỏi của Michia có một tính cách ngoại giao quá cao đối với ông. Nhưng ông mạnh dạn vung tay lên, quả quyết:

- Đây này... họ ăn cả rồi, lợn của họ ấy, họ ăn cả rồi, những quân đểu thế!

- Ai kia?

- Còn ai vào đấy nữa? Những người của chúng tôi, họ ăn cả lợn rồi... công xã ấy mà lị... .

- Thế cụ nội ơi, cụ cũng tham gia công xã chứ?

- Hề, hề, chú em ạ, lão tham gia công xã cũng như con bê tham gia một bày cừu ấy. Bây giờ, đứa nào to mồm nhất thì đứa ấy nắm quyền chỉ huy. Còn ông lão già,

chúng nó có cho nếm mùi thịt lợn đâu. Thế các người đến đây có chuyện gì?

- Có công việc.

- Hà hà, có công việc à... Thế thì, nếu là có công việc, thì đi đi, họ họp ở trong đấy... Họ ở đấy, họ đang họp, dĩ nhiên là thế, họ chỉ làm có một việc ấy thôi, họp với hành, còn ở đây thì...

Ông lão đang được đà nói, rõ ràng là sắp muốn dốc hết bầu tâm sự, song chúng tôi không có thì giờ.

Trong phòng giấy chật chội, ngồi trên các ghế dựa của địa chủ, đã ọp ẹp sắp phải thải, quả nhiên là mọi người đang họp. Qua làn khói thuốc lá mộc, khó mà nhìn rõ có bao nhiêu người họp, nhưng cứ nghe tiếng ồn ào thì có thể ước lượng

có vào khoảng hơn hai chục người. Phiền cái rằng chúng tôi không được biết chương trình nghị sự, vì chúng tôi vừa bước vào, thì một người tóc loăn xoăn, râu đen, mắt tròn và hiền như mắt con gái, hỏi ngay chúng tôi:

- Vậy chứ các vị là ai?

Cuộc nói chuyện bắt đầu, thoạt tiên với giọng quan thức, không thân thiện, rồi đượm màu ác cảm gay gắt, và mãi một hay hai tiếng đồng hồ sau mới chuyển sang một hướng thực tế đơn giản.

Té ra là tôi đã lầm. Công xã đang ốm nặng, nhưng không đành tâm chết, cho nên thấy chúng tôi là những kẻ xâm nhập ở đâu đến, tưởng chúng tôi là những người đào huyệt chôn nó, nó nổi giận,

đem hết sức tàn ra biểu lộ lòng ham sống của nó.

Có một điều rõ ràng: một nghìn rưỡi éc-ta là nhiều quá đối với công xa. Một trong các nguyên nhân nghèo khó của nó chính là ở chỗ thừa thãi của cải đó. Chúng tôi dễ dàng thỏa thuận với nhau là có thể chia ruộng đất. Công xã lại càng dễ dàng đồng ý hơn giao cho chúng tôi các lâu đài, các tháp và tường thành đất châu mai, với các tượng Vệ-nữ đảo Milô. Nhưng khi nói đến cái sân trại, thì tinh thần cả hai bên đều sôi nổi lên một cách gay go. Thậm chí Michia cũng không giữ được mình vượt ra ngoài vấn đề tranh chấp mà đề cập tới các chuyện cá biệt:

- Thế tại sao củ cải các ông còn chưa

dỡ?

Ông chủ tịch đáp:

- Này chú, chú còn ít tuổi quá, chưa đủ kinh nghiệm nói chuyện củ cải với chúng tôi đâu nhé.

Mãi đến khuya chúng tôi mới thỏa thuận được với nhau về điểm đó. Michia nói:

- Tại sao chúng ta lại cứ cãi nhau mãi như những con lừa ấy thế nhỉ? Ta có thể xây một cái tường thấp ngăn sân ra.

Ấy thế là mọi người đồng ý.

Trở về trại Gorki bằng cách nào, thì nay tôi không còn nhớ nữa, nhưng chắc chắn là chúng tôi như được chắp cánh mà bay. Báo cáo tường thuật của chúng

tôi ở cuộc họp toàn thể trại viên được đón nhận bằng một tiếng hoan hô vang dậy xưa nay chưa từng có. Họ tung chúng tôi lên trời, cả Michia lẫn tôi; chỉ thiếu suýt nữa là kính của tôi bị vỡ, còn Michia cũng bị dập gẫy một cái gì đó, mũi hay trán không biết.

Một kỷ nguyên hạnh phúc thật sự bắt đầu ở trại. Suốt trong ba tháng, các trại viên chỉ có sống với những kế hoạch. Brêgen, trong một chuyến đến thăm trại, đã phải trách tôi:

- Ông Makarenkô, ông nuôi dạy những con người thế nào, những anh chàng mơ mộng à?

Những anh chàng mơ mộng, được. Chữ "mơ mộng" chẳng làm cho tôi thích

thú gì. Nó sặc mùi "mơ mộng" và có lẽ còn tệ hơn nữa. Song có những mơ mộng và mơ mộng: mơ mộng một chàng kỵ sĩ ngồi trên con ngựa chiến thắng là một chuyện, và mơ mộng có tám trăm đứa trẻ trong một trại nhi đồng lại là chuyện khác. Trong khi chúng tôi sống ở những căn nhà trại lính chật chội, chúng tôi chẳng đã mơ ước những phòng cao ráo sáng sủa đó ư? Vừa quấn giẻ rác vào chân, chúng tôi vừa mơ ước được có giầy đi như những con người. Chúng tôi đã mơ ước trường trung học công nông, đoàn Kômxômôn, chúng tôi đã mơ ước con Hảo-hán và một đàn bò giống Ximmentan. Khi tôi mang về hai con lợn con giống Anh, đựng trong một cái bao tải, thì một trong những người mơ mộng

của trại, cậu bé oắt Vania Sêlaputin, đầu bù xù chưa được húi, hai tay đệm xuống đít, ngồi vắt vẻo trên cái ghế dài cao mà vừa ngọ nguậy đôi cẳng vừa ngước mắt nhìn lên trần:

- Thế này là chỉ mới có được hai con lợn con. Thế rồi, chúng ta sẽ cho nó đẻ ra bao nhiêu nữa, và bao nhiêu nữa. Và rồi trong... năm năm, chúng ta sẽ có một trăm con lợn. Ối, dà dà! Tôxka ơi mày nghe không, một trăm con lợn!

Và chú bé mơ mộng, của chúng tôi, với Tôxka, cứ là cười không đứt, làm át cả những câu chuyện đứng đắn trong phòng giấy tôi. Vậy mà bây giờ chúng tôi có đến hơn ba trăm con lợn, và chả ai nhớ đến điều mơ ước của Sêlaputin hết thảy.

Sự khác nhau chủ yếu giữa phương pháp giáo dục của ta và phương pháp giáo dục tư sản có lẽ là ở chỗ, dưới chế độ của ta, tập thể nhi đồng bắt buộc phải được lớn lên và giàu thêm ra, nó phải trông thấy trước mặt nó một ngày mai tốt đẹp hơn và đi tới đó, khoái hoạt vươn tới mục đích chung, trong một ước mơ vui vẻ và kiên trì. Có lẽ cái biện chứng pháp sư phạm chân chính là ở chỗ đó.

Vì thế cho nên tôi không hề mảy may kìm hãm sự mơ ước của các trại viên và lại theo đà ước mơ cùng với họ, có lẽ đi xa quá chăng. Song đó là một thời kỳ sung sướng, mà tất cả các bạn thân của tôi đều còn giữ lại cái kỷ niệm rạng rỡ và Maxim Gorki cũng mơ ước với chúng tôi, vì các thư của chúng tôi đều nói chi

tiết cho ông biết mọi việc ở trại.

Ở trại chỉ có một vài người là không vui mừng và cũng không mơ mộng, trong số đó có Kalina Ivanôvich. Bác ta có tâm hồn trẻ trung vẫn chưa là đủ. Chính Kalina Ivanôvich đã nói:

- Anh đã thấy một con ngựa tốt thì sợ một chiếc xe ô-tô như thế nào đấy. Là bởi vì nó muốn sống, đồ ăn hại thế. Còn như một con ngựa già rồi thì chẳng sợ ô-tô cũng chẳng sợ quỷ, bởi vì đối với nó cái gì cũng rứa mà thôi: tiểu mạch hay yến mạch đối với nó cũng chẳng khác gì nhau, như người Bạch Nga nói vậy.

Tha hồ cho tôi yêu cầu Kalina Ivanôvich và bọn trai van xin bác cùng đi với chúng tôi bác ta vẫn khăng khăng

một mực:

- Tôi bây giờ, thì tôi chẳng sợ cái gì hết cả, và các chú thì không cần đến những của ăn hại như tôi. Tôi đã cùng đi với các chú một quãng đường, thế là đủ rồi! Và bây giờ thì về hưu thôi. Dưới chính thể xô-viết, sống lối đại lãn, lối lão già rút rát cũng thú vị lắm...

Vợ chồng Ôtxipôp cũng tuyên bố rằng họ sẽ chẳng theo trại đi đâu hết thảy; rằng họ nếm mùi cảm xúc mạnh đã đủ lắm rồi.

- Chúng tôi là những con người đơn giản, - Natalia Mackôpna nói. - Chúng tôi cũng chẳng hiểu được tại sao bác lại cứ cần phải có tám trăm trẻ nuôi. Nói thật với bác, bác Antôn Xêmiônôvích ạ,

bác ôm lấy cái việc này thì rồi bác sẽ gẫy cổ thôi.

Tôi ngâm lên để trả lời: "Ta ca ngợi [61] lòng hăng say dũng cảm" .

Bọn trẻ vừa cười vừa vỗ tay hoan hô, song cách đó chẳng làm sờn lòng được vợ chồng Ôtxipôp. Xilanti an ủi tôi:

- Thì đó, cứ để mặc cho họ ở đây. Anh Antôn Xêmiônôvich ạ, anh chỉ muốn thắng tuốt cả mọi người vào xe xơn-ky, như người ta nói. Thì đó, một con bò cái có được tích sự gì trong chuyện ấy, mà anh cũng cứ muốn ấn nó cho kỳ được vào dây thắng.

- Thế còn bác, Xilanti Xêmiônôvich, bác có thắng vào đấy được không?

- Vào đâu?

- Thì vào xe xơn-ky ấy?

- À tôi, thì đó, anh muốn thắng tôi vào đâu cũng được, dù là ngay dưới yên của Buđionny cũng không sao. Bọn đểu cáng đã huấn luyện tôi, anh hiểu không, đi chở thùng nước, song cái đồ sâu bọ ấy đã không nhìn thấy tôi là con ngựa chiến giỏi như thế nào!

Xilanti hếch mũi lên hít gió như ngựa, và nói thêm hơi muộn màng một chút:

- Anh xem, chuyện trò thế đấy.

Hầu hết các giáo viên, với Xilanti, Kôdia, Êlitxôp, bác thợ rèn Gôđanôvich, cũng như tất cả các chị thợ giặt, các chị cấp dưỡng và cả đến các bác thợ xay bột

cũng đều quyết định đi với chúng tôi, việc đó có thể nói là khiến cho cuộc di cư của trại có một tính cách thân mật vững dạ.

Trong khi ấy thì công việc ở Khackôp tiến hành không được tốt. Tôi thường đi lên đấy luôn. Ủy ban Giáo dục nhất trí ủng hộ chúng tôi. Ngay đến Brêgen cũng đã để tự cho điều mơ ước của chúng tôi quyến rũ, mặc dầu trong thời kỳ ấy bà ta không chịu gọi tôi bằng cái tên gì khác [62] hơn là anh chàng Đôn Quisétto ở Zakôrôjiê.

Hơn nữa, ủy ban Nông nghiệp, khi nói tới chúng tôi, thường vẫn bĩu mỏ lên như cái phao câu gà mái và lầm lẫn tên một

cách khinh miệt: trại Gorki, trại Kôrôlenkô, trại Septsenkô, ấy thế mà sau cùng cũng nhượng bộ: thì đấy, Ủy ban nói, các anh lấy tám trăm đêxiatin với điền trang Pôpôp đi, rồi đừng phiền quấy chúng tôi nữa.

Những người thù địch của chúng tôi thì không công nhiên dàn thành thế trận mà mai phục đánh chúng tôi. Tôi hùng hổ nhảy xổ vào tấn công họ, những tưởng giáng một đòn cuối cùng thắng lợi, rồi sau đó chỉ còn có việc thổi kèn khải hoàn. Bất đồ chống lại tôi, có một người bé tí xíu, mặc áo vét ngắn chật căng, từ trong bụi rậm nhô ra. Hắn ta chỉ nói có vài tiếng, ấy thế là tôi bị đánh tơi bời, vất cả khí giới lẫn cờ xí, chạy té lui, xô đẩy hàng ngũ các trại viên đã được huy

động tiến lên.

- Ủy ban Tài chính không thể nào đồng ý chuyện thu xếp ấy được! Cho các anh ba vạn rúp để sửa chữa một tòa lâu đài mà chả ai biết dùng làm gì. Trong khi các trại nhi đồng của các anh thì vẫn còn bị hủy nát nguyên đấy.

- Nhưng không phải chỉ có chuyện sửa chữa mà thôi: bản dự toán còn gồm cả tiền mua nông cụ và phí tổn vận chuyển.

- Chúng tôi biết rồi, chúng tôi biết rồi: tám trăm đêxiatin, tám trăm trẻ vô thừa nhận và tám trăm con bồ côi: thời kỳ làm ăn bở như thế đã kết thúc rồi. Chúng tôi đã cấp cho bên ủy ban các anh không biết bao nhiêu triệu, mà xoay xở thế nào cũng có thấy ra cái trò giống gì đâu!

Chúng nó ăn cắp hết, đập phá hết rồi bỏ trốn.

Và cái con người bé tí xíu ấy dậm chân lên ngực của ước mơ chúng tôi, cái ước mơ linh hoạt và đẹp đẽ là thế, mà ngờ đâu bỗng chốc té nhào. Bị đè dưới gót chân ấy, tha hồ cho nó khóc và kêu van rằng nó là ước mơ của các trại viên Gorki đây, mặc kệ: nó cứ chết.

Thế là, buồn rầu trở về trại, lòng quặn đau vì ưu uất, tôi nhớ lại: ở nhà trường, đã giảng một loạt bài với đề tài: "Công tác nông nghiệp của trại ở Zapôrôjiê". Sêrê đã hai lần đi thăm điền trang Pôpôp. Anh ta đã lập ra và trình bày cho các trại viên nghe một bản kế hoạch kinh tế choáng lộn những kim cương, ngọc bích, hồng ngọc, ở trong đó lung linh

sáng chói lên những máy kéo, bò cái hàng trăm, cừu cái hàng nghìn, gà vịt hàng chục vạn, bơ với trứng xuất cảng sang nước Anh, lò ấp trứng, máy phân ly, vườn cây quả.

Ừ, vừa mới tuần lễ trước, cũng ở Khackôp trở về như hôm nay, bọn trẻ phấn khởi còn đổ xô ra đón tôi, chúng đã lôi tôi ở xe ra với những tiếng kêu gọi như ri:

- Bác Antôn Xêmiônôvich ơi! Bác Antôn Xêmiônôvich! Con Zorka vừa đẻ một con ngựa con! Bác đến mà xem, bác đến xem đi! Không, bác đi ngay cơ!...

Chúng đã lôi tôi đến chuồng ngựa, ở đấy chúng vây tròn chung quanh con vật nhỏ lông vàng óng, còn ướt và run rẩy.

Chúng mỉm cười lặng lẽ và chỉ có một chú trong bọn nói với cả tâm hồn:

- Các cháu đã đặt tên cho nó là con Zapôrôgơ...

Hỡi các con nhỏ thân yêu! Các con sẽ không được đẩy chiếc cày trên Nội cỏ Lớn đâu, không được sống ở đấy trong một tòa lâu đài thần thoại, kèn đồng của các con sẽ không được thổi ở trên các đỉnh tháp Morey, và các con đã hoài công đặt cho con ngựa nhỏ vàng óng kia cái tên là Zapôrôgơ.

17. PHẢI TÍNH NHƯ THẾ NÀO

Cái đòn của con người ở Tài chính là một đòn rất nặng. Các trại viên rất lấy làm buồn; những kẻ ác ý hí lên cười khoái trá, còn tôi thì mất phương hướng thật sự vì thế! Tuy nhiên không ai còn có ý nghĩ rằng chúng tôi có thể ở lại trên bờ sông Kôlômak hết. Đến ngay ở ủy ban Giáo dục người ta cũng cảm thấy ý chí của chúng tôi không thể nào chuyển được, và cũng đành chịu vậy; ở ngoài ấy, người ta chỉ còn đặt vấn đề theo hướng này thôi: cho chúng tôi đi đâu?

Vì thế mà tháng hai và tháng ba là một thời kỳ rất phức tạp. Sự thất bại của dự án Zapôrôjiê đã dập tắt những tia lửa cuối cùng của cái hy vọng đẹp đẽ đắc

thắng của chúng tôi, nhưng ngược lại một tin tưởng bền vững đã ăn sâu vào lòng tập thể. Không có tuần lễ nào qua mà hội nghị toàn trại không đem ra bàn một đề nghị nào đó. Trong các thảo nguyên rộng mênh mông của xứ Ukren, còn có rất nhiều nơi vô chủ hoặc ở vào tay những chủ xấu. Các bạn thân của chúng tôi ở ủy ban Giáo dục, các tổ chức Kômxômôn, những người quen thuộc cũ ở hàng xóm, các cán bộ kinh tế chúng tôi có quan hệ xa trên công tác, cứ lần lượt mách tên những nơi ấy cho chúng tôi. Sêrê, bọn trai và tôi, chúng tôi đi rất nhiều trong thời kỳ đó, đi trên những đường lớn đường nhỏ, đi xe lửa hay ô-tô, đi với con Hảo-hán hay với những ngựa thường, ngựa xấu của các thứ xe địa phương.

Song các trinh sát viên của chúng tôi chỉ đem được sự mệt nhọc trở về trại; ở các buổi họp toàn trại, các trại viên nghe họ với bộ mặt lạnh lùng của những con người lo công tính việc, rồi ai lại đi làm việc nấy, đem câu hỏi khó chịu họ nghĩ đến trước hết ra hỏi báo cáo viên:

- Ở đấy có chỗ cho bao nhiêu người ở? Một trăm hai mươi à? Chả mùi gì!

- Tỉnh nào? Piriatin à? Hão cả!

Chính các báo cáo viên cũng mừng vì câu kết luận ấy, vì trong thâm tâm họ chỉ sợ nhất là hội nghị nhỡ lại thích thú về một điểm gì chăng.

Cứ như thế mà diễu qua trước mắt chúng tôi nào là điền trang Xtaritxki ở Vanki, nào một tu viện ở Piriatin, một tu

viện khác ở Lupny, một lâu đài của các vương hầu Kôtsubây ở Bikanka và còn tòa nhà tồi tàn nào khác tôi cũng không biết nữa.

Có nhiều nơi khác được nói đến tên nhưng bị bác bỏ ngay vi bị coi như là không đáng đi thăm. Trong số đó, có Kuriajê, trại nhi đồng ở ngay cổng thành Khackôp, mà cứ theo lời đồn thì số bốn trăm trẻ nuôi ở đấy đã lâm vào một tình trạng hoàn toàn đồi bại. Hình ảnh một trại nhi đồng đang tan rã có một cái gì hết sức là ghê tởm đối với chúng tôi, cho nên ý kiến nêu ra về Kuriajê vừa mới xuất hiện đã vỡ tan ngay thành những bọt bóng nhỏ.

Một lần, nhân một chuyến đi Khackôp, tôi gặp một cuộc họp của Ban bảo vệ nhi

đồng chính đương thảo luận về tình hình trại Kuriajê, đặt dưới sự bảo trợ của nó. Ông thanh tra Giáo dục, Iuriep, báo cáo với một giọng khô khan bực tức, bằng những lời có tính vắn tắt và cô đọng, nó càng làm nổi bật tình trạng phi lý và đáng giận ở đó. Bốn mươi giáo viên và bốn trăm trẻ nuôi của trại được trình bày với thính giả như thể mỗi người là một bài thơ châm biếm nhạo báng nhân loại, xuất phát từ trí tưởng tượng suy đốn của một gã kỳ quái nào lấy làm sung sướng được bôi nhọ và lại còn ghét đời là khác nữa. Tôi sẵn sàng muốn đập nắm tay lên bàn mà kêu lên:

- Không thể nào có như thế! Vu cáo!

Song Iuriep cho tôi cái ấn tượng một người vô cùng vững chắc, và qua giọng

nghiêm túc lễ độ của báo cáo viên có toát ra nỗi buồn ấp ủ từ lâu của con người trong ngành Giáo dục, mà tôi không có một mảy may lý do gì nghi ngờ hết thảy. Iuriep tự cảm thấy xấu hổ trước mặt tôi và thỉnh thoảng cứ liếc nhìn như kiểu một người nhận thấy quần áo mình có phần lôi thôi lốc thốc. Sau buổi họp ông ta đến tìm tôi và nói:

- Đem phơi bày tất cả những cái bẩn thỉu ấy trước mặt ông, quả thật là xấu hổ. Sự thực, người ta chẳng đã kể chuyện rằng, ở trại ông, nếu một trại viên đến phòng ăn chậm mất năm phút, thì ông liền phạt giam hắn hai mươi bốn tiếng đồng hồ, chỉ cho ăn bánh mì suông với uống nước lã thôi, và hắn ta mỉm cười mà nói: "Rõ!".

- Không, chuyện không phải như thế đâu. Nếu tôi mà áp dạng một phương pháp hay ho như vậy, thì ông sẽ lại phải dành cho trại Gorki một bản báo cáo đại khái cũng như kiểu bản báo cáo ông đã làm hôm nay vậy.

Iuriep và tôi nói chuyện, thảo luận với nhau. Ông ta mời tôi cùng dùng bữa, và ăn xong, bảo:

- Này ông! Tại sao ông lại không nhận lấy Kuriajê nhỉ?

- Ở đấy có cái gì là tốt? Vả chăng đã đủ số trẻ rồi.

- Sao lại đủ số? Chúng tôi sẽ giải phóng đi một trăm hai mươi chỗ cho các trẻ nuôi của ông.

- Tôi không thích thế! Một công việc bẩn thỉu. Vả lại, các ông sẽ chẳng để yên cho tôi làm việc nào.

- Có chứ! Vậy ra ông sợ chúng tôi đến thế kia à! Chúng tôi sẽ để cho ông toàn quyền hành động: ông muốn làm gì thì làm. Cái trại Kuriajê ấy: thật là kinh người. Ông thử nghĩ xem, ở ngay cửa ngõ thủ đô, một cái tổ chứa kẻ cướp như thế! Hẳn là ông đã nghe nói chuyện về nó rồi. Chúng nó ăn cướp trên đường cái! Chỉ riêng ở trại thôi, chúng nó đã ăn cắp các thứ thành tiền mười tám nghìn rúp trong bốn tháng.

- Nghĩa là phải thải hết thảy nhân viên.

- Không, sao lại thế chứ! Ở đấy có những người công tác rất tốt.

- Gặp trường hợp như vậy, tôi chủ trương sát trùng triệt để.

- Được, ông cứ việc, ông thải đi, ông đuổi đi!

- Nhưng không, chúng tôi sẽ không đến Kuriajê đâu.

- Nhưng ông chưa đến thăm nó kia mà?

- Có thể.

- Này, ông hãy ở lại ngày mai nữa, chúng ta sẽ kéo Khalabuđa đi cùng và chúng ta đến thăm nhé.

Tôi đồng ý. Hôm sau, cả ba chúng tôi đến Kuriajê. Tôi đi tới đó, mà không tiên cảm thấy rằng tôi sắp chọn ở đấy đất chôn cái trại của tôi.

Đi với chúng tôi có Khalabuđa, Xuđô Kacpôvich, chủ tịch Ban bảo vệ nhi đồng, ông ta ngay thẳng chủ trì cơ quan đó, bây giờ bao gồm có những nhà gửi trẻ không được tốt và những trại nhi đồng đang tan rã, với những cửa hàng thực phẩm, rạp chớp bóng, hàng bán đồ đan mây, vườn trò chơi, nhà quay xổ số và các phòng kế toán. Trên người Xiđô Kacpôvich bám đầy những ký sinh trùng: nhà buôn, người rao hàng, hồ lỳ, những kẻ lường gạt, lừa đảo, cờ bạc bịp, biển thủ, và tôi chân tình muốn tặng ông ta một chai thuốc kê-din lớn. Đã từ lâu ông phải nghe nhàm tai những ý kiến người ta gợi cho ông tứ phía - về mặt kinh tế, giáo dục, tâm lý, vân vân và vân vân - cho nên cũng đã từ lâu ông không còn hy

vọng hiểu nổi tại sao trong các trại của ông chỉ thấy cảnh xơ xác, với hiện tượng bỏ trốn đã thành cố tật, chuyện ăn cắp ăn này và những lối sống du côn đểu giả. Ông ta đã quen với những sự thực ấy, nhất định tin rằng đưa trẻ vô thừa nhận là hiện thân toàn vẹn của bảy tội trọng và về tấm lòng nhân đức quảng đại của ông ngày trước, nay ông chỉ còn giữ lại được có sự tin tưởng ở một tương lai tốt đẹp hơn và tin tưởng vào lúa hắc mạch.

Đặc điểm tính cách sau cùng này của ông, mãi về sau tôi mới được rõ, còn lúc bấy giờ, ngồi ô-tô, tôi cứ nghe ông nói chuyện mà không hề mảy may ngờ vực gì cả.

- Mọi người cần phải có lúa hắc mạch. Nếu có được, thì chẳng sợ xảy ra

điều gì tệ hại hết. Nếu họ không có bánh mì, thì dạy cho họ biết… Gôgôn có ích lợi gì đâu, anh có hiểu không? Anh hãy cho chúng nó lúa hắc mạch đã, rồi sau đó, anh có thể ấn vào tay chúng một quyển sách... Đây này, những quân kẻ cướp ở ngoài trại không biết gieo lúa hắc mạch, nhưng về môn ăn cắp thì chúng biết lắm.

- Chúng xấu lắm à?

- Những quân ấy ư? Ồ, một bầy vô lại, anh ạ! Có thằng đến tìm tôi: - Bác Xiđô [63] Kacpôvich, bác cho tôi xin năm tì tôi cần mua thuốc hút. Tất nhiên là tôi cho nó, ấy thế rồi được một tuần lễ nó lại đến: - Bác Xiđô Kacpôvich, bác cho tôi

năm rúp. - Kìa, tôi đã cho chú rồi thôi? - tôi bảo nó. - Đúng thế, - nó nói, nhưng đấy là để mua thuốc lá chứ, còn bây giờ bác cho tôi để mua rượu vôtka...

Xe chúng tôi đi một mạch khoảng độ sáu cây số, trên con đường cát chán ngắt, rồi leo lên một ngọn đồi và vào qua những cánh cổng tróc sơn của một tu viện. Giữa một cái sân tròn, lù lù khối bất thành hình của một cái nhà thờ, cổ thì có cổ nhưng không vì thế mà bớt xấu gớm ghiếc; ở đằng sau, một cái gì có hai tầng gác, và chạy vòng bao quanh là những chái nhà dài, thấp, có những bậc tam cấp đã mục nát đến một nửa. Đứng hơi biệt lập, trên bờ khe là một lữ xá bằng gỗ đang xây dựng lại. Tản mác ở các ngóc ngách, náu hình những ngôi nhà

con, xưởng trống nhỏ, nhà bếp, chẳng biết xây dựng bằng cái gì, cả một mớ những thứ linh tinh chất đống lại qua ba thế kỷ dòng tu. Điều khiến tôi chú ý nhất, là cái mùi xông lên ở trại: mùi phức tạp của các nhà xí, mùi xúp bắp cải, mùi phân và mùi... hương. Trong nhà thờ, người ta đang hát. Trên các bực ở lối vào có những bà già khô khẳng và dễ ghét, hẳn là đang ngồi nhớ lại những thời kỳ sung sướng được có người để xin bố thí. Nhưng các trại viên thì tuyệt nhiên không thấy bóng.

Ông giám đốc, người tàn tạ và xám ngoét, nhìn chiếc xe Fiat của chúng tôi với vẻ buồn rầu, vỗ tay lên cánh xe và dẫn chúng tôi đi thăm trại. Coi vẻ ông đã quen đưa khách đi xem trại, không phải

để cầu vinh dự mà là cầm chắc sự chê bai và ông đã biết rất rõ những con đường cực khổ mà ông phải đi rồi.

- Đây là phòng ngủ của nhóm thứ nhất, - ông ta vừa nói vừa bước qua cái chỗ trước kia có một cánh cửa, bây giờ chỉ còn lại khung trống và ngay đến khuôn cửa cũng không còn. Cũng không gặp trở ngại gì cả, chúng tôi bước qua một ngưỡng cửa thứ hai để ngoặt sang tay trái vào một hành lang. Bấy giờ tôi mới hiểu rằng không có gì ngăn cách hành lang ấy với một bầu không khí trước kia trong lành tươi mát. Có nhiều thứ chứng minh điều đó, đặc biệt là những dòng tuyết chảy ở các chân tường, xám xịt bụi cát.

- Nhưng làm thế nào mà lại... không có cửa? - tôi hỏi.

Ông giám đốc cố gắng tỏ cho chúng tôi thấy là xưa kia ông cũng biết mỉm cười, và cứ tiếp tục đi. Iuriep lớn tiếng nói:

- Các cửa đã bị đốt từ lâu. Mà nào phải chỉ có cửa mà thôi đâu! Bây giờ chúng dỡ cả sàn nhà đi, để đốt; chúng đã đốt cả những mái hiên cửa các nhà kho và lại một phần các xe tải nữa.

- Thế củi đâu?

- Có mà quỷ biết tại sao chúng không có củi! Ngân sách đã cấp cho chúng tiền mua củi.

Khalabuđa xì mũi và nói:

- Củi thì chắc chắn là còn. Chúng không muốn cưa, cũng không muốn bổ,

và không có tiền để thuê người làm thay. Chúng có củi đấy, những đồ chó chết... Ông xem chúng như thế đó: những quân ăn cướp!

Sau cùng chúng tôi đi tới một cánh cửa thực sự, đóng kín ở lối vào một phòng ngủ. Khalabuđa đá chân vào đó và cửa bung ra ngay tức khắc, vì cửa chỉ được giữ lại vì thanh sắt đóng trên nõ bản lề phía dưới và suýt nữa nó đổ rầm vào đầu chúng tôi. Khalabuđa giơ tay ra đỡ lấy cửa và phá lên cười:

- Không đâu nhé, con mẹ phù thủy già ạ, đã có một lần tao biết mày rồi...

Chúng tôi bước vào phòng ngủ. Trên các giường cáu ghét hư hỏng, và trên những đống giẻ rách đáng vứt vào thùng

rác, có những đứa trẻ vô thừa nhận đang ngồi, những đứa trẻ đầy đủ mọi vẻ là vô thừa nhận thật sự, co ro cổ quấn lấy những tã nát đó cho ấm người lên. Gần một cái lò sưởi đã róc sơn, co hai đứa đang lấy rìu bổ một tấm ván vừa mới được sơn vàng, cứ nhìn gỗ thì đủ biết. Rác rưởi bừa bãi trong các xó và cả trên các lối đi. Ở đây cũng có những mùi như ở ngoài sân, trừ mùi hương.

Chúng nhìn theo chúng tôi nhưng không một đứa nào quay đầu lại. Tôi nhận thấy rằng tất cả những đứa trẻ vô thừa nhận này đều đã quá mười sáu tuổi.

- Những đứa lớn nhất đây phải không? - tôi hỏi.

- Vâng, đây là nhóm thứ nhất của trại,

những đứa nhiều tuổi nhất, - ông giám đốc nhã nhặn giải thích.

Từ một góc xa, có đứa nào nói to lên bằng một giọng ồm ồm:

- Các ông đừng tin những lời họ nói! Họ nói láo tuốt cả đấy!

Ở đầu phòng đằng kia chúng nói không e nể gì cả và cũng chẳng buồn nhấn mạnh chút nào:

- Họ cứ đưa đi xem... có cái gì mà đưa đi xem ở đây chứ? Giá họ đưa đi xem những thứ mà họ đã ăn cắp thì tốt hơn.

Chúng tôi không chú ý gì đến những lời nói ấy, trừ có Iuriep đỏ mặt nhìn trộm tôi.

Chúng tôi đi ra ngoài hành lang.

- Ngôi nhà này có sáu phòng ngủ, - ông giám đốc nói - Có phải đưa các vị xem cả không?

- Ông dẫn chúng tôi đến các xưởng, - tôi yêu cầu.

Khalabuđa, hứng khởi lên, kể chuyện dài dòng ông đã làm cách nào mà mua được những cái máy tiện.

Chúng tôi lại đi ra sân. Đi ngược về phía chúng tôi, một đứa trẻ lúng túng trong cái áo "tổ đỉa" nhảy từ mô đất này sang mô đất khác, cố tránh giẫm những bàn chân để trần và đen thui của nó vào những rạch tuyết. Tôi giữ nó lại, để cho những người khác cứ việc đi.

- Chạy đi đâu thế, cháu?

Nó đứng lại và ngẩng đầu lên:

- Cháu ấy à? Cháu đi xem thử có phải người ta sắp đưa chúng cháu đi khỏi đây không.

- Đi đâu chứ?

- Có đứa bảo rằng người ta sắp gửi chúng cháu đi đâu đó.

- Thế ở đây không tốt ư?

- Ở đây không thể sống được nữa, - đứa bé nói nhỏ với một giọng buồn, và đưa vạt áo lên gãi tai. - Ở đây có thể chết cóng được... thế rồi lại còn bị đánh.

- Ai đánh các cháu?

- Tất cả mọi người!

Đây là một thằng bé thông minh và xem chừng đã không bị vất vưởng ở đầu đường xó chợ. Đôi mắt to trong xanh của nó chưa đến nỗi bị ảnh hưởng vì những hiện tượng xấu xa của đường phố: một khi được tắm nó sẽ trở thành một đứa bé dễ thương.

- Nhưng tại sao người ta đánh các cháu?

- Họ cứ đánh thế đấy. Nếu mình không cho họ cái gì. Hay là đánh để cướp phần ăn của mình. Chúng cháu, là bọn trẻ con, đã từ lâu chúng cháu không đến bàn ăn nữa. Và lắm khi họ cướp cả đến bánh mì của mình... Hay là, nếu mình không ăn cắp... thì chúng nó bảo mình đi ăn cắp, nhưng mình không làm... Thế người ta sắp đưa chúng cháu đi, bác không biết à?

- Bác không biết đấu, cháu ngoan ạ.

- Người ta bảo là sắp sang mùa hè...

- Mùa hè thì có việc gì đến cháu, hử?

- Cháu sẽ đi.

Người ta gọi tôi đến thăm các xưởng. Tôi thấy hình như không thể nào rời bỏ đứa bé ngộ nghĩnh này đi mà không đem lại cho nó được một chút gì an ủi, nhưng nó đã nhẩy chuyền từ mô đất nọ sang mô đất kia, về phía các phòng ngủ, ở đấy dù sao thì cũng ấm áp hơn.

Chúng tôi không làm thế nào vào thăm được các xưởng: một nhân vật bí hiểm nào đó giữ các chìa khóa và ông giám đốc tìm kiếm cách gì cũng không thể giải thích nổi điều bí ẩn ấy. Chúng tôi đành là

chỉ nhìn qua các ô cửa sổ. Ở đấy có những máy gọt, máy tiện gỗ, và hai cái bàn thợ mộc, mười hai cái máy tiện tất cả. Xưởng giày và xưởng khâu, cột trụ và cơ sở của khoa giáo dục, thì đặt ở những nhà nhỏ riêng biệt.

- Ở trại ông hôm nay là ngày nghỉ hẳn?

Ông giám đốc không trả lời. Iuriep lại phải nhận lấy cái công việc khổ sai ấy:

- Ông Antôn Xêmiônôvich ạ, ông làm tôi ngạc nhiên đấy. Đáng lẽ ông phải hiểu mọi chuyện rồi mới phải, ở đây, nói chung, không có ai làm việc cả. Ngoài ra, dụng cụ lại bị lấy cắp. Không có nguyên liệu, không có điện lực, không có ai đặt hàng, chẳng có gì hết. Vả chăng cũng chẳng có ai biết làm việc cả.

Trạm máy điện của trại, mà Khalabuđa cũng đã kể cho tôi nghe cả một lịch sử dài dòng, tất nhiên là không chạy: máy móc có một cái gì hỏng đó.

- Thế nào, còn nhà trường?

- Có một nhà trường, - lần này thì đích thân ông giám đốc nói cho tôi biết, - nhưng mà nhà trường... chúng tôi chưa đi tới chỗ đó...

Khalabuđa lôi chúng tôi ra thăm cánh đồng. Chúng tôi ra khỏi cái vùng tròn quây kín bằng những tường dày hai thước, và trông thấy khoảng đất trũng lớn lòng chảo của một cái ao ngày trước, rồi tiếp đó, chạy dài cho đến tận khu rừng, là những cánh ruộng phủ một lớp tuyết nhỏ bị gió quét. Khalabuđa dang tay ra như

kiểu Napôlêông, và đắc thắng thốt lên:

- Một trăm hai mươi đêxiatin! Một cơ nghiệp lớn!

- Tiểu mạch mùa thu đã gieo chưa? - tôi vô ý hỏi.

- Tiểu mạch mùa thu à, có lắm chứ! - Khulabuđa reo lên, sung sướng. - Ba mươi đêxiatin hắc mạch, hãy cứ tính là mỗi đêxiatin mười sáu tạ: bốn trăm tám mươi tạ, riêng chỉ có hắc mạch! Chúng nó sẽ không thiếu bánh mì đâu! Mà hắc mạch tốt biết chừng nào! Nếu mọi người đều cứ gieo hắc mạch, thì chẳng cần phải gieo thứ gì khác hết. Tiểu mạch là cái gì? Bánh mì hắc mạch, anh biết không, người Đức ăn không được, người Pháp cũng thế.!. Nhưng ở nước ta, với bánh mì hắc

mạch...

Chúng tôi đã trở lại xe rồi mà Khalubuda vẫn còn nói về hắc mạch. Mới đầu chúng tôi bực mình, nhưng sau cùng cũng thấy hay hay; người ta còn có thể nói những gì về lúa hắc mạch nữa nhỉ?

Chúng tôi bước lên ô-tô và ra về, được ông giám đốc cô đơn và bực dọc chào tiễn. Im lặng kéo dài cho tới Núi Lạnh. Xe đi qua chợ, Iuriep hất đầu chỉ một tốp trẻ vô thừa nhận:

- Những trẻ nuôi của trại Kuriajê... Thế nào, ông nhận lấy chúng chứ?

- Không.

- Nhưng ông sợ cái gì! Vì dù sao thì

trại Gorki cũng là một trại trẻ con phạm pháp. Bề nào thì Ủy ban Ukren chẳng gửi tới cho ông đủ mọi thứ cặn bã. Còn như ở đây chúng tôi cho ông những đứa trẻ bình thường.

Cả đến Khalabuđa cũng phải bật cười lên trong xe:

- Bình thường, thế thì thôi!

Iuriep vẫn nói tiếp:

- Chúng ta đến ngay phòng bà Đjurinxkaia để nói về chuyện này. Ban Bảo vệ nhi đồng sẽ nhượng lại trại cho ủy ban Giáo dục. Cứ để Khackôp gửi những trẻ phạm pháp đến chỗ ông thì không tiện, mà thành phố lại không có trại nhi đồng của mình. Rồi nó sẽ phải có một cái trại ở đây, mà là trại tốt như thế

nào; bốn trăm chỗ! Thế mới là đẹp chứ. Các xưởng ở đấy không phải tồi đâu. Xiđô Kacpôvich, ông nhường trại cho chúng tôi chứ?

Khalabuđa nghĩ ngợi:

- Ba mươi đêxiatin hắc mạnh, vị chi bốn mươi tạ hạt giống, Thế còn công lao động? Các ông sẽ trả tiền chứ? Nhưng sao lại không nhường trại cho các ông? Chúng tôi sẽ nhường.

- Ta đến phòng bà Đjurinxkaia đi, - Iuriep nhắc lại. - Chúng tôi sẽ chuyển đi nơi khác một trăm hai mươi đứa nhỏ nhất và để lại cho ông số hai trăm tám mươi đứa kia. Tuy chúng không thực sự là những trẻ phạm pháp nhưng sau khi được giáo dục ở trại Kuriajê thì chúng còn tệ

hơn.

- Tại sao tôi lại đi lao mình vào cái hố ấy nhỉ? - tôi bảo Iuriep. - Hơn nữa, còn phải tu sửa lại nó, dù là làm tạm. Như thế cũng tốn đến hai mươi nghìn rúp chớ không kém.

- Xiđô Kacpôvich sẽ cho ông số tiền ấy.

Khalabuđa choàng tỉnh đậy.

- Hai mươi nghìn, để làm gì chứ?

- Nợ máu, - Iuriep nói. - để chuộc tội đấy.

- Sao lại hai mươi nghìn? - Khalabuđa còn ngạc nhiên.

- Tu sửa, các cửa rả, dụng cụ, giường, quần áo, tuốt cả.

Khalabuđa sa sầm nét mặt:

- Hai mươi nghìn! Với giá ấy, thì chúng tôi tự làm lấy hết mọi cái.

Ở phòng Djurinxkaia, Iuriép vẫn tiếp tục tuyên truyền. Liubôp Xavêliepna vừa nghe ông ta nói vừa mỉm cười và nhìn tôi một cách tò mò.

- Đó là một cuộc thí nghiệm đắt giá quá. Chúng ta không thể đem hy sinh trại Gorki được. Chỉ có nên đơn giản đóng cửa Kuriajê lại và phân phối bọn trẻ cho các trại khác thôi, vả chăng, Makarenkô cũng sẽ chẳng chịu đến Kuriajê nào.

- Không đến đâu, - tôi nói.

- Đó là lời cuối cùng của ông ư? - Iuriep hỏi.

- Tôi sẽ nói chuyện với các trại viên, nhưng có phần chắc là họ sẽ từ chối.

Khalabuđa chớp chớp mi mắt.

- Ai sẽ từ chối?

- Các trại viên.

- Ông muốn nói... các trẻ nuôi của ông ấy ư?

- Vâng.

- Thì chúng hiểu gì về chuyện ấy?

Djurinxkaia đặt bàn tay lên cánh tay áo của Khalabuđa:

- Bác Xiđô của tôi ơi! Ở ngoài ấy họ hiểu hơn bác với tôi tất cả chúng ta cộng lại ấy. Tôi chỉ muốn nhìn bộ mặt của họ khi họ trông thấy trại Kuriajê của bác

thôi.

Khalabuđa hằn học:

- Tại sao người ta lại trách cứ tôi: "Trại Kuriajê của bác"? Nó là của tôi đấy hẳn? Tôi đã cho các bác năm vạn rúp, và một cái động cơ, và mười hai máy tiện. Nhưng các giáo viên của các bác... Họ làm nghiệp vụ của họ không nên thân, thì tôi đây, tôi có trách nhiệm gì vào đấy chứ?...

Để mặc cho các bậc đại trí cao minh về khoa giáo dục xã hội ấy giặt giũ quần áo bẩn trong gia đình với nhau, tôi chạy ra xe lửa. Karabanôp và Zađôrôp đưa chân tôi ra ga. Sau khi nghe chuyện tôi kể lại, họ trầm ngâm suy nghĩ, mắt đăm đăm nhìn vào các bánh toa xe. Sau cùng

Karabanôp nói:

- Quét dọn các nhà xí, đó chẳng phải là một vinh dự lớn gì cho các trại viên trại Gorki, nhưng làm thế quỷ nào được, cũng cần phải suy nghĩ về việc đó...

- Vả chăng chúng cháu cũng chẳng ở xa gì, chúng cháu sẽ giúp đỡ bác, - Zadôrôp vừa nói thêm vừa nhoẻn miệng mỉm cười, phô hết hai hàm răng. - Này cậu Xêmiôn này... chúng mình đi đi ngày mai chúng ta sẽ đến đó thăm.

Hội nghị toàn trại, cũng như tất cả các cuộc hội nghị toàn trại gần đây, nghe tôi báo cáo với một vẻ dè dặt suy nghĩ. Trong khi báo cáo, tôi tò mò lắng nghe cả chính mình. Tôi chợt có ý muốn đột ngột mỉm cười buồn bã. Có sự gì xảy ra

thế vậy: cách đây bốn tháng, tôi là một đứa con nít hay sao, khi tôi cùng với các trại viên sôi lên sùng sục, đắc thắng chiếm lĩnh trước lấy những lâu đài Zapôrôgơ của chúng tôi? Trong bốn tháng đó tôi đã già giặn hơn lên hay là tôi chỉ có nghèo nàn đi thôi? Trong các lời lẽ, trong giọng nói của tôi, trong nét mặt tôi chuyển động, tôi cảm thấy rõ rệt một sự phân vân khó chịu. Suốt cả một năm trời chúng tôi bồng bột sôi nổi mơ tưởng những khoảng trời cao rộng sáng sủa, vậy mà có thể tin được rằng nguyện vọng của chúng tôi sẽ tìm thấy sự thỏa mãn ở một cái trại Kuriajê buồn cười, và bẩn tưởi đó chăng? Làm thế nào mà chính tôi đây, do bản thân tự thúc đẩy, tôi lại có thể nói chuyện với bọn trẻ về một

tương lai không thể chịu được đến nước ấy? Có cái gì ở Kuriajê đáng cho chúng tôi xiêu lòng? Nhân danh những giá trị gì mà chúng tôi phải từ bỏ cuộc đời của chúng tôi, được tô điểm đẹp đẽ bằng các thứ hoa và con sông Kôlômak, bỏ những sàn nhà lát gỗ và trại ấp đã phục hồi của chúng tôi?

Bản thuyết trình của tôi rất chân thực và hà tiện lời lẽ; tuy trong đó không thể xen vào được lấy một chữ nào gọi là có ánh sáng hết thảy, nhưng đồng thời tôi cũng cảm thấy từ những lời lẽ đó toát lên một tiếng gọi nghiêm nghị, lớn lao, mà chính tôi cũng thấy là bất ngờ, và ở đằng sau, xa xa, có ẩn một niềm vui còn e ấp và mơ hồ bất định.

Bọn trẻ thỉnh thoảng ngắt quãng bản

báo cáo của tôi bằng một tiếng cười, đúng vào những chỗ mà tôi đã tưởng làm cho họ phải kinh ngạc. Họ nhịn cười, đặt cho tôi những câu hỏi, rồi sau khi tôi đã trả lời, họ lại càng cười dữ. Đó không phải là tiếng cười của hy vọng hay của hạnh phúc, mà của sự nhạo báng.

- Thế bốn chục giáo viên làm gì?

- Tôi không biết.

Cười.

- Bác Antôn Xêmiônôvich, bác không tống vào mõm một đứa nào ở ngoài ấy à? Xin thú thật, giá là tôi thì tôi không thể nào nhịn được.

Cười.

- Có một phòng ăn không?

- Có, nhưng vì tất cả các trẻ đều đi chân không, cho nên họ đem các xanh chảo lên phòng ngủ và họ ăn ở đấy!

Cười.

- Ai đem xanh chảo?

- Tôi đã không nhìn. Chắc là chính họ.

- Thay phiên nhau ư?

- Phải, có lẽ thế.

- Thế thì có tổ chức đấy!

Cười.

- Thế có đoàn Kômxômôn không?

Lần này thì tiếng cười dâng lên tràn ngập, không đợi câu tôi trả lời.

Tuy nhiên, khi tôi báo cáo xong, tất cả mọi người đều nhìn tôi với một vẻ

nghiêm trang và quan tâm suy nghĩ.

- Vậy ý kiến bác thế nào? Có người hỏi to lên.

- Tôi, thì tôi cũng nghĩ như các chú…

Lapô chăm chú nhìn tôi, rõ ràng là không hiểu ý tứ ra sao hết.

- Thôi được, phát biểu ý kiến đi… Thế nào? Tại sao anh em không nói? Khi nào anh em quyết định nói, hẳn là ý kiến phải hay.

Đơnit Kutlaty giơ tay.

- À, Đơnit, nào xem cậu nói gì.

Với một cử chỉ theo thói quen dân tộc, Đơnit đưa tay lên sờ gáy, song chợt nhớ rằng nhược điểm đó bao giờ cũng bị các trại viên chú ý, hắn lại vội buông cái bàn

tay vô ích ấy xuống. Mặc dầu vậy, bọn trẻ cũng đã để ý động tác ấy và phá cười cả lên.

- Tôi thì, nói cho đúng, tôi chẳng có gì để nói cả. Đã đành là được cái ở gần Khackốp, hẳn đi rồi… Tuy vậy, lao mình vào một công việc như thế… Ở trại ta còn lại những ai? Tất cả đều đã tếch lên các trường trung học công nông.

Hắn vặn vẹo cổ, tựa hồ hắn vừa nuốt phải một con nhặng.

- Nói cho đúng, thì không bõ nói tới cái trại Kuriajê ấy làm gì. Tại sao ta lại đi rúc vào chỗ ấy? Với lại, anh em hãy tính xem: hai trăm tám mươi đứa bọn chúng nó, còn bọn mình một trăm hai mươi. Lại còn, ở trại mình, có bao nhiêu

đứa mới, và những anh em cũ thì được bao nhiêu? Này đây Tôxka làm đội trưởng, và Natasa nữa, nhưng còn Pêrêpêliatsenkô, nhưng còn Guxtôivan và Galatenkô?

- Galatenkô cái gì? Một giọng buồn ngủ và bất bình thốt lên. Chuyện này hay chuyện khác, lúc nào cũng cử Galatenkô.

- Cậu im đi, Lapô ngắt lời hắn.

- Tại sao tôi lại im? Bác Antôn Xêmiônôvich vừa kể chuyện bọn chúng nó ở ngoài ấy như thế nào. Thế thì tôi, tôi không làm việc đấy hẳn, hay là sao?

- Thôi, được rồi, Đơnit nói, tôi xin lỗi, nhưng dù sao thì ra ngoài ấy bọn mình cũng sẽ bị chúng nó đả, tôi chỉ thấy có vậy thôi.

Michia Jêvêli ngẩng đầu lên:

- Từ từ chứ nhé, khoan nói đến chuyện đả.

- Thế cậu sẽ làm gì?

- Cậu không phải lo.

Kutlaty ngồi xuống. Ivan Ivanôvich lên tiếng:

- Các đồng chí trại viên, dù thế nào chăng nữa thì tôi cũng sẽ chẳng đi đâu hết cả, cho nên có thể nói là tôi đứng ở ngoài cuộc, và tôi nhìn vấn đề rõ hơn. Tại sao lại đi Kuriajê? Họ sẽ để lại ở đấy cho ta ba trăm đứa trẻ hư hỏng nhất, lại là những đứa ở Khackôp nữa…

- Thế ở đây, dễ họ không gửi từ Khackôp đến cho mình hẳn? Lapô hỏi.

- Tôi biết. Vậy anh em nghĩ xem: ba trăm! Mà bác Antôn Xêmiônôvich nói rằng những đứa ở ngoài ấy đều gần thành niên cả. Và anh em phải tính điều này nữa: anh em đi tới đấy, còn chúng tôi thì ở nhà chúng. Nếu chỉ riêng về quần áo mà chúng đã ăn cắp đáng giá tới mười tám nghìn rúp, thì anh em hãy tưởng tượng xem chúng sẽ xơi anh em với món xốt gì.

- Ăn quay! Có người kêu lên.

- Không, món quay, thì cũng còn phải làm cho chín. Chúng sẽ ăn sống nuốt tươi chúng mình.

- Và chúng cũng sẽ dạy cho nhiều người của trại ta ăn cắp, Ivan Ivanôvich nói tiếp. Ở trại ta đây, có cái giống ấy

không?

- Có đấy, bao nhiêu cũng có, Kutlaty trả lời, giống cặn bã, thì ta có được bốn chục đấy, chỉ có điều là chúng sợ không dám giở ngón thôi.

- Đấy nhé, anh em xem! Ivan Ivanôvich khoan khoái nói. Anh em hãy tính: anh em, tám chục này, và chúng nó ba trăm hai này, và ngoài ra, về phía chúng ta hãy trừ đi số con gái và trẻ con… Thì tại sao lại làm những chuyện đó? Tại sao lại phá hoại trại Gorki? Bác Antôn Xêmiônôvich ạ, bác đưa trại đến chỗ chết đấy.

Ivan Ivanôvich vừa ngồi xuống vừa tung những cái nhìn đắc thắng ra tứ phía. Một tiếng ồn ào đồng tình đến một nửa

dâng lên trong hàng ngũ các trại viên nhưng trong những tiếng đó tôi không nghe thấy có gì là quyết định.

Được tất cả mọi người tán thành, Kalina Ivanôvich, mặc chiếc áo đi mưa cũ, nhưng mặt mày cạo râu nhẵn nhụi và rất sạch sẽ như mọi khi, chuẩn bị nói. Kalina Ivanôvich rất khổ tâm vì phải xa rời trại, và lúc này, trong đôi mắt màu lam nhạt có run rẩy một ánh sáng leo lét già nua, tôi nhìn thấy một nỗi đau thương lớn của con người.

- Vậy là, những chuyện như thế đấy, Kalina Ivanôvich bắt đầu, không vội vã. Cả tôi nữa, thì tôi cũng không đi với anh em, và như thế là tôi cũng không ở trong cuộc, điều đó không có nghĩa là tôi đứng ngoài bàng quan. Anh em sẽ đi đâu, và

cuộc đời sẽ dẫn dắt anh em đi đâu, câu chuyện có khác. Tháng trước, anh em bảo: chúng ta sẽ gửi bơ sang cho người Anh. Nhưng xin anh em hãy làm ơn bảo cho một thằng già như lão đây biết, đi làm việc cho những người Anh ăn hại kia có phải là một chuyện nghe được không? Vậy mà tôi thấy ở trại ta người ta cứ giậm chân lên đành đạch vì sốt ruột: chúng ta đi đi, đi đi! Được lắm, vì thử các chú ra đi thì rồi về sau ra làm sao? Zapôrôjiê, đứng về mặt lý thuyết mà nói, thì là tốt đấy, tất nhiên, nhưng về mặt thực tế thì rút cục lại chỉ có là chuyện đi chăn bò, có thế thôi. Trước khi bơ của các chú đến được tay người Anh, các chú phải đổ bao nhiêu mồ hôi, các chú đã tính chưa? Rồi còn đồng cỏ, rồi còn

lấy phân, rồi còn rửa đít cho bò, vì không như thế thì cái người Anh ăn hại kia, nó sẽ chẳng thèm ăn đến bơ của các chú đâu. Nhưng các chú ngu xuẩn, các chú có nghĩ gì đến các chuyện đó; cứ là đi và cứ là đi thôi. Thực cũng là hay, các chú lại không đi, và như thế là cái người Anh kia, hắn cứ việc mà ăn bánh mì khô thôi. Bây giờ có chuyện cái trại Kuriajê. Và các chú ngồi ngẩn cả ra đấy mà vò đầu suy nghĩ. Nhưng có cái gì mà phải suy nghĩ chứ? Các chú là những con người tiến bộ, vậy mà kia, có ba trăm anh em của các chú đương nguy ngập, cũng là những Maxim Gorki, y như mỗi người các chú cả thôi. Bác Antôn Xêmiônôvich vừa mới kể lại chuyện ấy cho các chú nghe ở đây, và các chú sặc

lên cười, nhưng chuyện đó có cái gì là buồn cười chứ? Làm thế nào chính quyền xô-viết lại có thể công nhận cho ngay ở thủ đô, ở Khackôp, dưới mũi Grigôri [64] Ivanôvich có thể mọc lên được bốn trăm tên ăn cướp? Và chính quyền xô-viết bảo các chú: Đi, các chú hãy đi làm thế nào cho bọn đó trở thành những người lương thiện: ba trăm, những con người thuộc loại đó, các chú nghĩ mà xem! Mà không phải là hạng người cặn bã nào, một thằng cha Luka Xêmiônôvich hay một đứa nào khác, sẽ chứng kiến các chú làm việc, nhưng là cả giai cấp vô sản của Khackôp nhé! Nhưng không, các chú không thích thế. Các chú muốn chiều chuộng bọn người Anh hơn, cho họ sự

nhồi nhét bơ của các chú đến vỡ bụng ra kia. Và chúng ta buồn vì phải rời bỏ nơi này nữa. Các chú buồn vì không nỡ rời bỏ những khóm hồng, rồi các chú lại sợ: bọn chúng ta có ngần ấy người. Nhưng khi Antôn Xêmiônôvich với tôi, chỉ có hai người, chúng tôi bắt đầu lập cái trại nầy, thì sao nhỉ? Dễ thường chúng tôi cũng đã triệu tập họp toàn trại và diễn thuyết đấy hẳn? Đây này, hãy bảo họ nói cho các chú nghe, bọn Vôlôkhôp với Taranet và Gut, những của ăn hại ấy, xem chúng tôi đã có sợ họ hay không? Và đấy sẽ là một công tác phục vụ Nhà nước, cần cho chính quyền xô-viết. Thế cho nên, tôi bảo các chú: đi đi, chỉ có thế thôi. Và Maxim Gorki, ông ta sẽ nói: các trại viên Gorki của mình, họ như thế đấy,

những của ăn hại, họ đã đi lên, không sợ hãi gì hết!

Kalina Ivanôvich càng nói thì má bác ta càng hồng hào và mắt các trại viên càng rực cháy lên một ngọn lửa nồng nhiệt hơn. Nhiều chú trước ngồi trên sàn nhà sán lại gần chúng tôi và nhiều chú, tì cằm lên vai các chú ngồi bên, dán mắt nhìn đăm đăm không phải vào mặt Kalina Ivanôvich, mà vào cái kỳ công tương lai thấy thấp thoáng ở xa xa. Và khi Kalina Ivanôvich nói đến Gorki, thì từ những đồng tử mở to ra của các trại viên bùng lên một ngọn núi lửa đỏ rực nhiệt tình nhân đạo; bọn trẻ bắt đầu la lên, hét lên, xô đẩy nhau, muốn vỗ tay hoan hô, nhưng không kịp. Đứng giữa các bạn hắn ngồi trên sàn, Michia Jêvêli

hướng về phía những hàng cuối cùng mà hắn hiển nhiên đợi chờ sự phản đối, kêu lên rằng:

- Chúng ta đi, hỡi những đồ ăn hại, nói thực đấy, chúng ta đi!

Song chính những hàng cuối cùng cũng phóng dồn cả vào Michia tất cả nhiệt tình của họ với những nét mặt quả quyết, và bấy giờ Michia nhảy choàng vào Kalina Ivanôvich, bác ta đã bị cả đám lộn xộn những trẻ nhỏ xúm vây quanh, từ lúc này chúng không còn có thể làm gì khác hơn là kêu lên the thé.

- Bác Kalina Ivanôvich, nếu như thế, thì bác đi với chúng tôi chứ?

Kalina Ivanôvich vừa nhồi tẩu thuốc vừa mỉm cười cay đắng. Lapô bèn diễn

thuyết như sau:

- Khẩu hiệu viết ở trại ta như thế nào, đọc to lên!

Tất cả mọi người đồng thanh hét lên:

- Cấm kêu ca!

- Được, nhưng hãy đọc lại đi, một lần nữa!

Lapô hạ nắm tay xuống và tất cả nhắc lại bằng một giọng vang lừng cương quyết:

- Cấm kêu ca!

- Thế mà chúng ta kêu ca! Tất cả các cậu là những nhà toán pháp giỏi nhỉ: họ cộng tám chục với ba trăm hai. Ai tính như thế? Chúng ta đã nhận bốn chục của Khackôp, bọn ấy đã tính chưa? Họ tính

đâu rồi?

- Có, chúng tôi đây! Bọn trẻ kêu lên.

- Thế thì thế nào?

Và chúng la ầm lên:

- Ngổ lắm!

- Như vậy thì tính quái quỷ gì? Giả tôi là Ivan Jvanôvich, thì tôi sẽ tính như thế này: chúng ta đây, ta không có rận, còn trên người chúng thì có một vạn con vậy ta cứ ở yên đây thôi.

Cả cử tọa cười ồ lên nhìn vào Ivan Ivanôvich xấu hổ đỏ mặt.

- Chúng ta chỉ nên tính đơn giản, Lapô nói tiếp: phía chúng ta, có trại Gorki, còn về phía chúng, có ai? Chẳng có ai hết.

Lapô nói xong. Các trại viên la lên:

- Đúng lắm! chúng ta đi, có thế thôi! Bác Antôn Xêmiônôvich hãy viết thư cho Ủy ban đi!

Kutlaty nói:

- Tốt lắm! đã quyết định đi, thì ta đi. Nhưng phải giữ lấy đầu óc tỉnh táo. Ngày mai đã là tháng ba rồi không được bỏ phí một ngày nào hết. Không nên viết thư mà phải gửi điện, nếu không thì ta sẽ không có vườn rau đấy. Lại còn chuyện khác: dù thế nào chăng nữa, chúng ta cũng không thể ra đi mà không có tiền. Hai chục nghìn, hơn hay kém gì đấy, nhưng muốn gì thì gì, cũng phải có tiền.

Lapô hỏi ý kiến tôi:

- Ta cho biểu quyết chăng?

- Bác Antôn Xêmiônôvich cho ý kiến! có người kêu lên trong đám đông.

- Cậu chưa thấy hay sao? Lapô nói. Nhưng dù sao, cũng cứ là cần, cho đúng phép. Bác Antôn Xêmiônôvich phát biểu.

Tôi đứng dậy trước mặt hội nghị và nói vắn tắt:

- Trại Gorki muôn năm!

Một nửa giờ sau, Vichia Bogôiaplenxki, mã phu trưởng mới của trại Gorki và đội trưởng của đội hai, phóng ngựa đi lên tỉnh.

Tại sao hắn nâng niu mũ thế?

Trong cái mũ chụp của hắn, có bức điện tín này:

"Đjurinxkaia Ủy ban Giáo dục Khackôp.

Tha thiết yêu cầu giao Kuriajê cho chúng tôi vì khẩn cấp bảo đảm gieo hạt chúng tôi gửi về dự toán.

Hội nghị toàn thể trại viên.

Makarenkô"

18. HỎA LỰC THĂM DÒ

Hôm sau Đjurinxkaia triệu tập tôi bằng điện tín. Các trại viên tin tưởng đặt nhiều ý nghĩa quan trọng vào bức điện tín đó.

- Các cậu thấy không, đã chuyển rồi đấy, điện tín này nọ tiếp điện tín kia.

Sự thực, công việc tiến triển không lấy gì làm khẩn trương đặc biệt. Theo ý kiến chung, thì không thể nào chịu đựng Kuriajê được nữa, dù chỉ là vì tất cả các biệt thự, các khu nhà công nhân và các làng lân cận đều khẩn khoản yêu cầu thanh toán cái "tổ cướp" ấy đi, nhưng Kuriajê tuy vậy vẫn có những người bảo vệ. Nói cho đúng, chỉ có Đjurinxkaia và

Iuriep là đòi hỏi phải giao cái trại đó cho chúng tôi vô điều kiện, Iuriep thì tin ở sự căn cứ đúng đắn của dự án đó, còn Đjurinxkaia đồng tình chỉ vì tin ở tôi, và trong một lúc bộc lộ chân tình bà đã thú nhận:

- Tuy thế nhưng tôi lo ngại đấy, bác Antôn Xêmiônôvich ạ: tôi không thể nào tránh được, và tôi cứ sợ…

Brêgen tán thành việc giao trại, nhưng đề nghị những phương thức mà tôi không thể nào đồng ý được: một tiểu ban đặc biệt gồm ba người phải chỉ huy tất cả công việc chuyển giao: các lề lối hình thức cơ bản của trại Gorki phải thâm nhập dần dần vào cơ thể mới, và năm chục thanh niên Kômxômôn ở Khackôp sẽ được huy động trong một tháng giúp

đỡ tôi.

Khalabuđa bị tính xảo trá của những người chung quanh ảnh hưởng, không chịu nghe nói đến chuyện trợ cấp hai vạn nữa, và cứ nhắc đi nhắc lại mãi một điệu:

- Mất hai vạn, thì chúng tôi làm lấy hết thôi.

Từ trong công đoàn, những kẻ thù bất ngờ đột nhiên xuất hiện để đả phá chúng tôi. Klame, một anh chàng tóc nâu, tính khí hỏa diệm sơn và là "bạn của nhân dân", hăng máu lên một cách thô lỗ đặc biệt. Cho đến ngày nay tôi vẫn còn không hiểu tại sao trại Gorki lại làm cho hắn đến nông nỗi ấy, nhưng hắn không bao giờ nói đến trại mà mặt không tái nhợt đi

vì cuồng dại, hắn khạc nhổ tức tối và đập nắm tay lên bàn:

- Chỗ nào cũng thấy những nhà cải cách! Vậy cái anh Makarenkô ấy là ai chứ? Tại sao chỉ vì một anh Makarenkô, mà chúng ta phải làm trái luật pháp và phạm đến quyền lợi của những người lao động? Và ai biết đến trại Gorki? Ai đã trông thấy nó? Đjurinxkaia à? Thế rồi làm sao? Đjurinxkaia hiểu được hết mọi cái à?

Những đòi hỏi của tôi như sau, làm cho hắn dựng hết tóc lên:

1. Thải hồi hết nhân viên của trại Kuriajê, không phải thảo luận gì cả.

2. Bổ nhiệm tới trại Gorki mười lăm giáo viên (biên chế dự trù cho bốn

mươi).

3. Trả lương các giáo viên, không phải bốn chục, mà tám chục rúp mỗi tháng.

4. Giáo viên do tôi tuyển dụng, công đoàn vẫn giữ quyền phủ quyết.

Những đòi hỏi không có gì là quá đáng ấy làm cho Klame uất ức đến phát khóc được.

- Tôi rất muốn biết: ai là người dám đem ra thảo luận cái tối hậu thư láo xược này? Mỗi chữ là một chữ nhạo báng luật pháp xô-viết. Hắn cần đến mười lăm giáo viên, còn hai mươi nhăm người kia, thì quẳng xuống bể. Hắn muốn bắt họ làm việc quần quật như những tù khổ sai, vì thế cho nên hắn mới sợ có bốn chục người.

Tôi không tranh luận với Klame, vì tôi không tài nào đoán hiểu được những động cơ thực của hắn.

Nói chung, tôi cố gắng đứng ở ngoài các cuộc thảo luận và tranh cãi, bởi vì đối với lương tâm thực ra tôi không thể nào bảo đảm sự thành công và tôi không thể ép uổng ai nhận lấy một cái trách nhiệm mà họ không thấy là nó được chứng minh hợp lý. Nói cho đúng, tôi chỉ có mỗi lý lẽ: trại Gorki, nhưng ít người đã nhìn thấy trại, và tôi thì không tiện nói đến nó.

Vấn đề chuyển giao trại làm lay động không biết bao nhiêu người, bao nhiêu nỗi phẫn uất và bao nhiêu mối quan hệ phức tạp, khiến cho không bao lâu tôi hoàn toàn không còn biết đường lối nào

mà lần nữa, nhất là bao giờ tôi cũng chỉ ra Khackốp không quá một ngày và không đặt chân vào một cuộc hội họp nào hết thảy. Vì lý do này hay vì lý do khác, tôi không tin ở sự thành thực của những người thù địch với tôi, và tôi ngờ rằng ở đằng sau các lý lẽ được nêu ra có ẩn giấu những dụng ý khác.

Chỉ riêng có một nơi, ở Ủy ban Giáo dục, là tôi vấp phải mối ác cảm nhiệt liệt chân thật của một người, cho nên tôi thành thực hoan nghênh. Người đó, cứ căn cứ ở chiếc áo dài, thì là một người đàn bà, nhưng thực tế có lẽ là một sinh vật không phân nam nữ: thân hình loắt choắt, một bộ mặt ngựa, ngực phẳng như tấm ván, và những bàn chân khổng lồ, mà bà ta không biết dùng làm gì được. Bà ta

cứ luôn luôn vung vẩy hai bàn tay đỏ như tôm luộc, khi thì để hoa lên, khi thì để sắp lại những món tóc cứng, màu rơm vàng nhạt. Người ta gọi bà là nữ đồng chí Zôia. Bà ta có đôi chút thế lực ở phòng giấy của bà Brêgen.

Nữ đồng chí Zôia ghét tôi ngay từ buổi đầu thấy mặt, và bà ta không giấu giếm gì điều đó, cũng không e ngại dùng những lời lẽ gay gắt nhất.

- Bác ấy à, Makarenkô ạ, bác là một người lính chứ không phải là một nhà sư phạm. Người ta bảo rằng bác là một đại tá cũ và xem ra có vẻ là đúng. Và nói chung thì tôi không hiểu tại sao ở đây người ta cứ đưa bác lên chín tầng mây. Tôi sẽ không để cho bác đến gần tụi trẻ đâu.

Sự thành thật, trong như pha lê, và cái nhiệt tình cũng trong suốt của nữ đồng chí Zôia khiến tôi thích thú và tôi cũng chẳng giấu giếm gì điều đó trong câu trả lời thường lệ của tôi:

- Tôi bao giờ cũng hân hoan khâm phục bà, nữ đồng chí Zôia ạ, chỉ có điều là tôi chưa từng làm đại tá bao giờ.

Nữ đồng chí Zôia coi việc chuyển giao trại như một tai nạn không thể nào tránh được, nên vừa đập nắm tay xuống bàn vừa la lối:

- Các người bị quáng mắt hết cả rồi! Không biết tất cả các người đã bị anh ta cho uống cái gì thế, cái anh… bà nhìn tôi nói.

- … Cái anh đại tá ấy, tôi nghiêm chỉnh gợi nhắc bà ta.

- Phải, đại tá… tôi bảo cho các người biết, chuyện này sẽ kết thúc thế nào: bằng một cuộc chém giết. Anh ta sẽ đem một trăm hai mươi đứa trẻ nuôi của anh ta đến, và chúng nó sẽ cứa cổ lẫn nhau. Đồng chí nghĩ về chuyện ấy như thế nào, đồng chí Makarenkô?

- Tôi rất phục những ý kiến của bà, nữ đồng chí Zôia ạ, nhưng tôi thực tò mò muốn biết ai sẽ cứa cổ ai.

Brêgen dẹp cuộc đấu khẩu của chúng tôi:

- Zôia! Nói thế mà bác nghe được à! Chém giết ở trại, thôi đi!... Còn bác, Antôn Xêmiônôvich, thì lúc nào cũng cứ

đùa.

Mớ bòng bong những tranh luận và phe phái lăn về phía những cấp bậc cao của Đảng, điều đó khiến tôi yên lòng. Còn một sự việc khác nữa cũng khiến tôi yên lòng: cái nhọt độc Kuriajê ngày càng nung nấu thối tha tệ hại hơn; nó càng ngày càng tan rã và đòi hỏi phải có những biện pháp quyết liệt đồng thời khẩn cấp để đối phó. Kuriajê bắt buộc phải có sự quyết định, bất chấp cả đến các nhà sư phạm của nó cũng lên tiếng phản kháng:

- Những câu chuyện qua lại về sự di chuyển trại Gorki làm cho tinh thần suy sụp đến cùng cực.

Chính các giáo viên ấy lại bắn tin

ngầm đi rằng các trại viên Kuriajê đang chuẩn bị nói chuyện bằng dao để thanh toán với các trại viên Gorki. Nữ đồng chí Zôia hét vào mặt tôi:

- Anh thấy không, anh thấy không?

- Có, tôi trả lời. Nghĩa là bây giờ thì việc rõ ràng. Đấy là chúng sẽ cứa cổ chúng tôi, chứ không phải trái lại.

- Tất nhiên là việc rõ ràng, Vacvara, chị sẽ chịu trách nhiệm về mọi chuyện, chị hãy coi chừng đấy! Có ở đâu thấy chuyện như thế này không? Thả ra hai bọn trẻ vô thừa nhận cho chúng nó giết nhau!

Tôi được gọi tới phòng giấy của cấp trên. Một người mặt mày nhẵn nhụi cất đầu lên khỏi các giấy tờ và nói:

- Đồng chí Makarenkô, mời đồng chí ngồi.

Đjurinskaia và Klame đều có mặt ở đấy. Tôi ngồi xuống.

Người mặt mày nhẵn nhụi vẫn không cất cao giọng hỏi rằng:

- Bác tin chắc rằng cùng với bọn trẻ nuôi của bác, bác có thể khắc phục được sự tan rã của trại Kuriajê à?

Chắc là tôi tái mặt đi, vì tôi đã phải mắt nhìn thẳng mắt mà trả lời một câu hỏi đặt rất thẳng thắn bằng một câu nói dối:

- Tôi tin chắc.

Người mặt mày nhẵn nhụi đăm đăm nhìn tôi và nói tiếp:

- Bây giờ đến một vấn đề chuyên môn:

đồng chí Klame ạ, đồng chí hãy chú ý, một vấn đề chuyên môn chứ không phải là nguyên tắc: bác hãy cho tôi biết, nhưng vắn tắt thôi, tại sao bác không cần đến bốn chục giáo viên, mà chỉ cần đến mười lăm người thôi, và tại sao bác không tán thành số lương bổng bốn chục rúp.

Tôi nghĩ ngợi và nói:

- Để nói ngắn, thì như thế này: bốn chục giáo viên ăn lương bốn chục rúp thì có thể đưa tới chỗ làm tan rã hoàn toàn không những một tập thể trẻ con vô thừa nhận mà bất cứ một tập thể nào khác.

Người mặt mày nhẵn nhụi bỗng ngả người vào lưng ghế tựa mà cười phá lên một cách thành thực, rồi trỏ ngón tay mà

hỏi qua nước mắt:

- Cả đến một tập thể những người như Klame ư?

- Không tránh được, tôi nghiêm chỉnh trả lời.

Vẻ thận trọng quan thức của ông ta bỗng như bị một luồng gió thổi tan đi mất. Ông giơ tay về phía Liubôp Xavêliepna:

- Tôi vẫn bảo mà: "Số lượng không làm ra chất lượng"

Bỗng ông lắc đầu mệt mỏi, và lấy lại cái giọng quan thức và thực tế mà bảo Đjurinvkaia:

- Để cho bác ấy đi đi! Và hết sức chóng lên!

- Hai vạn rúp, tôi vừa nói vừa đứng dậy.

- Bác sẽ có. Thế có là nhiều không?

- Thế là ít.

- Được. Chào bác. Bác đi đi, và xin nhớ: phải hoàn toàn thành công đấy.

Hồi ấy, ở trại Gorki, cái quyết nghị đầu tiên đầy nhiệt tình phấn khởi đã dần dần chuyển biến thành những hình thức chuẩn bị quân sự trầm lặng và chính xác. Lapô thực tế chỉ huy trại, có Kôvan giúp đỡ trong những trường hợp khó khăn, song không có những khó khăn gì cả. Chưa bao giờ thấy có sự đồng tình nhất trí đến như thế cũng chưa bao giờ thấy ai nấy đều có một ý thức trách nhiệm tương quan tương trợ sâu sắc đến như thế!

Ngay đến các điều phạm lỗi nhỏ cũng gặp phải một sự ngạc nhiên chung, được điểm xuyết bằng cái câu phản kháng gọn lỏn và ý nghĩa này:

- Thế mà mày còn muốn đi Kuriajê à?

Không có ai ở trại còn giữ một chút hồ nghi gì nữa về bản chất nhiệm vụ chung. Thậm chí các trại viên không tự nhận biết, nhưng đều phảng phất cảm thấy, do một giác quan vô cùng tinh tế, cái nhu cầu nhất thiết phải phục tùng tập thể và đó không phải là một sự hy sinh. Được cảm thấy mối tương liên đoàn kết ấy, sự kiên cố mềm dẻo trong các quan hệ đối xử, và cảm thấy, trong một sự nghỉ ngơi đầy sức mạnh, cái thế lực chấn động, vĩ đại của tập thể - đó thực là một niềm vui thú, có lẽ là niềm vui thú êm ấm nhất trên

đời. Tất cả những điều đó biểu lộ rõ ràng trong các khóe mắt, cử chỉ, vẻ mặt, dáng đi và công tác. Các con mắt đổ dồn nhìn cả về phía bắc: ở đó, giữa các bức tường thành đồ sộ, một bầy ô hợp những con người u tối đang dồn đống, ồn ào hướng về chúng tôi, bầy người nhất trí kết hợp trong sự bần cùng, phóng túng và điên loạn, đồ ngu xuẩn và ngang bướng.

Về phía các trại viên, tôi không nhận thấy có một thái độ gì là huênh hoang khoác lác. Ai nấy đều có một mối lo lắng và nghi ngại âm thầm, rất tự nhiên, vì chưa ai được nhìn tận mắt kẻ địch.

Mỗi chuyến tôi ở tỉnh về, các trại viên đều nóng lòng sốt ruột và háo hức mong chờ: họ canh gác trên đường cái và trên cây, họ rình đợi trên các mái nhà. Xe

ngựa của tôi vừa vào đến sân, tay kèn hiệu đương phiên lập tức nắm lấy kèn và thổi hiệu tập hợp, không cần đợi tôi đồng ý. Tôi ngoan ngoãn đi vào phòng họp. Hồi đó trại đã thành thói quen tiếp đón tôi như một nghệ sĩ lớn, bằng một loạt vỗ tay. Sở dĩ có sự hoan nghênh đó, tất nhiên vì tôi thì ít, mà vì nhiệm vụ chung của trại nhiều hơn.

Sau cùng trong những ngày đầu tháng năm, tôi đến một cuộc họp như vậy với một bản hợp đồng đã ký.

Chiếu theo hợp đồng và thừa lệnh của Ủy ban Giáo dục, trại Gorki di chuyển đến Kuriajê với toàn thể trẻ nuôi và nhân viên. Tất cả đồ đạc cùng sinh súc và nông cụ. Trại Kuriajê bị bãi bỏ; hai trăm tám mươi trẻ nuôi và hết thảy tài sản của

nó được giao cho trại Gorki quản lý. Toàn thể nhân viên của trại Kuriajê chỉ trừ một vài người công tác chuyên môn, bị thải hồi kể từ sau khi mọi quyền hành đã được bàn giao cho viên giám đốc trại Gorki.

Tôi được lệnh đến nhận quyền quản đốc trại Kuriajê ngày mồng năm tháng năm. Việc di chuyển trại Gorki phải được hoàn thành ngày mười lăm.

Sau khi nghe đọc bản hợp đồng và công lệnh của Ủy ban, các trại viên không hô u-ra; họ không chuyền tay nhau "tung" ai lên trời hết. Chỉ có Lapô nói, giữa sự im lặng chung:

- Chúng ta sẽ viết thư cho bác Gorki. Và các cậu hãy nhớ, cốt nhất là cấm kêu

ca!

- Rõ! Cấm kêu ca! kêu thé lên một chú nhỏ.

Và Kalina Ivanôvich vung tay lên, nói thêm:

- Tiến lên, các chú, không sợ!

PHỤ LỤC

SƠ LƯỢC NỘI DUNG

PHẦN THỨ HAI

1. Một bình sữa

Quang cảnh trại thứ hai; những góc thích thú để câu cá, tắm, chơi đùa, nói chuyện. Kalina Ivanôvich mỗi ngày một già lẫn, nhưng vẫn được mọi người vì nể. Những chuyến đi ra tỉnh của Kalina với Kutlaty. Đơnit Kutlaty rất tiết kiệm và làm nhiệm vụ chủ nhiệm phó rất đắc lực, nên năm nào cũng được tập thể tín nhiệm bầu lại.

Chỗ ở chật chội, vì trại chưa tu sửa được "ngôi nhà đỏ". Việc sửa chữa cần đến sáu nghìn rúp, mà Ủy ban giáo dục

chỉ trợ cấp cho những món tiền không có ý nghĩa lý gì, ví dụ: trợ cấp mỗi năm cho mỗi trại viên về may mặc chỉ có 23 rúp, khiến Kalina công phẫn.

Sự lạc quan mê tín của Karabanôp. Tiếp được tin ngày 6 tháng 10 sẽ có bà thanh tra Bôkôva (Maria Kônđratiepna) của Ủy ban bảo vệ Nhi đồng đến thăm trại. Bàn tán, hy vọng và long trọng chuẩn bị đón liếp. Bà xinh đẹp vả vui vẻ hôn hậu, trái hẳn dự đoán của Karabanôp tưởng bà là một bà già như mụ phù thủy. Sự ngạc nhiên của Antôn Bratsenkô. Câu chuyện trao đổi trên xe. Sự hoan nghênh của các trại viên. Kalina lo tìm món ăn cho khách.

Trong khi Bôkôva thích thú uống sữa lạnh thơm, các trại viên đề cập luôn vấn

đề và được thắng lợi: sau ba ngày ở thăm trại và thân mật xúc tiếp với các trại viên, bà ký hợp đồng giúp trại sáu nghìn rúp với điều kiện là khi nào sửa chữa xong ngôi nhà đỏ, trại sẽ tiếp nhận 40 trẻ em vô thừa nhận. Karabanôp thay Antôn đánh xe đi tiễn chân bà. Bà hẹn với các trại viên sẽ trở lại thăm trại nữa. Ý nghĩ của Karabanôp về các mụ phù thủy.

2. Bố Ôtsênăc

Bôkôva gửi tiền cho trại như đã hứa. Đợt xây dựng mới: giai đoạn cuối cùng của cuộc chiến đấu bốn năm ròng. Nhiệt tình sôi nổi, nhưng thiếu người làm cả mọi việc canh tác và tu sửa trại. Dưới sự điều khiển cương quyết của Sêrê, công tác nông nghiệp phát triển mạnh và thu hút một số trại viên. Tuy cùng say mê

công tác đó, nhưng Karabanôp, Vôlôkhôp, Burun, Ôtxatsi, Ôpriskô và Fêđôrenkô xu hướng mỗi người một khác, còn Ôlia Vôrônôva thì căn bản yêu nông nghiệp. Ngoài trại, có Xpirôđôn, bí thư Kômxômôn làng Gôntsarôpka, và Paven Pavlovich Nikôlaienkô, một thanh niên chưa vợ. Ôlia cùng họ nói chuyện về tính bảo thủ của nông dân. Tranh luận với Karabanôp và Burun, Ôtsênăc xen vào câu chuyện. Họa tượng và lai lịch của Ôtsênăc (Xilanti Xêmiônôvich), một nhân viên mới của trại: vui tính, tích cực, phong cách triết nhân.

Đoàn Kômxômôn thúc đẩy việc học: mơ ước của các viên thì vào RABFAK (trường trung học công nông). Burun học vất vả nhưng chắc chắn. Trái lại,

Marutxia có khả năng, nhưng xấu tánh nết, không tự tin và hay cáu kỉnh văng tục với các giáo viên. Makarenkô chuyển cô từ nhóm của Êkatêrina Grigôriepna và tìm cách nhẹ nhàng giáo dục cô. Marutxia giận dỗi, Xilanti dàn hòa: kết quả vui vẻ.

3. Những nét đặc trưng:

Mùa đông đến, phục sức của các trại viên. Những buổi tối quây quần bên lò sưởi, chuyện trò thân mật: Vetkôpxki kể chuyện hòn đá "lạy-Chúa-cho-qua", bị Zađôrôp nói chèn; Xilanti kể một chuyện cũ của đời mình, được Kalina Ivanôvich tán thưởng. Trong khi ấy Vecsơnep với Karabanôp cãi vã nhau về lý thuyết ở phòng Liđa; còn Sura Jêvêli ở phòng bà mẹ của Makarenkô cùng vui vẻ nói

chuyện với bà về con thỏ của nó ốm, xin bà kê để chữa cho nó. Vui nhất là ở xưởng đóng xe của Kôđia; họ chế giễu ông già sùng đạo và thường bị Kalina giải tán.

Các phòng ngủ nhỏ, ở từng đội, tổ, khiến sự đoàn kết nội bộ vững chắc hơn. Đội mười một của Gêorghieepxki: đội trẻ nhỏ, được hắn hết sức ân cần săn sóc. Các giáo viên mới: Juôcbin (Paven Ivanôvich), Butzai (Zinôvi Ivanôvich). Lai lịch, họa tượng, tính cách của mỗi người, Juôcbin ham mê nhận xét tâm hồn người. Butzay tắm nước lạnh để luyện cho thân thể thêm dày dạn. Xilanti đào hố băng giúp anh ta, bị Makarenkô phiền trách, và bác phân trần. Xưởng họa của Butzai. Lapô đùa nhại giọng anh.

Hai nữ sinh viên sư phạm đến trại thực tập: hỏi Makarenkô về các nét đặc trưng của cá tính các trại viên. Hai được giới thiệu với họ và họ đặt tên lại cho Kxênia Rômariôva Vacxkaia là Ôxana, Rasen Xêmiônôpna Landxbeeg là Rasen. Hai cô bị lôi cuốn ngay vào cơn lốc của đời sống phức tạp, bận rộn và vui vẻ ở trại. Mách Xilanti đã nói đùa, bảo các cô là ngựa, vì các cô dùng xe đi tuyết chơi trượt tuyết. Sau đó, Ôxana nhại giọng Makarenkô rồi bỏ chạy, còn Rasen buồn ngủ trở về phòng cô.

4. Sân khấu.

Xưởng trống của nhà máy xay được dùng làm sân khấu. Việc đặt những lò sưởi gang và xây dựng sân khấu. Danh tiếng tổ kịch của trại: trong mùa đông,

trình diễn khoảng 40 vở kịch lớn. Thành phần các khán giả. Sự náo nhiệt ở trại, những buổi trưa thứ bảy, khi họ đến.

Những món chi tốn kém: 200 rúp mỗi tháng. Song trại nhất thiết không lấy tiền vé, Jôra Vônkôp cương quyết giải quyết những thắc mắc về vấn đề phân phối vé. Sửa đổi tổ chức: bỏ đội kịch để thay thế bằng các đội đặc biệt phục vụ mỗi tuần lễ một vở kịch để thay thế bằng các đội đặc biệt sáu. Các đội sáu "Phục", sáu "Phụ" và các đội sáu khác làm việc như thế nào để xoay xở kiếm các thứ cần thiết, hoặc tạo ra những hiệu quả sân khấu đòi hỏi.

Các buổi diễn tập, các diễn viên. Một lần dùng Xilanti: nói sai lời trên sân khấu, theo khẩu ngữ quen miệng. Các vai

nữ: chỉ có Ôxana và Rasen chịu để cho ôm hôn tự nhiên. Một lần nhờ vợ một điện tín viên sở xe lửa thủ vai, bị anh chồng hay ghen, toan bắt vợ bỏ dở buổi diễn; Lapô và Karabanôp phải giải quyết và đe dọa mới dàn xếp ổn. Công việc vẽ mặt: Butzai và Piôtr Ivanôvich phụ trách.

Tìm kiếm ra các đồ phụ tùng. Ăn thực trên sân khấu: thúc giục Karabanôp ăn mau để nói câu: "Tôi phải đi". Trời rét, Karabanôp cởi trần đóng vai trong "Máy móc nổi loạn". Vai tượng ở vườn tuyết do Sêlaputin đóng, trong vở "Đồng chí Xeemivzvôđny". Makarenkô đóng vai Plevơ trong vở "Azef", bị Xazônôp ném bom. Ôtxatsi đội trưởng đội sáu "Động" chuẩn bị việc ném bom quá cẩn thận, khiến Makarenkô cũng e ngại, và khi

đóng trò, ông đã ngã vật xuống đất gần bất tỉnh. Một kỳ công khác: vụ làm nổ tàu thủy: Piôtr Ivanôvich bị đau nhưng cứ cười. Những cuộc bắn súng trên sân khấu.

Nội quy đối với khán giả: cấm cắn chắt hạt quỳ trong rạp, và ai uống rượu không được vào xem.

Những chuyện nói sai vở trên sân khấu: Kutlaty nói sai hai câu thơ, Makarenkô bị gọi lầm tên thật trong vở "Quan thanh tra".

5. Một nền giáo dục kulắc.

Lễ sinh nhật Maxim Gorki, ngày 26 tháng 3, cũng là lễ mừng mùa xuân: tổ chức nội bộ, không mời khách ngoài. Duyệt trại viên, chào cờ, diễn văn, diễu

hành qua chân dung Gorki. Tiệc ăn uống linh đình thỏa thích: xúp củ cải đỏ, bánh chả, lợn quay (con Clêôpatrơ, do Xilanti chọc tiết), kem chua, bánh nhân pho-mát trắng, nước quả, kẹo. Ăn xong sửa soạn diễn kịch "Dưới đáy"

Đặt danh hiệu trại viên, Kalina Ivanôvich vui sướng được nhận huy hiệu, nhưng bỗng bị cụt hứng vì có Maria Kônđratiepna đến thăm trại và dự tiệc. Cuộc gặp mặt với Kalina. Thuật lại chuyện Kalina hôm lên Sở giáo dục đã tự ý cho một bà giám đốc vườn trẻ khuân đồ đạc trong phòng giấy của Maria. Cuộc tranh luận giữa hai người được kết thúc vui vẻ bằng lá cờ trắng của Karabanôp đưa cho Maria, bắt đầu hàng.

Buổi tối, sau vở kịch, Maria nói

chuyện với Makarenkô, cảm động thấy các trại viên vất vả vì phải làm việc khuya. Bà về ngủ với Liđa.

6. Những mũi tên của Quypiđông.

Nhà hát khiến trại viên gần gũi thanh niên nông thôn, gây quan hệ tình cảm luyến ái. Điểm qua những điều kiện thuận lợi của các đội đặc biệt sáu khác nhau, về mặt tránh mũi tên của Quypiđông: riêng có đội viên đội sáu "Khán" là dễ bị nguy nhất. Quá trình phát sinh và tiến triển của tình yêu.

Đmitri Ôpriskô và tấm ảnh của Marutxia. Tsôbô và Natasa Pêtrenkô. Tính cách của Tsôbô. Lai lịch, họa tượng, tính cách của Natasa. Tình cảm giữa hai người.

Công việc canh tác bận rộn vì kế hoạch của Sêrê. Các biển đề tên cây, tên hoa, dùng những chữ "vua, chúa, hoàng hậu". Bị bọn trẻ nghịch ngợm thay bằng những tên "trung úy, đại tá, y.y..." khiến Sêrê nổi giận Xilanti và Kalina dàn hòa, chấm dứt cuộc điều tra "cái án phản cách mạng ở ruộng của trại" ấy. - Vất vả nhất là làm ruộng củ cải. Maria Kônđratiepna nghỉ hè, ngày ngày đến trại, dự một buổi họp hội đồng đội trưởng, nghe các trại viên kêu ca về chuyện đó.

Ban ngày Maria đến trại chơi. Kalina nhận xét về bà, bảo Makarenkô nên chú ý đến tình cảm của bà hơn nữa. Maria luôn luôn mời Makarenkô uống trà, nhưng đều bị từ chối, sau bà hẹn Makarenkô đến nhà bà ăn kem vào 9 giờ

tối. Nhưng đến tối bỗng xảy ra chuyện Tsôbô đâm Mutxi Kacpôvich để bênh Natasa, bị hắn đánh đập. Các trại viên can thiệp, đưa Natasa về trại. Makarenkô quyết định nhận Natasa vào trại. Các trại viên hết sức hoan nghênh và Natasa được các nữ sinh thay y phục cho ngay. Bàn tán thêm đến khuya, rồi Kalina rủ Makarenkô ra chơi ngoài đồng cỏ, nói chuyện tâm linh. Bắt chợt được Karabanôp ở cửa sổ nhà Maria nhảy ra. Kalina kết luận bảo Makarenkô là "gà tồ". .

7. Những trại viên mới

Mutxi Kacpôvich trở lại giao thiệp như thường để dàn xếp chuyện trại Gorki và Xô-viết thôn cùng xin thuê nhà máy xay gió. Trại cần mua ngựa, song đi

nhiều phiên chợ đều không tìm được ngựa tốt. Nghe theo lời Kalina bàn, Makarenkô, Sêrê và Antôn Bratsenkô cùng bác đi tìm mua ở nhiều ấp trại lân cận nhưng cũng không có kết quả, vì các chủ trại đòi giá đắt quá. Trên đường về, Bratsenkô cáu kỉnh với con Hung, còn Kalina thì hằn học chửi rủa bọn chủ trại bóc lột những bần nông làm công cho chúng và chúng để cho khách đến nhà phải vác bụng đói ra về. Đến lượt Luka Xêmiônôvich đi riêng với Kalina, và Luka khuyên Makarenkô đừng đi theo họ, để cho bọn chủ trại khỏi sợ cái vẻ bônsêvich của ông. Quả nhiên, hai người đem về được một con ngựa cái rất tốt, đặt tên là con Zorka.

Antôn Bratsenkô mơ ước một con

ngựa giống, được Sêrê biểu đồng tình. Công việc gặt hái bận rộn. Nhịp sống hàng ngày ở trại: Ôlia ở ngoài đồng về xin thêm người cho đội bó lúa, lập tức đội đặc biệt trù bị được tập hợp. Trại mới được tiếp viện thêm 40 trẻ nhỏ. Miêu tả chúng khi chúng mới đến trại. Antôn chọn những đứa yêu ngựa và tập cho Pêchia Zađôrony cưỡi con Milan. Các trẻ mới đến tham gia công tác. Sự cố gắng và thiện chí của chúng.

Gặt xong lúa mì, Sêrê cho Xêmiôn đi lấy ngựa giống về. Buổi tối chủ nhật ấy, mọi người sung sướng đón con ngựa. Sự thán phục mừng rỡ của các trại viên. Miêu tả con ngựa. Sự xúc động của Antôn Bratsenkô. Con ngựa được đặt tên là con "Hảo-hán".

8. Đội chín và đội mười.

Trại thuê được nhà máy xay gió trong ba năm. Trại thịnh vượng lên trông thấy và mua nhiều bò, cừu. Làm chuồng bò mới: 5 con Ximmentan; con Xêda mới đẻ. Xêda và con ngựa Hảo hán đều có giấy chứng nhận huyết thống. Con lợn đực giống Anh Vatxili Ivanôvich. Chuồng lợn mới và đội mười của Xtupitxyn phụ trách nó. Nội quy vào xem chuồng lợn: "Phòng tiếp đãi", bộ phận nuôi lợn con và những con lợn giống xuất sắc: con Piôtr Vatxiliêvich, con của con Vatxili Ivanôvich và con lợn cái Matinđa. Bộ phận nuôi lợn béo: những con được qua tay Xilanti để làm thịt. Bộ phận lợn cho đẻ. Những lợi tức lớn chuồng lợn đem lại cho trại. Khối lương

thực khổng lồ cho súc vật do Sêrê trồng trọt.

Nhà máy xay gió. Quan hệ giao thiệp với các giới nông dân: nhóm tập thể bần nông, nhóm kulắc, nhóm trung nông. Giao thiệp với nhóm sau này khó chịu nhất: họ say rượu, mất trật tự, đánh nhau, chửi bậy. Cách chữa "Thủy trị pháp" của Ôtxatsi và Lapô đối với những nông dân say nói tục nhất. Danh tiếng của "phòng bác sĩ" lan khắp vùng.

Bầu lại Xô-viết thôn: Pavlô Pavlôvich Nikôluienkô làm chủ tịch. Đơnit Kutlaty vào Ủy ban, làm đại biểu cho các trại viên.

9. Đội đặc biệt bốn

Đội đặc biệt bốn của Burun gồm 50

người đập lúa. Tinh thần lao động gương mẫu. Các giáo viên và tất cả công nhân viên của trại đều tham gia đội đó. Riêng có Maria Kônđratiepna không đứng vào hàng ngũ; Makarenkô khuyên bà nên vào, và Burun phân công cho bà giữ việc ghi số lúa đập được.

Một ngày làm việc của đội đặc biệt bốn: 4 giờ sáng chào cờ, rước cờ đi ra sân đập lúa. Các đống lúa của các loại lúa đã dựng sẵn. Máy hơi nước lưu động thuê ở làng bên, máy đập lúa của trại mới mua. Burun bố trí các đội viên. Nhạc khúc du dương của lao động. Các hình dáng người phủ bụi lúa. Tính vui vẻ pha trò của Lapô làm cho mọi người quên nhọc mệt. Hắn gọi Galatenkô, bảo đi lấy "tay thay đổi" ở phòng ngủ. Rồi

hắn phản đối việc làm thêm nửa giờ, để đòi làm mau xong hơn, chỉ trong 15 phút.

Độ 9 giờ rưỡi tối thì xong việc đập lúa, ai nấy mệt mỏi muốn ngủ dụi. Rước cờ về bạch cung. Ông già Vôlôvich ở thôn Vôlôvi sang xem máy đập, nhớ tới những đám rước ngày mùa có cha cố trước kia và tán thành việc tổ chức ngày hội mùa. Tắm xong, ai nấy vui vẻ ăn uống ở trong vườn, cảm xúc mới mẻ của Maria Kônđratiepna, sau khi trở lại lao động với mọi người.

Xilanti báo tin chủ nhật sau người ta đến "hỏi" Ôlia cho Paven, Makarenkô nhờ bác thu xếp mọi sự làm theo tục lệ để tiếp những người làm mối.

10. Lễ cưới.

Makarenkô và Kalina Ivanôvich tiếp các ông "mối": Kuzma Pêtrôvich Môgôzyl và Ôtxip Ivanôvich Xtômukha. Họa tượng hai người. Câu chuyện trao đổi theo tục lệ. Xilanti, Êkatêrina Grigôriepna và bọn trẻ chuẩn bị các nghi thức và lo thu xếp bữa ăn tiếp "mối".

Hỏi ý kiến hội đồng đội trưởng. Danh sách các đội trưởng và thành phần hội đồng. Thảo luận khá gay go về vấn đề không làm lễ cưới ở nhà thờ và vấn đề của hồi môn. Hội đồng quyết định sẽ cho Ôlia một món hồi môn to hơn hết cả những món hồi môn của các thiếu nữ trong vùng từ trước đến giờ. Sự cảm động của các ông mối. Tiệc rượu mừng sau đó. Xe ngựa tiễn các ông mối ra về.

Ngày cưới vào giữa tháng tám. Công

việc trang trí của nhóm nghệ thuật. Quang cảnh trại và cảm nghĩ về sự trưởng thành của trại, về hướng tương lại của đời các trại viên. Antôn Makarenkô và Maria Kônđratiepna đi xem triển lãm của hồi môn. Sự ghen tức của các bà mẹ nông thôn xem triển lãm.

Lễ cưới: tiệc mừng, tiếp khách. Đội mười một tiếp các ông già; Tôxka nói chuyện với Kôđia, và Sura với một nông dân già. Đội chín với nhóm khách ở nhà máy xay; Lapô và Taranet tịch thu các chai rượu vôtka, chòng ghẹo đùa bác thợ xay bột và bàn kế toán bằng cách pha rượu. Đội tám bảo vệ sán tới gần nhóm nói chuyện về công xã của Nextêrenkô.

Tốp phụ nữ nông thôn say rượu nhảy múa, bảo Ôlia phải đội mũ chóp. Ôlia cự

tuyệt việc đó.

Chuẩn bị diễn kịch "Hôn lễ" kết thúc ngày lễ cưới.

11. Sầu cảm

Sau ngày cưới ít lâu, các học viên trường trung học công nông dời trại tựu trường: Biêlukhin, Burun, Karabanôp, Zađôrôp, Krainik, Vecsơnep, Gôlôt, Naxchia Nôtsêvnaia, tám người gồm thành đội đặc biệt bảy, do Zađôrôp làm đội trưởng.

Nỗi buồn của các trẻ nhỏ và của tất cả mọi người, từ các giáo viên đến các trại viên, ở lại cũng như ra đi. Đau khổ chia ly.

Những ý nghĩ buồn riêng của

Makarenkô về công tác giáo dục gian khổ, gay go và bạc bẽo. Trao đổi ý kiến với Êkatêrina về vấn đề nòng cốt.

Tiệc tiễn hành. Lapô diễn hài kịch về cảnh các học viên tám năm sau đây. Vui gượng gạo.

Đội ngũ tiễn chân ra ga. Điệu hành khúc. Niềm kiêu hãnh của các trại viên. Ôlia Vôrônôva phi ngựa đuổi theo đi tiễn. Lời căn dặn của Lapô ở nhà ga.

Gut buồn uống rượu say, nói chuyện sầu cảm với Makarenkô. Ông tha phạt nó. Kutlaty phát giày cho mùa đông.

12. Mùa thu.

Sang mùa đông, xếp củ cải cho sức vật ăn vào hầm chứa: công việc đơn điệu

và mệt nhọc. Bọn trẻ nhại cách Sêrê căn dặn làm việc cẩn thận.

Công việc cày đất: các đội đặc biệt một và hai gom những trại viên cũ làm khỏe nhất. Thi đua tự phát giữa Kôrytô và Fêđôrenko, đội trưởng các đội đó. Một lần, Fêđôrenko bị điều sang đội của Kôrytô, khiến năng suất cao hẳn lên. Bị Lapô nói khích, Makarenkô yêu cầu hội đồng đội trưởng lại cho Kôrytô sung vào đội mình và chỉ huy hắn ráo riết; quả nhiên năng suất đạt được cao vọt lên hơn hết các lần trước, và Fêđôrenko vẫn dẫn đầu phong trào.

Cuộc sống lao động của trại trở lại bình thường, không buồn rầu vì chuyện nhóm học viên đi nữa. Thư của Zađôrôp gửi về báo cáo hàng tuần công việc học

hành và sinh hoạt của họ, yêu cầu chấp nhận Ôxana và Rasen vào đội đặc biệt bảy, mách chuyện Karabanôp với một cô gái ở Tsecnigôp.

Phong trào học để vươn tới trường trung học công nông lên cao. Marutxia Leptsenkô tiến bộ và đẹp hẳn lên, Natasa rất ham học và cũng tiến bộ rất mau. Tình cảm của cô đối với Tsôbô vẫn khăng khít như cũ, nhưng cô được nhiều người yêu mến hơn. Tsôbô buồn, xin về quê thăm anh ruột vào cuối tháng chạp.

Phong cách mới của trại. Thư trao đổi với Maxim Gorki. Lòng sùng bái có tính cách tôn giáo của các trại viên đối với ông đổi thành lòng yêu mến. Gut muốn đóng ủng biếu ông. Ý kiến của bác thợ giày ngoài tỉnh và của Kalina Ivanôvich

khiến hắn băn khoăn lo lắng. Nhưng Gorki trả lời ông không cần đến ủng.

Một việc lớn: Maria Kônđratiepna đưa bà Đjurinxkaia (Liubôp Xavêliepna) đến thăm trại, kiểm tra về vấn đề kỷ luật. Makarenkô tránh tranh luận về vấn đề đó. Bà ở lại trại bốn ngày, chứng kiến việc Kôxchia Vetkôpxki giở quẻ xin bỏ trại và ra đi với 20 rúp của trại cho. Bà sửng sốt vì sức mạnh của tập thể trong các phiên họp hội đồng đội trưởng. Makarenkô tiễn bà ra ga; lúc ra đi, phạt giam Antôn Braisenkô vì lỗi để xe đi tuyết bẩn. Đến ga, Đjurinxkaia mới nói tới chuyện ấy và tỏ ý thán phục cái tinh thần kỷ luật của các trại viên!

13. Những nét nhăn nhó của ái tình và nàng thơ:

Đầu năm 1925, Ôpriskô định lấy Marutxia con gái lão kulắc Lukasenkô, xin hội đồng đội trưởng cũng cho vốn riêng như Ôlia để đến ở nhà bố vợ, nhưng hội đồng không chấp thuận. Hắn buồn, uống rượu say làm náo loạn phòng ngủ. Hội đồng đội trưởng họp để xét xử hắn. Hắn phân trần, làm mặt phục tòng, nhưng bị các trại viên giễu cợt và sau cùng Snaiđe lên tiếng, đòi đuổi hắn ra khỏi trại. Quá trình Snaiđe được bầu lên thay Karabanôp làm đội trưởng đội tám. Toàn thể hội đồng tán thành đề nghị của Snaiđe.

Chỉ riêng có Gêorghieepxki không tán thành, nhưng với tư cách đội trưởng trực nhật, hắn vẫn nghiêm chỉnh chấp hành lệnh của hội đồng.

Ôpriskô đến ở nhà Lukasenkô. Các trại viên kháo là Marutxia đã cầm đầu tất cả chuyện này.

Mùa xuân trở lại. Cuộc sống bình thường của trại vẫn tiếp diễn.

14. Cấm kêu ca

Học viên trường trung học công nông về nghỉ học kỳ mùa xuân. Buổi tối nói chuyện về các việc đã xảy ra ở trại, họ bàn về tương lai của trại nên hướng về công nghiệp và nên dời trại đi nơi khác. Họ sung sướng làm các công việc đồng áng và ăn tết Một tháng Năm ở trại.

Trại vẫn phấn khởi hướng đi lên, khi bước sang năm 1925.

Duy chỉ có vấn đề Tsôbô còn eo óc.

Hắn ở nhà anh ruột trở về trại vào tháng ba, ngỏ ý muốn lấy Natasa, nhờ Makarenkô nói hộ và dọa tự tử nếu Natasa không về ở quê nhà hắn. Makarenkô nói chuyện với hắn cả một đêm, không kết quả. Hôm sau, ông ướm hỏi ý Natasa. Cô muốn được học: ông không lỡ bảo cô đi theo Tsôbô.

Tsôbô thất vọng. Makarenkô theo dõi hắn cẩn thận. Hôm trước ngày 1-5, trời chốc chốc lại mưa. Chuẩn bị ngày hội. Đội trống, việc huấn luyện họ và tài đánh trống của họ. Buổi tối, trong buổi họp kiểm điểm, mọi người quyết định rằng ngày mai dù trời mưa, trại cũng sẽ cứ đi ra tỉnh mít-tinh, nhưng giao hẹn ai nấy: "Cấm kêu ca!". Hôm sau, lúc đi bị mưa to, và ra đến tỉnh mới biết cuộc mit-tinh

đã bãi bỏ.

Trên đường về trại, trời càng mưa hơn, nhưng ngoài trại viên vẫn giữ hàng ngũ và hát vui vẻ. Tsôbô không hát và vẫn có vẻ ngẩn ngơ. Về đến trại, bọn trẻ tung Makarenkô lên hoan hô và buổi tối, ở câu lạc bộ, họ trưng thêm một khẩu hiệu. *Cấm kêu ca!*

15. Những người khó chịu

Tsôbô treo cổ chết trong đêm 3-5. Phản ứng của các trại viên: Lapô, Fêđôrenkô, Kôvan, Marutxia đều chê trách hắn. Marutxia nhận đỡ đầu cho Natasa cùng với Makarenkô, Maria Kônđratiepna và ông dự thẩm đến. Ông chỉ làm biên bản rồi đi. Maria buồn bã, trách bọn trẻ vẫn cười đùa.

Tiễn chân các học viên ra ga về trường họ. Trong khi đi đường, cùng họ nói chuyện về phương hướng mới của trại cần di chuyển đi nơi khác, Makarenkô suy nghĩ và chợt tìm ra chân lý: phải có sự thay đổi, không được giậm chân tại chỗ. Khi về đến trại có một ban kiểm tra đã đến: Liubôp Xavêliepna, Brêgen, Tsaikin.

Makarenkô trình bầy công tác của trại qua năm năm thí nghiệm. Tsaikin vặn hỏi nhiều điểm, Makarenkô không trả lời. Ý kiến trao đổi sau đó với bà Brêgen. Makarenkô nói riêng với bà Liubôp, ngỏ ý xin một nơi khác rộng rãi hơn cho trại, được bà đồng ý nguyên tắc.

Thái độ ôn hòa của Brêgen san khi kiểm tra.

16. Xứ sở của những người Zapôrôgơ.

Mùa hè trở lại. Các học viên trở về nghỉ, đem theo về: Ôxana, Rasen và cả cô gái ở Tsecnigôp, tên là Galia Pôtgornaia, mà Karabanôp giới thiệu là anh em, Lapô vui vẻ chất vấn cô rồi cả trại nhận cô làm trại viên. Thủ lục kết nạp bắt trước phong tục Zapôrôgơ, vì các trại viên đều mơ ước tới khu Zapôrôjiê, sau khi trại tiếp được tin dự đoán của bà Đjurinxkaia. Trong khi chờ đợi, họ đọc "Taratxơ Bunba" và chơi đùa bắt chước lối sinh hoạt Zapôrôgơ.

Hết hè, học sinh lên trường, đem đi theo năm đội trưởng nữa: Antôn Braisenkô, Ôtxatsi, Gêorghieepxki, Snaiđe và Marutxia Leptsenkô. Các trại

viên nhỏ trước kia lên chức thay họ chỉ huy các đội, và cuộc sống cần lao ở trại vẫn tiếp tục như cũ.

Sang thu mới được tin đề nghị đi thăm điền trang Pôpôp ở khu Zapôrôjiê. Makarenkô với Michia Jêvêli đi thăm. Tưởng tượng cuộc tiếp đón và sự thực: ông chủ tịch khu đất có thiện cảm với Jêvêli. Cuộc đi thăm các lâu đài, dự tính các công việc tu sửa và khả năng tiếp thu được đến 800 trại viên. Một ông già hay nói chuyện chỉ cho gặp công xã nông dân. Tranh cãi khá lâu, sau cùng thỏa thuận việc chia đất với trại để lên xin Ủy ban Nông nghiệp phê chuẩn. Khi về trại báo tin, Makarenkô và Jêvêli được hoan nghênh nhiệt liệt.

Mơ mộng của các trại viên. Ý nghĩ

của tác giả về những ước mơ chính đáng và sự cần thiết, trong công tác giáo dục, phải đặt trước mắt đứa trẻ một tương lai tốt đẹp. Bàn soạn việc đi: Kalina và vợ chồng Ôtxipôp ở lại, còn tất cả mọi người đều vui lòng đi theo trại.

Ước mơ ấy được Ủy ban Giáo dục, Brêgen và cả dến Ủy ban Nông nghiệp cũng đều ủng hộ, nhưng gặp trở ngại ở Ủy ban Tài chính. Dự kiến bị bác bỏ. Vỡ mộng. Makarenkô buồn rầu trở về trại. Nhớ lại tuần lễ trước các trẻ còn ra đón, báo tin con Zorka đẻ ra một ngựa con, và chúng đặt tên con ngựa đó là Zapôrôgơ.

17. Phải tính như thế nào

Những cuộc đi thăm dò vô hiệu quả để tìm nơi khác, trong số đó có trại nhi đồng

Kuriajê ở gần Khackôp, gồm 400 trẻ nuôi hư hỏng. Các trại viên gạt bỏ ngay không bàn tới cái trại sắp tan rã ấy. Nhưng Makarenkô được dự một buổi họp nghe ông thanh tra giáo dục Iuriep báo cáo về nó: cảm tưởng nặng nề. Câu chuyện trao đổi với Iuriep, Makarenkô nhận lời cùng Iuriep và Khalabuđa, chủ tịch Ủy ban Bảo vệ Nhi đồng, đi thăm trại Kuriajê.

Họa tượng Khalabuđa. Tả cảnh trại Kuriajê. Cuộc đi thăm quan do ông giám đốc trại hướng dẫn: chỗ nào cũng tan hoang, bẩn thỉu, vô tổ chức. Hỏi chuyện một em bé về đời sống ở trại. Tiếp tục đi thăm: các xưởng, cánh đồng, Khalabuđa nói về lúa hắc mạch.

Trên xe về Khackôp, Iuriep đề nghị

Makarenkô nhận lấy trại. Tiếp tục bàn chuyện ấy ở phòng giấy Đjurinxkaia. Makarenkô ra ga về. Ý kiến của Karabanôp và Zađôzôp đi theo tiễn chân.

Hội nghị toàn trại nghe Makarenkô báo cáo. Thái độ diễu cợt của các trại viên. Ý kiến phản đối củ Kutlaty và Ivan Ivanôvich khiến các trại viên phân vân. Kalina Ivanôvich phát biểu ý kiến, kêu gọi các trại viên nên nhận lấy nhiệm vụ giáo dục vinh quang. Sự hoan nghênh nhiệt liệt của các trại viên. Quyết nghị. Điện tín gửi đi Khackốp nhận trại Kuriajê.

18. Hỏa lực thăm dò.

Điện trả lời của Khackốp. Những trở lực mới: những điều kiện không thể nhận

được của Brêgen: thái độ tiếc tiền của Khalabuđa; sự phản đối dữ dội của Klame, đại biểu công đoàn. Tin phao đồn do các giáo viên Kuriajê tung ra rằng các trại viên Kuriajê sẽ đánh các trại viên Gorki. Sự ác cảm chân thật của nữ đồng chí Zôla.

Vấn đề được đưa lên cấp bậc cao của Đảng quyết định. Cuộc nói chuyện với đồng chí cấp trên: Makarenkô thắng lợi.

Các trại viên Gorki chuẩn bị tinh thần đi Kuriajê. Mỗi lần Makarenkô ở tỉnh về, ông đều được các trại viên đón tiếp với tất cả lòng sốt ruột mong chờ.

Trong một buổi họp toàn trại đầu tháng 5, Makarenkô báo cáo về tờ hợp đồng và công lệnh của Ủy ban Giáo dục quyết

định việc di chuyển trại Gorki đến Kuriajê. Sự trầm lặng của các trại viên khi nghe báo cáo đó. Lapô nhắc lại khẩu hiệu: "Cấm kêu ca!". Kalina Ivanôvich khuyến khích các trại viên tiến lên làm nhiệm vụ.

Mời các bạn ghé thăm Đào Tiểu Vũ eBook - www.dtv-ebook.com để tải thêm nhiều eBook hơn nữa.



Growing Readers

---

[1]

Pháp văn: Onđines, những nữ thần ở dưới nước, theo thần thoại nước Đức và các nước Xcanđinavi.

[2]

Ý nói ngựa chủ trại được nuôi béo tốt, ngựa nhà

quyền quý không được ăn no.

[3]

Triều đại Nga, bắt đầu từ Sa hoàng Misen Fêđôrôvich (1613 - 1645) và trị vì cho tới cuộc cách mạng 1917 và cuộc thoái vị của Nicôla II.

[4]

Nguyên văn: sinh ra đội mũ trên đầu. Phong tục Nga tin rằng con đẻ hoang được gặp vận may.

[5]

Ác quỷ trong kịch Faoxtơ của Gơtơ, ký hợp đồng mua linh hồn của bác sĩ Faoxtơ. Ở đây, ý nói nụ cười tinh quái.

[6]

Ác quỷ trong kịch Faoxtơ của Gơtơ, ký hợp đồng mua linh hồn của bác sĩ Faoxtơ. Ở đây ý nói nụ cười tinh quái.

[7]

"Như người ta nói", "có thế thôi", "chuyện trò thế đấy", và dưới đây: "thì đó", "anh xem" . . là những khẩu ngữ mà Xilanti hay nói.

[8][8]

Trường trung học công nông. Các trường "trung học công nông" đã được mở ở bên các viện và các trường đại học từ những năm đầu của chế độ xô-viết cho đến năm 1937; các trường đó dạy theo những trường trung cấp, để chuẩn bị cho các thanh niên công nông thi vào các trường cao đẳng. (*Chú thích của bản dịch tiếng Pháp*).

[9]

Pháp văn: như cái chĩnh.

[10]

Quả ninh dừ với nước đường.

[11]

Pháp văn: các người bảo hộ văn nghệ.

[12]

Nói tắt chữ "khán giả" theo sự phân công kể rõ dưới đây, về phần các đội đặc biệt phục vụ sân khấu.

[13]

Tiếng Nga "phụ tùng"(реквизит) và "trưng tập"(sung công) (реквизироваться) cùng có một tự căn (gốc từ) giống nhau.

[14]

Pháp văn: bộ mặt Mêphitôphêlet.

[15]

Kịch của A.Tônxtôi (1883-1945)

[16]

Azef (1869-1918) là gián điệp của chính phủ Sa Hoàng, một trong những người cầm đầu đảng Cách mạng xã hội, lãnh đạo "tổ chức chiến đấu" của đảng đó. (chú thích của H.L.N)

[17]

Plelive (1846-1904), một nhà chính trị phản động của nước Nga, làm tổng trưởng nội vụ và tư lệnh hiến binh từ 1902 đến 1904. Tham gia trấn áp tàn khốc phong trào cách mạng. Năm 1904, bị người của đảng Cách mạng xã hội là Xazônôp ám sát (chú thích của H.L.N)

[18]

Kịch của Gôgôn (1809-1852)

[19]

Kịch của Maxim Gorki.

[20]

Tức Sa Hoàng Nicôlai đệ nhị, bị truất ngôi năm 1917.

[21]

Thần ái tình, trong thần thoại La-mã, được biểu hiện bằng hình tượng một nhi đồng có cánh, cầm cung tên để bắn vào các trái tim.

[22]

Danh từ triết học chỉ sự biến đổi một số những năng tính hoặc tình cảm thấp kém thành những năng tính hoặc tình cảm cao thượng

[23]

Một địa phương miền nước Tây-ban-nha

[24]

Điôgien là một triết gia Hy-lạp nổi tiếng (413-323 trước công nguyên) coi khinh của cải vật chất và mọi ước lệ xã hội. Trong ngôn ngữ, tên ông dùng để chỉ một người tính nết chua cay, sống đạm bạc và khinh thường mọi lễ tiết. Ở đây, Maria Kônđratiepna gọi đùa, châm biếm Antôn Xêmiônôvich.

[25]

Xe ngựa không mui, bốn bánh.

[26]

Tiểu thuyết của Gôgôn.

[27]

Nếu là chỉ con Xêda, giống Ximmentan, thì có lẽ tác giả viết lầm Thụy-sĩ là Bỉ (Xem chú thích trang 317, tập 1).

[28]

Hercule: một vị bán thần trong thần thoại la-tinh (đồng hóa với Heraclet trong thần thoại Hy-lạp), có sức khỏe vô địch.

[29]

Công thức hóa học của nước.

[30]

Pháp văn: fauns, thần mục đồng trong thần thoại La-mã, đồng hóa lầm với thần Păng (Pan) trong thần thoại Hy-lạp, bảo hộ cho các mục súc chống chó sói. Ở đầu chương 2, phần thứ nhất, tác giả đã tả Kalina Ivanôvich giống thần Păng do họa sĩ Vruben vẽ.

[31]

Theo phong tục Ukren, khăn tay thêu hoa dùng để quàng lên người làm mối, nếu việc hôn nhân thành. Còn bánh mì với muối là tục thường, tỏ ý long trọng hoan nghênh khách.

[32]

Chỉ các cha cố mặc quần áo đen.

[33]

Phong tục Nga cũ, cho rằng ra khỏi cửa gặp một cha cố thì làm việc gì cũng hỏng.

[34]

Các cha cố thời trước để râu tóc dài. (Chứ thích của H.L.N)

[35]

Sandwich (Tiếng Anh) là món ăn làm bằng hai miếng bánh mì mỏng phết bơ, kẹp một thăn jambông hay gan béo v.v...

[36]

Theo phong tục nước Nga cũ, phụ nữ khi lấy chồng đội mũ chóp, để phân biệt với con gái chưa chồng. (Chú thích của H.L.N)

[37]

Xem hồi 15, phần thứ nhất, nói về cái xác đứa hài nhi, con của Raitxa.

[38]

Ý nói các chú sụt sịt như người bị cảm, vì cố nén nhịn khóc

[39]

Một con chim trong truyện đồng thoại, lông

rực rỡ màu sắc rất đẹp, óng ánh hào quang. Nó ăn quả táo bằng vàng, táo đó ăn vào khiến người ta được sung sướng và trẻ đẹp vĩnh viễn. Theo như trong truyện, bắt được con chim ấy là một việc hết sức khó khăn. *(Chú thích của H.LN.)*.

[40]

Ý nói hoàn cảnh những người bị xã hội cũ vùi dập, coi như không phải là những con người, không có quyền sống trên đời.

[41]

Xem chú thích 4, trang 293, tập 1.

[42]

T.H.Đ: Thư ký Hội đồng đội trưởng.

[43]

Lộng ngữ trong Pháp văn: *betterave* (bêt-tơ-ra-vơ: củ cải) đọc gần giống "*bête come rave*" (bêt-tơ com-mơ ra-vơ: bệt như củ cải).

[44]

Có lẽ tác giả quên rằng bức thư đầu tiên này đã được đề địa chỉ: "Maxim Gorki, Italia" như ông đã

cho ta biết ở Phần thứ nhất (Xem tập I chương 10, trang 134).

[45] Pháp văn: têle de linotte, chỉ người nhẹ dạ, thiếu suy nghĩ.

[46] Ná: một thứ binh khí cổ làm bằng một miếng da và hai sợi dây để ném đá hay đạn, giống như súng cao su trẻ con.

[47] Đây chỉ là những chữ áp vận thuận miệng nói ra của những tay trống, dùng trong khi học đánh trống đề đánh nhịp cho đúng, tuyệt không có ý nghĩa gì hết (*Chủ thích của H.L.N*).

[48]

Truyện ngắn Một vở kịch của Tsêkhôp. Trong truyện nữ nhân vật chính cứ thao thao bất tuyệt lớn tiếng đọc vở kịch cùng nhân vật nam không chịu nổi, lấy cái bàn thấm đánh cô ta chết.

[49]

Pater Noster: Kinh cầu nguyện ngày chủ nhật của đạo Cơ đốc, mở đầu bằng câu la-tinh: "Lạy Cha

chúng tôi ở trên trời".

[50]

Cũng là một bài kinh, mà mà mỗi câu đều bắt đầu bằng "Tôi tin kính …"

[51]

Chỉ một phân đội độc lập của quân côdắc Zapôrôgơ.

[52]

Nên hiểu là đội năm, đội nữ sinh của trại.

[53]

Các trại viên chơi bắt chước những người côdắc Zapôrôgơ. Ở hội nghị "Xietsơ" của những người Zapôrôgơ, mỗi năm các đại biểu của các đơn vị quân sự bầu vị ataman chỉ huy quân đội Zapôrôgơ. Cuộc bầu đó tiến hành theo các nghi thức cổ truyền, và người ta đổ cát lên đầu vị ataman mới. (Chú thích của bản dịch Pháp).

[54]

Tiểu thuyết lịch sử của N. Gôgôn, về đời sống và những chiến công của những người côdắc Zapôrôgơ

ở thế kỷ XVII (Chú thích của bản dịch Pháp)/

[55]

Aune: đơn vị cũ đo chiều dài, bằng 1.188m.

[56]

Chùy chiến: khí giới có cán ngắn để cầm, đầu hình tròn bằng kim khí, thường có những gai nhọn sắc.

[57]

Cờ tiết: cờ Thổ-nhĩ-kỳ làm bằng một bộ lông đuôi ngựa cắm ở đầu một ngọn giáo có quả tròn bằng vàng, được cầm trước mặt các vị thống đốc hay tướng lĩnh, để biểu thị chức vị của họ

[58]

Michia không hiểu danh từ "thẩm quyền" (competence) nên nhắc lại không được, ngờ ngợ là competition (sự cạnh tranh) mà chúng tôi dịch tạm là "giành quyền" để giữ vẻ na ná giống nhau giữa hai từ.

[59]

Mauresque: Thuộc về người Moro, người xứ Moritani.

[60]

Milô là một hòn đảo Hy-lạp, nơi đã tìm thấy pho tượng nổi tiếng Vệ-nữ đảo Milô, năm 1820. Pho tượng này cụt hai tay, hiện ở viện bảo táng Luvrơ (Pháp) Vệ-nữ (Vénus) là nữ thần sắc đẹp và ái tình trong thần thoại La-mã.

[61]

Một câu trong Bài ca chim ưng của Gorki.

[62]

Nhân vật của tác phẩm nổi tiếng trong văn học thế giới, *Don Quichotte de la Manche* của Xecvantes, nhà văn I-pha-nho (1547-1616). Đôn Quisôtơ tượng trưng cho người anh hùng hào hiệp mơ mộng và điên cuồng.

[63]

Pháp văn une thune, tiếng lóng, chỉ đồng năm quan cũ bằng bạc.

[64]

Grigôri Ivanôvich Pêtrôpxki, vị chủ tịch thứ nhất của Ủy ban chấp hành trung ương Ukren (*Chú*

thích của bản dịch Pháp).